NGUYỄN ĐỨC HÙNG

(TƯ CHU)

Biệt động SÀI GÒN

GÒN
Diễn biến từng phát vụ nổ
VIỆT CÔNG THỤT 36 QUẢ BKP
ĐỊA - ĐIỂM
thương và một số
7 VC bị hạ
tiền sát

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

★1967: Đội 5 Biệt động Sài Gòn - Gia Định được tuyên dương đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân với 16 chữ vàng:

ĐOÀN KẾT MỘT LÒNG
MƯU TRÍ VÔ SONG
DŨNG CẢM TUYỆT VỜI
TRUNG KIÊN BẤT KHUẤT

★1976: Lực lượng Biệt động Sài Gòn - Gia Định được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

BIỆT ĐỘNG SÀI GÒN

NGUYỄN ĐỨC HÙNG
(TƯ CHU)

BIỆT ĐỘNG SÀI GÒN

(Tái bản có sửa chữa và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Với sự cộng tác của:

- HOÀNG MINH PHƯƠNG, Đại tá, nguyên Trưởng khoa Lý luận chung Viện Khoa học quân sự Bộ Quốc phòng, Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Quân đoàn 4.
- NGUYỄN ĐỨC ÂN, Phó tiến sĩ, Giảng viên Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

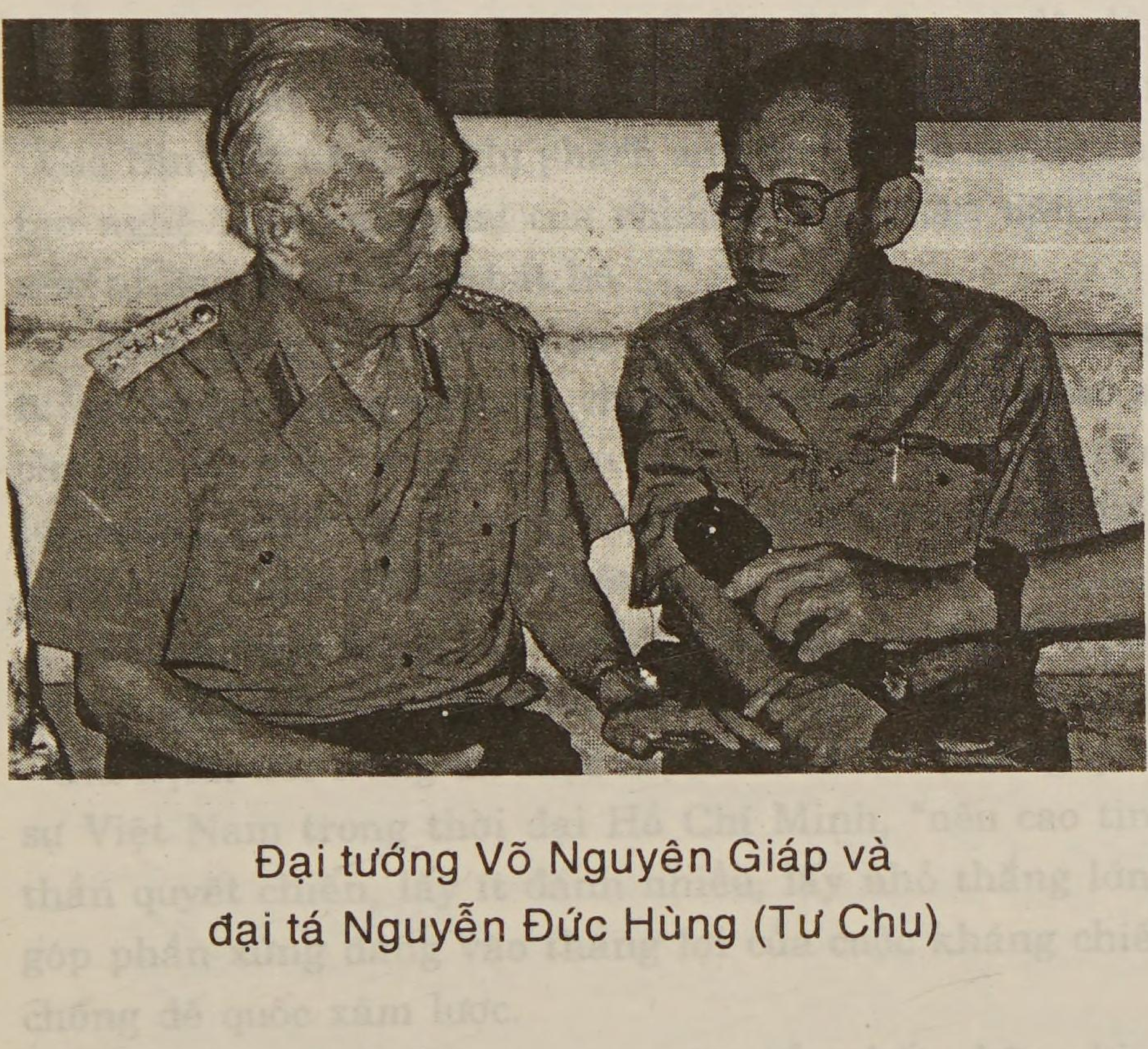

Đại tướng Võ Nguyên Giáp và
đại tá Nguyễn Đức Hùng (Tư Chu)

Digitized by the Internet Archive
in 2025

https://archive.org/details/bwb_S0-DQQ-932

Ý kiến của đại tướng Võ Nguyên Giáp

Trong cuộc kháng chiến oanh liệt 30 năm vì độc lập và thống nhất của Tổ quốc, các đơn vị biệt động Sài Gòn - Gia Định đã nêu cao khí phách anh hùng, vận dụng sáng tạo nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân, lập nên những chiến công bất hủ.

Hoạt động chiến đấu giữa sào huyệt địch với bao nguy hiểm, khó khăn, cán bộ và chiến sĩ biệt động dựa vào sự che chở và giúp đỡ của nhân dân, đã mưu trí dũng cảm lập những chiến công vang dội, đặc biệt là trong cuộc tiến công chiến lược Tết Mậu Thân.

Là một lực lượng đặc biệt tinh nhuệ của quân đội ta, bộ đội đặc công biệt động nói chung và biệt động Sài Gòn - Gia Định nói riêng đã thực hiện xuất sắc tư tưởng quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, “nêu cao tinh thần quyết chiến, lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ thắng lớn”, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc xâm lược.

Chúng ta hết sức coi trọng việc tổng kết những kinh nghiệm chiến đấu quí báu, phong phú của bộ đội đặc công và biệt động để phát triển và vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta nồng nhiệt hoan nghênh đồng chí Tư Chu, mặc dù mắc bệnh hiểm nghèo, đã vượt qua bệnh tật, hoàn thành bằng được tập sách này.

Từ đáy lòng, chúng ta đời đời tưởng nhớ và biết ơn các liệt sĩ biệt động đã hy sinh vì nước.

Tôi thân ái gửi lời thăm hỏi ân cần đến các cựu chiến binh, các thương binh bệnh binh, đến gia đình các liệt sĩ biệt động; lời biết ơn chân thành đến các gia đình đồng bào cơ sở đã thương yêu đùm bọc, hết lòng giúp đỡ các đơn vị biệt động Sài Gòn - Gia Định hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vẻ vang của mình.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 1997

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

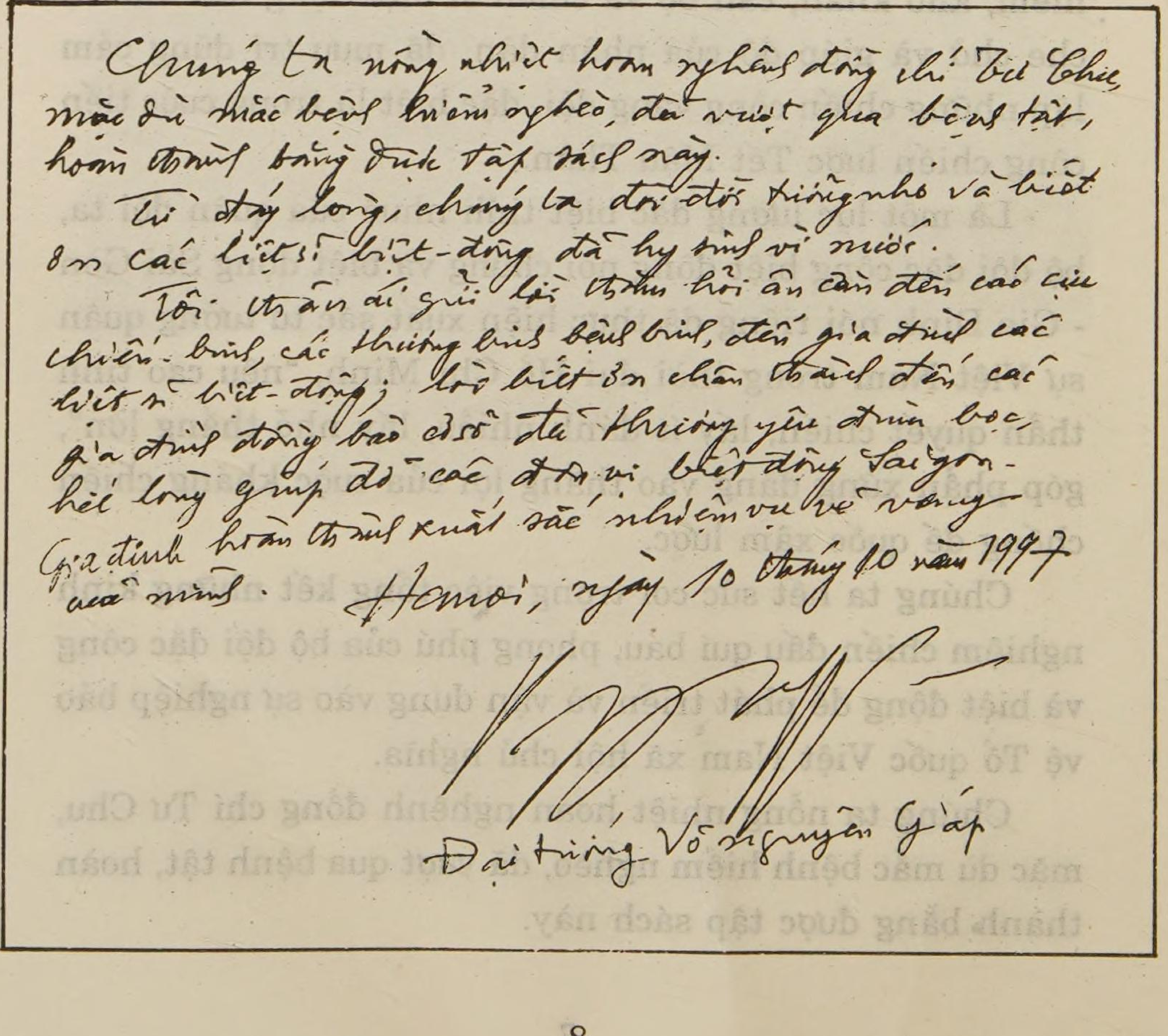

Chúng ta nồng nhiệt hoan nghênh đồng chí Tư Chu, mặc dù mắc bệnh hiểm nghèo, đã vượt qua bệnh tật, hoàn thành bằng được tập sách này.

Từ đáy lòng, chúng ta đời đời tưởng nhớ và biết ơn các liệt sĩ biệt-động đã hy sinh vì nước.

Tôi thân ái gửi lời thăm hỏi ân cần đến các cựu chiến binh, các thương binh bệnh binh, đến gia đình các liệt sĩ biệt-động; lời biết ơn chân thành đến các gia đình đồng bào cơ sở đã thương yêu đùm bọc, hết lòng giúp đỡ các đơn vị biệt động Saigon-Gia định hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vẻ vang của mình.

Hanoi, ngày 10 tháng 10 năm 1997

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

"Lịch sử đất nước và thành phố mãi mãi ghi công các chiến sĩ Biệt động, với súng AK, B.40 và bộc phá đã đánh vào sứ quán Mỹ, dinh Độc Lập, Bộ Tổng tham mưu và hàng chục vị trí then chốt của Mỹ ngụy.

Để gây sự chấn động này nhiều đồng chí thân yêu của chúng ta không còn nữa. Tiếng nổ rền của bộc phá thực sự là âm vang lời thề hùng hồn của các đồng chí với núi sông và các thế hệ mai sau:

Không có gì quý hơn độc lập tự do!"

(Trích lời phát biểu của đồng chí Võ Trần Chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh tại lễ kỷ niệm lần thứ 20 cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968)

Lời giới thiệu

Tôi xúc động khi đọc bản thảo "Biệt động Sài Gòn" của anh Nguyễn Đức Hùng (Tư Chu), Đại tá, nguyên Phó Tư lệnh - tham mưu trưởng Quân khu Sài Gòn - Gia Định, kiêm Chỉ huy trưởng lực lượng biệt động Sài Gòn - Gia Định trong kháng chiến chống Mỹ. Anh Nguyễn Đức Hùng từng là Thành ủy viên. Với tôi, anh là một cộng sự gần gũi, cùng làm việc chung với nhau nhiều năm. Sự xúc động của tôi xuất phát từ một lý do sâu sắc: những con người mà anh Hùng nhắc đến, những chiến sĩ và chỉ huy làm nên chiến công chấn động, nay hầu hết đã lẩ người thiên cổ - số không nhỏ hy sinh ngay khi lập chiến công. Lịch sử dân tộc nói chung, lịch sử thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh - mà chúng ta đang chuẩn bị kỷ niệm 300 năm ngày thành lập, lịch sử quân đội cách mạng Việt Nam nói riêng đã dành cho đội ngũ biệt động chỗ đứng trân trọng bởi lẽ nếu Việt Nam chiến thắng thù trong giặc ngoài bằng cách riêng của mình thì biệt động chính là "cách riêng của cách riêng" ấy.

Hơn nữa, anh Nguyễn Đức Hùng viết tập ghi chép đầy ắp tâm tình này khi anh đang vật lộn với căn bệnh nghiệt ngã, ngày từ giã cõi đời đã chắc chắn chỉ còn chờ lúc nào nó đến mà thôi. Về phương diện này, một lần nữa, khí phách anh hùng của một chiến sĩ biệt động anh hùng vốn quán xuyến ở anh đã chủ đạo anh.

Tôi nhớ ngay hôm sau đêm nổ súng đợt tấn công Mậu Thân 1968, anh Nguyễn Đức Hùng đến Sở chỉ huy tiền phương đặt ở phường Bến Đá (quận 8) báo cáo với anh Võ Văn Kiệt và tôi. Tôi hỏi tình hình anh chị em các đội đánh vào các cứ điểm chiến lược, anh Nguyễn Đức Hùng nói trong nước mắt: "Tôi có cảm giác họ đã hy sinh tất cả!" Lòng chúng tôi quặn thắt và tất nhiên, nỗi đau của anh Hùng còn nặng hơn chúng tôi bởi anh trực tiếp chỉ huy họ. Biệt động là đơn vị tinh nhuệ, biên chế chủ yếu sĩ quan, được rèn luyện thử thách lâu dài, biệt động nội thành phải là cán bộ dân vận giỏi, tạo được nơi chỗ bảo bọc an toàn, nơi cất giấu vũ khí, đầu mối liên lạc, trinh sát... tóm lại, đó là vốn quý của cách mạng. Biết bao con người ưu tú ngã xuống, dù vì nhiệm vụ, người chỉ huy đau lòng là dĩ nhiên. Ghi chép của anh về một quá trình suốt hai cuộc kháng chiến song đọng lại nhiều nhất vẫn trong đợt tấn công Mậu Thân - chắc chắn ghi chép không thể đầy đủ song tấm lòng của anh đã nói tất cả.

Trong dịp kỷ niệm 30 năm Mậu Thân, Nhà xuất bản Trẻ phát hành tập ghi chép này, một đoạn anh hùng ca rực rỡ của thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh. Khoa học lịch sử sẽ tiếp tục đánh giá mặt này mặt khác của chiến dịch Mậu Thân song về con người chiến đấu trong chiến dịch, chỉ có một đánh giá chân lý: xứng đáng với Tổ quốc.

Tôi rất vinh dự và tự hào được viết lời giới thiệu tập "Biệt động Sài Gòn" của người bạn cùng chiến hào Nguyễn Đức Hùng.

11.1997
Trần Bạch Đằng
Nguyên Phó bí thư Đảng ủy
Tiền phương Nam trong Mậu Thân 1968
Nguyên Bí thư Thành ủy

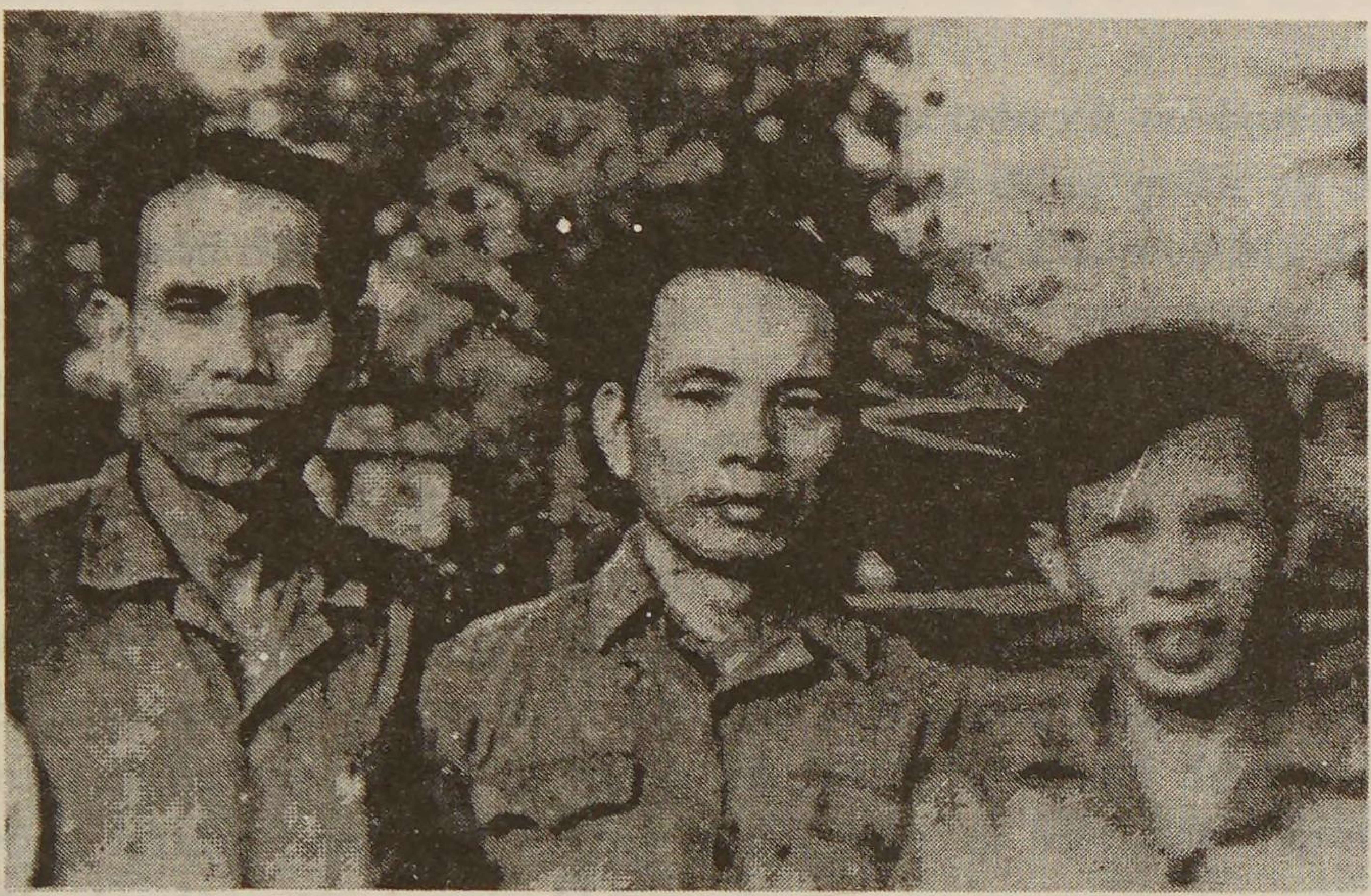

Bộ chỉ huy Phân khu 6 nội thành

Sài Gòn - Gia Định các năm 1968 - 1972

Từ trái sang phải:

- Đồng chí Võ Văn Thạnh (Ba Thắng), Chính ủy
- Đồng chí Trần Hải Phụng (Hai Phụng), Tư lệnh
- Đồng chí Nguyễn Đức Hùng (Tư Chu), Phó tư lệnh kiêm chỉ huy các lực lượng Biệt động.

Vài lời tâm sự

Mấy năm gần đây, có đồng chí cấp trên cũ và bạn bè nhiều lần gợi ý tôi nên ghi lại các hoạt động quân sự ở thành phố Sài Gòn - Gia Định thời kỳ chống Pháp và Mỹ để giúp lớp trẻ sau này hiểu sâu về thành phố qua hai cuộc chiến tranh giải phóng trong đó có những chiến công vang dội của Biệt động Sài Gòn, ngay giữa sào huyệt của địch.

Mong muốn của bạn bè cũng là mong muốn của bản thân tôi lâu nay. Tôi có cái may mắn là được gắn bó với công tác biệt động Sài Gòn - Gia Định ngay từ những ngày đầu. Bản thân được chứng kiến biết bao tấm gương cống hiến hy sinh của đồng chí, đồng bào cơ sở. Nhiều người đã được ghi công nhưng cũng còn những người chưa ai biết đến. Nghĩ đến họ, lòng tôi áy náy không yên.

Nhưng viết thì viết sao đây? Những tấm gương hy sinh dũng cảm mà tôi đã chứng kiến suốt mấy chục năm qua thì nhiều vô kể; những hành động, việc làm, sự chiến đấu hy sinh thật giản dị nhưng cũng thật to lớn biết bao. Thể hiện được tất cả cái đó không phải là chuyện dễ. Chính vì vậy mà tôi cứ lần lữa mãi.

Nay tôi đã gần 70 tuổi và căn bệnh hiểm nghèo mà tôi đang mang (ung thư vòm hầu) đã thu hẹp sự hoạt động của tôi, nhắc tôi về quỹ thời gian còn lại không nhiều. Vậy thì có lẽ hay nhất là tôi nên tận dụng số thời gian này - tuy ít ỏi - sao cho có ích. Vì thế, tôi đã cố gắng ghi chép tập tài liệu này.

Tôi chọn cách viết phù hợp với thời gian, trình độ viết và tình hình sức khỏe hiện nay. Đó là ghi lại các hoạt động *và các sự kiện chiến đấu mà mình có tham dự. Đã là ghi chép lại, theo kiểu sử liệu thì chẳng đòi hỏi gì, câu nệ gì về cách viết (như bố cục, chọn hình tượng, chọn từ ngữ văn học v.v...) mà có gì nói nấy, sự việc đến đâu thì nói đến đó, không thêm bớt (nếu có bớt thì chỉ vì quên). Nó "trần trụi" nhưng chủ yếu là trung thực, thiết thực, cụ thể sao cho người đọc có thể hình dung được.*

Sang năm là đúng 30 năm sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968. Đã 30 năm, gần một nửa đời người. Thành phố đã có nhiều đổi thay lớn lao. Nhưng mỗi lần có dịp đi trong lòng thành phố, tôi như vẫn thấy những gương mặt, những nụ cười, những dáng dấp của đồng đội còn lẩn khuất đâu đây trong mỗi gốc cây, mỗi hè đường, mỗi góc phố... Tất cả, tất cả... đều nhắc nhở về một thời kỳ hào hùng không bao giờ quên được.

Qua tập ghi chép này, tôi muốn gửi gắm tấm lòng của những người lính biệt động còn sống, trân trọng và thương tiếc nhắc đến những chiến công lẫy lừng và sự hy sinh cao đẹp của các đồng đội trên các nẻo đường của thành phố Sài Gòn - Gia Định trong hai thời kỳ kháng chiến, đặc biệt là các liệt sĩ Biệt động trong tết Mậu Thân. Lịch sử không bao giờ lãng quên họ.

Điều cuối cùng tôi cũng xin thứ lỗi, vì hoàn cảnh hoạt động bí mật lúc đó, không thể biết được hết tên tuổi, hoàn cảnh cụ thể của từng người, nên có thể có những anh hùng tôi chưa nhắc tới, hoặc có người tôi chỉ biết được bí danh mà không biết tên thật... Nếu có điều kiện xin gia đình, bạn bè của liệt sĩ bổ khuyết cho tôi.

Thân ái

Tư Chu

Chương I

NHỮNG BƯỚC KHỞI ĐẦU

Sau khi dự lớp Quân chính của Quân khu 7 ở Hội Đồng Sầm (Đồng Tháp Mười) vào cuối năm 1946, đơn vị Quân báo thành phố bố trí tôi vào hoạt động xây dựng cơ sở quân sự và tác chiến ở thành phố Sài Gòn. Lúc này Sài Gòn - Chợ Lớn, giặc Pháp mới bình định xong và đang củng cố bộ máy cai trị. Khi tôi vào Sài Gòn, kho đạn Thị Nghè vừa bị gây nổ, vùng xung quanh, cả đến khu Sở Thú, còn đầy các mảnh vụn, gạch ngói văng tung tóe. Tuy vậy, mọi hoạt động xã hội đang khôi phục, giặc Pháp ra sức xây dựng bộ máy chiến tranh nhằm đưa quân viễn chinh hành quân mở rộng lấn chiếm. Một bọn Việt gian dưới danh nghĩa

Mặt trận Bình dân Nam kỳ, trấn giữ và chế áp trực tiếp quần chúng từng khu vực, đặc biệt là người nói giọng Bắc hay Trung.

Mỗi buổi sáng chợ họp, mỗi tên cầm một thanh củi đòn, đón đường đồng bào vào chợ, nó hỏi Tân Sơn Nhứt hay Tân Sơn Nhất, nói giọng Bắc thành Tân Sơn Nhất thì thế nào cũng bị ăn đòn. Chúng khủng bố trắng trợn và chửi rủa thô tục. Có những gia đình người Bắc, Trung không dám ra đường.

Điều may mắn cho tôi, khi trở lại Sài Gòn lần này, là có chỗ dựa. Tôi ở tại cơ sở sản xuất của người anh, thầu may quần áo cho hải quân Pháp. Anh tôi - sau nhiều năm lưu lạc - đã về Sài Gòn trước tôi vài tháng. Bình phong này rất phù hợp cho hoạt động của tôi lúc đó.

Nhà tôi ở một dãy phố trệt, đối diện với cổng nhà thờ Thị Nghè - nơi trước đó đã bị bom thả sập thành một đống gạch vụn.

Tổ trưởng chỉ huy trực tiếp tôi là một đồng chí tuổi đã lớn, làm việc cho một cơ sở đạo Tin Lành ở vùng Chợ Quán. Tôi còn nhớ anh nói giọng Khu 5, tiếc rằng từ đó đến nay tôi không có dịp gặp lại ảnh. Một buổi tối ảnh đến giao cho tôi một chùm lựu đạn, bảo tôi đi đánh, mục tiêu tự chọn. Đây là loại lựu đạn tự chế, có vỏ bằng gang, trên đầu có hai lỗ nhỏ, hình dáng như ống mực. Lựu đạn này khi dùng không rút chốt, ném mạnh tự nó va chạm bên trong và phát nổ.

Từ hôm ấy, ngày nào tôi cũng đi thăm dò để tìm mục tiêu. Tôi đến các nơi có lính Pháp canh gác để tìm cách đánh chúng. Thấy bọn Pháp đứng gác bên ngoài, lông lá xồm xoàm, mắt láo liên, tay cầm tiểu liên lăm lăm chực bắn, tôi thấy ngán. Chỉ sợ rằng ném không trúng hay lựu đạn không nổ, nó "quơ" lại một băng tiểu liên thì chạy không lọt. Tôi bỏ mục tiêu Pháp, lân la đến các mục tiêu có ngụy. Lúc bấy giờ tại Thị Nghè (là xã Thạnh Mỹ Tây cũ) có một bót cảnh sát và nhà làng, nơi làm việc của bọn cảnh sát và hội tề xã, ở góc nhọn giữa hai đường Hùng Vương (Xô Viết Nghệ Tĩnh bây giờ) và Nguyễn Văn Lạc (trước kia Thạnh Mỹ Tây là xã, sau 1975 nhập với xã Bình Hòa thành quận Bình Thạnh ngày nay). Khuôn viên bót cảnh sát và nhà làng này thành một hình tam giác, phía nhọn là cửa ra vào có lính gác, còn song song với hai đường Xô Viết Nghệ Tĩnh và Nguyễn Văn Lạc là bờ tường bao bọc không có lính gác. Tôi chọn mé tường đường Xô Viết Nghệ Tĩnh để tung lựu đạn vào khu trung tâm làm việc của chúng, và cũng thuận lợi cho đường rút lui của mình. Lúc bấy giờ (cuối năm 1946) đường Xô Viết Nghệ Tĩnh phía này còn hoang vắng, lưa thưa có một số nhà lùi vào phía trong cách đường 40-50m, dọc đường là các hàng me, xa xa là các trụ đèn, đêm tỏa bóng sáng hắt hiu. Từ điểm tôi dự định ném lựu đạn đến nhà tôi ở chừng 600m đường nhựa, là một phương án mà khi rút sẽ thuận lợi cho tôi nếu thực hiện vào khoảng 8-9 giờ tối - giờ vắng vẻ của khúc đường này.

Tôi quyết định hành động vào tối thứ bảy. Ăn cơm chiều xong tôi chuẩn bị mọi thứ cần dùng. Khi cầm đến trái lựu đạn, trạng thái trong người tôi đổi khác, tôi bỗng thấy tay run nhè nhẹ, hơi thở dồn dập. Hơn một năm tham gia tổ chức quân báo, đây là lần đầu tiên tôi trực tiếp đánh địch trong hang ổ của chúng nên không khỏi hồi hộp lo lắng.

Tôi ném hai quả một lần vào mục tiêu, và tháo chạy thục mạng trở về theo các hàng me không ngoảnh lại. Đến nơi, tôi rẽ vào một căn nhà sát vách với nhà tôi ở. Nhà này vốn là nơi anh em tôi đặt ăn cơm tháng, và tôi thì vẫn sang ngủ nhờ ở bộ ván ngựa phía ngoài (ngủ ở đây cũng tránh sự chú ý của anh tôi mỗi khi tôi đi hoạt động).

Vì chưa có kinh nghiệm, tôi cứ theo đường thẳng mà chạy một mạch và đường thì vắng nên số cảnh sát đuổi phía sau có lẽ đã trông thấy. Khi tôi quẹo vào nhà, chỉ ba phút sau đó, một tốp cảnh sát đã ập đến kiểm tra. Chúng nói với ông chủ nhà là muốn truy lùng một Việt minh vừa ném lựu đạn xong chạy vào nhà này. Lúc đó tôi đang đứng bên trong với bà chủ nhà. Sau một phút lưỡng lự, bà chủ nhà bằng một động tác nhanh và dứt khoát kéo tôi vào nơi cô con gái của bà đang ngủ và dặn tôi vào nằm chung với cô gái, trùm mền lại như là vợ chồng vậy. Hồi đó tôi mới mười tám tuổi nói chuyện với con gái còn mắc cỡ, đằng này lại phải vào nằm cạnh, tôi hoảng quá. Nhưng tình thế cấp bách, tôi đành liều. Khi cảnh sát định lục soát căn phòng, tôi nghe bà chủ ngăn lại và bảo: "Nơi ngủ nghê của con gái, không ai vào đây cả!". Cả đám ngó nghiêng một lát rồi đành bỏ đi. Đêm đó, tôi thoát nạn.[1] Đầu năm 1947, tôi lại trở ra khu giải phóng nhận nhiệm vụ ở một đơn vị tập trung thuộc chi đội 6 (Trung đoàn 306) Miền Đông Nam Bộ.

Cuối năm 1948 và đầu năm 1949, cuộc kháng chiến

---

(1) Mãi sau ngày miền Nam được giải phóng, khoảng năm 1980, tôi mới có dịp tìm lại xóm cũ. Đường phố và khung cảnh khu vực đã khác xưa. Riêng căn nhà ông bà Tư Giỏi đã cứu tôi vẫn như cũ, chỉ thêm phía ngoài có trồng một hàng rào cây, và một cửa sắt ngăn từ ngoài vào trong. Đến đây tôi mới biết thêm: bà Tư đã mất trước đó, ông Tư thì năm 1954 được tổ chức cách mạng rước đi tập kết ra Bắc để xây dựng ngành đóng tàu ở Hải Phòng (ông là một quản đốc kỹ thuật giỏi trong xưởng đóng tàu Ba Son của hải quân Pháp) và hai trong số các con của cụ cũng theo cha. Nay thì ông cụ mất, nằm lại ở miền Bắc, hai người con đã trở lại miền Nam phục vụ công tác.

chống thực dân Pháp ở Nam Bộ đã phát triển một bước khá thuận lợi. Chiến tranh nhân dân lan khắp trên cả ba vùng chiến lược. Sát nách Sài Gòn - Chợ Lớn về hướng Đông có các vùng căn cứ du kích, như thôn Long Phước (Khu B), xã Long Trường, xã An Phú, An Khánh huyện Thủ Đức; xã An Phú Đông, Thạnh Lộc huyện Gò Vấp, xã Thới Tam Thôn, xã Nhị Bình huyện Hóc Môn, xã Quy Đức huyện Nhà Bè v.v... Các vùng du kích này có nơi cách trung tâm thành phố chừng 4 - 5 km, có nơi chỉ cách một con sông (xã An Phú huyện Thủ Đức). Phía Đông, Đông Nam Sài Gòn là huyện Thủ Đức, lực lượng vũ trang ba thứ quân của ta đã đứng chân ở các xã phía đông sông Sài Gòn, đối diện với quận 1, vùng Thị Nghè, Bà Chiểu. Về ban đêm ta đã làm chủ các vùng như: Thủ Thiêm, ngã ba Hàng Xanh, Giồng Ông Cộ (quận Bình Thạnh ngày nay) và vùng chùa Bà Đầm, ngã tư Phú Nhuận v.v...

Để đẩy mạnh đấu tranh vũ trang kết hợp giữa nội đô và vùng ven, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, đồng thời thiết thực hỗ trợ cho các phong trào chính trị cách mạng của đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn lúc bấy giờ, chủ trương của trên *là tổ chức và xây dựng các đơn vị biệt động đứng chân trên những địa bàn có* *lợi ở vùng ven xung quanh thành phố,*[1] và dựa vào sức mạnh của vùng nông thôn ven đô tiến hành hoạt động vũ trang từ ngoài vào nội thành tạo nên thế liên hoàn của phong trào đấu tranh chính trị vũ trang từ trung tâm thành phố ra đến vùng nông thôn kế cận. Các lực lượng biệt động này lúc đầu được chọn từ số cán bộ thông thạo thành phố của các trung đoàn tập trung vùng ven.

Vốn là cán bộ hoạt động vũ trang cũ của thành phố, cấp trên điều động tôi về chỉ huy một trong các đơn vị này (trước đó, tôi đã qua các cấp chính trị viên đại đội và ban trinh sát). Tên gọi của đơn vị là Biệt động đội 2766, thuộc liên trung đoàn 306 - 312 Miền Đông Nam Bộ. Sau đó một thời gian đơn vị này được chuyển hẳn về Bộ chỉ huy quân sự Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, cơ quan thống nhất lãnh đạo về vũ trang

---

(1) Các đơn vị hoạt động ở vùng ven bố trí như sau:
+ Đơn vị Biệt động 2747 hoạt động quanh thị trấn Hóc Môn.
+ Đơn vị Biệt động 2763 đứng chân Gò Vấp hoạt động nội thành.
+ Đơn vị Biệt động 2766 đứng chân Thủ Đức hoạt động quận 1 và Bình Thạnh.
+ Đơn vị Quyết tử Dương Văn Dương đứng chân huyện Nhà Bè, hoạt động quận 4 và cảng.
+ 3 đơn vị Quyết tử: C3721, C3824, C3927 đứng chân ở vùng Vườn Thơm Ba Vụ hoạt động vào nội thành.

toàn thành phố.[1]

Chiến trường mà đơn vị này phụ trách là vùng hai bên sông Sài Gòn, khúc phía Nam. Đứng chân bên đông bờ sông, từ xã Phú Hữu, Cát Lái đến xã Hiệp Bình Phước, qua các xã như: Thạnh Mỹ Lợi, An Khánh, Thủ Thiêm, An Phú, Bình Quới Tây và bên kia bờ sông từ một phần quận 1, qua Thạnh Mỹ Tây, Bình Hòa (sau này là quận Bình Thạnh) đến chùa Bà Đầm ngã tư Phú Nhuận. Vùng tứ giác này là giang sơn của đơn vị Biệt động 2766. Buổi sáng đơn vị ở Cát Lái, chiều có mặt ở An Phú, sẩm tối bắn nhau với bọn P.S.E. (cảnh sát đặc biệt miền Đông) ở khu ngã ba Hàng Xanh, ngã tư xa lộ Hàng Xanh, khuya đã về đến Giồng Ông Cộ, Xóm Cối.

Được biết năm 1945 lúc thua trận, trước khi rút khỏi Đông Dương, phát xít Nhật đã đổ xuống dòng sông ở khúc Thủ Thiêm - An Khánh nhiều đạn dược, vũ khí. Ban sưu tầm của chi đội 6 hàng ngày lặn hụp, đưa về cho đơn vị các loại đạn, phụ tùng các loại súng, đạn đại bác v.v... (đạn đại bác để cưa ra lấy thuốc nổ). Vì thế chỉ một thời gian đã đáp ứng được các nhu cầu về đạn dược, thuốc nổ cho một chi đội Vệ quốc đoàn.

---

(1) Bộ chỉ huy Đặc khu lúc bấy giờ có đồng chí Nguyễn Văn Linh chính ủy (thường gọi là anh Mười), đồng chí Nguyễn Văn Thi chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Hộ và Đào Tân Xuân là chỉ huy phó.

Đơn vị 2766 cũng có một bộ phận ở vùng này, người phụ trách tên là Tư Đò, trước kia làm nghề chèo đò qua lại bến Thủ Thiêm. Sông nước và môi trường khu vực đã biến anh thành một tay "anh chị" đứng đầu tất cả các nhóm "nhảy dù" ở hải cảng tàu bè quốc tế qua lại này. Có dịp quan sát họ hành nghề mới thấy thú vị: khoảng giữa khuya, người trần trụi, với chiếc xuồng ba lá được ngụy trang; dưới ánh sáng đèn trên tàu hắt xuống khi mờ khi tỏ nhấp nhô theo sóng, người của Tư Đò nương theo đó cặp vào bánh lái tàu, lần lần men theo mạn tàu phía trước rồi nhanh như cắt, chụp lấy các dây thừng từ trên thòng xuống, thân hình chuyển động dẻo dai, chắc chắn. Sau đó các "chiến lợi phẩm" được đưa xuống thuyền và chỉ chốc lát họ đã biến mất trong làn sương nước mờ ảo. Kỹ thuật thật siêu đẳng!

Anh Tư Đò khá thông thạo việc đó. Có lần anh mang về cho đơn vị một thùng, phía ngoài ghi là phụ tùng súng, khui ra mới thấy toàn báng súng lục. Có lần anh gởi cho đơn vị hai bao bột mì của Pháp; không có bột nổi, bánh nướng xong cứng như khúc gỗ, gặm không ra, sau anh em dùng làm các loại cháo, canh v.v... Khi biết cách chế biến để ăn được thì bột cũng đã hết.

Dòng sông cũng đã nuôi sống bộ đội, anh em xuôi ngược mò tôm bắt cá kiếm ăn hàng ngày. Ở vùng này có loại cá bống dừa, khi nước kém sục theo các bụi dừa nước, thế nào cũng có thức ăn cho ngày đó. Năm 1952 cơn lụt Nhâm Thìn nhận chìm nhà cửa, một bộ phận đơn vị hết gạo không còn tiền mua, đã rọc lá dừa nước, chằm thành tấm lợp để đổi gạo. Các đám dừa nước um tùm, với ô-rô, cóc kèn hoang dã nơi ngọn rạch, dòng sông, là chỗ anh em ẩn náu khi quân địch càn quét.

Dựa vào dòng sông, suốt các năm kháng chiến chống Pháp có lúc rất gay go, ác liệt, nhưng đơn vị biệt động này vẫn đứng vững, phát huy thế và lực của cách mạng, tạo được một mũi uy hiếp thường xuyên ở một địa bàn sát trung tâm thành phố.

Đến thời gian chống Mỹ, khúc sông Sài Gòn phía bắc thành phố, từ vùng An Phú (Gia Định) qua Bến Cỏ Phú Hòa Đông, khu Bùng Binh lên đến cầu Dầu Tiếng, nằm trong vùng giải phóng ta làm chủ (lúc "chiến tranh đặc biệt", bọn giang thuyền sát cộng bị bắn chìm vài lần nên không dám vào), khúc sông hẹp dần lên phía đầu ngọn thuộc đất Campuchia. Cơ quan của khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu, có lúc đứng sát bờ sông (nay là khu vực du lịch địa đạo Bến Dược, Củ Chi). Trên giang sơn này, thuyền chèo xuôi ngược, rộn rã tiếng cười. Ở bất kỳ thời điểm nào kể cả những lúc ác liệt gay go nhất sau Mậu Thân, dòng sông bao giờ cũng vẫn là nơi che chở cho các cơ quan trụ bám vững chắc.

* * *

Lúc bấy giờ, cấp trên cũng chỉ giao nhiệm vụ tổ chức, xây dựng một đơn vị biệt động đánh vào thành phố để tiêu diệt sinh lực địch cùng bọn Việt gian phản động, bảo vệ chính quyền cách mạng và phá hoại kinh tế địch v.v... chứ chưa có chỉ thị, tài liệu nào hướng dẫn cách triển khai một đơn vị kiểu này. Vì vậy quá trình xây dựng, hoạt động tác chiến của đơn vị là quá trình mày mò rút kinh nghiệm từ đầu đến cuối.[1] Trước hết, chúng tôi tổ chức đánh địch. Rồi từ những trận đánh như vậy chúng tôi đã rút ra những bài học đầu tiên về hoạt động của đội quân biệt động. Sau đó tìm hiểu tính toán các mặt công tác, cách tổ chức, xây dựng và chỉ đạo các anh chị em hoạt động cơ sở ở nội thành, cách huy động khả năng phục vụ công tác của họ hướng về vũ trang, xây dựng vùng đứng chân ở ven đô và nội đô rồi cách liên lạc đơn tuyến, xây dựng nội tuyến đến các vấn đề như huấn luyện, tác chiến cho lực lượng tập trung đứng từ bên ngoài v.v... Lần lần vỡ lẽ ra là có bao nhiêu mặt, bao nhiêu nội dung, bao nhiêu phương thức, kỹ thuật, và cách chỉ huy chỉ đạo lực lượng này. Lúc bấy giờ, chưa có khái niệm về đúc kết kinh nghiệm, chưa có lý luận. Chỉ làm, nghiệm ra thấy được thì làm

---

(1) Đến nay ta cũng chưa có một sự tổng kết có tính chất lý luận và đúc rút thành bài bản cho hoạt động của lực lượng này.

tiếp và không được thì tránh, nhiều lần nhiều ngày thành quen. Nhờ đó có nhiều trận tập kích thắng lợi, trong đó nổi bật là trận tập kích vào bọn PSE Gia Định.

Đối thủ trực tiếp một mất một còn ở địa bàn này của đơn vị biệt động 2766 là bọn PSE Gia Định (Cảnh sát đặc biệt miền Đông) đóng tại bót Hàng Keo Gia Định. Sau khi Pháp đánh chiếm Nam Bộ, thì bọn lính kín chỉ điểm cũ thời thực dân, có hận thù với chính quyền cách mạng đều tập họp tại đây. Pháp khuếch trương, kích động gốc phản động về chính trị, dùng chúng vào việc đàn áp những người kháng chiến. Những hành vi dã man, tàn bạo của chúng gây khủng khiếp trong dân. Khi nghe đến bót Hàng Keo Gia Định với những tên cầm đầu như cò Armand, cò Napoléon không ai là không rùng mình (đến nay đã hơn 40 năm mà tôi vẫn còn nhớ từng khuôn mặt). Chúng tự do chụp bắt, tra tấn bất cứ ai mà chúng nghi ngờ là Việt Minh, sau đó là các màn hãm hiếp, tống tiền, mổ bụng, bắn hay đập chết xô xuống sông (giữa đường Bạch Đằng từ ngã ba Hàng Xanh đến Lăng Ông Bà Chiểu có một cây cầu gọi là cầu Mới, chúng thường đưa anh em ta ra đó thủ tiêu và đạp xác xuống cầu).

Quần nhau mấy năm nhưng chưa ai diệt được ai. Chủ yếu thường đụng nhau trên các nẻo đường khi hai bên đi hoạt động (chúng thì tuần tra, ta thì đi vào hoạt động vũ trang tuyên truyền, phát động nhân dân), mỗi bên có lúc có thiệt hại chút ít. Sau đó chúng rút, ta cũng rút lui.

Sau khi tìm hiểu kỹ quy luật hoạt động của chúng, ta nhắm thấy không đủ sức đánh ngay vào bót Hàng Keo, vì lực ta (chủ yếu vũ khí) có hạn, đánh vào một chỗ cứng và sâu sẽ có nhiều phức tạp, nên ta lập kế hoạch dụ chúng ra phía ngoài, và cố gắng diệt cho được số đầu sỏ ác ôn. Kế hoạch của ta là làm cho mật báo viên của bọn này hay tin có một cán bộ Việt Minh tên Tâm, nguyên công an quận 5 (lúc bấy giờ ta tổ chức thành quận 5 gồm ba xã Bình Hòa, Thị Nghè và Phú Nhuận, chúng biết đồng chí Tâm là trưởng công an quận 5 của ta) sẽ về thăm nhà ở khu vực tháp nước gần Sở Bông Thị Nghè vào khuya đêm 1-10. Ta dự đoán bọn PSE Gia Định nắm được tin này sẽ dùng địa điểm bót cảnh sát Thị Nghè, tập kết lực lượng và triển khai đón lõng vây bắt đồng chí Tâm. Đây là thời cơ ta tập kích, đột nhập tiêu diệt chúng ở nơi này.

Để thăm dò lực lượng và cách hoạt động của chúng, các ngày trước đó ta cũng chọn một người hao hao giống đồng chí Tâm, có lực lượng bảo vệ đi hoạt động quanh đó và qua người của ta theo dõi, thì phương án ta bố trí ăn khớp với các hoạt động của chúng.

Lúc bấy giờ, chưa có ngã tư xa lộ vòng xoay Hàng Xanh với nhà cửa đông đúc như bây giờ. Từ ngã ba

Hàng Xanh xuống tới gần cầu Mới, chợ Bà Chiểu mới có nhà lưa thưa, còn từ ngã ba Hàng Xanh nhìn xuống Thị Nghè, bên phải sau lưng nhà thương dưỡng lão, đều là ruộng lau sậy. Đối diện với nhà thương dưỡng lão là những dãy nhà lá của xóm bà con lao động, chạy dài từ ụ tàu (phía Tân Cảng ngày nay) qua Phú An đến Sở Bông (Thị Nghè ngày nay). Khu xóm lao động đông đúc này là nơi đa số đồng bào có xu hướng cách mạng. Một vài nơi, từng khu xóm nhỏ là cơ sở của ta, nơi đây các cơ quan dân chính, các đoàn thể và các ngành đều ra vào hoạt động. Muốn vào đến đây, đơn vị chúng tôi phải qua sông Sài Gòn vào sẩm tối bằng các xuồng ba lá, từ đó đi vào rạch Con Mên và vào đến chùa Sư Ngọ (ngã tư Hàng Xanh hiện nay) rồi lần theo xóm lao động, triển khai bên hông bót Thị Nghè và chờ khi có ám tín hiệu sẽ tiến hành đột kích.

Hôm đó là ngày 1-10-1949, chúng tôi hội ý lại lần cuối. Với số súng dùng được hiện có, chúng tôi xếp lại còn hai trung đội khoảng 30 người, trang bị mạnh nhất là có một trung liên FM đầu bạc. Với lực lượng này chúng tôi đủ sức đè bẹp chúng, và chắc thu được vũ khí. Kế hoạch tác chiến là bất ngờ tập kích bằng hai mũi, một phía trước và một bên hông, gom địch tiêu diệt trong vòng tường, nếu có đứa chạy thoát vượt qua vùng trống bên kia đường, ta cũng dễ tiêu diệt.

Khi đơn vị hành quân đến chùa Sư Ngọ, tôi nhận được tin cơ sở của ta cho hay, bọn PSE Gia Định đã đến bót này vào lúc 8 giờ tối. Có mặt hai tên ác ôn là cò L. và cò H. với hơn 12 cảnh sát đặc biệt.

Căn cứ vào kế hoạch tác chiến, hai trung đội đảm nhận hai mũi nhanh chóng tiếp cận địch, lúc chúng đang ở trong bót. Mũi thứ hai do đồng chí Vũ Diệu Đình trung đội trưởng chỉ huy phải đi qua một con rạch có cầu ván. Mấy đồng chí vừa đi qua thì cầu gãy, số còn lại đang lúi húi kiếm ván bắc qua rạch thì bọn mật thám viên của địch đã chạy vào bót báo. Bọn địch trong bót vừa túa ra để đối phó thì đụng ngay với mũi thứ nhất của tôi ở trước cổng. Chúng tôi bắn phủ đầu một băng FM đầu bạc làm cho đội hình chúng nhốn nháo. Tiếp đó là các tràng tiểu liên, lựu đạn nã tới tấp vào đội hình chúng khiến chúng chạy thục mạng, lủi đúng vào hướng mũi thứ hai của đồng chí Đình đang hành quân tới. Hai bên bắn nhau một chặp nữa. Lúc đó mũi thứ nhất của tôi đã vào được trong bót. Các đồng chí mở cửa hai xà lim giải thoát cho những người bị giam trong đó, họ mừng quá vừa cảm ơn rối rít vừa chạy ra ngoài. Ở phía khác, một đồng chí của ta dắt ra hai người một nam, một nữ lõa lồ. Hỏi ra mới biết đó là một cảnh sát đang "vui vẻ" với một ả "duyên nợ", lúc nghe thấy tiếng súng sợ quá, nên để nguyên hình hài chạy ra xin lấy mạng sống. Tôi bảo đồng chí này vào phòng tước súng và cho hai người đi thay đồ. Sau đó chúng tôi bắt viên cảnh sát dẫn đến kho súng, mở kho thì chỉ có một ít đạn súng rulô, và một số còng số 8. Khi thẩm tra lại tên họ viên cảnh sát, xác nhận không phải là loại ác ôn nên sau vài lời giáo dục, chúng tôi thả tại trận (sau này nghe tin lại, đêm hôm đó anh ta cũng bỏ bót đi luôn).

Bị cú đánh lừa suýt chết này, bọn địch bực tức, sau khi tìm biết đơn vị gây thiệt hại cho chúng, chúng thề sẽ trả thù.

Vào khoảng đầu mùa mưa năm 1952, địch tái chiếm lại trục lộ 33 huyện Thủ Đức. Chúng dùng tên xã đội trưởng ở An Phú đầu hàng làm kẻ dẫn đường và phối hợp với một đại đội lính biệt kích Pháp, tập kích vào khu vực đơn vị tôi đóng quân ở bưng Ông Thoàn (nay là phường Phú Hữu - vùng bưng Sáu xã quận 9). Lúc đó tôi đang lúi húi nấu cơm ở một chòi tranh trống cùng với một đồng chí công vụ, bộ phận ở chung khoảng 10 đồng chí đang ở phía sau tát cá. Sau khi thổi cho lửa cháy, tôi ngẩng lên thì thấy một tốp biệt kích đứng trên bờ trước mặt cách khoảng 30m đang giương súng vào chúng tôi. Tôi chỉ kịp kêu một tiếng báo động và theo phản xạ lật nhào xuống cái rãnh bên chòi tranh, tránh được làn đạn. Đồng chí công vụ vì ngó ra phía sau phản ứng không kịp bị một băng tiểu liên trúng vào đầu, chết ngay. Tôi ném được hai quả lựu đạn vào bọn địch, buộc chúng phải nằm xuống và lần theo bờ mương bò ra phía sau. Lúc bấy giờ, một bộ phận khác đóng ở ven lá phía phải đã dùng trung liên bắn vào đội hình chúng. Số anh em đi tát cá nghe tiếng súng chạy về liền tổ chức thành một cánh bao vây phía trái đội hình của bọn biệt kích, diệt được hai tên. Hai bên đánh nhau một lúc, chúng không dám xông vô đành phải rút quân.

Khoảng những năm 1950-1951, đơn vị Biệt động 2766 chỉ loanh quanh đánh và đụng đầu với các loại việt gian: Cảnh sát đặc biệt, lính Công-măng-đô việt gian, lính Cao Đài ở bót Đầm Bích... Đơn vị đang muốn đánh một trận vào bọn Pháp. Lâu nay bọn này thường nhởn nhơ và hống hách tưởng rằng không ai làm gì chúng được. Ở trung tâm thành phố có bar Casino ở đường Albert 1er (nay là đường Đinh Tiên Hoàng quận 1), gần rạp Đakao bây giờ. Quán này thoáng mát, trang trí theo kiểu Âu châu, có chỗ ngồi rộng, một sàn nhảy rộng và nhiều cô gái phục vụ. Hàng đêm thường có khoảng 50-60 sĩ quan các loại của Pháp đến đây. Cuộc vui thường kéo dài đến 11-12 giờ đêm. Trước cửa ra vào, chúng có bố trí một lính ngụy mang tiểu liên đứng gác.

Quan sát một vài lần, tính ra nếu chỉ đánh bằng lựu đạn của 1,2 đồng chí thì quá uổng, không diệt được nhiều địch, nếu đánh lớn bằng đội hình bộ binh thì có thể ngụy trang đi vào được trung tâm, nhưng khi rút lui sẽ khó khăn vì đường xa địch có thể ngăn chặn kịp. Phương án hợp lý và chắc ăn nhất là phải dùng xe ô tô, vừa vận chuyển đội hình, dừng lại đánh và đưa anh em rút lui. Lúc bấy giờ ta có mấy cơ sở làm cho bọn nhà binh Pháp, trong đó có một cơ sở ở Sở mộ, chỗ này hình như phụ trách việc phục vụ các tạp vụ cho sĩ quan hải quân Pháp. Ở đây có một đồng chí làm tài vụ kế toán (ông Xuân Tiếu, sau này thành một chủ đồn điền cao su) và một đồng chí là trực công vụ (anh Năm Nhan) là cơ sở của ta. Hai đồng chí này có quen thân với người lái xe thường lái chiếc xe loại Đốt-cát, hàng ngày đón rước con cái của sĩ quan Pháp đi học. Hai đồng chí vận động được ông này bằng lòng chở họ đi chơi một buổi tối (không nói rõ mục đích).

Lực lượng ta dùng vảo trận này gồm 5 đồng chí: đồng chí Vinh tổ trưởng và các đồng chí Trạng, Yên, Giàu, Rổ là chiến đấu viên. Tổ phân công một người ngồi ở cabin để động viên ông lái xe, 4 đồng chí đứng ở thành xe phía sau, được trang bị 4 khẩu súng tiểu liên nhẹ, 10 lựu đạn nội hóa và 10 quả cối 60 đã cải tiến thành lựu đạn ném (lúc bấy giờ súng ống của ta còn thô sơ lắm).

Khoảng sẩm tối (6 giờ chiều) lực lượng tác chiến và chỉ huy đã có mặt ở chùa Sư Ngọ (khoảng chùa Phước Viên ở ngã tư vòng xoay Hàng Xanh ngày nay). Xe vừa đến, đội hình lên xe. Lúc bấy giờ ông lái xe hơi ngỡ ngàng vì thấy anh em có mang súng, nhưng ông vẫn cho xe chạy qua đường Xô Viết Nghệ Tĩnh và lên đường Đinh Tiên Hoàng ngày nay. Từ đường Đinh Tiên Hoàng đến gần cầu Đakao thì xe dừng trước cửa bar Casino nằm bên tay phải. Bốn đồng chí trên xe nhảy xuống, vừa xả súng tiểu liên bắn vào nhà hàng, vừa ném lựu đạn liên tục. Tên lính gác phía ngoài bỏ chạy thục mạng. Tình hình chiến đấu chỉ diễn ra không quá một phút, các đồng chí lại lên xe. Lúc này ông lái xe sợ quá không cầm nổi tay lái. Đồng chí ngồi bên cạnh phải động viên nói rõ, nếu không lái ra khỏi chỗ này về căn cứ thì sẽ bị địch bắt. Lúc đó ông mới vội vàng khởi động cho xe chạy. Các đồng chí ngồi sau còn nghe rõ tiếng rên la ở bar vọng lại. Khi xe lên đến cầu Đakao, gặp một xe jeep tuần tra của địch, ta nổ súng trước, chúng hốt hoảng lúng túng buông tay lái nên xe bị lật nhào. Xe của ta tiếp tục vượt qua chạy về hướng Bà Chiểu và vòng lên Giồng Ông Cộ... Khuya hôm đó, 5 đồng chí đã làm công tác tư tưởng để ông lái xe[1] qua sông Sài Gòn về đến căn cứ an toàn.

Sau đó chúng tôi nắm được tin, địch chết và bị thương khoảng 20 tên, phần nhiều là sĩ quan thuộc Trung đoàn 11 bộ binh thuộc địa (11$^{\underline{eme}}$ RIC) của Pháp khiến chúng không còn hống hách nghênh ngang như trước. Báo chí cách mạng của Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn hồi đó cũng đã tường thuật lại trận đánh với nhan đề "Chiếc xe ma".

---

[1] (1) Xem chú thích ở phần phụ lục cuối sách.

Kế cận với địa bàn hoạt động của Biệt động đội 2766, về phía nam và tây nam là giang sơn của Biệt động đội 2 thuộc trung đoàn 300 (sau này đổi tên thành Đội quyết tử Dương Văn Dương) do đồng chí Trần Văn Hoàng (Ba Hoàng) làm chỉ huy trưởng[1]. Anh Ba sinh trưởng ở vùng này, vốn là người can trường nghĩa hiệp, cả một quá khứ dọc ngang trên vùng đất Tân Thuận, Phú Mỹ, Nhà Bè. Với bản tính thẳng thắn, phóng khoáng, anh sống với anh chị em đồng đội trọn nghĩa vẹn tình.

Vài lần qua lại, thâm tình, tôi mới hiểu thêm, đây là một đơn vị - so với chúng tôi - có đời sống và chiến đấu trong điều kiện vô cùng gian khổ và đầy hy sinh! Hậu cứ của đơn vị ở vùng rừng Sát, sông rạch chằng chịt, nước ngập mênh mông, anh em ăn ngủ và sinh hoạt trên các cành cây chà là ghép lại, mọi sự di chuyển qua lại đều bằng cầu khỉ. Ra khỏi khu vực đóng quân là phải dùng xuồng. Thức ăn với cơm thường

---

(1) Đồng chí Trần Văn Hoàng đã hy sinh tại nhà tù Côn Đảo tháng 3/1963.

là đọt cây ráng luộc chấm với muối hay cơm ăn với muối không. Khi ăn phải giã muối, tiếng giã muối nghe cộp cộp, nên có người gọi trại ra là thịt cọp cho vui, sau trở thành câu cửa miệng của nhiều người.

Mỗi lần vào thành phố hoạt động, anh em phải vượt sông Nhà Bè, đoạn Rạch Cá - Đèn Đỏ (khúc sông rộng trên 2 cây số) rồi cặp sát ven sông Sài Gòn về Tân Thuận.Khúc sông này địch thường phục kích bằng cách cho tàu tắt máy thả nổi theo sông để chặn bắt hoặc hủy diệt ta bằng hỏa lực trên tàu. Có lần xuồng ta vượt được ba phần tư sông Nhà Bè mới thấy bóng đen của tàu địch thả trôi phía bờ Đèn Đỏ.

Lúc ấy xuồng chỉ cách tàu 20m, với một động tác nhẹ nhàng báo hiệu cho nhau biết, cả sáu đồng chí cùng nghiêng dần về phía trái, lật úp xuồng và dìu xuồng ngược với hướng tàu trôi, đến khoảng cách an toàn mới lật xuồng lại, tát nước và đi tiếp. Chỉ có ý chí kiên cường của người chiến sĩ cách mạng và kinh nghiệm vùng sông nước mới tránh được những trường hợp thật nguy hiểm. Trong những chuyến đi như thế, anh em có lúc đã nhờ được sự hỗ trợ thường xuyên của hai nội tuyến: một thiếu úy và một trung sĩ người Martinique đóng tại căn cứ hải quân Cát Lái, thường có mặt tuần tiễu trên đoạn sông Nhà Bè.

Chiến trường có nhiều khó khăn, nhưng đơn vị luôn tổ chức đánh địch, có những thời gian ta đã làm chủ trên đoạn sông Nhà Bè với những trận đánh đường sông sôi nổi. Như năm 1950, đồng chí Hòa và đồng chí Ba, cán bộ trung đội, đã bơi xuồng từ Tân Thuận đột nhập lên một đoàn ghe chở hàng hóa do tàu địch kéo lên Nam Vang. Đoàn ghe cột vào nhau thành một hàng dài đã bị đốt cháy đỏ rực trên một khúc sông Sài Gòn. Một lần vào năm 1952, bằng việc xây dựng nội tuyến trên tàu, đồng chí Trình và vợ chồng anh Lẹ đóng vai bà con quá giang theo tàu đã đưa được đơn vị đánh chiếm được hai tàu vận tải có tên Klatakhen và Phước Thành với toàn bộ hàng hóa chở trên tàu - trong này có 400 tấn bột mì, một lượng lương thực quan trọng đã làm giảm bớt một phần các khó khăn do trận bão lụt Nhâm Thìn (1952) ở vùng giải phóng lúc đó.

Qua những trận đánh như vậy, chúng tôi đã rút ra được những cách làm, những kinh nghiệm, tạo điều kiện để đến thời kỳ chống Mỹ vận dụng và phát huy trong việc xây dựng các loại lực lượng, và nâng cao quy mô chiến đấu đạt hiệu quả tốt hơn. Nhờ đó đã có những trận đánh vang dội của lực lượng biệt động Sài Gòn - Gia Định sau này.

*

* *

Sau khi tập kết ra miền Bắc từ chuyến tàu đầu tiên, tôi ở trong số cán bộ quân sự của Nam Bộ đi dự khóa huấn luyện của trường sĩ quan Lục quân Việt

Nam. Lúc bấy giờ trường đang đóng ở tỉnh Nam Ninh Trung Quốc. Sau hai năm học về, tôi được bố trí công tác ở sư đoàn 335 Quân khu Tây Bắc. Đây là một sư đoàn tình nguyện quân hoạt động ở chiến trường Lào trong những năm kháng chiến chống Pháp. Mỗi trung đoàn trong sư đoàn này, ở trên ba hướng của chiến trường chống Pháp của nước Lào (trung, nam, bắc Lào). Tôi được điều động lần lượt làm tiểu đoàn phó và trưởng của các tiểu đoàn trong 3 trung đoàn kể trên. Giữa năm 1960, tôi được rút đi học một khóa tình báo do Cục 2 mở. Sau đó được chuyển về quân khu Tây Bắc và được giao nhiệm vụ xây dựng một mảng tình báo chiến dịch ở chiến trường Lào. Tôi đứng chân hoạt động tại tỉnh Phong Sa Lì (Bắc Lào) và rất ngỡ ngàng trước một nhiệm vụ và một chiến trường mới mẻ.

Từ khi rời khỏi Nam Bộ và qua học hành đến lúc này, tôi đã có thâm niên ở Tây Bắc gần 5 năm, đã dần dần quen với các nẻo đường của vùng Tây Bắc tổ quốc: từ Hòa Bình, Suối Rút, thảo nguyên Mộc Châu, Sơn La, Pahang đến lòng chảo Điện Biên Phủ với núi rừng trùng điệp và những chàng trai cô gái người Mèo thân thể rắn chắc mạnh khỏe, các cô gái Thái, với chiếc áo có hàng cúc bó sát thân hình làm tăng thêm vẻ đậm đà duyên dáng của cảnh quan vùng rừng núi. Tôi đã làm quen với các quán "tự giác" dọc ven đường số 6, quán mà người mua tự chọn lấy hàng (các loại hoa quả, trứng gà và trứng chim) và tự trả tiền vào một cái túi treo gần đó. Mùa xuân đến, hoa ban nở rộ trên các triền núi, màu trắng xóa, tinh khiết và những lễ hội dân gian, những cuộc múa xòe của trai gái các bản làng.

Được ở chiến trường Lào một thời gian, tuy không dài nhưng tôi thấy gần gũi với đất nước này. Đúng là một đất nước hiền hòa, từ mỗi con người, mỗi gia đình, đến toàn xã hội. Họ sống và đối xử với nhau thân thiết như ruột thịt. Tôi đóng quân ở một gia đình người Lào khoảng sáu tháng. Sáu tháng ấy không nghe một sự cãi cọ to tiếng nào trong gia đình và với bất cứ ai. Cái chất mộc mạc giản dị toát ra tự nhiên ở từng con người, từng cảnh vật và ở mỗi bản làng. Việc ăn ở của bà con Lào theo tôi cũng rất văn minh. Ở nhà sàn, ngoài việc tránh thú dữ, chống lại lam sơn chướng khí còn tạo thành một khoảng không gian yên lành và tinh khiết. Toàn bộ thức ăn, gần như chỉ hấp hay nướng, từ hấp xôi (nếp), các món rau cải đến các loại thịt không hấp thì nướng... nên đều giữ được giá trị dinh dưỡng nguyên thủy của từng loại thực phẩm.

Có dịp, được ngắm nhìn một bữa cơm gia đình của người Lào cũng thật thú vị. Phụ nữ thường ngồi xếp hai chân một bên, nửa thân người trên thẳng đứng. Hai bàn tay thì thật đặc biệt: tay trái nhồi đi nhồi lại một mảng xôi to, tay phải thì rút từ tay trái ra một phần xôi nhỏ hơn, tiếp tục nhồi đến lúc hạt xôi nhừ ra. Sau đó, vo tròn phần xôi ấy lại rồi quệt vào đĩa thức ăn chung của mâm cơm và bỏ hết luôn vào miệng. Một mâm có chừng bốn, năm cô gái ngồi ăn, nhìn vào thấy hai bàn tay từng người vo đi, nhồi lại các vắt xôi như là một màn múa dẻo của đoàn văn công nào đó. Từ ấy đến nay, lúc viết mấy dòng này, đã qua 36 năm. Tôi từng qua bao nhiêu làng bản, đóng quân ở bao nhiêu vùng trên ba nước Đông Dương, nhưng mỗi lần nhớ lại những ngày sống ở nước bạn Lào, tôi càng nhớ nhung với một tình cảm thấm thiết. Chỉ mong lúc nào có điều kiện được trở lại sống ở đó một thời gian, tận hưởng lại cuộc sống và phong cách mà mình yêu quý.

Với hoàn cảnh công tác và tình cảm đó, tôi tưởng rằng mình sẽ gắn bó lâu dài với chiến trường phía Tây đất nước. Ở đây tôi xa cách hẳn với chiến trường miền Nam, và tin tức đồng chí từng gắn bó bao năm thì ngày càng vắng bặt. Đôi khi nhớ đồng đội cũ đến se lòng. Nhớ những lúc cùng mày mò tìm cách đánh giặc, cùng bắt cá mò tôm, biết bao gian khổ hy sinh nhưng tình cảm gắn bó thân thiết nhường cơm sẻ áo như anh em một nhà.

Bây giờ các đồng chí ở đâu, sau luật 10/59 của Mỹ - Diệm ai còn ai mất? Và dòng sông Sài Gòn, dòng sông dường như có định mệnh gắn bó với cuộc đời tôi, gắn bó với đơn vị chúng tôi và với cả cuộc chiến đấu giành độc lập thống nhất của thành phố Sài Gòn -

Gia Định có còn trong xanh, có còn rộn rã tiếng hò vang lên từ những chiếc xuồng ba lá của các cô du kích?... Những tiếng hò thân thương ấy luôn theo tôi vào mỗi giấc ngủ.

Giữa lúc đó, khoảng tháng 3/1961, tôi nhận được một công điện của Bộ Tư lệnh Quân khu Tây Bắc, thông báo rằng tôi được điều động thẳng về Tổng cục Chính trị nhận công tác; khi về ghé lại Quân khu để làm mọi thủ tục thuyên chuyển. Nhận được công điện, tôi ngạc nhiên và phân vân không rõ việc gì sẽ đến với mình.

Nhưng lúc đến Tổng cục Chính trị thì một niềm vui tràn ngập lòng tôi khi được báo tin: ở chiến trường cũ đang cần tôi, tôi phải chuẩn bị để trở về miền Nam chiến đấu. Sau đó là những ngày tập luyện: mang gạch đi bộ, chạy dai sức v.v... Đồng chí Trần Văn Quang[1], lúc bấy giờ là Tổng tham mưu phó sẽ là trưởng đoàn đi vào miền Nam, phân công tôi chuẩn bị một số việc cho đoàn.

Được nghỉ một số ngày, trước lúc lên đường, tôi tranh thủ về thăm gia đình. Lúc ấy cha tôi đã mất, tôi chỉ còn mẹ và các anh chị em ở quê. Do phải giữ bí mật tuyệt đối, nên tôi chỉ nói với gia đình là đi học xa lâu ngày. Khi gặp, mẹ tôi hỏi:

---

(1) Nay là Thượng tướng, chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Khi mô con lại về?

Tôi trả lời:

- Kỳ này đi lâu mẹ ạ!

Mẹ nói tiếp:

- Đừng lâu như lần trước!

Mắt mẹ nhòa lệ, có lẽ mẹ liên tưởng đến lần đầu tôi về thăm nhà sau hơn hai mươi năm xa cách. Nguyên là nhà tôi nghèo, đông anh em. Quê tôi là xã Ích Hậu, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; thuộc vùng đất phèn chua, canh tác thu hoạch thấp. Đa số dân vùng này thường thiếu ăn vài tháng trong năm. Tuy là vùng có truyền thống cách mạng (quê tôi là nơi đóng cơ quan chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Tĩnh trong phong trào Xô Viết Nghệ-Tĩnh 1930-1931, và cũng là nơi xây dựng Tự vệ đỏ đầu tiên của Đảng), nhưng là đất nghèo nên trai trẻ thường đi xa để kiếm sống. Năm lên tám tuổi gia đình cho tôi làm con nuôi một người chú có một hiệu may phát đạt ở thành phố Nha Trang. Cả thời thơ ấu tôi sống và học hành ở thành phố bãi biển đầy ánh nắng này. Sau đó tôi vào Sài Gòn và tham gia cách mạng năm 1945.

Từ tám tuổi đến sau khi tập kết, học ở Trung Quốc về, tôi mới có điều kiện về thăm gia đình. Năm ấy tôi hai mươi chín tuổi. Bây giờ đã bao nhiêu năm trôi qua nhưng tôi còn nhớ như in lần trở lại nhà năm ấy. Tay cầm địa chỉ lần hồi hỏi đường về nhà. Vào đến nhà mẹ tôi cứ ngỡ tôi là anh bộ đội nào trở lại thăm nơi đóng quân xưa, sau đó mới biết là con mình. Mẹ tôi vuốt vai, lưng, mân mê bàn tay tôi và nói:

- Ung nậy hè! (từ địa phương đại ý con đã lớn nhỉ!)

Có lẽ lâu nay bà vẫn lưu giữ hình hài của tôi như một thằng bé ra đi lúc tám tuổi.

*

* *

Tôi đi vào Nam trong đội hình đoàn Phương Đông 1 (tên đoàn) xuất phát ngày 7-5-1961. Đây là khung chỉ huy và cơ quan Bộ Tư lệnh của Nam Bộ, và các khung Bộ Tư lệnh và cơ quan của các Quân khu Nam Bộ (Quân khu 7,8,9 và Sài Gòn-Gia Định) gồm những cán bộ chỉ huy sừng sỏ của Nam Bộ trong thời kỳ chống Pháp. Đó là các anh: Trần Văn Quang (sau là Tư lệnh miền Nam), Trần Đình Xu (sau là Tham mưu phó miền, có lúc làm Tư lệnh Quân khu Sài Gòn - Gia Định), Lê Văn Tưởng (sau là Trung tướng, phó Chính ủy quân giải phóng miền Nam), Đào Sơn Tây (sau là Thiếu tướng, Chính ủy Cục hậu cần miền Nam)... Ngoài ra còn các lực lượng thực binh vốn là các đồng chí cán bộ chiến sĩ miền Nam tập kết nay trở lại miền Nam chiến đấu. Cái vốn tiếng Lào mà tôi cố gắng học lúc đóng quân ở Lào, tuy chưa được bao nhiêu nhưng cũng giúp được một ít khi giao thiệp với dân cư dọc đường. Các từ dùng cũng đơn giản, quanh đi quanh lại vẫn là đem vật dụng của bộ đội mang theo để đổi lấy con gà, con heo, các loại lương thực bổ sung cho đoàn.

Đi Trường Sơn lúc đó còn khó khăn, gian khổ lắm! (Đây là đoàn lớn đầu tiên vào miền Nam). Đường sá có nơi chưa có sẵn, phải mở thêm mà đi. Sau này đã có nhiều tài liệu, chuyện kể về Trường Sơn. Phần tôi lúc bấy giờ tôi sợ nhất là con "vắt" rừng, chúng có thể búng vào người bất cứ lúc nào, vào bất cứ chỗ nào trên cơ thể kể cả lúc đang ngủ. Chỉ khi chúng đã hút no nê máu, bụng tròn vo mới tự buông cho rơi và khi chúng đã rơi, chỗ cắn của chúng máu vẫn tiếp tục rỉ. Và thứ hai, là cái đói thường xuyên giày vò cơ thể, khiến con người rã rời. Có đồng chí đói quá, vớ được măng rừng, luộc không kỹ, ăn vào, sau một vài phút là mồ hôi chảy ròng ròng khắp người, miệng sùi bọt trắng xóa, thật là một cảnh tượng khủng khiếp. Đói nhất là lúc tới vùng ba biên giới.

Một hôm được trú quân hai ngày trong một thung lũng gần một bản của đồng bào Lào, anh em trong nhóm đi chung động viên anh Đào Sơn Tây và tôi vào bản kiếm thức ăn. Với số tiền "kíp" (tiền Lào, mỗi đồng chí được phát một ít trước khi đi) gom lại, chúng tôi mua được một con heo chừng 30 kg. Trời mưa to, đường đẹo dốc, anh Đào Sơn Tây[1] khiêng trước, tôi khiêng sau, lặn lội đi trong mưa gió, chèo chống với trơn trượt, cuối cùng cũng đưa được heo về. Ngày hôm đó rừng núi tưng bừng, vui vẻ.

Cái bù lại cho sự nhọc mệt, gian khổ là cảnh núi rừng đẹp như một bức tranh. Có những vùng cỏ trên cao nguyên xanh rì chạy dài mút mắt; có nơi sừng sững những cây cổ thụ; rồi những dòng suối, những hồ nước thiên nhiên phẳng lặng, có các chú cò lặn lội bắt cá. Hoa rừng và hoa phong lan tỏa mùi thơm dịu dàng...

Cuối cùng chúng tôi cũng về đến chiến khu Đ khoảng cuối tháng 8-1961, tính ra từ lúc đi đến nay đã hơn ba tháng. Được tin có anh em ở chiến trường Sài Gòn - Chợ Lớn cũ mới ở Bắc vô, anh Út (tức đồng chí Nguyễn Văn Linh[2] lúc bấy giờ là Bí thư Xứ ủy Nam Bộ) đón chúng tôi vào chơi và cho ăn một bữa cơm no nê, lại có cả cà phê tráng miệng.

Đoàn cán bộ của khung Sài Gòn - Gia Định do

---

(1) Đồng chí Đào Sơn Tây là một người thợ ở Ba Son, tham gia cách mạng từ năm 1936 sau này là Thiếu tướng, Chính ủy Cục Hậu cần miền Nam. Vốn là thủ trưởng cũ của tôi trong thời kỳ chống Pháp.

(2) Đồng chí Nguyễn Văn Linh trong kháng chiến chống Pháp đã có lúc làm Bí thư đặc khu ủy và Chính ủy đầu tiên lực lượng vũ trang Sài Gòn - Chợ Lớn.

anh Trần Hải Phụng[1] phụ trách, từ chiến khu Đ băng qua đường 13 đi về chiến trường. Chúng tôi đi xuống An Thành, Phú Thứ (Bến Cát) và qua sông Sài Gòn đến Hố Bò, An Nhơn Tây (Củ Chi) v.v... đều là vùng giải phóng sau đồng khởi (1960).

Chúng tôi băng qua sông Sài Gòn về căn cứ Củ Chi[2] vào một đêm trăng sáng. Một màn sương mờ đục bàng bạc tỏa khắp khúc sông. Như vậy đã qua bảy mùa thu rồi tôi mới trở lại dòng sông này, kể từ ngày rời sông đi tập kết ra miền Bắc. Chỉ khác lúc ra đi ở khúc cuối sông, nay trở lại phía đầu sông. Bảy năm rồi mà phong cảnh không có gì thay đổi, vẫn là con sông nước chảy hiền hòa mà tôi đã gắn bó từ đầu cuộc đời chiến đấu của mình. Từ sông qua cánh đồng lúa mượt

---

(1) Đồng chí Trần Hải Phụng, quê ở Đức Thọ (Hà Tĩnh) là Thiếu tướng, nhiều năm liền làm Tư lệnh thành phố, mất 1998.

(2) Sau Đồng khởi (1960) bắc Củ Chi thành vùng căn cứ du kích nơi Khu ủy Sài Gòn-Gia Định đứng chân để chỉ đạo phong trào cách mạng đô thị Sài Gòn và vùng nông thôn Gia Định. Từ trung tâm này nối liền với các vùng du kích khác trong tỉnh Gia Định (các huyện từ Hóc Môn, Gò Vấp, Thủ Đức, Nhà Bè, Bình Tân v.v...) hình thành một thế liên hoàn, phát huy mọi sức mạnh về chính trị và vũ trang của cách mạng để tấn công kẻ địch và duy trì cuộc chiến đấu trong suốt cuộc chiến tranh ác liệt với địch, đến ngày toàn thắng.
Lúc bấy giờ đồng chí Nguyễn Hồng Đào là Phó Bí thư Khu ủy phụ trách quân sự. Đồng chí đảm nhận chức Chính ủy Quân khu một thời gian thì hy sinh vì pháo địch.

mà vẫn là những xóm làng với những con đường loáng thoáng bóng dừa và cây cao su ở vùng Hố Bò, Xóm Thuốc, An Nhơn Tây này. Tôi lại như nghe đâu đây tiếng hò tinh nghịch của một cậu chiến sĩ cũ:

Nước An Nhơn Tây vừa trong vừa mát
Đường An Nhơn Tây pha cát dễ đi
Con gái An Nhơn Tây mặt tợ hoa quỳ...

Dường như tôi mới chỉ xa đất này ngày hôm qua. Những ngày ở Tây Bắc, ở Lào, cuộc hành quân vượt Trường Sơn gian khổ đói khát... tất cả chỉ như một giấc mơ....

*
* *

Những năm đầu về lại miền Nam, tôi phụ trách công tác quân báo của Quân khu và có lúc kiêm làm công tác địch tình của Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (1962-1963).

Nương theo những thuận lợi của chiến trường trong thế cách mạng đang lên, thúc đẩy lòng yêu nước của đồng bào các giới ở thành thị và nông thôn, những cán bộ cũ trong tổ chức quân báo đã tập trung sức lực mở rộng ngay lực lượng của mình[1] Khoảng hơn một năm sau đó, Ban quân báo Quân khu lần lần hoàn chỉnh.

---

(1) Sau đồng khởi, tổ quân báo Sài Gòn - Gia Định đã tập hợp được 5 đồng chí cán bộ: Ba Nhi, Hai Tua, Sáu Duyên, Năm Đức, Hai Việt Anh.

Ngoài các tổ chức quân báo của các huyện nông thôn vùng ven, trong nội thành ta đã tổ chức được mạng lưới quân báo khu vực, các đội trinh sát chiến đấu (chủ yếu dùng cho vùng nông thôn). Các đội trinh sát hợp pháp, một lưới điệp báo đi vào một số cơ quan quân sự, đoàn thể của địch. Lúc bấy giờ Ban quân báo Quân khu Sài Gòn - Gia Định có khoảng 300 cán bộ, nhân viên và cơ sở cách mạng trực thuộc, đủ mọi lứa tuổi, nghề nghiệp và trình độ, làm đủ các loại nghề nghiệp bình phong, nằm rải rác trong các phường của tám quận đô thị.

Trong lưới điệp báo, một số nhân viên mà ngành tình báo gọi là “đặc tình” được bàn giao lại cho các đồng chí thay thế khi tôi chuyển công tác. Nghe nói lại, số đặc tình đó phục vụ tốt, tồn tại đến ngày giải phóng. Tôi nhớ có hai đồng chí trong số đó nay không còn: Đó là một người trong ban chấp hành Đảng "Cần lao nhân vị" của Ngô Đình Diệm đã giúp ta các tin tức về tổ chức này và các mặt hoạt động của chính quyền ngụy trong khoảng thời gian trước và sau khi Ngô Đình Diệm bị giết. Người thứ hai là một thiếu tá ngụy, qua gia đình ta đã bắt mối và xây dựng được lúc anh còn là trung úy, đã cung cấp cho ta nhiều nguồn tin về lực lượng biệt kích của ngụy tung ra Bắc. Anh đã chết lúc làm quận trưởng ở Bình Tuy, Bà Rịa.

Còn một thiếu tá khác cũng là đặc tình hiện nay còn sống. Anh này có nguồn gốc từ cơ sở Thành đoàn, được thường vụ Khu ủy chuyển qua làm công tác quân báo. Cha của anh là một sĩ quan cao cấp của ngụy, có gốc gác từ thiếu sinh quân của ta thời Pháp, đồng liêu với các tướng tá ngụy cũ như: Lê Văn Tỵ, Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Nguyễn Văn Thiệu v.v... Bằng vỏ ngoài thuận lợi này, dựa vào uy thế của tầng lớp "chóp bu" của chính quyền ngụy để "chui sâu leo cao", nên đây sẽ là nhân tố mai phục để sử dụng khi có thời cơ quyết định. Vì vậy sau đó ta cử anh này từ sinh viên trường Luật sang học trường Võ bị Đà Lạt.

Đang học ở Võ bị Đà Lạt thì bị bể. Một người trong tổ chức sinh viên cũ bị bắt, khai ra, anh bị địch bắt giam điều tra nhưng không khai gì. Sau khi Ngô Đình Diệm đổ, cuối cùng phải nhờ sự can thiệp của đại tướng Lê Văn Tỵ mới gỡ được. Khi ra trường, anh được bố trí làm trung úy đại đội trưởng một đơn vị sư đoàn 9 ngụy đóng ở Tiểu Cần, Trà Vinh nhưng anh vẫn bị theo dõi. Lúc bấy giờ tôi phân vân về cách xử lý sự việc này, một là rút về chiến khu theo đề nghị của anh ấy hay là chuẩn bị để anh ấy bắt liên lạc phục vụ kịp thời cho địa phương khu 9. Phương án này cũng cần có thời gian báo cáo về trên thu xếp, vả lại tôi phân vân nhiều vì biết rằng anh này đã bị lộ, bị theo dõi, nếu hoạt động không khéo thì dễ bị phát hiện, rất nguy hiểm.

Sự việc đang nhùng nhằng thì xuân Mậu Thân tới. Người liên lạc đơn tuyến giữa tôi và anh ấy đã hy sinh trong đội hình chiến đấu tại Đài phát thanh Sài Gòn khi hủy đài bằng gói thuốc nổ 20 kg. Đồng chí này còn trẻ (học sinh trung học), tên là Nguyễn Văn Thân quê ở xã An Nhơn Tây, Củ Chi; là đội phó đội biệt động đánh vào Đài phát thanh. Thế nên từ đó về sau tôi và anh ấy mất liên lạc.

Trước ngày giải phóng anh là thiếu tá, huấn luyện viên ở trung tâm Quang Trung, Gò Vấp của ngụy. Sau khi mất liên lạc với tôi, anh đã qua người mẹ móc nối và hoạt động với một bộ phận binh vận của Trung ương Cục miền Nam. Bà là đảng viên được tổ chức ở miền Trung phái vào để vận động chồng theo cách mạng.

Các năm sau này anh là cán bộ đảng viên của quận Tân Bình.

Khác với thời kỳ kháng chiến chống Pháp, lúc bấy giờ giữa ta và địch có sự phân tuyến rõ rệt, giữa hai bên là một chiến tuyến, việc đi lại khó khăn, nguy hiểm; nay địch thực hiện chính sách thực dân kiểu mới, việc giao lưu qua lại của người dân đều mang tính hợp pháp và rất cơ động. Các cháu học sinh cấp II-III từ vùng du kích hàng ngày vẫn thường đi xe đạp vào các thị trấn và thành phố để học tập (từ vùng du kích Bắc Củ Chi đi vào thị trấn Củ Chi, Hóc Môn và Sài Gòn). Từ phát hiện này, cơ quan quân báo lúc bấy giờ đã từng bước bí mật xây dựng một loại trinh sát để tận dụng được thuận lợi đó, tạm đặt tên là trinh sát công khai (khác với trinh sát bộ binh ở nông thôn) và hiệu quả hoạt động của nó vô cùng cao, có chất lượng, phục vụ kịp thời những yêu cầu tin tức địch tình bằng tai nghe mắt thấy. Có lúc nội dung công tác giao vào lúc mờ sáng tại Bắc Củ Chi thì trưa hôm đó đã có đủ tài liệu, sơ đồ minh họa, hình ảnh về mục tiêu và các chi tiết cụ thể mà cơ quan tác chiến cần v.v... (Như trận đánh vào Tổng nha cảnh sát, khách sạn Métropol, Victoria, đánh bãi xe tăng ở Thủ Đức, v.v...). Sau này lúc đảm nhận các mục tiêu tác chiến của biệt động F.100, mở đầu cho các dạng chiến đấu tiên tiến lúc bấy giờ, khi đơn vị trinh sát này cùng tôi từ quân báo chuyển qua Đoàn biệt động thành Đội 5, thì đây là một đơn vị sừng sỏ hạng nhất của Biệt động Quân khu Sài Gòn - Gia Định lúc đó, được tuyên dương Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1967.

Theo tôi nghĩ đây là một trong các phương thức nắm địch đã được cơ quan quân báo của Quân khu Sài Gòn - Gia Định phát hiện và thực nghiệm thành công trong điều kiện chiến đấu mới. Nó cần được tổng kết thành lý luận và cần được nghiên cứu sâu sắc, kỹ lưỡng hơn.

*

* *

Một buổi sáng đầu tháng 5-1965, tôi được lệnh đến chỉ huy sở của Quân khu Sài Gòn - Gia Định nhận nhiệm vụ mới.

Lúc bấy giờ là cuối thời kỳ "chiến tranh đặc biệt". Các chiến dịch Ba Gia, Bình Giã (miền Đông Nam Bộ), đã đánh dấu một chuyển biến cơ bản về thế ta và thế địch trên chiến trường. Ngụy quân và ngụy quyền tuy được sự viện trợ tích cực, to lớn về nhiều mặt của đế quốc Mỹ, vẫn không chống đỡ nổi sức tiến công liên tiếp của phong trào cách mạng, nhất là mũi quân sự. Nguy cơ sụp đổ, tan rã của chúng đã rõ ràng. Tình hình đó mở ra cho ta một thời cơ chiến lược quan trọng,"... để tiến lên giành thắng lợi quyết định” (Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 12, khóa III).

Nơi làm việc của Bộ Tư lệnh Quân khu là một khu vườn mít bỏ hoang, đã bị bom đạn của ngụy đánh xơ xác. Đấy là một vùng thuộc bắc quận lỵ Củ Chi, nơi có phong trào cách mạng mạnh mẽ liên tục qua hai thời kỳ kháng chiến. Nơi đây cơ quan đầu não quân sự chịu đựng mọi sự ác liệt của chiến trường, bám trụ, tiến hành chỉ đạo một cách thường xuyên, xuyên suốt các hoạt động vũ trang và phục vụ cho đấu tranh chính trị của Sài Gòn - Gia Định.

Nhà làm việc, đúng hơn là cái chòi tranh mà chúng tôi thường gọi là “Tổng hành chòi”, được đặt dưới một hố bom có sẵn, sâu xuống mặt đất để tránh đạn pháo bất ngờ, phía trên là giàn mướp vươn ra phủ kín.

Trước mắt chúng tôi là đồng chí Sáu Dân (Võ Văn Kiệt), bấy giờ là Phó bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy và đồng chí Trần Hải Phụng, bấy giờ là Tư lệnh Quân khu. Với những cử chỉ quen thuộc như thường lệ, các anh nói về phương hướng, yêu cầu nhiệm vụ sắp tới của chiến trường, và những việc cần làm để nhanh chóng cướp thời cơ, khi tình hình đã chuyển sang một thời kỳ thuận lợi mới cho cách mạng.

"Mùa thu năm 1964, để đón nhận thời cơ, Trung ương Cục miền Nam vạch ra một kế hoạch chuẩn bị thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định mang mật danh là "kế hoạch X". Nội dung kế hoạch dựa trên tinh thần Nghị quyết tháng 1-1961 của Bộ Chính trị, trong đó có nhận định: "Tổng công kích, tổng khởi nghĩa của nhân dân ta sẽ bùng nổ để lật đổ chính quyền Mỹ - Diệm giải phóng miền Nam... địa bàn trung tâm của kế hoạch là Sài Gòn - Gia Định".[1]

Một trong những nhiệm vụ mà cấp trên giao cho Quân khu Sài Gòn - Gia Định về mặt vũ trang là tiến hành xây dựng một lực lượng biệt động, chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cần thiết để lực lượng này có thể cùng một lúc bất ngờ tập kích chiếm lĩnh các cơ quan

---

(1) Trích Lịch sử Sài Gòn - Gia Định kháng chiến 1945-1975. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, t. 391.

đầu não cấp trung ương của ngụy tại Sài Gòn - Gia Định và vùng ngoại ô khi có thời cơ chiến lược.

Tổ chức để thực hiện nhiệm vụ này được thành lập, lấy tên là Đoàn biệt động Quân khu Sài Gòn - Gia Định, phiên hiệu F.100. Ban chỉ huy gồm: tôi (lúc đó lấy bí danh là Ba Tam) là Chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Minh Dũng, Chính ủy và các đồng chí Võ Tâm Thành, Trần Minh Sơn, Nguyễn Văn Hát là Chỉ huy phó. Ngoài ra còn có các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần trực thuộc. Lực lượng của đoàn là tập hợp điều chỉnh từ các lực lượng biệt động hiện có của toàn quân khu (để lại mỗi cánh, một đơn vị biệt động hoạt động ở vùng ven thành phố). Ngoài ra còn lấy thêm trong lực lượng quân báo trinh sát và một số chiến đấu viên tuyển chọn trong các tiểu đoàn chiến đấu, trong các lực lượng bảo vệ các cơ quan Quân khu ủy. Các lực lượng này đã qua huấn luyện cơ bản.

Nhiệm vụ cụ thể được giao cho F.100 là:

1. Thường xuyên tổ chức các trận đánh đạt được hiệu quả cao nhằm vào việc diệt các sinh lực quan trọng, cơ quan lãnh đạo chỉ đạo chiến tranh và phá hoại các kho tàng dự trữ của Mỹ ngụy. Những trận đánh này phải mang tính chất thối động trong thành phố, để phục vụ và hỗ trợ trực tiếp cho phong trào chính trị của quần chúng. Đồng thời có tác dụng dìu dắt lực lượng biệt động của các cánh địa phương quanh

thành phố, của các đoàn thể trên từng khu vực và tại chỗ. Duy trì và phát triển phong trào du kích chiến tranh ở nội thành, làm cho hậu phương địch không ổn định, để kềm giữ một bộ phận lực lượng chiến đấu của địch. Qua chiến đấu còn có ý nghĩa tập dợt để quần chúng sẵn sàng nổi dậy bằng bạo lực của chính mình.

2. Trực tiếp và bí mật tiến hành chuẩn bị các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất kể cả lực lượng biệt động được bố trí sẵn trong thành phố để có thể cùng một lúc tập kích chiếm lĩnh các cơ quan đầu não cấp trung ương của Mỹ ngụy tại Sài Gòn - Gia Định và ngoại ô khi có thời cơ chiến lược. Đấy là 25 mục tiêu loại A (các cơ quan đầu não của Mỹ ngụy về quân sự, chính trị, kinh tế, các khu xung yếu về quân sự, các đầu mối giao thông thủy bộ v.v...). Nội dung bảo đảm tại chỗ gồm: lực lượng xung kích, các hầm vũ khí đã có sẵn, chỗ tập kết quân, phương tiện vũ khí vận chuyển, lực lượng công khai, cơ cấu chỉ huy tại chỗ của lực lượng biệt động và cơ sở chỉ huy của cấp trên trong nội thành v.v...

Thời gian sẵn sàng nhận nhiệm vụ chiến đấu của đơn vị trong tình huống chiến lược kể trên là khoảng từ tháng 12-1965.

3. Từng bước tiến hành huấn luyện cơ bản theo phương án mục tiêu tác chiến dự kiến cho từng đội chủ yếu là tổ chức thực tập qua chiến đấu, rèn luyện nhiều

mặt cho cán bộ và chiến đấu viên. Trên cơ sở giáo dục chính trị, tư tưởng phải bảo đảm cho mọi người đủ bản lãnh chiến đấu, hoàn thành một cách thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Trong các nhiệm vụ này, nhiệm vụ thứ hai (chuẩn bị tại chỗ cho thời cơ chiến lược) quả là mới mẻ đối với chúng tôi. Xưa nay trong chiến đấu ở đô thị, như ở Sài Gòn, chuẩn bị và đánh từng trận, chuẩn bị đến đâu thì đánh đến đó, đánh xong cái này thì chuẩn bị cái khác... Có những trận phải chuẩn bị lâu nhưng cũng chỉ là một trận. Nay phải đồng thời chuẩn bị một loạt, nhiều mục tiêu, nhiều vũ khí phương tiện chiến đấu phải có sẵn ở chiến trường, nhiều tổ chức và nhiều cơ cấu chỉ huy phức tạp... Tất cả chỉ bằng sự tự lực xoay sở trên những cơ sở vốn có của chính bản thân đơn vị. Nói chung phải bảo đảm mọi mặt, mọi thứ cần thiết để khi thời cơ đến đơn vị có thể thực hiện tốt quyết tâm của trên. Các công tác này phải tiến hành ngay trong lòng địch, phải thật bí mật khéo léo, mọi sự sơ xuất dù rất nhỏ cũng có thể mang đến tai hại không lường được cho đơn vị, và có thể ảnh hưởng đến ý đồ chiến lược của cấp trên.

Do tính chất của nhiệm vụ thứ hai này nên sắp xếp việc quản lý của đơn vị cũng có khác. Tạm phân ra có phần nổi và phần chìm, nhiệm vụ 1 và 3 là phần nổi, là phần quản lý như các đơn vị biệt động bình thường khác. Nhiệm vụ 2 là phần chìm, phần hạn chế tối đa người biết, ngay những người trực tiếp làm cũng chỉ biết được phần việc mình làm thôi. Theo tôi biết ở Khu ủy cũng ít người biết, ở bộ chỉ huy Quân khu chỉ các đồng chí chỉ huy biết, còn các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần Quân khu không biết. Riêng Ban chỉ huy F.100, các đồng chí cấp phó chỉ biết phần việc mình được phân công như huấn luyện quân sự, công tác chính trị, công tác hậu cần v.v...

Ngay những đồng chí trong Ban chỉ huy các đội bảo đảm cũng không biết hết toàn bộ công việc của kế hoạch chung (ví dụ có 12 hầm hố có kho vũ khí, thì đội chuyên trách chỉ biết được 1/2 số hầm, bộ phận vận chuyển vũ khí chỉ biết các phương tiện do mình quản lý, không biết những chỗ vận chuyển khác).

Do có kinh nghiệm từ thời kỳ công tác quân báo, chúng tôi đã sớm rút ra được nguyên tắc đầu tiên và xuyên suốt trong mọi công tác của đoàn biệt động F.100 là giữ bí mật và ngăn cách công việc. Điều cấm kỵ nhất trong quan hệ giữa đồng đội với nhau là tuyệt đối không tìm hiểu lai lịch, gốc tích, tên họ, địa chỉ nơi ăn, ở, làm việc của nhau ở nội thành. Chỉ hiểu biết trong phạm vi công việc được cấp trên giao. Chỉ gọi nhau bằng bí danh, có hội họp đông người phải trùm khăn bịt mặt. Khi bám trụ ở thành phố phải triệt để thực hiện ba hóa (công khai hóa, quần chúng hóa, nghề nghiệp hóa), bình phong nghề nghiệp gì thì phải đóng cho đúng (công chức, thợ thuyền, nghề tự do v.v...) từ tác phong, giờ giấc, sinh hoạt... Vì vậy khi thực hiện những nhiệm vụ thuộc phần chìm này, nói chung, các cán bộ, chiến sĩ có liên quan đến công việc bảo đảm đều tuân thủ rất nghiêm túc, tự giác. Do đó, tuy phải kéo dài sự chờ đợi sử dụng đến ba năm sau, những cơ sở này vẫn giữ được bí mật tuyệt đối, không bị địch phát hiện

*

* *

Lực lượng vũ trang hoạt động nội thành của Sài Gòn - Gia Định, kinh qua thời kỳ kháng chiến chống Pháp đến nay đã phát triển khá cao trên nhiều mặt. Từ ngọn đuốc đốt kho đạn Thị Nghè của Lê Văn Tám đến các đội tự vệ, quyết tử quân, biệt động thành trong thời kỳ chống Pháp, đến nay đội ngũ ấy đã được mở rộng, kế thừa và phát huy truyền thống chiến đấu ngoan cường, dũng cảm ngay trong thành phố trung tâm đầu não của địch. Phong trào bạo lực quần chúng cách mạng và sự chiến đấu của lực lượng vũ trang tại chỗ đã xuất hiện rất sớm, cùng song song với phong trào chính trị. Tiếng súng đồng khởi ở nông thôn vọng vào đô thị thúc đẩy ý chí và nguyện vọng cách mạng của quần chúng, đã tạo cơ sở vững chắc cho Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định lãnh đạo quán triệt đến từng cấp ủy thực hiện phương châm đấu tranh trong thời kỳ mới: Phương châm vừa đấu tranh chính trị vừa đấu tranh vũ trang, phát huy thế tiến công cách mạng trên cả ba vùng chiến lược: nông thôn, vùng ven và đô thị.

Lúc này cấp ủy thành phố phát động phong trào bạo lực và thành lập các tổ chức vũ trang trong các đoàn thể, các ban ngành chuyên môn, các tổ chức của Đảng từ cơ sở, từ nội thành đến ngoại ô, vùng ven v.v... Dựa trên nền tảng của một phong trào chính trị rộng rãi, với khí thế cách mạng của quần chúng nên đã mau chóng hình thành một hệ thống lực lượng vũ trang từ cơ sở (đoàn thể công, nông, thanh, phụ, các ban ngành) ở chi bộ phường của các quận trên quy mô toàn thành. Những lực lượng này khi được kết hợp với phong trào chính trị, với lực lượng vũ trang ở ngoại ô, vùng ven, của các huyện ngoại thành, đã thực sự dấy lên một phong trào nhân dân du kích chiến tranh ngay trong sào huyệt của địch (khác với thời kỳ chống Pháp, địa phận thành phố chỉ gọn vào khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn, thời kỳ chống Mỹ chiến trường có quy mô rộng hơn gồm: đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn và cả tỉnh Gia Định. Do vậy, đã thật sự huy động được sức mạnh nông thôn vùng ven hỗ trợ trực tiếp cho đô thị trong các phong trào cách mạng. Riêng lực lượng vũ trang nội đô, việc chuẩn bị cho các trận đánh quy mô lớn hay chuẩn bị cho tết Mậu Thân đều dựa vào thế thuận lợi ở vùng du kích ven đô.

Với lòng căm thù sâu sắc, trí thông minh, sự nhạy bén, và đặc biệt là tinh thần quả cảm vô song, các thành viên của lực lượng vũ trang này đã đánh địch liên tục trên đường phố, trừ khử những tên ác ôn, phá hoại phong trào, đánh vào các dinh thự hang ổ của địch (các năm từ 1964 đến 1967, có tháng thành phố đã đánh nhỏ lẻ từ 100-127 vụ). Lối đánh cũng muôn màu muôn vẻ, mỗi trận xuất hiện một kiểu đánh mới, thay đổi một loại vũ khí mới phù hợp với hoàn cảnh và yêu cầu chiến đấu trong điều kiện tương quan giữa ta và địch quá chênh lệch.

Sau phong trào đồng khởi ở nông thôn, lực lượng Biệt động nội thành Sài Gòn được chuẩn bị khá sớm (tháng 9-1961), đến đầu năm 1962 về mặt tổ chức đã xây dựng được các đội Biệt động của các cánh mang các phiên hiệu: 65, 66, 67, 69 và 159 khá mạnh. Những đội Biệt động này có nguồn gốc từ lực lượng chính trị của từng cánh[1] phong trào mà ra, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng tại chỗ, nên có sinh lực dồi dào và khả năng hoạt động ngay từ đầu. Lãnh đạo và chỉ huy của các lực lượng Biệt động này lúc đầu gồm những cán bộ quân sự của Sài Gòn - Gia Định từ thời

---

(1) Cánh là tổ chức chiến trường có quy mô liên quận nội đô, và các xã ngoại ô của thành phố. Được chia ra 5 cánh: 154, 156, 157, 158, 159.

kỳ chống Pháp. Các đồng chí này không tập kết, được Đảng bố trí ở lại miền Nam hoạt động gắn với phong trào chính trị của quần chúng, như các đồng chí: Đỗ Tấn Phong (Ba Phong), Chín Quốc (Sáu Nhất Xứ), Võ Tâm Thành (Sáu Thành), Ngô Thành Vân (Ba Đen), Nguyễn Văn Mạnh (Sáu Tà Mun), Phạm Văn Hai[1] (Cả nhì), Nguyễn Lập Hóa (Ba Dung), Nguyễn Văn Lực (Tám Bền), Bùi Văn Chiếu (BK 15), Nguyễn Thanh Xuân (Bảy Bê) và một đội ngũ đông đảo[2] là cán bộ xây dựng cơ sở phục vụ cho các yêu cầu khác của bộ máy quân sự nội thành như tham mưu, quân báo, v.v... gồm các đồng chí: Ba Tường, Tám Khát, Hai Trí, Ba Nhi, Hai Tua, Sáu Duyên, Năm Đức, Việt Anh, Hai Sơn, Tư Mạnh, Ba Tính, Ba Bảo v.v...

Đặc biệt có nhiều đồng chí đã qua thử thách trong thời kỳ chống Pháp, kiên định về lập trường chính trị, có bình phong thích hợp nên được tuyển chọn để đảm nhận xây dựng và quản lý các kho vũ khí ở nội thành. Đây là khâu trọng yếu nhất để phục vụ cho thắng lợi xuân Mậu Thân 1968 như: đồng chí Lê Tấn Quốc (Bảy rau muống) và vợ là chị Nguyễn Thị Hảo, đồng chí

---

(1) Đồng chí Đỗ Tấn Phong và Phạm Văn Hai được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đồng chí Chiếu là tử tù của ngụy.

(2) Ở đây chưa kể hết danh sách các đồng chí trong đội ngũ này, tác giả rất mong nhận được sự bổ sung thêm.

Trần Văn Lợi (Tô Minh Liêm) và vợ là chị Nguyễn Thị Hai, đồng chí Đỗ Thị Lý (bà Hai), đồng chí Trần Văn Lai (Năm Usom), đồng chí Đỗ Văn Căn (Ba mủ), đồng chí Trần Văn Miêng (Ba bong bóng), đồng chí Trần Phú Cương (Năm Mộc), đồng chí Phan Thị Thúy, chị Đặng Thị Huệ (Hai Phê), đồng chí Nguyễn Nông (Năm Bắc), bác Ngô Toại (chủ tiệm phở Bình).

Sau khi được tổ chức, các đội Biệt động này phát huy hiệu quả chiến đấu ngay. Theo thống kê của cơ quan quân sự thành phố lúc bấy giờ thì từ tháng 1 đến tháng 9-1962 ở Sài Gòn đã có đến 84 cố vấn Mỹ bị diệt. Trận đầu tiên là trận đánh Mỹ ở sân gôn gần ngã ba Chú Ía (Gò Vấp) và sau đó là một loạt các trận đánh trong đó có một số trận tiêu biểu như:

Đội Biệt động 159 đã dùng lựu đạn đánh cháy chiếc trực thăng Mỹ triển lãm (10-1962) và diệt luôn 1 thiếu tá ngụy đang quảng cáo cho vũ khí của Mỹ. Đội Biệt động 67 đánh bộc phá vào bar Bambo diệt 15 Mỹ. Một trận tập kích táo bạo, dũng cảm của 2 đồng chí chiến đấu viên của đội Biệt động 159 đánh vào rạp chiếu bóng Kinh Đô (lần 2) dành cho quân nhân Mỹ, một đồng chí dùng súng lục diệt tên Mỹ đứng gác, một đồng chí ôm bộc phá lao vào rạp giật nụ xòe, kéo cửa sắt nhốt chúng lại. Hằng trăm tên Mỹ bị diệt.

Tổ chiến đấu của đội Biệt động 65, do đồng chí Lâm Sơn Náo chỉ huy, đã đánh chìm 1 tàu chở máy bay Mỹ US Card tại cảng Sài Gòn. Đây là một trận đánh xuất sắc, vang dội, đã làm hư hại và chìm 21 máy bay lên thẳng HU 1A, 2 máy bay trinh sát L.19, 1 máy bay khu trục cánh quạt; diệt 50 tên và 70 tên khác bị thương. Đội 65 đã tấn công phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ MAAG diệt và làm bị thương 55 tên (29-1-1965). Đội Biệt động 67 dùng 2 quả mìn định hướng đánh liên tiếp vào khách sạn nổi Mỹ Cảnh ở bến Bạch Đằng (6-1965). Cũng trong khoảng thời gian này (1964-1965), một bộ phận trinh sát công khai của Ban Quân báo Quân khu đánh một số trận như: nổ mìn ở khách sạn Caravelle, cư xá Brink và đánh đại sứ quán Mỹ lần 1. Những trận đánh này đạt hiệu quả chiến đấu cao, kể cả diệt sinh lực quý của địch, và gây ảnh hưởng chính trị trong và ngoài nước.

Trong các năm 1964-1965, có hai sự kiện về gương trung kiên bất khuất của chiến sĩ biệt động làm xúc động nhân dân cả nước và bạn bè thế giới. Đó là sự kiện về đồng chí Nguyễn Văn Trỗi, người thợ điện, chiến sĩ biệt động đảm nhận nhiệm vụ bố trí mìn để tiêu diệt bộ trưởng quốc phòng Mỹ Mac Namara trên cầu Công Lý, nhưng bị lộ và bị địch bắt (2-5-1964). Sự kiện thứ hai về đồng chí Trần Văn Đang, thợ máy, là chiến sĩ trinh sát biệt động, bị địch bắt khi đang dùng xe Vespa chở 10kg thuốc nổ để đánh cư xá Mỹ gần Bộ tổng tham mưu ngụy.

Chúng kết án tử hình hai đồng chí sau khi đã tra tấn dã man và dụ dỗ đủ điều. Đồng chí Nguyễn Văn Trỗi bị xử ngày 15-10-1964 tại bãi bắn sau nhà lao Chí Hòa, đồng chí Trần Văn Đang xử tại pháp trường cát khu bùng binh chợ Bến Thành ngày 21-6-1965.

Hai đồng chí ra pháp trường ở tư thế hiên ngang, bình tĩnh, cho đến phút cuối cùng đều khẳng định sự chiến thắng của dân tộc ta. Nguyễn Văn Trỗi thét lớn: "Hãy nhớ lấy lời tôi, đả đảo đế quốc Mỹ" "Đế quốc Mỹ cút đi, đả đảo tập đoàn tay sai bán nước! Việt Nam độc lập thống nhất muôn năm" và ba lần hô Hồ Chí Minh muôn năm. Còn Trần Văn Đang thì hô to: "Tao chết đi, nhưng nhiều người khác sẽ chống lại chúng mày! Đả đảo đế quốc Mỹ"...

Hai đồng chí đều được Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Trong những điều kiện thuận lợi kể trên, Đoàn Biệt động F.100 - lực lượng Biệt động tập trung của Quân khu Sài Gòn - Gia Định đã được hình thành với quy mô thích hợp, kế thừa được những thuận lợi về tổ chức, các kinh nghiệm hoạt động và chiến đấu của các đơn vị trước. Thành viên chiến đấu của nó thường được tuyển chọn trong các lực lượng biệt động ở cơ sở, những cán bộ chiến sĩ thành thạo chiến trường trong các lực lượng bộ binh tập trung của quân khu.

Nói chung là một đội ngũ đã được rèn luyện và thử thách qua chiến đấu. Sau này, khi nhìn lại nhiều mặt nhất là về hiệu quả chiến đấu trong quá trình xây dựng và phát triển lực lượng, từ việc thực hiện một cách xuất sắc nhiệm vụ của đơn vị trong trận Mậu Thân, cho tới việc chuẩn bị các điều kiện bảo đảm chiến đấu lâu dài ở trong lòng địch v.v... mới thấy hết sự đúng đắn của cấp trên khi quyết định tổ chức ra đơn vị chiến đấu này.

Đoàn biệt động Quân khu Sài Gòn - Gia Định F.100 với thực lực hiện có, bước đầu đã tổ chức được 11 đội chiến đấu và 2 đội công tác bảo đảm.

Các đội chiến đấu đứng chân thành hình vòng cung từ đông bắc và tây bắc thành phố gồm:

- Đội 1: đứng chân vùng An Phú Đông (Gò Vấp).
- Đội 2: đứng chân vùng Vườn Thơm, Tam Tân huyện Bình Tân.
- Đội 3: đặc công nước chuyên đánh tàu, đứng chân dọc theo sông Sài Gòn...
- Từ đội 4 đến đội 11, đứng chân vùng cánh cung phía bắc Sài Gòn, gồm huyện Bến Cát, Củ Chi, Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh) và Đức Hòa (tỉnh Long An).

Các đội 1, 2, 3 quân số mỗi đơn vị khoảng trên 30 chiến đấu viên; quân số các đội nội thành thường ít hơn, khoảng 15-17 chiến đấu viên (thường gọi là chim sắt). Các đội này có lực lượng nằm ngoài, có lực lượng cùng với các cơ sở vũ trang cách mạng nằm tại chỗ, rải rác khắp các quận nội và ngoại ô thành phố.

Còn 2 đội bảo đảm làm nhiệm vụ chuẩn bị mọi mặt để phục vụ cho nhiệm vụ 2 của đoàn (đã ghi phần trên) mang phiên hiệu:

Đội 20: chuyên việc xây dựng kho tàng, tập kết vũ khí tại chỗ (nhà cơ sở) và chuẩn bị chỗ trú ém quân, cùng phương tiện di chuyển đội hình, khi các đội bước vào chiến đấu.

Đội 30: chuyên việc ngụy trang và vận chuyển vũ khí, chất nổ, khí tài quân sự từ khu căn cứ du kích đến giao cho các kho chứa ở nội thành.

Phần quan trọng nhất để hình thành sức mạnh của lực lượng biệt động là đội ngũ nằm trong nội thành, gồm các chiến đấu viên, các cơ sở của biệt động tại chỗ. Những người này có giấy tờ thông hành của địch, có nghề nghiệp làm bình phong hợp pháp, tồn tại thường xuyên ở địa bàn, nên có thể bảo đảm các công việc như: giao thông liên lạc, tai mắt trinh sát, nơi trú ngụ, cất giấu hay tồn trữ vũ khí lâu dài, và có lúc thì hỗ trợ hoặc tham gia chiến đấu trực tiếp v.v... Đây là một đội ngũ rộng rãi, thu hút một cách có chọn lọc mọi lứa tuổi thuộc các thành phần xã hội, trên mọi miền đất nước hội tụ lại: Các em bé và cụ già (thường làm liên lạc, hộp thư hay trinh sát giản đơn); các nhà tư sản dân tộc (ủng hộ kinh phí tác chiến, qua họ, đến con cái của họ trong ngụy quân ngụy quyền để lấy tin tức).[1]

Chẳng hạn một người làm tại Nha giao thông của ngụy đã cung cấp cho ta toàn bộ hồ sơ của hệ thống ống cống và cầu cống trong thành phố; hay một số sĩ quan, binh lính và công chức trong bộ máy ngụy quyền cung cấp cho ta tình hình địch, hộ tống cho cán bộ vào ra khảo sát chiến trường v.v... Những người trong tầng lớp "anh chị", du đãng, và ngay cả những người làm việc cho Mỹ, kể cả các cô lấy chồng Mỹ cũng giúp ta nhiều việc (một cơ sở là vợ một thượng sĩ Mỹ lái máy bay trực thăng đã cung cấp cho ta một tập không ảnh toàn cảnh chi tiết về sân bay Tân Sơn Nhất và vùng phụ cận. Không ảnh này đã phục vụ trực tiếp cho cánh quân từ phía bắc đánh vào sân bay trong tết Mậu Thân)...

Những con người này đều đến với cách mạng một cách tự nguyện. Con đường dẫn họ đến có nhiều ngả: tác động trực tiếp của phong trào cách mạng của cả nước và thành phố, tác động của quan hệ gia tộc bạn bè, sự vận động trực tiếp của các đồng chí cách mạng, và mặt khác rất có tác động đến họ là thái độ hống hách, côn đồ, kỳ thị dân tộc của Mỹ - ngụy mà hàng

---

(1) Xem chú thích ở phần phụ lục cuối sách.

ngày họ tiếp xúc. Khi đã tự nguyện, họ sẵn sàng đảm nhận những công việc đòi hỏi sự hy sinh rất cao: Các vị tín đồ Thiên Chúa giáo nhiều lúc tham gia việc vận chuyển và cất giữ vũ khí trước khi chiến đấu. Một gia đình trí thức có đạo miền Bắc vào Nam lập nghiệp từ năm 1940, đã sẵn sàng để dành cho cách mạng (biệt động) một căn buồng trên lầu tại cơ sở kinh doanh ở trung tâm Sài Gòn để đặt trạm phát sóng thông tin vô tuyến điện.[1] Những hoạt động đó nếu bị lộ và địch bắt được thì ít nhất cũng nhận một bản án chung thân. Một ngôi chùa của một ni cô[2] (sau thành sư cô) ở trung tâm Sài Gòn là nơi đóng quân của đội nữ biệt động và ni cô trở thành một trinh sát viên chiến đấu cho đơn vị này; sau khi bị bể bạc, địch đã tịch thu và phá banh ngôi chùa v.v...

Tôi kể ra đây trường hợp chuyển hóa của một người vào cuộc lúc đầu không tự giác, sau thành tự giác. Chuyện xảy ra từ hồi kháng Pháp: Khoảng giữa năm 1949, Pháp có chủ trương khôi phục và kéo dài con đường nhựa từ thị trấn Lái Thiêu vào khu vực du kích Thuận An Hòa (Bình Dương) để chia cắt, thu hẹp hòng tiêu

---

(1) Anh chị Mai Hương.

(2) Tên thật là Phạm Thị Bạch Liên, pháp danh Diệu Thông, bí danh Chín Tô. Hiện đang nghỉ hưu tại Gò Vấp nhưng vẫn tu tại gia.

diệt cho được khu du kích nổi tiếng này (từ chiến khu Đ, kéo dài về hướng Sài Gòn, uy hiếp các vùng địch chiếm quanh đó và là bàn đạp của các hoạt động đánh vào thành phố). Ta được tin người chủ sở đá núi Châu Thới (ông này tên là Sáu), nhận thầu cung cấp đá cho con đường này. Ta đã có thử cảnh cáo nhưng ông ta không nghe, nên sau đó trên quyết định phải cảnh cáo mạnh để phá bằng được vụ làm đường này. Nhiệm vụ được giao cho đơn vị Biệt động 2766 thực hiện. Lúc bấy giờ đồng chí Yên, một cán bộ trong đơn vị đã phải ngâm mình dưới nước nhiều đêm để tìm hiểu hoạt động đi lại của ông này và phục kích bắn ông ta hai phát súng 7 ly 65 (lúc bấy giờ ta không có súng loại nòng lớn hơn) rồi rút yên ổn. Hai phát đạn trúng vào ngực lủng từ trước ra sau lưng, xuyên qua phổi nhưng không gây chết người. Vì thế, khoảng 10 ngày sau ông ta qua cơn nguy kịch và vết thương đã được chữa lành. Sau cơn hú vía, biết rõ là ai bắn nên qua một cán bộ biệt động thuộc đơn vị này, có bà con xa với mình, ông Sáu đề nghị gặp ta để bàn bạc, tỏ ý chấp nhận yêu cầu của cách mạng. Để tránh sự theo dõi của địch và ngăn cách với gia đình, ông ta chọn điểm gặp là một nhà hàng ở Chợ Lớn (nhà hàng Soái Kình Lâm).

Tôi xin ý kiến và đề xuất kế hoạch gặp gỡ với ông ta được cấp trên chấp nhận.

Sau lời chào hỏi, ông ta phân bua việc gặp ở địa điểm này và hỏi tôi: “Gặp ở đây có gì ngại không?...”. Tôi theo dõi thái độ và cách nói năng thấy không có vẻ hù dọa. Nhưng tôi cũng trả lời theo lối dè chừng và răn đe: "... Việc tôi gặp ông, do ông yêu cầu, anh em đơn vị và cấp trên của tôi đều biết, nếu việc không xong anh em tôi sẽ làm tiếp...” (tất cả gia sản của gia đình này đều trong tầm hoạt động có hiệu quả của đội Biệt động 2766).

Sau đó câu chuyện trao đổi khá cởi mở. Ông ta cam kết sẽ tìm mọi cách không cung cấp đá cho Pháp mở đường, và vận động các nhà thầu khác bỏ dịch vụ làm đường này, hàng tháng đóng thuế cho cách mạng. Riêng đơn vị 2766 thì ngoài việc ủng hộ tiền hàng tháng, ông ta sẽ nhận một cán bộ vào phụ trách khâu vận chuyển đá từ xã Đông Hòa về Sài Gòn. Mục đích của ta là dùng con đường hợp pháp chở đá này đưa vũ khí và cán bộ ra vào công tác. Ta chấp nhận yêu cầu của ông ta là bảo đảm sự yên ổn làm ăn về khu vực đá và các cơ sở kinh tế của gia đình.

Sự việc mà ít ai ngờ, kẻ bị bắn lại tìm gặp người bắn mình vậy mà mọi chuyện lại rất tốt đẹp. Từ đó về sau ông ta và gia đình tự giác phục vụ các yêu cầu của cách mạng trong suốt thời kỳ chống Pháp.

Những nhân vật trong đội ngũ này còn nhiều chuyện có thể kể hoài không hết. Nhưng nhìn lại toàn bộ có thể hình dung được đây là một xã hội thu nhỏ của thành phố trên nền tảng giác ngộ cách mạng. Trong mối quan hệ giữa họ, hay giữa ta và họ thấp thoáng có nét "Thủy Hử", đối xử với nhau bằng một mối tình huynh đệ, lấy nghĩa tình làm trọng. Khi đã gắn bó hòa hợp cùng nhau thì coi nhau là anh em, là bốn bể một nhà; cao lắm coi nhau như sư phụ, sư huynh và tiểu đệ của một môn phái "thiếu lâm" hay trên "núi Lương Sơn Bạc" nào đó. Mặc dầu đây là một tổ chức quân sự thật sự có cấp hàm, có thứ bậc, nhưng nhìn nhau như anh chị em, sống với nhau chân tình, cởi mở, lâu bền. Trong nhiều năm làm công tác biệt động, chúng tôi không lúc nào phải nói ra miệng chữ mệnh lệnh. Công việc thường là gợi ý, bàn bạc, bản thân đồng chí thực hiện ưng ý mới thôi. Nhưng khi đã vào cuộc thì thực hiện rất nghiêm túc, tự giác (ta không lạ, hiện nay anh chị em ở đơn vị cũ có đồng chí Tư Việt anh hùng biệt động đã hy sinh, hàng năm họ đều làm giỗ cho đồng chí ấy, không năm nào bỏ sót).

Thiếu hay yếu cái xã hội thu nhỏ nêu ở trên đây thì dù tài giỏi cách mấy cũng không thực hiện được các nhiệm vụ trọng yếu ở thành phố một cách tốt đẹp. Nhìn vào quân số một đơn vị biệt động (các đội) có thể hình dung lực lượng này ít nhất phải gấp 3, 4 lần quân số chính thức thì mới đảm bảo được khả năng chiến đấu. Có đơn vị hàng năm đánh không được cũng do ở chỗ này. Một cách tính giản đơn: Một đồng chí chiến đấu viên ở nội thành ít nhất phải có 3 cơ sở (một để ở, một để vũ khí, một để liên lạc với đơn vị) mới tồn tại được, đó là chưa kể bản thân đồng chí ấy phải "ba hóa" (hợp pháp hóa địa bàn, giấy tờ và bình phong nghề nghiệp v.v...). Như vậy một đội khoảng 10 người, tất nhiên phải cần một số lượng cơ sở gấp ba, gấp bốn, thậm chí gấp nhiều lần nữa, tùy điều kiện cụ thể. Chẳng hạn trong trận đánh vào cư xá Brink để phục vụ cho hai đồng chí đóng giả địch, cơ quan chỉ huy phải huy động đến 30 người phục vụ các mặt mới hoàn thiện công tác chuẩn bị và bảo đảm chiến đấu.

Trong thời kỳ chống Mỹ, Mỹ ngụy đã tung nhiều toán biệt kích ra hoạt động ở miền Bắc, nhưng đều bị thất bại. Theo tôi nghĩ, chủ yếu là vấn đề này. Vì thiếu hẳn một cơ sở chính trị và xã hội làm nền tảng cho việc xây dựng cơ sở tại chỗ, để bảo bọc, che giấu làm tai mắt nên kết quả là các toán biệt kích này đều bị vây bắt và tan rã.

Cuối năm 1967, khi chúng tôi đang dự một hội nghị chuẩn bị cho Mậu Thân 1968, thì có một đoàn cán bộ quân sự của một nước bạn qua tìm hiểu về hoạt động vũ trang của ta ở vùng đô thị. Một đồng chí thiếu tướng còn trẻ, khoảng 40 tuổi làm trưởng đoàn. Đồng chí ấy có nói về tình hình hoạt động ở phía nam đất nước mình (phần Mỹ đang chiếm đóng), do phong trào cách mạng tại chỗ chưa phát triển, nên để xây dựng cơ sở, cách mạng phải đột nhập từ biển vào bằng phương thức biệt kích (người nhái). Bởi vậy, hoàn cảnh của bạn vô cùng khó khăn. Qua đó ta mới thấy hết cái hạnh phúc của cách mạng miền Nam là được hưởng một truyền thống kháng chiến quý báu lớn lao từ thời kỳ chống Pháp để lại. Bài học này càng củng cố nhận thức cho những người hoạt động cách mạng ở đô thị là chết sống phải gắn bó với việc xây dựng lực lượng và với phong trào chính trị tại chỗ, có vậy mới mong tồn tại, phát triển và phát huy mọi thế mạnh của cuộc chiến tranh cách mạng.

Trong lịch sử tồn tại của mình, qua hai thời kỳ kháng chiến, sự thăng trầm của lực lượng biệt động Sài Gòn - Gia Định, thường gắn liền với phong trào chính trị tại chỗ (về tổ chức lực lượng và cả hiệu quả chiến đấu). Càng về sau - đến thời kỳ chống Mỹ - phong trào lại càng dồn dập hơn.

Khi phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng lên cao, sôi nổi, rộng rãi và quyết liệt nhất, thì cũng là lúc lực lượng vũ trang dựa vào đó để mở rộng tổ chức, kết nạp vào các đơn vị chiến đấu của mình các thành viên đã được thử thách trong phong trào. Lúc này diện quần chúng ủng hộ cách mạng càng đông, địch phải huy động để đối phó tràn lan, nên đã bộc lộ sơ hở nhiều nhất và là dịp đánh địch thuận lợi hơn...

Qua phong trào học sinh Trần Văn Ơn ở thời kỳ chống Pháp, đơn vị Biệt động 2766 đã phát triển được 1 trung đội ở khu vực Chợ Lớn và đón hơn 1 tiểu đội trong số các học sinh cấp 2, từ thành phố tỏa ra khu giải phóng để tham gia kháng chiến. Số anh chị em này dần dần trở thành những cán bộ nòng cốt của các đơn vị quân sự quanh thành phố, cả về sau này ở thời kỳ chống Mỹ.

Xin trích ra đây một đoạn thư của chị Đỗ Duy Liên[1], một trong các đồng chí kỳ cựu đã lãnh đạo phong trào Phụ nữ thành phố ở hai thời kỳ kháng chiến, nói về phong trào này:

"... Một trong các phong trào nổi bật làm rung chuyển cả Sài Gòn lúc bấy giờ, đó là việc quân thù thẳng tay đàn áp cuộc biểu tình của học sinh, trong đó anh Trần Văn Ơn đã hy sinh vì bị địch đánh vỡ đầu. Đám tang anh được cử hành vào ngày 12-1-1950.

Hôm ấy, từ trung tâm là chợ Bến Thành, từng dòng thác người chuyển động đổ về đây; có những dòng người từ Đức Hòa, Nhà Bè lên, từ Hóc Môn, Củ Chi, Gò Vấp đổ xuống, từ Thủ Đức, Dĩ An; qua một biển người chạy dài từ đường Galienie (Trần Hưng Đạo A hiện nay) tràn ra chợ Cầu Ông Lãnh, Cầu Muối, đến bờ sông Sài Gòn, cột cờ Thủ Ngữ và đầy

---

(1) Đồng chí Đỗ Duy Liên - sau hòa bình - đã nhiều năm là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

ắp trên các đường quanh chợ Bến Thành đến ga xe lửa cũ. Biển người ấy cứ chuyển động, từng bước từng bước nối đuôi nhau kéo đến nơi đặt bàn thờ của anh ở trường Pétrus-Ký đốt nhang, và sau đó hành quân đến bệnh viện Chợ Rẫy (vì sợ hãi nên bọn cầm quyền đã ra lệnh giữ thi hài anh ở đấy). Cả Sài Gòn chuyển động, cả thành phố đình chỉ mọi hoạt động. Ở chợ Bến Thành bạn hàng không bán, các sạp vải lôi hết vải đen ra để xé khăn tang cho bà con. Một khăn tang chỉ bằng hai ngón tay, thế mà các sạp vải không đủ vải đen để phân phối. Anh em xe xích lô chờ từ mờ sáng để được chở các vòng hoa đi theo linh cữu. Rạp chiếu bóng, rạp hát treo băng nghỉ hát.

Sự choáng ngợp trước lực lượng nhân dân Sài Gòn ngay từ bữa đó làm cho kẻ thù lúng túng, không còn đối phó được nữa.

Đúng là phong trào nối tiếp phong trào, sau đám tang trò Ơn được hai tháng, Sài Gòn lại rùng rùng chuyển động, hàng trăm ngàn người đã xuống đường để đuổi hai chiếc tàu chiến Mỹ cập bến Sài Gòn nhằm hà hơi, tiếp sức cho bọn xâm lược Pháp lúc đó. Tôi còn nhớ, chúng tôi đã làm chủ các khu vực bùng binh Sài Gòn, leo lên các toa xe lửa chở củi, chuyền cho nhau để trang bị cầm tay cho đoàn biểu tình chống lại chính quyền bù nhìn lúc đó...

Khung cảnh hùng tráng về sức mạnh của nhân dân trong những ngày này, đã đi vào tâm trí tôi suốt cuộc đời đấu tranh cách mạng của mình...”

Chương II

BA CÁCH ĐÁNH TIÊU BIỂU

Trong suốt hai thời kỳ kháng chiến của thành phố, phương châm tác chiến mà các lực lượng vũ trang nội thành vẫn tuân thủ là lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy thô sơ thắng hiện đại. Phương thức hoạt động và thủ đoạn chiến đấu cụ thể là bất ngờ tiếp cận địch (bất ngờ này của biệt động tính đơn vị là giây) và dùng khối nổ để tiêu diệt sinh lực hay phá hủy các cấu trúc vật chất của địch.

Nhìn lại toàn bộ các hoạt động mà tôi trực tiếp tham gia hay chỉ đạo tác chiến thì thường diễn ra ba cách đánh, tùy quy mô sử dụng lực lượng và số lượng vũ khí, khí tài, v.v...(1)

---

(1) Tạm phác họa chưa có tổng kết.

1. Nổ chậm: chiến đấu viên thường đóng giả một vai nào đó, tiếp cận mục tiêu, rồi để lại khối nổ gài chậm nhằm tiêu diệt sinh lực, hay phá hoại phương tiện chiến tranh, cơ sở, hậu cần của địch.

Cách đánh này rất phổ biến trong các lực lượng biệt động của các ban, ngành, đoàn thể. (Ví dụ một cặp nhân tình đưa nhau vào Snack-bar có bọn Mỹ ngụy, trước khi rời khỏi quán thì gói nổ đã được chuẩn bị sẵn, gài vào bàn, sau đó khoảng hai, ba phút thì nổ. Có thể gài vào bất kỳ chỗ nào có Mỹ như sân bay, bến chờ xe buýt, sân golf, khoang chở hàng hóa của máy bay quân sự Mỹ...). Thường là đánh lẻ, dùng khối nổ nhỏ (xách tay) và nổ chậm.

2. Cường tập: dùng sức mạnh của xung lực và hỏa lực để bất ngờ chế áp và tiêu diệt địch tại cửa mở, rồi nhanh chóng lao vào đặt khối nổ, phá hủy tiêu diệt nhiều sinh lực của địch.

3. Pháo kích: dùng cối hoặc pháo nhẹ, bố trí ở vùng ven hay bí mật ém trong nội đô bất ngờ bắn vào mục tiêu của địch trong các ngày lễ lớn, để gây tiếng vang chính trị, hạ uy thế địch, cổ vũ khí thế quần chúng cách mạng.

Tiêu biểu cho cách đánh **nổ chậm** là trận đánh vào cư xá Brink của Mỹ. Sau khi Ngô Đình Diệm bị giết (1-11-1963) ngụy quyền miền Nam lâm vào thời kỳ khủng hoảng chính trị triền miên, đảo chánh rồi đảo chánh... Trong một bức thư gởi tổng thống Mỹ

Johnson, Maxwell Taylor đại sứ Mỹ ở miền Nam Việt Nam lúc đó đã viết: "... *Ở đây chúng tôi phải đương đầu với một tình hình xấu đi nghiêm trọng mà đặc điểm của nó là sự rối ren chính trị liên tục, thái độ vô trách nhiệm và tình trạng chia rẽ trong quân đội, sự trì trệ trong chương trình bình định, tình cảnh chống Mỹ ngày càng tăng, những dấu hiệu khủng bố ngày càng tăng của Việt Cộng chĩa vào nhân viên người Mỹ, sự thất vọng sâu sắc và sự mất tinh thần trên hầu khắp miền Nam Việt Nam...*".

Vào lúc này, Sài Gòn trong khí thế chung của miền Nam, chiến tranh du kích từ vùng ven đã lan dần vào các xã sát đô thị và các thị trấn, thị tứ. Trong nội thành, làn sóng chính trị đang sục sôi từ các phong trào thanh niên học sinh, sinh viên, Phật tử. Đặc biệt càng về sau nổi bật phong trào công nhân lao động, lực lượng quần chúng cách mạng lấn lướt kẻ thù.

Trong bối cảnh đó, lực lượng vũ trang đô thị đã kết hợp cùng lực lượng vũ trang của quần chúng mở rộng diện tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, diệt ác phá kềm, đánh một số trận thối động như khách sạn Caravelle, rạp Kinh Đô... Các chiến công này rõ ràng đã nâng khí thế phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, làm lỏng thế kềm kẹp của địch tại cơ sở. Tình thế mới, cơ hội mới đòi hỏi cần những trận đánh lớn hơn, mạnh hơn, có tiếng vang hơn nữa, đặc biệt là những trận đánh ở ngay trong nội đô giáng trúng đầu sỏ Mỹ và tay sai.

Hôm ấy, như thường lệ, tôi xem các tài liệu của cơ sở từ Sài Gòn chuyển ra. Trong số tài liệu liên quan đến quân Mỹ, có tấm ảnh làm tôi chú ý. Ảnh cỡ 12 x 18 là loại bưu ảnh về phong cảnh ở Sài Gòn. Tấm ảnh này chụp toàn cảnh cư xá Brink, cư xá hình hộp sáu tầng kiến trúc theo kiểu Mỹ, trong tấm ảnh có một vệt trắng ở tầng trệt phía tây tòa nhà. Lúc mới nhìn qua tưởng là ảnh hư, sau nhìn kỹ lại thì thấy rõ, đó là vệt ánh nắng chiếu hắt vào tầng đáy của tòa nhà, nơi để xe của các cố vấn cao cấp Mỹ cư ngụ tại đây.

Cái vệt trắng này gợi ý cho tôi, nếu đặt được một khối nổ lớn vào nơi đây - giữa bụng tòa nhà - thì sẽ phát huy đầy đủ uy lực của thuốc nổ. Tôi giữ tấm ảnh này, để trong sổ tay làm việc, hàng ngày mỗi khi nhìn thấy nó, những ý nghĩ ban đầu lại càng thôi thúc đi đến hành động. Quá trình tìm hiểu mục tiêu bắt đầu. Tôi giao việc này cho hai cơ sở: Một là đồng chí Nguyễn Thông,[1] trong lưới điệp báo, chuyên tìm hiểu những

---

(1) Nguyễn Thông, người gốc Bến Tre, làm nghề dạy học, cảm tình Đảng trước năm 1940. Bị địch truy lùng nên chuyển lên Sài Gòn cùng vợ tham gia các tổ chức cách mạng trong hai thời kỳ kháng chiến. Anh vốn là người phóng khoáng, giao thiệp rộng với các loại tai to mặt lớn ở Sài Gòn. Nghề nghiệp chữa bệnh của chị Năm là môi trường tốt để quan hệ với các bà lớn. Nhờ vậy anh và chị đã đóng góp được nhiều tin tức tài liệu quan trọng. Biệt tài của anh Thông là trên một chiếc xe hơi tự lái, anh dễ dàng chụp ảnh quay phim ở mức chính xác cao. Sau Mậu Thân (1968) anh bị địch bắt, chúng sát hại anh tại nhà lao Thủ Đức. Chúng tìm đến nơi chị Năm tránh né ở ngã ba Tân Hiệp (Tiền Giang) và giết chị tại đó.

bề sâu của cư xá như: tổ chức, danh sách, quy luật bố phòng, các quan hệ v.v... Hai là đồng chí Năm Nông[1], ở lưới trinh sát, có nhiệm vụ tìm hiểu quy luật hoạt động hàng ngày của cư xá, của bọn canh gác, động tác kiểm tra của bọn này.

Bước đầu ta đã có những tư liệu: cư xá Brink nằm ở gần đầu đường Hai Bà Trưng, sau Nhà hát thành phố tại trung tâm Sài Gòn. Khu vực này tập trung nhiều cơ quan quan trọng của ngụy: Hạ nghị viện ngụy (nay là Nhà hát thành phố), Tòa đô chính ngụy (nay là trụ sở Ủy ban Nhân dân thành phố), khách sạn Caravelle, Continental (thường có khách Mỹ) nên địch bố trí nhiều loại an ninh chìm nổi, bảo vệ cẩn mật.

Brink là tên của viên thiếu tướng tư lệnh lực lượng Mỹ đầu tiên ở Việt Nam (Franci G. Brink). Tòa nhà có sáu tầng, 193 phòng thuộc loại cư xá hạng nhất dành cho sĩ quan Mỹ ở Sài Gòn. Thường trú ở đây có khoảng 200 sĩ quan, hơn phân nửa là cấp tá - từ thiếu tá đến

---

(1) Nguyễn Nông quê ở miền Bắc, tham gia kháng chiến chống Pháp ở Trung đoàn 82 tỉnh Bình Thuận. Anh và gia đình gắn với phong trào đấu tranh chính trị của thành phố từ lúc có Hiệp định Genève. Với kiến thức rộng rãi về thành phố và về ngoại kiều, với phong cách lịch thiệp, linh hoạt trong giao tiếp, anh có thể thâm nhập rất nhiều vào mọi tầng lớp quần chúng ở thành phố. Hiện nay anh nghỉ hưu ở quận Bình Thạnh.

đại tá - nằm trong Bộ tư lệnh yểm trợ lục quân Mỹ lúc bấy giờ (viết tắt là H.S.A.S.). Phần lớn số sĩ quan này trực tiếp làm cố vấn cho Bộ tổng tham mưu của ngụy về lục quân. Giữa cố vấn Mỹ và sĩ quan tham mưu ngụy thường có sự giao tiếp với nhau. Trong số này có một đại tá Mỹ cố vấn về tình báo ở đây đã lâu, mọi người trong cư xá đều biết tên và kiêng nể. Tầng ba phía trái là cơ cấu Đài phát thanh của quân đội Mỹ. Lực lượng bảo vệ gồm một trung đội thủy quân lục chiến Mỹ, thường xuyên có hai lính Mỹ kết hợp với hai cảnh sát ngụy (một nam - một nữ) gác ở cổng ra vào và phía trong. Lính Mỹ chủ yếu canh gác bảo đảm an ninh, bố phòng, kiểm soát xe cộ ra vào của sĩ quan Mỹ. Hai cảnh sát ngụy kiểm soát giấy tờ các nhân viên nam nữ Việt Nam phục vụ trong cư xá này và các món hàng đưa ra vào, vì sợ nhân viên Việt Nam đưa chất nổ vào, hay lấy cắp đồ đạc mang ra. (Trước đó, cuối năm 1961 đã có lần ta đánh bộc phá nổ chậm vào tầng dưới của cư xá). Ở đây thường có các sĩ quan ngụy ở Bộ Tổng tham mưu đến liên hệ với sĩ quan Mỹ. Tin tức ở cư xá này ngày một thêm nhiều. Qua tổng hợp ta đã nắm được cặn kẽ và chính xác nhiều mặt như quy luật sinh hoạt một ngày ở cư xá, tên tuổi cấp bậc, số phòng ở của từng sĩ quan...

Qua nhiều lần trao đổi bàn bạc, một phương án sơ bộ được phác họa là: cho một đồng chí ta đóng vai một sĩ quan cao cấp của ngụy (lúc đầu dự kiến là đại tá) đến quan hệ với một đại tá Mỹ, dựa vào lý do đó để đưa chiếc ô tô có khối thuốc nổ lớn vào trong bụng cư xá. Thời gian gây nổ (nổ chậm) vào khoảng 5 giờ chiều (giờ có mặt đông nhất và cũng là giờ tiện rút lui cho các chiến đấu viên).

Sở dĩ chúng tôi phác họa phương án như vậy là căn cứ mấy phân tích sau:

- Kẽ hở lớn nhất trong bố phòng ở cư xá này là: lính Mỹ làm nhiệm vụ gác và chỉ chú ý kiểm tra các sĩ quan Mỹ ra vào. Cảnh sát ngụy thì chỉ chú ý số người Việt Nam phục dịch ở cư xá, không quan tâm đến sĩ quan Mỹ và sĩ quan ngụy qua lại đó. Nếu đóng giả một sĩ quan ngụy với lý do đến quan hệ công việc với một sĩ quan Mỹ thì qua mặt được cả hai toán bảo vệ này.

- Nhưng nếu đóng vai sĩ quan ngụy thì phải đóng vai một sĩ quan cao cấp vì qua nghiên cứu tình hình của địch chúng tôi thấy quan hệ giữa sĩ quan ngụy với nhau có sự phân biệt đẳng cấp rõ rệt. Số có chức tước quyền hành thì hống hách kẻ cả, còn chức vụ thấp thì sợ sệt, nịnh bợ... Nếu đóng một sĩ quan tỏ ra có nhiều uy thế thì dứt khoát sẽ qua mặt được cảnh sát ngụy.

- Hơn nữa ở cư xá này có một đại tá tình báo Mỹ cố vấn cho phòng 2 Bộ tổng tham mưu ngụy. Đại tá này có thế lực, tất cả sĩ quan và nhân viên phục vụ ở đây đều biết mặt. Nếu đóng giả là đại tá ngụy thì lý do đến

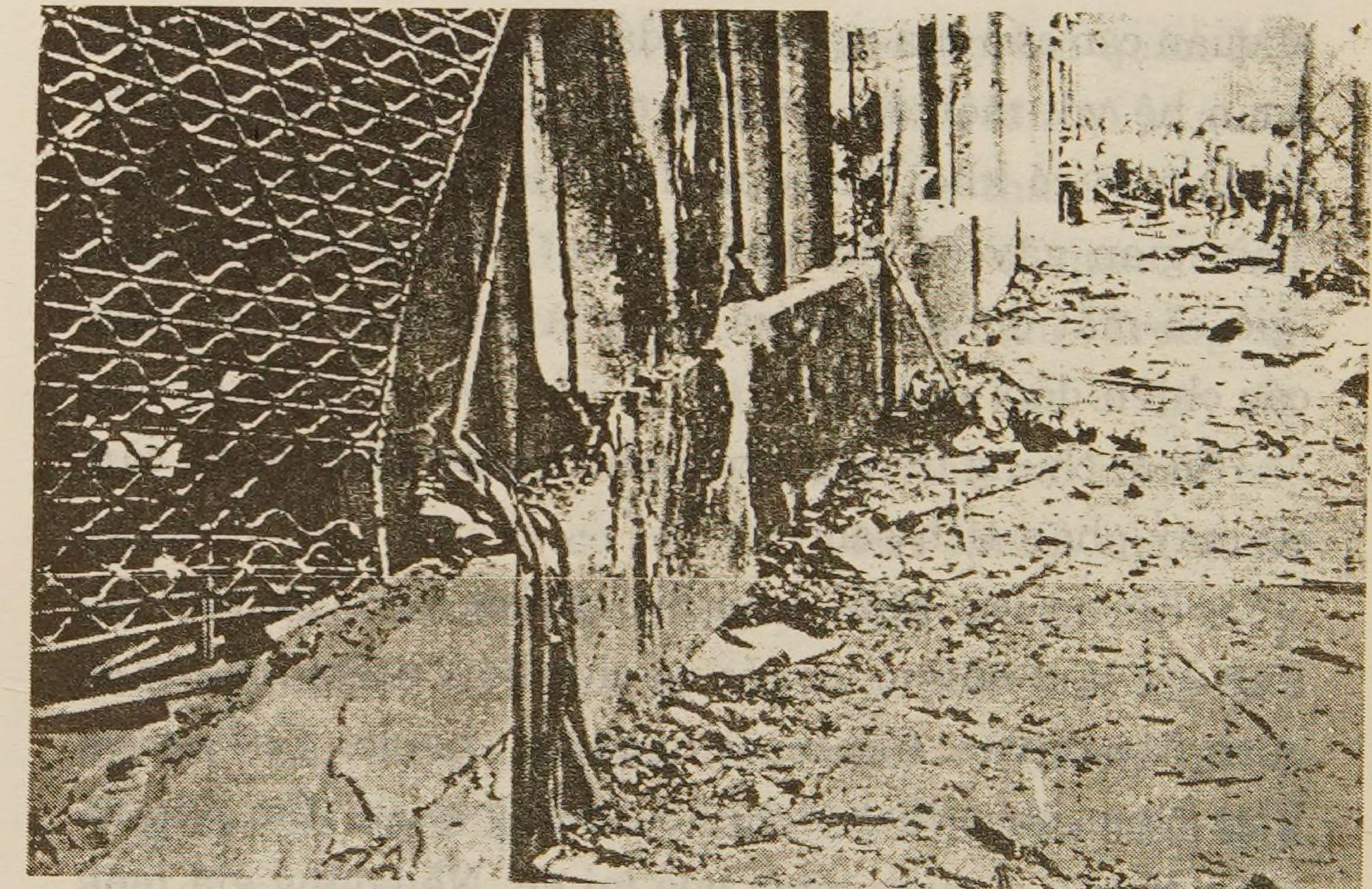

Sứ quán Mỹ ở đường Hàm Nghi bị đánh ngày 30-3-1965

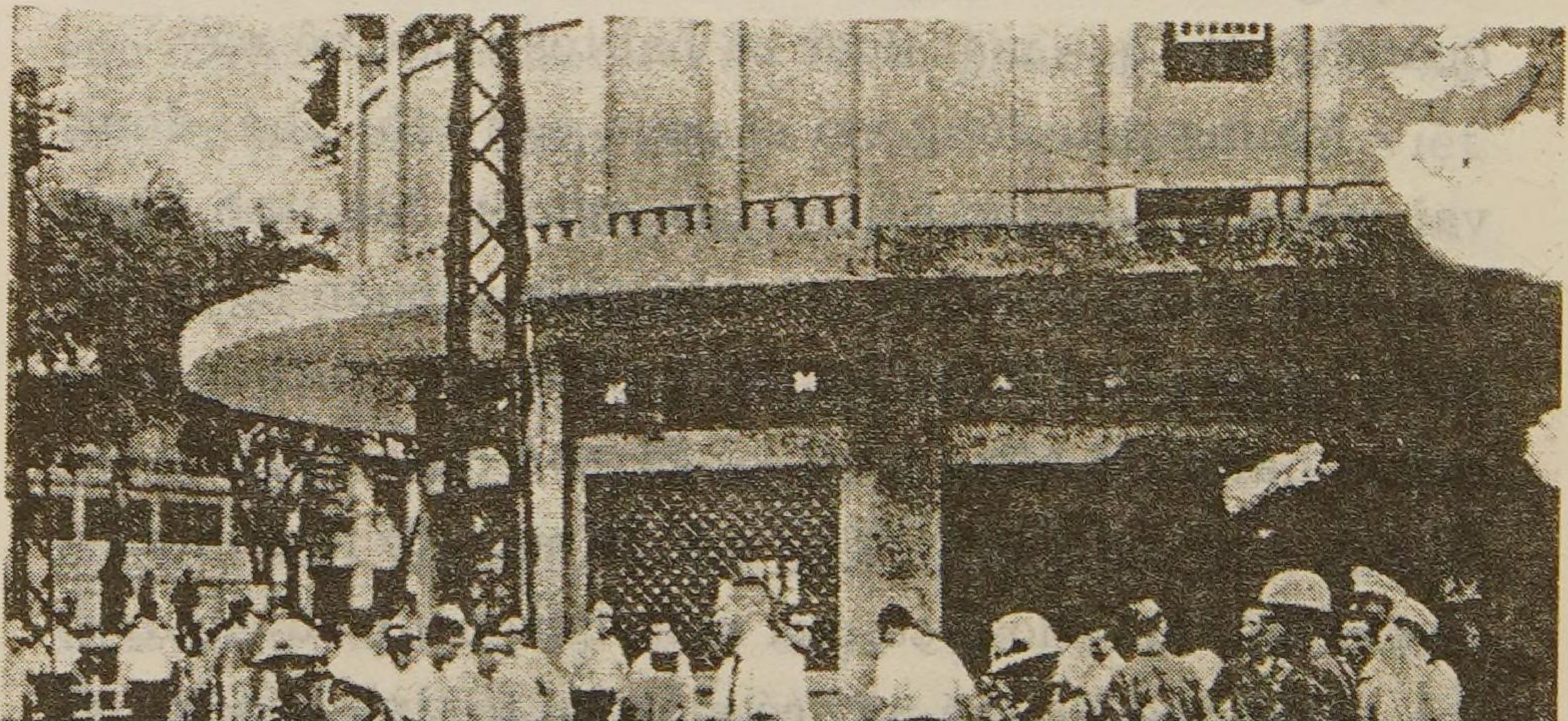

quan hệ với đại tá Mỹ này là chuyện hết sức hợp lý lại vừa tăng thêm uy thế; tránh được sự dòm ngó và phù hợp với quy luật quan hệ của địch (đồng cấp thường chơi và giao thiệp với nhau).

- Điều cuối cùng, đóng vai sĩ quan cấp cao thì có thể dùng xe Hoa Kỳ vừa tạo uy thế bên ngoài vừa chứa được nhiều thuốc nổ vì xe Hoa Kỳ thường to hơn xe các nước khác, khoang để hành lý rộng.

Phương án tác chiến này được Tư lệnh Quân khu chuẩn y và chỉ đạo các cơ quan có nhiệm vụ bảo đảm, thực hiện tốt những việc mà đơn vị yêu cầu.

Ngoài công tác địch tình, phương án triển khai tiếp theo cũng được duyệt. Đó là tập trung chủ yếu ở tầng dưới, đi sâu vào từng đối tượng ở đó mà dự liệu những sơ hở có thể có của ta trong việc đóng giả. Qua đó, chúng tôi phát hiện thêm một chi tiết về nhân viên tiếp tân: người này vốn là một Hoa kiều ở Hải Phòng di cư vào Nam 1954, do làm việc từ đầu nên thông thạo mọi mặt của cư xá, nhưng về cá tính thì nhút nhát, khúm núm, sợ sệt trước thái độ hống hách của đám sĩ quan. Chi tiết này càng xác định thêm sự đúng đắn của phương án đã đề ra.

Đồng chí Thông ở lưới điệp báo đi sâu tìm hiểu đại tá tình báo Mỹ và số công an chìm xung quanh cư xá.

Sau đó, chúng tôi còn ba việc lớn phải triển khai. Đó là tuyển chọn và huấn luyện chiến đấu viên, vận chuyển cất giấu vũ khí và các chuẩn bị vật chất khác. Cuối cùng là công tác bảo đảm kế hoạch, địch tình.

Về tuyển chọn và huấn luyện chiến đấu viên, trong phương án cần hai đồng chí đóng giả: một lái xe và một sĩ quan ngụy. Người quyết định cuối cùng và là tổ trưởng của trận đánh là đồng chí lái xe. Đó là một con người không chỉ có dũng cảm, bình tĩnh, lái xe thạo và biết xoay sở trước mọi tình huống xảy ra mà còn biết thể hiện một cách chính xác nhân vật mình đóng giả: một người lính lái xe của một sĩ quan cao cấp ngụy. Việc lựa chọn đồng chí lái xe chúng tôi đã có cơ sở. Đó là đồng chí Bảy Bê[1] đã kinh qua nhiều thử thách ở các trận trước. Chỉ cần dành một tháng để đồng chí ấy "nhập vai", trong đó có nửa tháng học lái xe ở trường tư nhân, còn nửa tháng sau đi nghiên cứu, tìm hiểu vai trò mình sẽ đóng, cần thực hiện thành thạo một số động tác của người lái xe, tìm kiếm trang

---

(1) Đồng chí Bảy Bê tên thật là Nguyễn Thanh Xuân, vốn là thiếu sinh quân của trung đoàn 82 tỉnh Bình Thuận trong chống Pháp và được bố trí ở lại miền Nam sau hiệp định Genève. Đó là một con người sôi nổi lúc nào cũng nghĩ cách làm thế nào tiêu diệt địch. Là một cán bộ trinh sát công khai, tháng 3/1964 đồng chí đã đóng vai cần vụ cho một đại tá Mỹ và gây nổ ở khách sạn Caravelle tiêu diệt nhiều sĩ quan Mỹ và Úc. Đồng chí là một trong số ít chiến sĩ được tặng nhiều huân chương nhất trong lực lượng Biệt động Sài Gòn - Gia Định.

phục phù hợp và chuẩn bị các mặt bảo đảm khác cho chiến đấu...

Việc tìm một "đại tá giả" có phức tạp hơn, ở đây không chỉ đòi hỏi con người biết làm dáng sĩ quan mà còn phải nói được tiếng Pháp và tiếng Anh. Hơn nữa, người sắm vai trò này lại phải có tuổi tác và hình dáng tương xứng. Về hình dáng cần mập mạp trắng trẻo, bụng phệ càng tốt, tuổi tác cần phải trên 40 tuổi (sĩ quan cấp tá của ngụy lúc ấy thường là loại sĩ quan của Pháp cũ ở lại). Rà đi xét lại đội ngũ của ta trong thành phố, cuối cùng chúng tôi chọn được một đồng chí mập mạp, trắng trẻo nhưng tuổi mới trên 30, biết tiếng Pháp, nhưng chưa biết tiếng Anh. Đó là đồng chí Nguyễn Hóa, một cán bộ trinh sát công khai, anh em thường gọi là Tư Mập[1]. Đồng chí Tư Mập cũng chỉ được dành hơn một tháng để "nhập vai". Nửa tháng đầu anh lân la gần chỗ các sĩ quan ngụy đi lại chơi bời, để tìm hiểu tác phong cử chỉ của từng đối tượng. Hàng ngày đi

---

(1) Đồng chí Nguyễn Hóa người gốc Sài Gòn, anh lớn lên đã học nghề điện lạnh và tham gia cách mạng lúc Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra mắt. Lúc đó anh chưa có vợ, không ghiền thuốc lá, trà rượu, sống thanh đạm và giản dị như một vị chân tu giữa một thành phố mà xung quanh anh người ta đang quay cuồng sống gấp, sống với nhiều đam mê "chất độc" Mỹ. Với anh chỉ có một đam mê duy nhất là được phục vụ cách mạng nhiều nhất.

quan sát được gì thì chiều tối về tập lại trước gương của nhà cơ sở, từ dáng điệu đi đứng, vung tay, nhún vai, ăn nói và xưng hô v.v... Hơn nửa tháng còn lại, anh được về vùng giải phóng để học thêm những hiểu biết cần thiết và tập phát âm chính xác mười hai câu tiếng Anh mà dự kiến có thể dùng khi hành động. Tình huống mà ta tìm cách tạo ra là: đại tá ngụy đến cư xá Brink tìm đại tá Mỹ, trong lúc đại tá Mỹ không có ở đó. Nhưng nếu vì công tác nắm địch của ta còn trục trặc, đại tá giả đến lúc đại tá thật có mặt, thì tình huống đó có thể diễn ra như sau:

Sau khi đại tá Mỹ được thông báo xuống gặp khách, đại tá Mỹ có thể hỏi:

- Tôi là đại tá William Johnson, ông có việc cần tôi?

- Xin lỗi, tôi muốn gặp thiếu tá Henry Johnson bạn tôi, ông ấy hẹn tôi đến đây (Johnson là họ cho nên nói khác cấp và tên đứng trước như Alexis, Henry chẳng hạn đều phù hợp). Dù tình huống nào cũng có câu cuối cùng là:

- Ước mong lớn của tôi là gặp được bạn thân của tôi chiều nay. Rất tiếc! Rất tiếc! Tôi sẽ để xe đón ông ấy.

Mười hai câu xung quanh tình huống trên bắt buộc anh phải học để nghe và nói được. Còn tiếng Pháp thì dùng với người tiếp tân (kiểu của sĩ quan ngụy lúc đó).

Song song với việc chuẩn bị cán bộ, đơn vị còn phải chuẩn bị các yêu cầu bảo đảm tại chỗ, bao gồm các việc: chuyển thuốc nổ từ chiến khu về Sài Gòn, tìm nơi cất giấu thuốc và vũ khí, nơi tập kết xuất phát chiến đấu và phương tiện chiến đấu...

Lúc ấy, đang là thời kỳ cuối của cuộc "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Ở các vùng du kích thuộc quận Củ Chi còn một số vườn cao su cạo mủ và thường xuyên chở mủ vào thành phố. Một trong các chủ sở cao su nhỏ là anh Sáu Mia ở xã Phú Hòa Đông, vốn là cơ sở của ta. Sau khi nghe chúng tôi gợi ý anh nhận lời ngay, tuy việc này có liên quan đến tài sản, sinh mạng của anh và gia đình. Anh nói một câu ngắn gọn và chắc chắn: “Anh Tư hãy tin ở Sáu Mia này”. Rồi anh đích thân ra tay, ngụy trang và sắp xếp kế hoạch vận chuyển vũ khí, chất nổ.

Để tránh việc anh Sáu Mia và người lái xe của anh biết nơi cất thuốc nổ (ngăn cách theo nguyên tắc), chúng tôi cử đồng chí Minh Nguyệt đóng vai bà chủ đi theo hàng, đưa xe đến một điểm hẹn trung gian. Nữ đồng chí Nguyệt là người đã từng thủ vai nhân tình của đại tá cố vấn Mỹ trong trận Caravelle trước đó. Lúc này, tuổi tác và dáng điệu của Nguyệt vẫn như một cô nữ sinh mới ra trường, nên khi đi tôi có dặn thêm: nếu bọn cảnh sát có hỏi bà chủ hãng cao su sao còn trẻ quá, thì trả lời đi thay cho mẹ.

Nơi cất giấu vũ khí, đồng thời là nơi thiết bị khối nổ, tập kết và chuẩn bị xuất phát chiến đấu phải đảm bảo được yêu cầu là xe ra vào được. Công việc nguy hiểm này được giao cho anh Đỗ Hán, thường gọi là anh Mười Hán; một người theo đạo Thiên Chúa quê ở miền Bắc. Anh lưu lạc vào Sài Gòn từ lúc còn bé, trải qua nhiều nghề nghiệp, tham gia suốt hai thời kỳ kháng chiến ở thành phố Sài Gòn và đã hai lần bị bắt. Những đòn tra tấn của địch để lại trong anh nhiều bệnh hiểm nghèo: gan, phổi, thận, não... Từ trước, thấy anh ốm đau nên chúng tôi chỉ giữ liên lạc để bồi dưỡng ý thức về cách mạng chứ chưa giao công tác gì chính thức cho anh cả. Do sự giúp đỡ của họ hàng, anh có xây dựng mấy căn nhà ở Cầu Bông và định sửa sang làm chỗ sửa chữa, cho thuê và gởi xe. Vị trí này đạt được các yêu cầu của chúng tôi, nhưng có điều đáng lo là xung quanh nhà anh an ninh và mật vụ ngụy khá đông, có thể phát hiện nếu ta làm không khéo. Nhưng nếu cẩn thận một chút thì đây lại là một vị trí hết sức tiện lợi. Bởi vậy chúng tôi quyết định chọn chỗ này. Nghe tôi ngỏ ý, anh Mười vui vẻ nhận lời ngay. Lúc chia tay, anh bịn rịn lưu luyến. Cuộc đời nhiều cay đắng, từng trải qua nhiều chế độ đã để lại cho anh những suy nghĩ có chiều sâu về cách mạng, về kẻ thù và sẵn sàng nhận nhiệm vụ dù biết rằng sẽ gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm.

Anh Mười Hán đã tiếp nhận và cất giấu trong nhà mình 200 kilô thuốc nổ suốt cả hai tháng. Ngày tổ chức trận đánh cả gia đình từ anh chị đến các cháu nhỏ cùng góp tay vào việc chuyển thiết bị chất nổ vào xe. Cả nửa tiểu đội "nhóc" đứng ra bốn hướng để quan sát địch, hai cháu nhỏ ngồi chơi phía cửa ngoài, sẵn sàng làm ám hiệu báo động khi thấy có dấu hiệu bất thường.

Việc mua một chiếc xe Hoa Kỳ lúc này không khó, chỉ cần có tiền. Rắc rối ở đây là phải có một người đứng tên mua, người này phải có giấy tờ hợp pháp, có nơi cư trú chính thức để làm thủ tục mua bán, lại có dáng dấp bề ngoài phù hợp với vai trò người chủ xe sang trọng. Đồng thời người đó phải sẵn sàng bỏ ra vùng giải phóng sau trận đánh mà không để lại một hậu quả nào cho bà con thân thuộc (địch dễ dàng truy nã người chủ xe căn cứ vào số xe). Chúng tôi nghĩ đến chị Năm Lành. Chị quê ở Chợ Thơm huyện Mỏ Cày, Bến Tre. Do hoạt động cách mạng từ những ngày đồng khởi, chị bị địch truy nã phải để con ở lại quê nhà, đi làm công cho một chủ sạp vải ở Chợ Lớn và tiếp tục tham gia vào đội ngũ chiến đấu của cơ quan Quân báo. Lúc bấy giờ tìm được một người có điều kiện như chị Năm thật hiếm. Chị Năm sẽ là người đứng ra mua chiếc xe du lịch.

Việc tìm xe được giao cho đồng chí Chín Bông, công nhân quê ở Cần Thơ, người được xứ ủy gài lại Sài Gòn để xây dựng bình phong hoạt động sau khi có Hiệp định Genève. Nghề nghiệp bình phong của đồng chí là chủ một ga ra sửa chữa xe hơi. Với nghề nghiệp này đồng chí Chín Bông có đủ khả năng tìm một chiếc xe theo ý muốn. Lục lạo mấy nơi, cuối cùng đồng chí Chín tìm được chiếc xe hiệu NASH, ruột đã cũ nhưng mã ngoài còn hào nhoáng. Chủ của nó là một nhà sản xuất đàn dương cầm. Người này mua xe mới, định bán xe cũ từ lâu nhưng chưa có ai mua, vì ai cũng chê xe cũ uống xăng nhiều. Gặp mối, chủ xe bán ngay, sau đặt cọc nhận xe đi thử, chưa sang tên vội. Sau này địch truy ra số xe, lần tới bắt ông chủ xe. Trước đó xe này của một đại úy Mỹ mãn hạn về nước. Khi bán cho ông chủ hiệu đàn này cũng chưa sang tên. Nghe tin sau đó đại úy này bị Mỹ gọi qua Sài Gòn để thẩm vấn.

Chỉ thị của Quân khu là phải đánh trong tháng 12/1964, trong lúc chúng tôi đã sẵn sàng. Đánh lúc này, ngoài tác dụng tiêu diệt sinh lực của địch, còn có ý nghĩa giáng trả hành động của Mỹ mở chiến tranh không quân ra miền Bắc, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị đang sục sôi của giai cấp công nhân trong thành phố Sài Gòn lúc bấy giờ. Và đặc biệt cũng để trả thù cho đồng chí Nguyễn Văn Trỗi vừa bị địch giết hại một cách đê hèn vào ngày 15-10-1964 tại nhà lao Chí Hòa.

Buổi họp giao nhiệm vụ hôm đó có bốn đồng chí: Bảy Bê vai lái xe, Tư Mập thủ vai đại tá, Tư Việt là chiến đấu viên dự phòng mới bổ sung và tôi lúc đó là trưởng ban quân báo. Chúng tôi ngồi dưới lùm cây bên hố chiến đấu ở ấp Bàu Chứa xã Nhuận Đức (Củ Chi). Trừ đồng chí Bảy Bê được biết trước, còn các đồng chí khác hơn tháng nay được giao nhiệm vụ đi nghiên cứu, học tập, tham gia các công tác chuẩn bị... nên chỉ hiểu láng máng sắp đánh một trận nào đây. Chúng tôi vẫn giữ nguyên tắc ngăn cách công việc, không hỏi nhau, không khêu gợi gì cả, nhưng đến lúc này ai cũng rạo rực, cái rạo rực trước giờ ra trận.

Soát lại toàn bộ phương án và lực lượng, chúng tôi có mấy thay đổi và bổ sung:

Hạ cấp đại tá của đồng chí Tư Mập xuống cấp thiếu tá vì đồng chí còn trẻ quá. Tăng cường thêm đồng chí Tư Việt[1] có trang bị một súng ngắn với nhiệm vụ chờ ở ngoài để hỗ trợ đồng chí lái xe trong tình huống xấu nhất, ngoài ra còn có đồng chí Năm Nông và đồng chí Nguyệt làm trinh sát lộ trình.

Qua bàn bạc, thay đổi, bổ sung, chúng tôi đã dự thảo tóm tắt của trận đánh:

"... Lúc 17 giờ ngày thứ ba 21-12-1964, một thiếu tá ngụy làm việc ở Bộ tổng tham mưu đi xe du lịch hiệu NASH đến cư xá Brink để gặp đại tá cố vấn Mỹ tên là William Johnson nhưng viên đại tá này đi vắng (đã

---

(1) Sẽ nói rõ về Tư Việt ở phần sau.

điều tra chính xác). Thiếu tá ngụy tỏ ra bực dọc và giao xe cho người lái xe ở lại đón đại tá Mỹ đưa về nhà mình. Sau khi thiếu tá đi khỏi, chiếc xe được đưa vào nơi bụng tòa nhà làm động tác nổ chậm rồi người lái xe tạo cớ đi ra ngoài trước khi khối thuốc phát nổ...". Từ dự thảo ban đầu ấy, các đồng chí đóng góp nhiều ý kiến trao đổi rất sôi nổi và gặp nhau ở quyết tâm và lòng tin chắc thắng.

Một trục trặc không lớn làm căng kéo thời gian: sắp đến ngày thực hiện trận đánh mới biết xe đã bị "lột dên" vì khô nhớt (nguyên do là đồng chí Bảy Bê mới tập lái xe chưa có kinh nghiệm), nên phải cấp tốc đưa xe vào xưởng sửa để kịp đánh trước 18 giờ ngày 24 tháng 12. Lui lại vài giờ nữa là không có lợi về tâm lý và chính trị vì đêm 24 là đêm Noel.

Cũng như những năm trước, đến dịp lễ Giáng sinh, chính phủ Mỹ thường thuê một đoàn nghệ sĩ Mỹ có tiếng tăm qua biểu diễn để giúp vui cho quân Mỹ ở Việt Nam. Năm ấy họ đưa qua đoàn Bop Hop do tài tử Bop Hop đứng đầu - một đoàn nghệ sĩ có tiếng tăm hạng nhất nước Mỹ. Đoàn dự định lưu diễn đêm Noel ở cư xá Brink này. Các sĩ quan Mỹ được nghỉ buổi chiều, quần áo tươm tất, đang chờ đợi một đêm vui vẻ nhảy nhót thỏa thích. Thật đúng lúc cho kế hoạch của ta. Xin trích ra đây văn bản báo cáo của đồng chí Bảy Bê người "lái xe" cho ông "thiếu tá" tổ trưởng trận đánh (hồ sơ lưu trữ ở Bộ chỉ huy Quân sự thành phố).

"... Sáng ngày 24-12-1964 tôi có mặt ở điểm tập kết số nhà 306/5 đường Lê Văn Duyệt (tức Đinh Tiên Hoàng ngày nay), phía Gia Định (cầu Bông) cách cư xá Brink 2000m. Ở đây với sự giúp đỡ của cơ sở (chủ nhà) và đồng chí chiến đấu viên, chúng tôi đưa thiết bị khối nổ vào xe, gắn các phương tiện gây nổ, bắt đầu từ 12 giờ đến 16 giờ 45 phút xong hoàn toàn.

17 giờ 20 phút, tôi lên xe chạy vòng sang địa điểm 2 là ngã tư xa lộ Hàng Xanh (Gia Định) nơi hẹn gặp đồng chí Tư Mập. Tại đây, đồng chí Tư Mập trang phục sĩ quan ngụy, mang lon thiếu tá lên xe.

Tiếp tục lái xe theo đường đã định qua các điểm đã bố trí trinh sát, tôi nhận được tất cả ám hiệu, từ đồng chí thứ nhất đến đồng chí thứ hai, rồi đến khách sạn Brink.

Xe chúng tôi đến khách sạn Brink lúc 17 giờ 40 phút, lúc các sĩ quan Mỹ đang lần lượt đi vào. Xe từ từ vào cổng, tên cảnh sát chào "vị thiếu tá" giả của ta. Đến sân trong, "thiếu tá" xuống xe và hỏi:

- Đại tá Mỹ William Johnson hẹn tôi ở đây. Đại tá đã về chưa?

- Dạ chưa. Tên cảnh sát trả lời.

"Thiếu tá" ra vẻ bực dọc trách móc, suy nghĩ một lúc rồi vẫy tay gọi "tài xế" (tức là tôi):

- Ê, mày (tôi tiến lại gần tên cảnh sát và "thiếu tá") để xe lại đây chờ đại tá về, mày đưa về nhà nghe.

Tôi đáp:

- Dạ.

Rồi “thiếu tá” rời khỏi khách sạn (tình huống đúng ý định của ta - trước đó lưới điệp báo đã báo tin là không có đại tá Mỹ ở đó).

Tôi lên xe, tiến về sân trống và de xe vào gầm nhà, đầu hướng ra ngoài, tư thế như sẵn sàng đón đại tá Mỹ nhưng cũng là tư thế xe chạy luôn, không phải quay đầu lại. Tôi làm bộ lau xe, quét nệm, bí mật kiểm tra lại các phương tiện nổ lần cuối cùng, đồng thời khóa tất cả cửa xe lại. Vài phút sau tôi ra phía trước, vừa đi vừa chửi tên “thiếu tá” nào là bắt chờ hết người này đến người khác nào là để đói, để khát...

Tôi đến gặp tên cảnh sát, tiếp tục kể lể những nỗi bực tức của mình, bọn này phụ họa chửi tiếp. Chúng nói các tài xế khác đến đây cũng bị bắt phải chờ đợi như vậy. Thấy có thời cơ tốt, tôi nhanh chóng xin đi ăn và nhắn lại:

- Đại tá có về, anh nói chờ tôi đi ăn một chút.

Bọn cảnh sát đồng ý. Tôi đi ra tiệm giải khát về phía đông trên trục lộ Hai Bà Trưng, cách cư xá 300m uống nước chờ kết quả. Giờ hẹn nổ là 17 giờ 55 phút, nếu đến lúc đó mà không nổ thì bất cứ giá nào cũng phải trở lại cho nổ trước 18 giờ. Tôi theo dõi đồng hồ từng phút. 17 giờ 45 phút tôi trả tiền, bước ra đường phố để chuẩn bị trở lại mục tiêu đánh ứng dụng nếu mìn không nổ. Đúng 17 giờ 55, tôi đang suy tính thì từ cư xá Brink một tiếng nổ long trời, một màn lửa đỏ bốc cao khoảng 400-500m, bởi đây có bồn xăng 2500 lít. Bên trong, xe cộ, máy móc, gạch sắt nổ tung hết ra ngoài, cư xá bị rỗng ruột ba tầng, ba tầng trên thì rạn nứt. Địch báo động ngăn chặn các ngã ba, ngã tư đường và xe chữa cháy của thành phố tập trung chạy về cư xá Brink..."

Phần đồng chí Tư Mập, vị "thiếu tá" sau khi rời khỏi cư xá, đã vào nhà một cơ sở để thay đổi bộ quân phục và mũ kêpi. Tiếng nổ phát ra khi đồng chí đang trên đường về (ban đầu dự định dùng xe của anh Nguyễn Thông đưa anh Tư Mập thoát nhanh nhưng sau bỏ phương án dùng xe này, vì sợ lộ số xe của cơ sở).

Sáng hôm sau, trên trang đầu các báo xuất bản ở Sài Gòn, bằng các thứ tiếng, với các "tít" lớn nổi bật nhất: "Việt cộng chơi Mỹ", "Cư xá Brink tan hoang"... liên tiếp trong hai ngày các báo đưa tin tường thuật các diễn biến, các chi tiết và hình ảnh đã diễn ra ở cư xá Brink. Sau trận đánh, nhiều báo chí, cả báo Mỹ, các đài phát thanh của ta và phương Tây đều đưa tin và bình luận.

Buổi sáng ngày 25-12-1964, trong các quán cà phê Sài Gòn, người dân tụm năm tụm ba quanh các tờ báo bàn tán, bình luận, tán dương ". ... Không biết làm cách nào mà các ổng về được...". Từ lâu, mối căm giận khinh ghét đối với can thiệp Mỹ bị dồn nén, chất chồng, giờ đây dân chúng vui mừng hả hê, thỏa mãn. Có nhà đặt tiệc ăn mừng và nói: "... Bọn khỉ đột bị trừng trị đích đáng". Đồng chí Sáu Dân (Võ Văn Kiệt) Bí thư Khu ủy và đồng chí Trần Hải Phụng Tư lệnh Quân khu đã đến thăm các chiến đấu viên sau trận đánh. Đồng chí Sáu Dân vui vẻ nói: "...Tụi mình đánh Mỹ kỳ này bằng búa tầy xồi" (búa tầy xồi, từ dân gian chỉ loại búa lớn, dùng để đập các vật rắn và to).

Đoàn văn nghệ Bop Hop bị một phen hú vía. May mà họ đến trễ mấy phút. Ngay hôm sau, tài tử Bop Hop đã trình diễn bài hát có câu: "... *Tôi xuống sân bay thì Sài Gòn bốc lửa...*" (theo "Tường trình của một quân nhân" hồi ký của Westmoreland đoạn nói về vụ nổ cư xá Brink).

Trong hồi ký này tướng Westmoreland cho rằng "*đây là một vụ nổ kinh khủng*" và xác nhận "*hơn 100 người chết và bị thương*". Thống tướng Westmoreland - báo chí ở Sài Gòn thời đó đã gọi vậy - năm 1966 khi trong tay có hơn 1 triệu quân (một nửa là Mỹ và chư hầu, hơn một nửa là ngụy quân) và một khối lượng bom đạn khổng lồ, đã huênh hoang hăm dọa: "... *Chúng ta sẽ tiếp tục làm cho họ phải đổ máu tới mức, hàng mấy thế kỷ phải chịu thảm họa dân tộc...*"

Tháng 5-1975, cũng chính viên tướng này phải cay đắng nói: "... *Nước Mỹ phải rút ra từ kinh nghiệm đau thương, bất hạnh, bi thảm này một bài học có giá trị cho tương lai...*" Đại tá Mỹ Kunzt người phụ trách bảo vệ an toàn cho các cư xá Mỹ ở Sài Gòn (báo chí Sài Gòn thường gọi ông ta là đô trưởng Mỹ) cùng đi với Taylor đến xem xét hiện trường, đã phát biểu: "*Tôi cho chỗ này là an toàn nhất rồi*". Taylor thì tiu nghỉu, thiểu não trước cảnh sụp đổ tan hoang của cư xá và sự thiệt hại nghiêm trọng về sinh lực. Sau đó, trong một báo cáo gởi cho Tổng thống Mỹ Johnson, ông ta đã viết: "... *Để người Mỹ bảo đảm an ninh cho chính mình, đòi hỏi phải có 75.000 lính Mỹ, cho dù như vậy cũng không ai bảo đảm sẽ không có những vụ Biên Hòa*[1] *và cư xá Brink xảy ra nữa...*". Trong tâm lý hốt hoảng, Westmoreland đã phải ra lệnh đưa vợ con quân nhân Mỹ về Mỹ, vợ con của ông ta thì đưa về Honolulu[2]. Tâm lý hốt hoảng ấy đã lan truyền hầu khắp lính Mỹ đến nỗi quân cảnh Mỹ đã nổ súng vào xe hơi của tướng Đặng Văn Quang (chỉ huy lực lượng đặc biệt của ngụy) và gia đình, khi xe của ông ta đi vào ngõ hẹp trước

---

(1) Trận quân ta pháo kích sân bay Biên Hòa ngày 1-1-1964, phá hủy 21 máy bay B.57, 1 máy bay U.2, 11 Skyraider, 3 máy bay lên thẳng phản lực.

(2) Theo hồi ký "Tường trình của một quân nhân" của tướng Westmoreland. Nhà xuất bản Trẻ, năm 1988.

khách sạn Mỹ vì có lẽ tưởng rằng đó là xe Việt cộng vào đặt chất nổ nữa.

Giữa năm 1965, theo chỉ thị của Quân khu, tôi có trình bày về tình hình chiến đấu ở thành phố và kể lại đầu đuôi trận này với nhà báo Liên Xô đang đến thăm vùng giải phóng Củ Chi. Khi nghe đến chỗ "phải hạ cấp đồng chí Tư Mập xuống thiếu tá..." thì đồng chí ấy chắp tay xá như kiểu xá Phật, vừa xá vừa cười. Đồng chí vui vẻ chấp nhận yêu cầu của chúng tôi là không tường thuật lại phần công tác tổ chức của trận đánh trên báo chí, vì phải giữ bí mật để còn tiếp tục đánh những trận khác nữa.

*

* *

Trận đánh tiêu biểu cho cách đánh **cường tập** tiêu diệt địch bằng thuốc nổ là trận đánh vào Đại sứ quán Mỹ ở đường Hàm Nghi quận 1. Khoảng đầu năm 1965, ngụy quân, ngụy quyền miền Nam đang lâm vào một tình thế nguy hiểm đến mức những kẻ cầm đầu chiến tranh hết sức lo ngại. Đại sứ Mỹ Maxwell Taylor đã thốt lên: "*Tình hình xấu đi nghiêm trọng*", còn Westmoreland thì than thở: "*Sự thất vọng sâu sắc và sự mất tinh thần tràn lan trên hầu khắp miền Nam*". Sau đó phái đoàn Mac Namara - Weeler sang Sài Gòn cũng phải kêu: "*Quân đội Việt Nam cộng hòa không đủ sức đương đầu với Việt cộng, tương* *quan lực lượng ở mức báo động, quyền chủ động đã về tay cộng sản...*". Ngụy quyền khủng hoảng, đảo chính liên miên, ngụy quân thì bị đánh tới tấp trên khắp chiến trường. Không nói đâu xa, ở ngay cửa ngõ phía bắc Sài Gòn, một tiểu đoàn địa phương ta đã diệt gọn tiểu đoàn của sư đoàn 25 ngụy, xác mấy cố vấn Mỹ bị bỏ lại, gặp nắng trương phù lên như những con bò mộng.

Những biểu hiện gần đây, có thể là những triệu chứng cho thấy một tính toán mới của Mỹ (đã có những dự đoán trước của Trung ương), tình hình có thể diễn biến theo chiều hướng quân Mỹ trực tiếp nhảy vào miền Nam Việt Nam, và như vậy quy mô và tính chất của cuộc chiến tranh này sẽ thay đổi hẳn.

Bức thông điệp đầu năm của tổng thống Johnson (4-1-65) đã thể hiện ý chí cứng rắn của một sen đầm quốc tế: "*Mỹ phải có mặt ở miền Nam Việt Nam vì nước bạn yêu cầu, vì bản cam kết từ 10 năm trước đây, vì an ninh của bản thân nước Mỹ và hòa bình châu Á...*". Trước đó (5-1-1964) tướng Grand Sharp, tư lệnh Thái Bình Dương của Mỹ đã la lối ở Honolulu: "*Trong cuộc đương đầu với cộng sản, một ngày nào đó sẽ lại một lần nữa phải... nếu việc đó xảy ra thì quân đội Mỹ sẵn sàng tiến hành bất kỳ một nhiệm vụ nào mà mình được giao phó...*". Đặc biệt, 3-1-1965, Maxwell Taylor, một con người luôn luôn biểu hiện nhất quán chính sách của Mỹ đối với miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ, lại tuyên bố: *"Việc mở rộng và gây áp lực với Bắc Việt Nam sẽ không có giới hạn nào cả và Mỹ có thể trực tiếp bước vào cuộc chiến tranh trên bộ, nếu cần thiết"*.

Ở Sài Gòn, Đà Nẵng, một số người đang chạy vạy xây cất, sửa sang nhà cửa để cho Mỹ thuê. Đám nhà thầu đang hối hả dựng các nhà cao tầng kiểu Mỹ, theo đơn đặt hàng của cơ quan viện trợ Hoa Kỳ. Số tàu cập bến mới đây chở đầy xe tăng loại M.48, loại mới xuất hiện ở Việt Nam, với các tháp chỉ huy có trang bị sẵn, lạ mắt...

Kiểm điểm lại tình hình ta địch ở chiến trường sau một cuộc họp giao ban, Bộ Tư lệnh Quân khu có gợi ý: Biệt động Sài Gòn nên có một cú "dằn mặt"[1] với bước leo thang mới của đế quốc Mỹ, đồng thời cũng đáp ứng lời kêu gọi thiêng liêng: "Miền Bắc gọi, miền Nam trả lời". Tôi hiểu ngay việc cần phải hành động gấp, nhưng vấn đề bây giờ là dằn mặt ở đâu? Dằn mặt như thế nào? Ai đánh? Những giờ sau buổi họp tôi cứ suy nghĩ miên man. Sau vụ nổ ở cư xá Brink, tướng bốn sao Westmoreland phải thốt lên: "Thật là kinh khủng". Nay đòn dằn mặt này phải cho ông ta kinh khủng hơn nữa, phải là mục tiêu có bề thế hơn.

---

(1) Từ dân gian Nam Bộ, tương tự như là phủ đầu, cảnh cáo.

Hình ảnh của tòa đại sứ Mỹ hiện ra với tất cả sự hấp dẫn của nó, khiến tôi nghĩ đây có lẽ là mục tiêu xứng đáng nhất so với tinh thần chung và yêu cầu "dằn mặt" trong tình thế hiện nay.

Tòa đại sứ này cũng là hiện thân của sự tàn bạo và đê tiện cả về chủ trương lẫn hành động của tên trùm ăn cướp thế giới đối với nhân dân ta. Chủ nhân của nó là Maxwell Taylor, chính thức nhận đại sứ Mỹ ở miền Nam Việt Nam ngày 4-7-1964 (mặc dù ông ta đã có mặt trước đó) sau khi thôi chức chủ tịch hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ. Theo báo chí thì ông ta thuộc tầm cỡ chiến lược gia ở Mỹ, cha đẻ của học thuyết "Phản ứng linh hoạt", tác giả cuốn sách diều hâu về chiến tranh Việt Nam: "Trách nhiệm và đáp ứng". Trong thâm tâm tôi muốn đây cũng là dịp để ông ta thấy người Sài Gòn "đáp ứng" ông ta thế nào.[1]

Sau cuộc họp, tôi ở nán lại trình bày tất cả suy nghĩ của mình.

---

(1) Sau ngày thất bại ở miền Nam Việt Nam Maxwell Taylor đã cay cú thốt ra: "... Tôi không thể giải thích nổi cuộc thảm bại của chúng ta. Đây là một trận Oa-tec-lô của Mỹ (9-4-1975)... Tất cả chúng ta đều có phần của mình trong thất bại của Mỹ ở Việt Nam và chẳng có gì là tốt đẹp cả. Chúng ta không hề có một anh hùng nào trong cuộc chiến tranh này mà chỉ toàn là một lũ ngu xuẩn. Chính tôi cũng nằm trong số đó (14-5-1975).

Bộ tư lệnh Quân khu thống nhất mục tiêu là tòa đại sứ Mỹ, hướng là giao cho lực lượng quân báo thực hiện, nhưng cần xin ý kiến của trên, vì đây là một loại mục tiêu có liên quan đến bối cảnh chính trị lúc bấy giờ. Về quyết tâm, phương thức thủ đoạn, ngày giờ hành động, dự kiến sẽ thông qua sau khi đã tìm hiểu và nghiên cứu địch tình.

Chúng tôi chưa có cơ sở nằm bên trong mục tiêu này, nên phải vận dụng một số khả năng từ bên ngoài. Đó là một cơ sở làm việc ở tòa đại sứ Pháp, lợi dụng mối liên quan qua lại giữa các sứ quán với nhau để tìm hiểu tình hình bên trong. Chúng tôi còn dùng một trung úy ngụy, vốn là người của ta đưa vào hàng ngũ địch, hàng ngày lân la vào các quán nước gần đó để theo dõi các quy luật hoạt động của mục tiêu này.

Sứ quán Mỹ là tòa nhà năm tầng, chiếm một góc ngã ba đường Hàm Nghi và Võ Di Nguy (nay là Hồ Tùng Mậu). Hàng ngày có 195 quan chức nhân viên Mỹ làm việc. Tầng bốn là nơi làm việc của đại sứ và phó đại sứ. Cấu trúc nhà chắc chắn, cao so với xung quanh. Lá cờ 50 sao ngạo nghễ thách thức.

Sau các trận đánh của ta vào các cơ sở Mỹ, địch đề phòng nghiêm ngặt hơn. Trên lề đường, trước cửa chính của tòa đại sứ có cảnh sát thường trực làm nhiệm vụ theo dõi người ra vào nhà thuốc tây Dương

Thị Liễu phía đối diện với hông tòa đại sứ; ngăn chặn không cho xe dừng trước mặt và ngang hông tòa đại sứ. Bên trong cổng chính, có hai quân cảnh Mỹ làm nhiệm vụ kiểm soát người ra vào, cùng phân đội lính thủy đánh bộ Mỹ ở tầng trệt sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tòa đại sứ Mỹ. Một hàng rào bằng một hệ thống tấm chắn có khung và song bằng gỗ được bố trí để nới rộng phạm vi an toàn lấn ra 3,8m và 2m lòng đường, mặt đường khúc này còn lại đủ cho các loại xe lưu thông một chiều từ bắc xuống nam.

Lề đường góc phía tây thường có hai cảnh sát và hai quân cảnh làm nhiệm vụ quan sát, bảo vệ tuyến bên hông tòa đại sứ, đồng thời theo dõi cả các quán điểm tâm giải khát. Nơi đây là tụ điểm của hàng chục mật thám, công an chìm làm nhiệm vụ bảo vệ khu vực tòa đại sứ.

Lúc đầu, tôi nghĩ đến phương án đóng giả một bộ trưởng ngụy, đến làm việc với sứ quán Mỹ để đưa xe chất nổ áp vào tòa nhà. Đây là món sở trường của đơn vị chúng tôi. Đánh kiểu này thì nhẹ nhàng cần ít chiến đấu viên, dễ thắng, an toàn, nhưng đòi hỏi công phu chuẩn bị, tận dụng sơ hở của địch (như các trận Caravelle, Brink). Nhưng thời điểm chính trị không cho phép chúng tôi chần chờ được nữa. Cần một phương án táo bạo nhất, dùng sức mạnh đánh gục địch tại cửa mở, cho xe chở một khối lượng lớn chất nổ lao thẳng vào mục tiêu... Cách này thì chuẩn bị nhanh hơn, nhưng đòi hỏi chiến đấu viên một bản lĩnh ngoan cường, cảm tử, và theo tôi, ít nhất phải sáu đồng chí tham gia.

Phương án này tuy táo bạo với tình hình lúc bấy giờ nhưng có cơ sở để hạ quyết tâm, dựa vào mấy phân tích về địch như sau:

- Sơ hở chính của địch là tòa nhà nằm trong vùng dân cư, mua bán sầm uất (gần đấy là khu vực chợ Cũ Sài Gòn) đông người, sát đường giao thông xe cộ qua lại tấp nập, ta dễ dàng trà trộn tiếp cận (phòng làm việc ở tầng dưới cách lề đường xe chạy 5m). Địch đã thấy sơ hở này, nên phân tuyến quy định cho xe chạy một chiều, nhưng đường này lại hẹp, xe ta có thể một loáng phóng qua, địch chống đỡ không kịp.

- Lực lượng bảo vệ của Mỹ ở đây tuy có đông nhưng vì khu vực hẹp, nên không thể bố trí và triển khai nhiều người cùng một lúc. Chủ yếu ở đây ta phải đối phó trực tiếp với đám cảnh sát ngụy. Nếu hành động của ta kiên quyết dũng cảm, thì tác động đến tinh thần của chúng ngay, đối phó của chúng sẽ bị tê liệt từ đầu. Khoảng thời gian khi tiếng nổ lớn làm chúng choáng váng là thời cơ ta rời xa khu vực chiến đấu.

- Thoát khỏi khu vực đó khoảng 50-200m là khu vực chợ, đồng bào rất đông đúc (chợ Cũ, chợ Cầu Ông Lãnh) ta dễ dàng trà trộn vào dân.

Tuy nhiên với phương án này tôi có hai băn khoăn: một là kiểu đánh quá mới mẻ với đơn vị chúng tôi, hai là khó tìm cho đủ chiến đấu viên theo yêu cầu của trận đánh (chúng tôi là một cơ quan quân báo, chức năng chủ yếu là cung cấp tin tức tài liệu để các đơn vị làm kế hoạch chiến đấu).

Vào lúc chập choạng tối, tôi đến Bộ chỉ huy quân khu, trình bày mọi suy nghĩ, băn khoăn của mình. Tối hôm ấy vấn đề được định đoạt dứt khoát:

- Mục tiêu: Đại sứ quán Mỹ.
- Phương pháp và thủ đoạn chiến đấu: bất ngờ, tập kích hủy diệt địch bằng khối nổ 150 kg trở lên.
- Lực lượng: ngoài số chiến đấu viên hiện có cần tuyển chọn thêm trong lực lượng quân khu.
- Thời cơ: đánh gấp, chuẩn bị xong lúc nào đánh lúc đó.
- Mật danh trận đánh: M1

Về chiến đấu viên, trước hết là các nhân vật quyết định, người điều khiển xe gây nổ và xung kích mở cửa, chúng tôi chọn đồng chí Bảy Bê, Tư Việt và chọn thêm đồng chí Thế ở trong đội trinh sát của đơn vị bộ binh; còn hai đồng chí trinh sát cho trận đánh vẫn là đồng chí

Năm Nông và Minh Nguyệt.[1]

Người chuyển vũ khí lần này là ông Tư Sao, vốn là một tín đồ Thiên Chúa giáo sùng đạo. Từ sở cao su của ông Tư, vũ khí được ngụy trang trong các bành mủ được Minh Nguyệt cùng mẹ[2] chuyển đến ông Mười Vĩnh Long đường Trần Quang Khải quận 1 và nhà của anh Năm Bắc đường Bạch Đằng, Gia Định. Anh

---

(1) Đồng chí Bảy Bê, Năm Bắc đã giới thiệu ở phần trước.

+ Đồng chí Tư Việt tên thật là Lê Văn Việt (căn cước giả mang tên Nguyễn Văn Hai thợ mộc), đã được chúng tôi tuyển chọn qua huyện ủy Thủ Đức từ trước trận Brink. Anh là một thanh niên nghèo, tám tuổi cha mẹ chết, lớn lên trong vùng bưng Sáu xã Thủ Đức (vùng căn cứ cách mạng của huyện), nhờ cô bác và được cán bộ nằm vùng giáo dục cách mạng, anh được huyện ủy cài vào lực lượng dân vệ. Trong vai lính, anh đã hoàn thành nhiệm vụ mà huyện ủy giao. Sau Đồng khởi, theo nguyện vọng riêng kết hợp chủ trương của huyện ủy anh đã thoát lính dân vệ lấy về được một số súng góp vào việc xây dựng lực lượng vũ trang ban đầu của huyện Thủ Đức.

+ Đồng chí Trần Thị Minh Nguyệt tham gia vào hàng ngũ quân báo từ năm 1961. Đã từng đóng vai nhân tình của đại tá cố vấn Mỹ trong trận Caravelle, vai bà chủ bán cao su và là trinh sát lộ trình trong trận cư xá Brink.

+ Đồng chí Trần Văn Thế con một gia đình gốc miền Bắc vào Nam trước cách mạng tháng 8-1945, là cơ sở nuôi nấng đùm bọc nhiều đồng chí thành ủy thời kỳ chống Pháp. Đồng chí Thế ra vùng giải phóng, vào đội trinh sát chiến đấu của quân báo Quân khu.

(2) Xem phần phụ lục cuối sách.

chị Mười đều là gốc người Vĩnh Long, làm nghề nấu ăn cho Mỹ.[1]

Chiếc xe làm vật hy sinh là một ô tô du lịch hiệu Frigate màu đen được mua với giá 270.000đ lúc đó.

Vào khoảng 26, 27-3-1965 mọi việc chuẩn bị đều xong, chỉ thiếu lực lượng chiến đấu (cần thêm một đồng chí nữa). Lại nghe tin đại sứ Taylor đã về Mỹ nên tôi muốn hoãn lại đến đầu tháng tư để tìm thêm người và chờ Taylor trở lại. Nhưng lúc đó tôi đứng trước hai sức ép về thời điểm nổ súng. Một là trong những ngày này phong trào đấu tranh trực diện của công nhân với ngụy quyền Sài Gòn đang ở điểm cao, cấp trên gợi ý cần có một đòn quân sự thối động để hỗ trợ. Hai là hai đồng chí chiến đấu viên quyết định của trận đánh thì sôi nổi, giục giã ra trận và nói một cách chắc nịch là các đồng chí bảo đảm chiến thắng và an toàn lực lượng. Những sức ép trên có hiệu quả đối với tôi tuy lòng tôi vẫn băn khoăn, một mối băn khoăn trở thành ray rứt cho đến sau khi trận đánh đã thành công. Đó là mặc cảm của tôi về phần trách nhiệm trong quyết định có liên quan đến đồng chí Tư Việt với những diễn biến sau đó.

---

(1) Sau chị Mười bị bắt, chúng đánh chị đến bệnh chết.

Lúc 9 giờ ngày 30-3-1965[1], Tư Việt đi xe gắn máy đã có mặt ở ngã ba đường Võ Di Nguy (nay là Hồ Tùng Mậu) và Nguyễn Công Trứ. Liếc ra sau thấy xe hơi của đồng chí Bảy Bê chưa đến, anh rà lại chỗ bán thuốc lá bên vệ đường vừa mua thuốc vừa quan sát số cảnh sát gác gần đó, xe vẫn giữ máy nổ...

Thế cũng đã có mặt ở góc đường Tôn Thất Đạm và Nguyễn Công Trứ đang vờ cúi xuống buộc dây giày.

Chiếc xe du lịch của Bảy Bê trên đường Phú Kiệt đến ngã tư Võ Di Nguy thì bị nghẽn, nên phải chậm lại một phút (theo giờ hiệp đồng). Xe vừa trờ tới ngang lằn vôi qua đường đến tòa nhà sứ quán, nhanh như cắt Tư Việt dùng súng lục hạ tại chỗ hai cảnh sát có vũ trang trước mặt, hai tên khác hốt hoảng bỏ chạy. Đám công an chìm ở quán nước gần đó ùa ra định vây bắt. Thế dùng súng lục bắn vào đám này, hạ ngay một tên đang nhắm bắn Tư Việt.

Tình hình diễn ra như dự kiến, bằng một động tác thành thạo Bảy Bê tăng ga, chiếc xe lao tới lề đường thẳng vào hướng cửa chính của tòa nhà. Anh thắng mạnh cho xe dừng tại chỗ, một tay tung cửa, một tay

---

(1) Diễn biến chiến đấu theo báo cáo đề ngày 15-4-1965 của phòng Tham mưu Quân khu Sài Gòn - Gia Định (hồ sơ lưu trữ của Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hồ Chí Minh).

giật nụ xòe. Hành động bất thần và quá đột ngột làm cho tên Mỹ đứng gác luống cuống không kịp đối phó, Bảy Bê nhảy ra khỏi xe băng qua đường dưới sự yểm trợ của Thế.

Đại liên của Mỹ từ tầng năm bắn xéo qua đường.

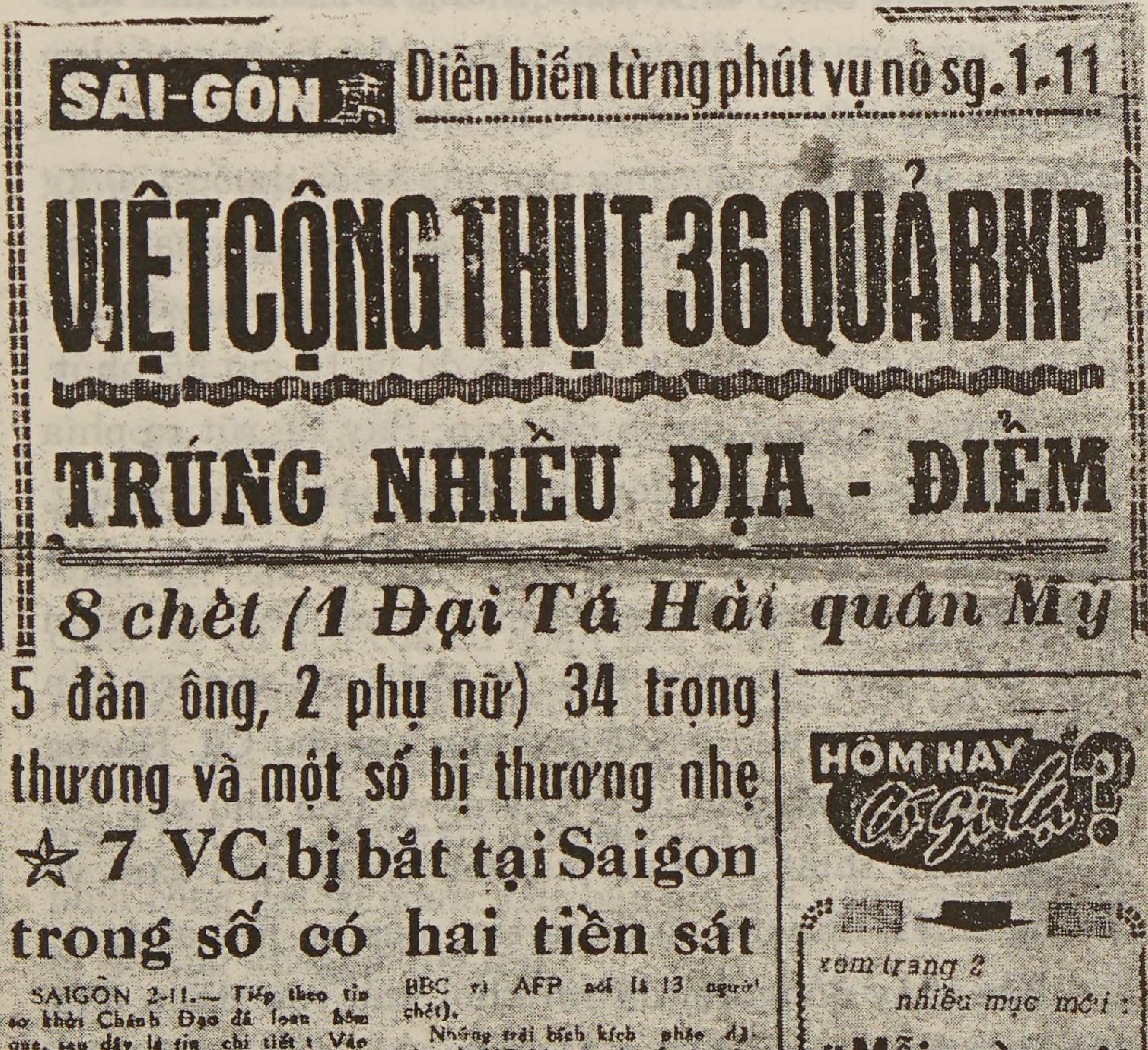

SÀI-GÒN Diễn biến từng phút vụ nổ sg. 1-11

VIỆT CỘNG THỤT 36 QUẢ BKP

TRÚNG NHIỀU ĐỊA - ĐIỂM

8 chết (1 Đại Tá Hải quân Mỹ 5 đàn ông, 2 phụ nữ) 34 trọng thương và một số bị thương nhẹ

☆ 7 VC bị bắt tại Saigon trong số có hai tiền sát

SAIGON 2-11.— Tiếp theo tin sơ khởi Chánh Đạo đã loan hôm qua, sau đây là tin chi tiết : Vào lúc 7 giờ kém 2 sáng 1-11-66 trước giờ khai mạc cuộc diễn binh kỷ niệm ngày Quốc Khánh, VC đã mở 2

BBC và AFP nói là 13 người chết).

Những trái bích kích pháo đầu tiên do VC bắn ra đã nổ giữa lúc cuộc diễn binh đang được chuẩn bị. một trái thứ nhất đã nổ ngay trên

HÔM NAY Có Gì Lạ?

xem trang 2
nhiều mục mới :
○Mỗi ngày một vấn đề thời sự

Báo chí của ngụy tại Sài Gòn
đưa tin về trận pháo kích 1-11-1966

Khu vực trước sứ quán trở nên hỗn loạn, các đường và ngã ba gần đó bị nghẽn.

Số quan chức và nhân viên sứ quán lúc đầu nghe tiếng súng nổ, ló đầu ra cửa sổ xem. Phát hiện được tình hình nghiêm trọng họ hô hoán tranh nhau chạy xuống thang máy để nhanh chóng rời khỏi nơi này. (Kinh nghiệm các lần trước biết ta đánh, nên cố đạp lên nhau thoát ra ngoài). Địch chưa ra khỏi nhà thì khối thuốc đã nổ, sức công phá của khối thuốc 150 kg được cấu tạo lõm, thổi tập trung vào phòng giữa xung quanh là các tường kiên cố nên sức mạnh chuyển lên phá hủy các tầng phía trên. Lúc đó là 10 giờ 55 phút.

Trong lúc xung quanh rối loạn, Bảy Bê rút ra phía ngoài lên xe tắc xi. Xe đến chợ Bến Thành, anh xuống, lách qua các gian hàng buôn bán để đề phòng địch theo dõi, sau đó ung dung về nhà cơ sở. Thế bắn viên đạn cuối cùng yểm trợ cho Tư Việt, rồi cho xe gắn máy phóng qua ngã ba để qua bên kia chợ Cũ. Không thấy chúng theo, anh chạy thẳng về nhà thu xếp các đồ đạc cần thiết rồi đưa mẹ anh ra xe đón sẵn, về thẳng chiến khu (bà cụ đứng tên mua xe Frigate).

Khi thấy đồng đội đã rời khỏi khu vực chiến đấu, Tư Việt lao xe ra đường Nguyễn Công Trứ, vài tên công an rượt theo, Tư Việt quay lại bắn. Một cuộc đấu súng trên đường phố. Anh bị một viên đạn trúng lưng xuyên ra trước bụng (viên đạn trúng anh do một cảnh sát ở khu vực khác, thấy Tư Việt chạy ngang nên bắn theo). Tốp cảnh sát và quân cảnh phía sau ập tới. Máu ra nhiều kiệt sức, anh quăng xe thủ một gốc cây bên đường, dùng súng bắn lại chúng. Sau một lúc vật lộn, máu ra nhiều, anh ngất đi và bị chúng bắt. Chỗ này nằm xế xế trước rạp hát Kim Châu khoảng 20m, cách tòa đại sứ Mỹ hơn 750m về phía tây.

Tiếng nổ long trời ở tòa đại sứ Mỹ làm cả Sài Gòn náo động. Từng đoàn xe cứu hỏa lao tới cùng với các đoàn người đổ về đông nghẹt, ai cũng muốn được nhìn tận mắt cảnh tượng bi thảm của "nhà trắng" Việt Nam.

Sức công phá của khối thuốc nổ làm tất cả tường phía trong của lầu 1,2,3 đều bị sập rỗng lên đến tầng tư, song sắt cửa của các tầng đều bị cong queo; mấy chục chiếc xe du lịch của sứ quán đều cháy trụi, lá cờ Mỹ bị rơi xuống đất lẫn trong gạch vụn. Sứ quán Mỹ tan hoang. Số Mỹ còn sống sót lóp ngóp chui ra, mình mẩy bê bết máu; Phó đại sứ Alexis Johnson ôm đầu máu được dìu ra phía cổng đại sứ quán. Lúc bấy giờ ước lượng số chết và bị thương khoảng 100 tên.[1]

---

(1) Cuối năm 1965, quốc hội Mỹ thông qua ngân sách một triệu đô la để xây dựng mới tòa đại sứ. Báo chí Mỹ đưa tin với quy hoạch thiết kế mới thì "chống được Việt cộng đánh bom" và tiết lộ số thiệt hại lần đó là 190 tên vừa chết vừa bị thương.

Tin tức bay về nhà trắng lúc tổng thống Mỹ Johnson đang tiếp đãi phái đoàn của nước Thượng Volta. Ông ta bỏ dở bữa tiệc để về nghe báo cáo và sau đó đã phải công nhận: "Việt cộng đánh thần tình, còn ta (Mỹ) thiệt hại nghiêm trọng". Dư luận thế giới những ngày đó sôi động lên về tin sứ quán Mỹ ở Việt Nam bị đánh (sau này chúng tôi có dịp đọc được). Tờ báo Pháp ra tháng 5-1965 dành hai trang đầu tường thuật tin và hình ảnh. Báo chí và bà con ở thành phố bàn tán không ngớt trong mấy ngày này. Sáu tháng sau chúng tôi nhận được một bức thư của công nhân khu mỏ Hòn Gai, với lời động viên khích lệ, thể hiện sự gắn bó tình nghĩa Bắc Nam ruột thịt.

Qua lần đánh này, những người Mỹ ở Sài Gòn (cả quân sự và dân sự) lộ vẻ khiếp sợ ra mặt. Mỗi lúc đi trên đường phố, nghe tiếng nổ xa hay gần họ đều chạy ùa vào các nhà đồng bào nơi gần nhất, sau đó gọi quân cảnh tới hộ tống về nhà. Bốn ngày sau đó, sĩ quan cao cấp Mỹ đang trú ngụ trên các tầng lầu khách sạn Rex (nay là Bến Thành) đột nhiên tuôn xuống chạy cuống cuồng ra phố, lính quân cảnh chặn lại không nổi. Sau đó mới hay, nghe tin có hai chiếc xe tải chở xi măng hồ nghi là chất nổ nên tất cả ùn ùn bỏ chạy (tin của báo chí Sài Gòn lúc đó).

Ngay chiều hôm ấy, gia đình đồng chí Thế được đưa ra chiến khu theo kế hoạch đã định. (Mẹ của Thế đã hy sinh vì bom cuối năm 1965, đồng chí Thế cũng đã hy sinh trong một trận chống càn ở Bến Cát).

Tám hôm sau ngày bị bắt, vết thương chưa lành, địch đưa Tư Việt ra xử ở tòa án quân sự sau nhiều lần tra khảo, đánh đập. Tòa án của ngụy lúc đó cố xét xử nhanh chóng để tâng công với Mỹ, và dùng cái án tử hình để đe dọa phong trào cách mạng ở đô thị. Tư Việt ra trước tòa, tuy gầy xọp so với trước, anh vẫn thản nhiên nghe địch tuyên án tử hình khẩn cấp. Thái độ ấy đã gây kinh ngạc cho một số phóng viên báo chí nước ngoài, mà sau đó họ có dịp nhắc đến. Tin ấy được báo về căn cứ khiến chúng tôi bàng hoàng đau đớn vì thương tiếc Việt. Đêm khuya, tôi tìm đến nơi Bộ Tư lệnh Quân khu đóng đề đạt nguyện vọng làm sao để cứu được Tư Việt.

Theo dõi bản tin hôm sau và liên tiếp ba ngày sau đó, chúng tôi nghe được bản tuyên bố của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, nói rõ: sẽ xử bắn trung tá tình báo Herzt nếu phía Mỹ xử tử đồng chí Tư Việt.

Chúng tôi thì quá mừng rỡ, có đồng chí xúc động khóc nức nở. Cả Sài Gòn hả dạ về nguồn tin này. Dư luận lại được khuấy lên, tiếp tục bàn tán, tiếp tục chửi Mỹ và tay sai.

Bị thêm vố này Mỹ rất cay cú, vì Herzt là một nhân viên tình báo (CIA) bị ta bắt ở Thủ Đức vốn là anh vợ của em tổng thống Kennedy. Dòng họ có thế lực này nhao nhao lên đòi tổng thống Johnson (lúc đó kế vị Kennedy bị ám sát) phải can thiệp[1]. Địch im lặng, không dám đả động đến bản án, mãi sau mới đưa Tư Việt ra Côn Đảo. Ngoài Côn Đảo, Tư Việt đấu tranh kịch liệt chống nội quy của địch, bị chúng hành hạ đánh đập dã man. Anh cùng Lê Hồng Tư, Phạm Văn Đẩu tổ chức vượt ngục. Nhưng mấy ngày sau bị chúng bắt lại, đánh đập liên tục cho đến chết (đêm thứ 10 sau khi vượt ngục).

Mới 26 tuổi đời, anh đã vĩnh biệt chúng tôi, nằm giữa đại dương mênh mông. Anh đã để lại cho chúng tôi hình ảnh cao đẹp nhất của một chiến sĩ cách mạng.

Sau nhiều năm đồng đội cũ của anh tích cực đề nghị,ngày 20-12-1994 Lê Văn Việt được nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Như vậy trận đánh vào tòa đại sứ Mỹ thắng lợi thì to lớn, nhưng lòng chúng tôi thì đau đớn vì đã mất Tư Việt. Đây là một tổn thất lớn đối với chúng tôi (tình cảm này cứ ray rứt trăn trở trong tôi qua nhiều năm tháng, chỉ nguôi ngoai khi Tư Việt được tuyên dương anh hùng). Nhưng cũng từ trận này cho chúng

---

(1) Xem chú thích ở phần phụ lục cuối sách.

tôi nhiều bài học có giá trị để bổ sung phương án tác chiến của đơn vị F.100 cho các năm sau đó.

Chúng tôi coi trận này như là một thử nghiệm thành công lối tập kích trực diện với các mục tiêu "cứng" và lớn ở thành phố. Từ trình độ tổ chức và trình độ tác chiến được nâng cao mà ta có hiện nay, có thể đi đến kết luận là: từ đây về sau có thể đánh bất cứ mục tiêu nào mà ta muốn. Có nghĩa là đánh được theo yêu cầu[1] của trên và của chiến trường. Trước đây các đơn vị biệt động ở thành phố thường đánh theo khả năng (lệ thuộc chủ yếu vào khả năng mà mình sẵn có như các mục tiêu ta có điều kiện tiếp cận, nơi địch có sơ hở mà ta sử dụng được....). Cơ quan chỉ huy quân sự thành phố lúc bấy giờ chỉ định ra phương hướng và đối tượng chính, còn đánh ở đâu, mục tiêu cụ thể nào... thì phải để các tổ chiến đấu, đội biệt động đề xuất, cơ quan thấy hợp lý thì thông qua. (Trong kháng chiến chống Pháp, năm 1950, một đơn vị biệt động - đội 2766 - cánh Thủ Đức đã dùng xe hơi đánh vào bar của các sĩ quan Pháp, ở đường Albert 1er Đa Kao, nhưng lúc bấy giờ cả ta và địch đều trong trình độ thô sơ. Trước đó, đơn vị biệt động 159 có trận tấn công rạp Kinh Đô được coi là trận theo

---

(1) Xem chú thích ở phần phụ lục cuối sách.

kiểu này, nhưng thực hiện vào ban đêm, phòng bị của địch còn đơn giản)...

Từ kinh nghiệm đó, các trận sau của F.100 trong các năm từ 1965 đến 1968 đều phát huy cách đánh này[1], nhưng quy mô lớn hơn, đội hình chiến đấu mạnh hơn nhiều (từ 10-12 đồng chí) trực tiếp chiến đấu, từ 2-3 xe hơi, 4-5 xe gắn máy, 6-7 khẩu AK báng xếp và 150-500 kg thuốc nổ cho từng trận[2]. Đỉnh cao là đợt 1 mùa xuân Mậu Thân 1968, các đội hình chiến đấu của Biệt động đồng loạt tập kích vào các mục tiêu yết hầu của địch (sẽ nói ở chương sau).

*
* *

Những năm 1965-1966, phong trào đánh Mỹ diệt ngụy sôi nổi khắp các chiến trường miền Nam. Riêng chiến trường Sài Gòn - Gia Định không phải đi tìm kiếm địch như các chiến trường khác. Ở đây bước ra là gặp địch, hết ngụy đến Mỹ. Đối tượng của chúng tôi vẫn là hai loại này, nhưng trong thâm tâm từng đồng chí biệt động thì "mê" đánh Mỹ hơn. Nó vừa là lòng căm thù giặc Mỹ, vừa là hiệu quả chiến đấu. Ở đây Mỹ gom lại từng nơi để ta đánh diệt một lần nhiều "cá to", điều mà ở chiến trường rừng núi nông

---

(1) (2) Xem chú thích ở phần phụ lục cuối sách.

thôn, một trận tìm diệt được loại cấp tá của Mỹ cũng đã khó. Tuy nhiên, chúng tôi cũng vẫn không tha quân ngụy, số này bị đánh đi đánh lại nhiều lần. Đối tượng chính vẫn là công an cảnh sát, quân cảnh, những lực lượng chủ yếu đàn áp phong trào của quần chúng và đi rình mò bắt bớ đánh phá tổ chức ta. Đặc biệt chúng tôi chú trọng việc đánh vào các cuộc diễu binh của ngụy - nơi địch huênh hoang, khoe khoang sức mạnh - Nhằm đập tan sự khoác lác và hạ uy thế chúng giữa bàn dân thiên hạ. Từ chủ trương này, chúng tôi tiến hành tổ chức trận đánh vào ngày lễ quốc khánh của ngụy. Đây cũng là trận đánh tiêu biểu cho cách đánh thứ ba của biệt động: đánh bằng **pháo kích**.

Sau khi lật Ngô Đình Diệm, ngụy quyền Sài Gòn lấy ngày 1-11-1963 hàng năm làm ngày quốc khánh. Khi Mỹ nhảy vào thì địch tổ chức lễ quốc khánh rùm beng và là dịp để phô trương các vũ khí của Mỹ trong lễ duyệt binh. Thường sân lễ làm dọc theo đường Thống Nhất từ cổng dinh Độc Lập đến Thảo cầm viên (nay là đường Lê Duẩn). Đây là khu vực diễu binh và hai bên đường là nơi dân đứng. Khán đài làm ở sau nhà thờ Đức Bà, đây là nơi tập trung quan khách và các quan chức chóp bu của ngụy, là nơi mà chúng tôi nhắm tới.

Ta đã đánh một lần vào năm 1965 nhưng đánh hụt, sự việc diễn ra như sau: Trước ngày 1-11-1965, ta đã chuẩn bị sẵn một xe jeep, một khẩu cối 60 ly và một tổ chiến đấu được trang bị AK, súng ngắn. Đầu giờ ngày lễ của địch, xe jeep sẽ dừng lại một điểm đã xác định trên đường Phan Đình Phùng (tức Nguyễn Đình Chiểu ngày nay) phù hợp với cự ly bắn xa nhất của cối 60 ly. Cần bắn khoảng bốn đến năm phát là đạt yêu cầu.

Nhưng tình huống xảy ra thật bất ngờ: khi xe xuất phát ở vùng Bà Chiểu qua khỏi được hai ngã tư thì đồng chí xạ thủ bỗng nhiên có thái độ hốt hoảng và thoái thác không nhận nhiệm vụ chiến đấu. Tình thế không thuận lợi, cuối cùng đồng chí tổ trưởng quyết định quay xe lại nơi xuất phát, dấu lại vũ khí và đưa đồng chí xạ thủ chưa quen tác chiến kiểu này về khu giải phóng. (Do chuẩn bị gấp, chưa đào tạo kịp anh em biệt động học làm xạ thủ, nên có mượn một cán bộ cấp phó đại đội cối 82 của Quân khu, đồng chí này chưa quen đánh ở đô thị).

Hụt một cú đánh, chúng tôi tức như bị bò đá. Năm 1966, lễ quốc khánh địch dự định làm to hơn nhiều, có các khối đội hình bộ binh của Mỹ và chư hầu tham dự diễu binh, các loại trang bị mới từ Mỹ đưa qua, như xe tăng M.48, pháo 175 ly "Vua chiến trường" v.v... Thường vụ Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu giao cho biệt động năm nay (1966) là phải đánh cho được. Mục đích trận đánh chủ yếu là hạ uy thế chính trị của địch trước dư luận trong và ngoài nước. Lúc bấy giờ đồng chí Trần Đình Xu làm Tư lệnh, nhắc tới nhắc lui vấn đề này rất sớm.

Đánh vào lễ quốc khánh với sự bố phòng chặt chẽ của địch, tránh thiệt hại cho ta thì tốt nhất đánh bằng pháo cầu vồng, cần bắn chính xác vào khu vực khán đài để tránh thiệt hại cho quần chúng dự lễ. Nó cũng phù hợp với mục đích là hạ uy thế địch, lấy việc gây tiếng nổ ở lễ đài và ngưng cuộc diễu binh là thắng lợi, không lấy việc tiêu diệt sinh lực địch làm chính.

Để bảo đảm chắc ăn, lúc bấy giờ chúng tôi xác định là phải chuẩn bị ít nhất bốn nơi đặt trận địa pháo, dứt khoát một trong bốn địa điểm này nổ được là đạt yêu cầu.

Lúc bấy giờ trang bị pháo của Quân khu cao nhất là cối 82 và súng DKZ 75 đây là loại súng chống tăng của bộ binh có phương pháp bắn gián xạ (bắn cầu vồng) ở góc độ xa nhất, điểm rơi ở tầm 6000m. Đối chiếu lại tình hình các vùng du kích chiều và ban đêm ta làm chủ quanh thành phố thì có hai hướng có thể đặt được để bắn vào khán đài: một hướng vùng bưng Sáu xã huyện Thủ Đức và một hướng nữa ở xã Đa Phước (Rạch Cây Khô) huyện Nhà Bè. Hai trận địa này sẽ được chuyển pháo bằng đường du kích từ quân khu xuống và từ rừng Sác qua, dựa vào sự phối hợp yểm trợ và bảo vệ của các huyện này để triển khai.

Ngoài ra phải bố trí ngay trong thành phố hai địa điểm gây nổ khác là một trận địa cối 82 ly và một trận địa cối 60 ly. Sau khi xác định cự ly cối 82 ly, lúc bấy giờ phải chi tiền mua một căn nhà ở chợ Vườn Chuối, quận 3. Nhà mua xong[1], phải đưa súng đạn xuống đo đạc cấu trúc trận địa (làm móng giữ bàn đế, chuẩn bị khu vực trổ nóc nhà cho đạn pháo bay ra...). Gay go nhất là chuyển cho được bàn đế của cối 82 Trung Quốc (mâm nặng, ô dề, chân cắm xuống đất, dày và rộng bản khó ngụy trang trong hàng hóa). Riêng khẩu cối này phải chuẩn bị trước 9 tháng, đơn vị được bàn giao trận địa khi chiến đấu là đội 8, đồng chí Tám Bền là đội trưởng. Về khẩu cối 60 ly việc chuẩn bị đỡ phức tạp hơn, cũng phải đưa súng đạn vào trước, phái cán bộ pháo vào điều tra, xác định phần tử bắn trên một khúc rạch, cự ly phù hợp với tầm xa nhất của cối 60 ly. Trận địa là một ghe được neo sẵn đêm trước ngày 1-11-1966. Việc này do đồng chí Ba Phong chỉ đạo và chị Ba Lài thực hiện.

Khẩu DKZ 75 của tiểu đoàn 6 Bình Tân xuống vùng Nhà Bè thì thuận lợi, việc hành quân mang vác

---

(1) Do chị Chín Lộc (Lâm Thị Ẩn) quản lý.

qua các vùng du kích Vườn Thơm Bà Vụ xuống Đa Phước, chỉ găng nhất là lúc qua đường số 4, khúc đường mà Mỹ ngụy thường ngăn chặn. Người chỉ huy trận địa này là đồng chí Trần Minh Tâm, lúc bấy giờ là cán bộ chỉ huy tiểu đoàn biệt động. Trước kia đồng chí là pháo binh, đảm nhận việc đi hợp pháp vào thành phố xác định mục tiêu, đo đạc phần tử bắn v.v...

Khẩu DKZ xuống Thủ Đức thì gay go hơn nhiều. Vì tính toán trễ nên súng xuống không kịp. Sắp đến ngày đánh, Bộ Tư lệnh Quân khu Sài Gòn - Gia Định liên lạc bằng điện đài mượn một khẩu đội của Đặc khu Rừng Sác (lúc này từ Đặc khu Rừng Sác lên Thủ Đức bằng đường du kích). Đặc khu đã cử Đoàn 10 Đặc công đưa một khẩu đội cả súng và xạ thủ lên tham gia.

Chỉ huy cánh này được giao cho đồng chí Tư Tăng (anh hùng quân đội) quê ở Thủ Đức. Đồng chí trực tiếp chỉ huy đơn vị biệt động hướng dẫn và bảo vệ khẩu đội pháo trong quá trình làm nhiệm vụ.

Kế hoạch tác chiến cụ thể:

- Thời cơ nổ súng là lúc tổng thống ngụy đang đọc diễn văn, thường là lúc 7 giờ 15 phút đến 7 giờ 30 phút. Hiệu lệnh bắn theo đài địch (mỗi trận địa đều được trang bị một radio transitor).
- Hai khẩu DKZ bắn trước, hai trận địa cối theo

dõi nghe tiếng nổ của các nơi rồi thì không bắn. Thu xếp vũ khí và ngụy trang như cũ, để dành đó, chờ lúc đánh vào mục tiêu khác.[1]

Đúng như ta dự đoán, năm ấy địch làm to, để phô trương sự hùng mạnh về vũ khí của Mỹ cùng chư hầu và lên dây cót cho quân ngụy. Cách ngày lễ nửa tháng, địch ráo riết chuẩn bị. Đặc biệt về mặt an ninh, chúng tăng cường tuần tra canh gác và rà soát các vùng xung quanh. Nguyễn Cao Kỳ trong buổi họp báo rất huênh hoang, y cầm com-pa vẽ một vòng trên bản đồ có bán kính 15km đã được cả bộ binh càn quét để bảo vệ.

Trong lúc đó, ở Sở chỉ huy biệt động, khác với các lần trước, càng gần đến ngày quốc khánh ngụy, không khí đơn vị rất phấn chấn vì chúng tôi ai nấy đều tin chắc rằng sẽ đánh được, sẽ ấn đầu Mỹ ngụy xuống đất... Đúng ngày quốc khánh ấy, chiếc đài bán dẫn của chúng tôi mở liên tục... Thời gian và các nội dung giới thiệu chậm chạp đi qua, và cuối cùng thì phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ chủ tịch ủy ban hành pháp trung ương ngụy bắt đầu đọc bài diễn văn.

Chúng tôi dường như ai nấy đều nín thở lắng nghe vì theo hiệp đồng thì đây là giờ nổ súng. Nhưng lúc

---

(1) Khẩu cối 82 ly ở Vườn Chuối sau này dùng đánh vào Sở chỉ huy của Westmoreland. Khẩu cối 60 ly lúc bấy giờ không sử dụng, sau này dùng đánh vào quốc khánh ngụy năm 1967.

bấy giờ chỉ nghe đài lạo xạo... bẵng đi một lúc như bị trục trặc kỹ thuật... Sau đó bài diễn văn được đọc tiếp tục... rồi tiếng kèn đồng, kèn tiến binh của khối Mỹ, và đồng minh: Úc, Tân Tây Lan, Thái Lan... diễu hành qua lễ đài...

Chúng tôi đã không giấu nổi vẻ thất vọng trên nét mặt và càng về sau những người có mặt trong chỉ huy sở càng ngỡ ngàng...

Sau nhờ một đồng chí cán bộ theo dõi bản tin trưa của đài BBC nói lại, thì chúng tôi mới biết mình đã bị một cú "xí gạt" của đài Sài Gòn. Hóa ra họ đã sắp xếp lại tất cả. Khi pháo nổ, lễ đài tán loạn, Thiệu - Kỳ và các quan chức ngụy nhảy xuống, nằm rạp xuống đất. Dân chúng chạy tán loạn. Mấy phút sau khi ta hết bắn, địch khôi phục lại rất nhanh và tiếp tục cuộc lễ. Mãi đến lúc các tổ chiến đấu đã trở về, chúng tôi mới được biết đầy đủ mọi chi tiết về trận đánh. Khẩu đội DKZ Nhà Bè bắn trước, viên đạn thứ nhất trúng ngay nơi gác chuông nhà thờ và bục phía trái của khán đài danh dự, bắn được hai phát thì kẹt súng. Mười phút sau mới bắn tiếp được 10 quả. Một đại tá hải quân Mỹ chết trong loạt đạn này. Sau đó khẩu đội rời khỏi trận địa an toàn.

Ở khẩu đội DKZ 75 Thủ Đức, tình hình khó khăn hơn, trước đó địch cho 9 trực thăng rà soát và đổ quân sau trận địa pháo của ta khoảng 2000m. Trên

Anh hùng liệt sĩ
Nguyễn Văn Trỗi

Anh hùng liệt sĩ
Trần Văn Đang

Anh hùng liệt sĩ
Lê Văn Việt

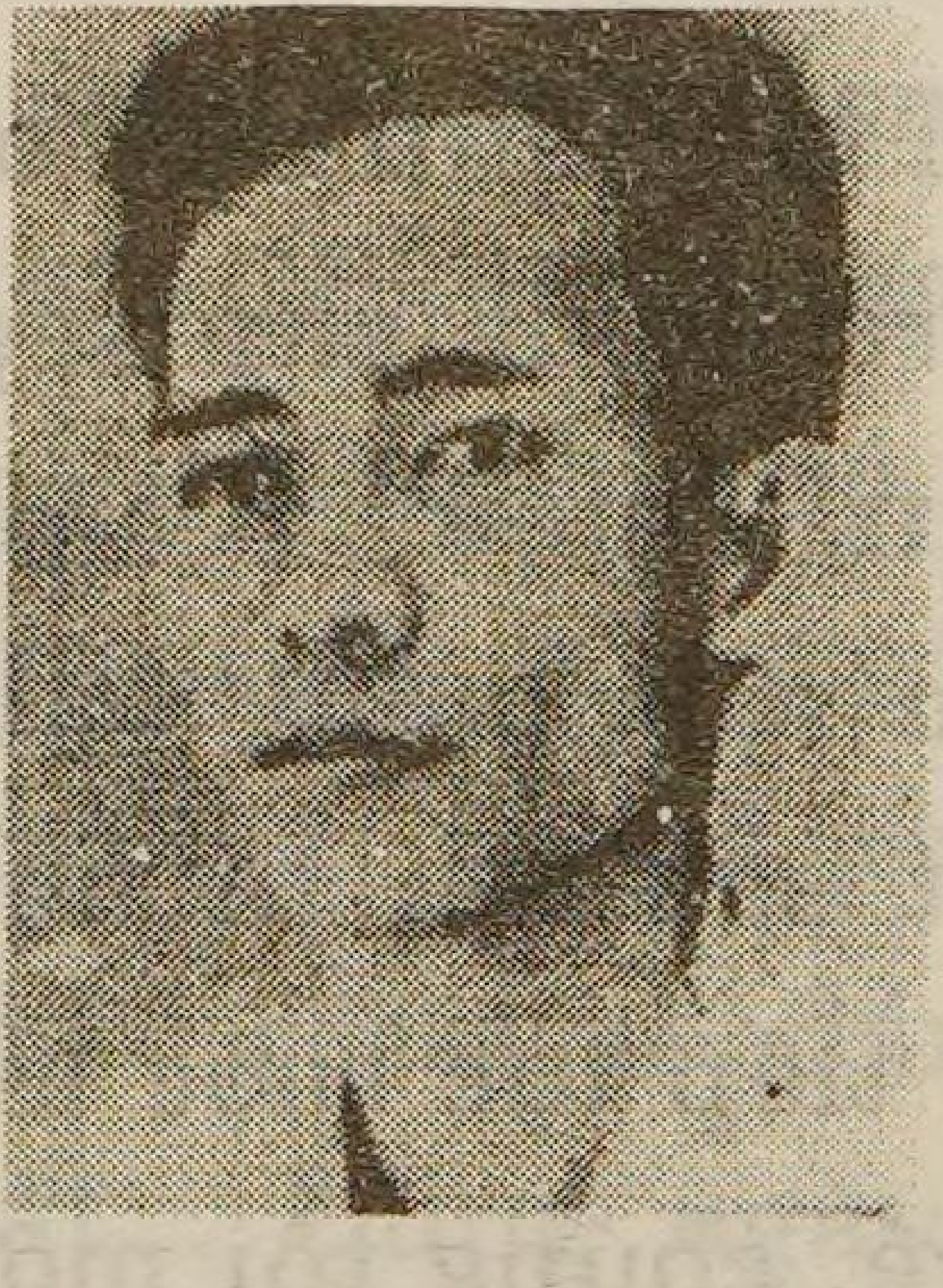

Anh hùng liệt sĩ
Phạm Văn Hai

Anh hùng
Nguyễn Văn Tăng

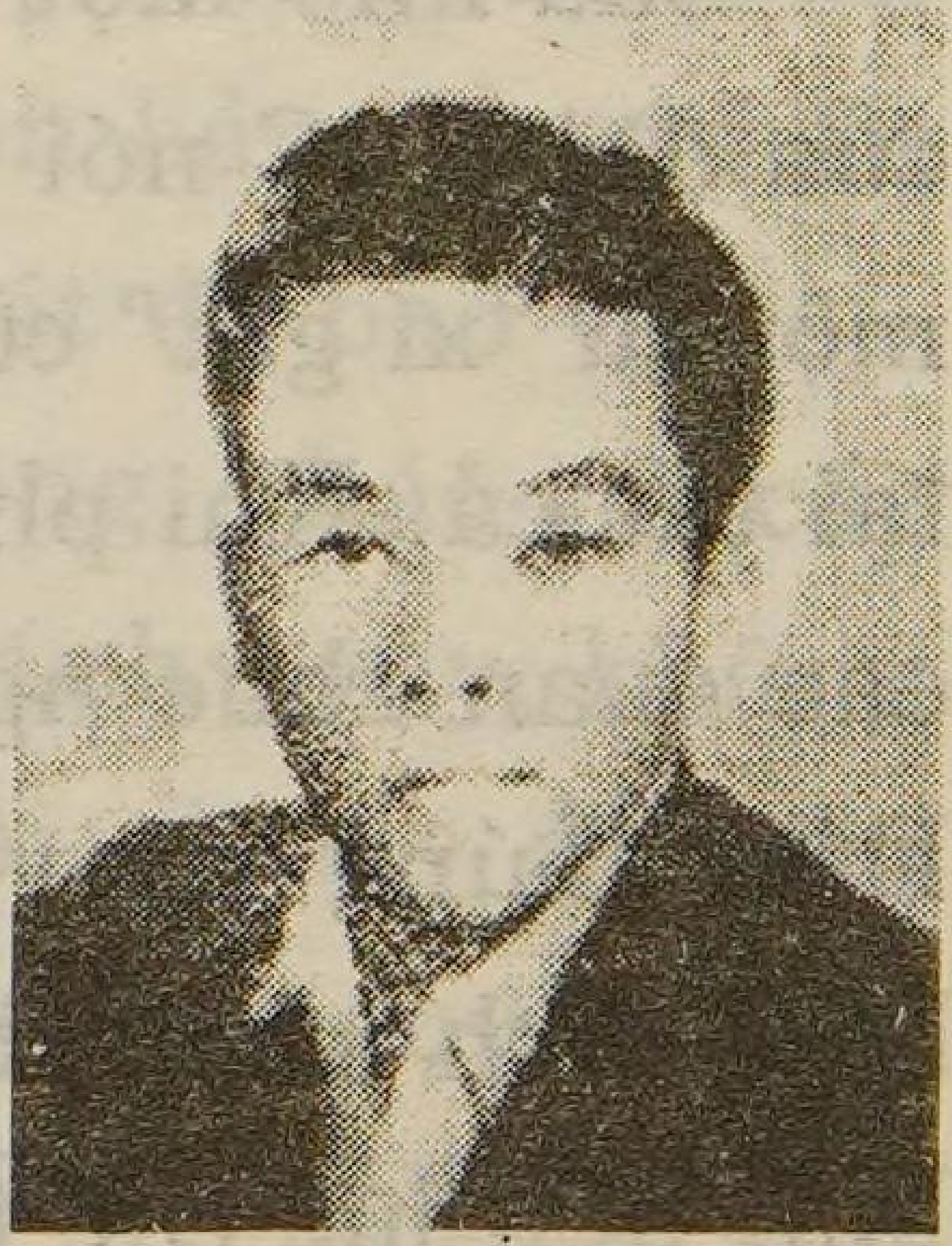

Anh hùng liệt sĩ
Bành Văn Trân

Anh hùng liệt sĩ
Nguyễn Văn Kịp

Thiếu tá Nguyễn
Thanh Xuân (Bảy Bê)

Đại úy Lâm Sơn Náo
(Ba Náo)

Liệt sĩ
Nguyễn Văn Thông

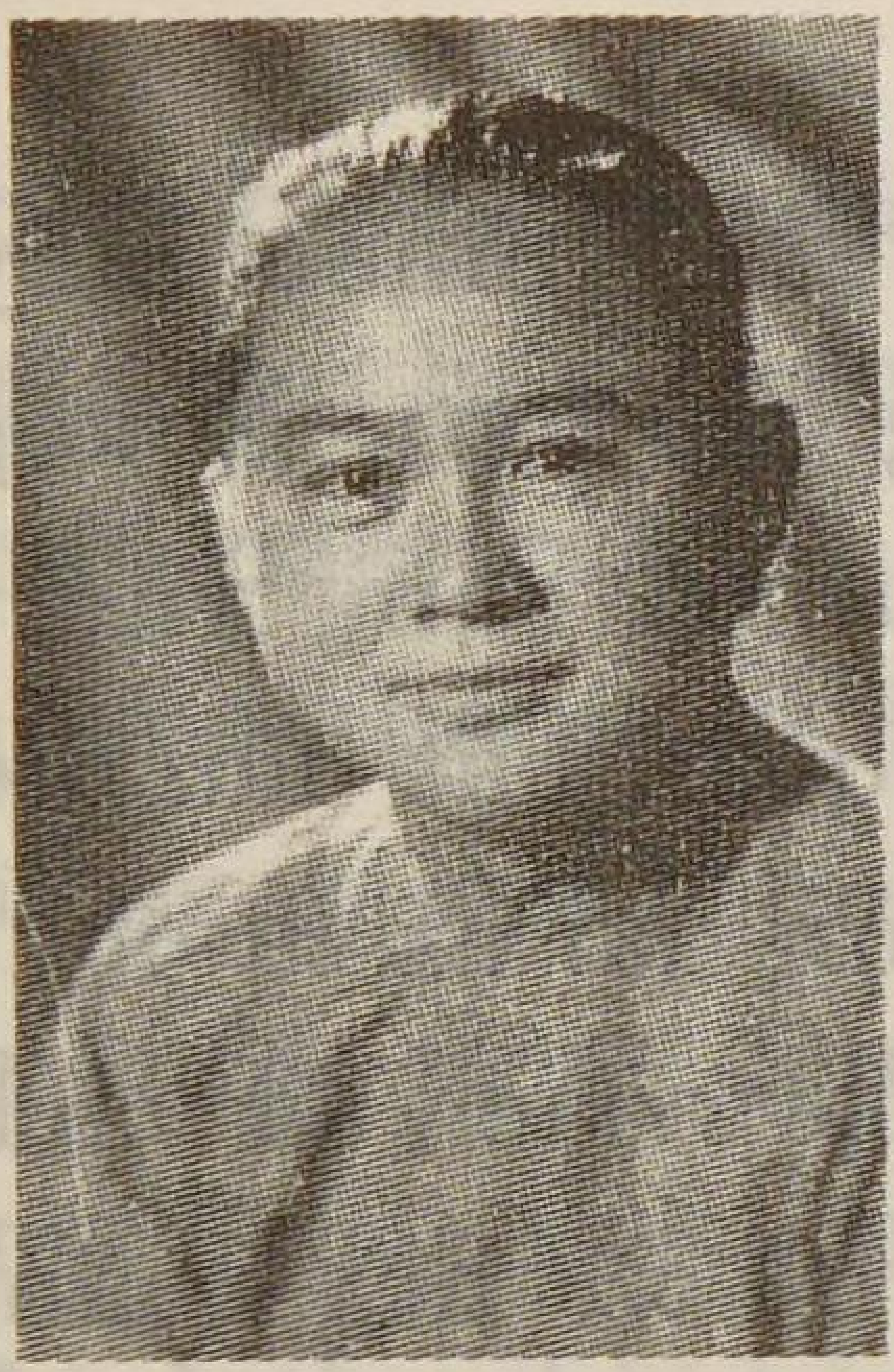

Liệt sỹ Huỳnh Thị Phát
(Vợ liệt sỹ Nguyễn Văn Thông)

Bà Vũ Thị Lượng (mẹ đồng chí
Minh Nguyệt)

Đồng chí
Trần Thị Minh Nguyệt

Đồng chí
Nguyễn Nông

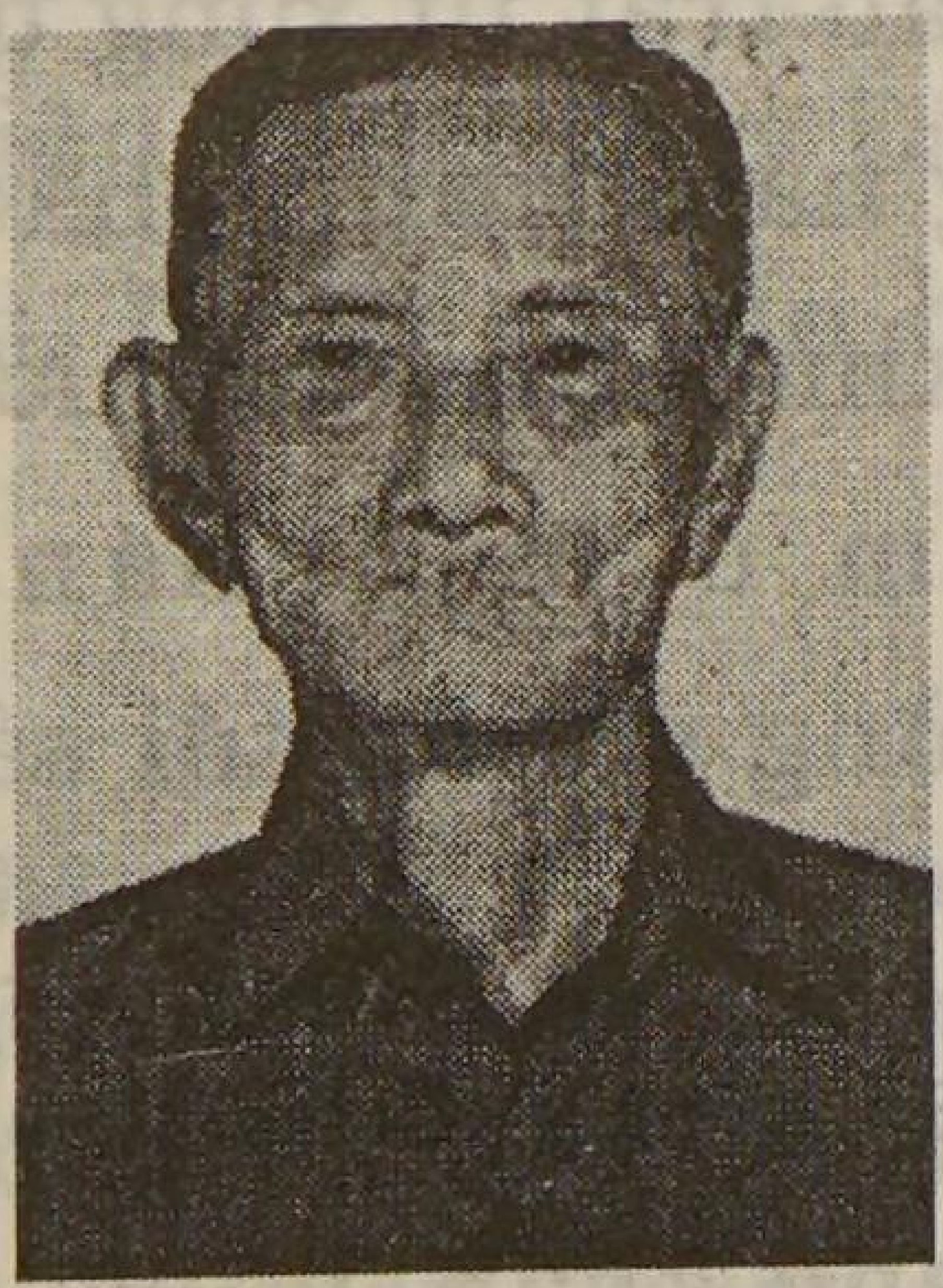

Bác
Huỳnh Văn Sáu

Đồng chí
Đỗ Hán

vùng trời, nhiều máy bay khu trục, phản lực, trực thăng bay lượn để xếp hàng biểu diễn. Tuy vậy khẩu đội đã nổ súng vào lúc quân nhạc trỗi lên và các đoàn quân bắt đầu diễu binh.

Còn hai khẩu đội 81, và 60 ly đều thực hiện theo đúng kế hoạch đã vạch ra. Báo cáo trận đánh này (lưu trữ ở Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hồ Chí Minh) đã ghi lại: "... Số đạn bắt đầu rơi xung quanh khán đài chính, ở Bộ tư pháp và Bưu điện trong lúc địch đang chỉnh đốn đội hình diễu binh. Hai quả rơi lúc đầu, quan khách trên khán đài chính còn ngơ ngác, lúc quả sau rơi tiếp ở cạnh khán đài gây nên cảnh vô cùng hỗn độn. Các quan khách ngoại quốc và tướng tá ngụy (chưa có Thiệu - Kỳ) nằm bẹp xuống khán đài, quần áo lem luốc; trong đó có một toán gồm Phi, Úc Philippin và Đài Loan xong loạt đạn này thì lén bỏ về. Còn sĩ quan và lính ngụy thì bung ra chạy dữ dội, đạp nát các hàng rào trật tự xung quanh và giẫm bừa lên những tên đang nằm tránh pháo dưới đất và đồng bào hai bên đường khiến nhiều người bị thương. Tướng Westmoreland nằm ở bục khán đài, đại sứ Mỹ Cabotlodge trên đường đi gần tới sân lễ, nghe tin vội chuồn luôn.

Loạt đạn thứ hai bắn lúc 8 giờ, khi cuộc diễu binh bắt đầu, đạn rơi quanh khán đài và phía đối diện, một quả rơi gần chỗ Thiệu - Kỳ đứng, một quả rơi gần góc khán đài chính... Tất cả lại diễn ra hỗn loạn, đặc biệt các đoàn ngoại giao của các nước chư hầu tháo chạy thục mạng, cuối cùng không người nào trở lại..." [1]

Đến năm 1967, trước ngày quốc khánh cả tháng, địch đã đưa lực lượng ra án ngữ ngoài rìa thành phố trên các hướng ta để pháo năm 1966. Đêm đêm máy bay trực thăng quần đảo đến sáng. Trước tình hình ấy, chúng tôi biết rằng, không thể đánh theo bài bản năm 1966 được. Vì vậy kế hoạch đánh năm nay, phải từ ở trong ruột (trong thành phố) dùng một cối 60 ly, bắn vào buổi tiệc ngoài trời tại dinh Độc Lập nơi Thiệu - Kỳ tiếp quan khách quốc tế và các quan chức cao cấp trong chính phủ Sài Gòn.

Nơi chuẩn bị cho trận địa cối 60 ly là một căn nhà xép ở trong hẻm đường Ohier (nay là đường Huỳnh Thúc Kháng) gần sát bên chùa Ấn Độ (bà con thành phố thường gọi là chùa Chà). Đây là nhà của một chị cơ sở của ta buôn bán trà Huế gần đó. Cự ly căn nhà này đến khuôn viên dinh Độc Lập, vừa với tầm xa nhất của cối 60 ly. Người chuẩn bị mọi thứ cho trận

---

(1) Hãng AFP nhận xét về trận pháo kích năm 1966 như sau: "... Cuộc pháo kích đã gây ra cảnh hoảng sợ khủng khiếp và chứng tỏ Việt cộng đã có thể mang vũ khí nặng vào thủ đô Việt Nam". Một hãng thông tấn phương Tây cho đó là: "... Ngày Quốc Khánh đẫm máu và nước mắt".

đánh, kể cả chuyên chở vũ khí, đưa cán bộ pháo binh đi đo đạc và chỉ đạo thiết bị để bắn, trổ nóc nhà... là đồng chí Ba Tường, một cán bộ quân báo. Mọi thứ chuẩn bị xong thì giao cho đội 8, do đồng chí Tám Bền và năm chiến đấu viên của đội thực hiện.

Dự buổi chiêu đãi tối hôm ấy, có đầy đủ quan khách các nước có quan hệ ngoại giao với chính phủ Sài Gòn. Phía Mỹ có Phó tổng thống Humphrey dự. Khẩu cối hôm đó chỉ bắn được 4 quả, 2 quả đầu rơi vào khuôn viên dinh Độc Lập, 2 quả sau do bàn đế đặt ở gốc cây bị lún nên vướng nổ trên nóc nhà phía trước. Tuy nhiên hai quả rơi vào dinh Độc Lập này cũng đã làm cho quan khách bỏ chạy ùa ra tìm chỗ nấp. Humphrey thì chúi đầu vào giữa hai bức tường ở góc nhà. Tuy không chết người nào nhưng cũng là một cảnh không vui cho chủ nhà và quan khách của Thiệu - Kỳ năm đó.

Chương III

MẬU THÂN 1968

Những năm 1965-1966-1967, song song với việc đánh địch thường xuyên, có hiệu quả, đoàn F.100 còn phải thực hiện nhiệm vụ bí mật tiến hành chuẩn bị các điều kiện bảo đảm được bố trí sẵn trong thành phố để khi cần có thể sử dụng tiến công các cơ quan đầu não của Mỹ, ngụy.

Đây là nhiệm vụ khá mới mẻ và khó khăn so với nhiệm vụ tổ chức đánh địch. Trong đó yêu cầu bí mật được đặt lên hàng đầu và là một nguyên tắc bắt buộc.

Để giữ bí mật, công tác chuẩn bị được phân công cho nhiều đầu mối để ngăn cách nội dung, trong đó có hai đơn vị phụ trách hai phần quan trọng: Một đơn vị chuyên vận chuyển vũ khí từ bên ngoài vào, bao gồm cả chuẩn bị phương tiện vận chuyển, ngụy trang vũ khí khí tài chiến đấu. Còn một đơn vị chuyên vào công việc chuẩn bị kho tàng chứa vũ khí, nơi trú ém quân và bố trí sẵn phương tiện cơ giới để khi cần chở các đội biệt động đến mục tiêu tấn công. Hai đơn vị do các đồng chí Ba Phong, Hai Sang và Ba Đen phụ trách. Sau này bổ sung thêm đồng chí Võ Tâm Thành và đồng chí Lê Viết Định. Đó là những đồng chí "sừng sỏ" nhất trong công tác nội thành.[1] Các mặt công tác này rất phức tạp và bí mật, đòi hỏi phải vận dụng nhiều kiến thức, nhiều kinh nghiệm và sự thành thạo chiến trường.

Trong công tác vận chuyển vũ khí, phải giải quyết một chuỗi các khâu quan trọng, tất cả phải bảo đảm an toàn để khỏi lộ phương thức vì qua đó địch có thể tìm hiểu được ý đồ của ta. Do đó phải sử dụng nhiều loại phương tiện đường bộ, đường thủy, mỗi loại phương

---

(1) + Đồng chí Ba Phong, (tên thật là Đỗ Văn Trực), quê ở xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Gia Định; tháng 11-1978 được phong Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.
+ Đồng chí Ba Đen tên thật Ngô Thành Vân, người phụ trách đánh đại sứ quán Mỹ trong Mậu Thân. Đã mất sau một tai nạn giao thông năm 1977 ở Thủ Đức.
+ Đồng chí Hai Sang (tên thật Dương Long Sang), đồng chí Võ Tâm Thành và Lê Viết Định đều đã nghỉ hưu.

tiện đều có thiết bị, có chỗ cất giấu riêng để qua mắt địch. Phải dùng nhiều trục đường và kỹ thuật ngụy trang khác nhau.

Trong đội ngũ những người vận chuyển đường thủy lúc ấy, có hai vợ chồng ông Chín. Ông bà vốn là nông dân quận Hóc Môn suốt đời chèo thuê chở mướn trên sông Sài Gòn. Làm việc cực nhọc nhưng cuộc sống vẫn nghèo khổ, tết đến ông bà cố gắng lắm mới kiếm đủ tiền sắm cho ông được chiếc áo lành lặn. Ông bà tiếp nhận nhiệm vụ cách mạng một cách tự giác, nhiệt tình. Ông còn có biệt danh là "Chín khổ".

Từ đấy con đường chèo chống của vợ chồng kéo dài từ vùng giáp ranh với địch đến các ngóc ngách, sông rạch quanh thành phố Sài Gòn. Chiếc xuồng của ông bà Chín Khổ được tạo thành hai đáy một cách khéo léo, nhìn qua không thể phát hiện được. Mỗi chuyến xuồng có thể chứa được vũ khí đủ cho nửa trung đội chiến đấu.

Theo anh Ba Phong và anh Hai Sang kể lại, trong đợt vận chuyển súng để pháo kích vào lễ quốc khánh ngụy ngày 1-11-1966 ông bà đã gặp hai lần lên ruột.

Một lần, ông bà phải chuyển một nòng súng DKZ 75, và một cơ số đạn 57 ly. Vì nòng súng dài không thể giấu trong khoang hai đáy, nên phải dùng đinh móc sát súng vào đáy ghe (để nòng súng dưới nước). Kỳ ấy ghe đi qua thị xã Bình Dương bị cảnh sát xét khá kỹ.

Có lẽ chúng khả nghi nên đã dùng một sợi dây thép kéo sát lườn ghe để kiểm tra. Lợi dụng chỗ khuất, bà Chín đẩy bó mía rơi xuống sông làm cho sợi dây bị vướng. Một tên nhảy xuống, bà nắm tay lôi vào ghe dúi cho một ngàn đồng và nói: "Tội nghiệp qua buôn bán không lời bao nhiêu, mấy em cầm uống nước, cho đi kẻo trễ buổi chợ". Tên này cầm tiền đút túi nhảy lên bờ và cho phép bà Chín đi. Thật hú vía!

Chuyến đó về gặp chúng tôi bà nói ngay:

- Thôi mấy cha nội, giao gì mấy chuyện "ác ôn" quá chừng. Thứ gì mà nó dài quá cỡ, lần sau giao loại nho nhỏ đó...

Sau đó ít lâu, có người kể lại với ông bà là anh em đã dùng cái mà bà gọi là "dài quá cỡ đó" đánh vào khán đài Mỹ Thiệu đang duyệt binh kỷ niệm ngày quốc khánh 1-11-1966 khiến cả đám quan khách Mỹ cùng tay sai lê lết mọp xuống đất để tránh pháo. Hai ông bà đã cười rất hể hả. Ông Chín châm thuốc, chậm rãi hỏi:

- Chừng nào thì đi công tác nữa?

Ông vốn là người ít nói, suốt ngày chỉ cặm cụi lo bảo quản ghe, vừa lao động, giăng lưới bắt cá ven sông để sống và làm việc cho cách mạng. Bao nhiêu việc đi đứng bên ngoài, đối phó với địch tức là các việc "đối ngoại" đều do bà Chín lo.

- Kỳ này thì không phải là loại dài, mà tròn, nhưng cái tròn này cũng "ác ôn" lắm! Lời anh Ba Phong và Hai Sang mào đầu để giao công tác.

Vật tròn này là bàn đế cối 82 ly của Trung Quốc. Phần trên (nòng pháo, phụ tùng và đạn) đã chuyển đi bằng đường bộ. Chỉ trừ bàn đế nhắm đi không xiết (loại bàn đế cối 82 ly Trung Quốc tròn và to, lại có mấy sống đế nhô ra rất khó ngụy trang) nên phải đi đường thủy.

Bàn đế được khiêng lên nhưng rất kềnh càng, không làm sao cho gọn lại được. Tất cả cùng nhau bàn bạc mãi mà vẫn chưa tìm ra cách gì cho phù hợp. Bà Chín đứng ngoáy trầu thong thả nói: "Thôi để tui lo cho". Rồi bà lật úp bàn đế lại, lấy đất sét đắp bằng mặt dưới và kê lên đó mấy cục gạch, biến thành cái bếp nấu nướng trên ghe.

Quả thật chính chúng tôi cũng không thể nhìn ra chiếc bàn đế khẩu cối 82 của chúng tôi nữa. Thật đáng nể phục! Lần này đi cũng trót lọt, chỉ hơi đứng tim lúc qua trạm gác ở cầu Bình Lợi, bọn dân vệ nhảy xuống ghe đến "bếp" giở nồi để xin ăn... May mà chúng không phát hiện được gì cả!

Một hôm chúng tôi đến đơn vị bảo đảm để xem xét tình hình vận chuyển vũ khí đến đâu. Thật lạ, ngoài lán không thấy hòm đựng vũ khí, chỉ thấy những đống cây cao su đã cưa ra từng khúc. Bước vào bên trong, chúng tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy một bộ ván ngựa bằng gỗ và một bộ sa lông đóng đúng kiểu tân thời nằm chình ình giữa nhà. Thế là thế nào nhỉ? Đang lúc công việc gấp gáp, không lẽ... Như hiểu nỗi băn khoăn của chúng tôi, các đồng chí phụ trách kéo tôi ra chỉ vào đống cây ở bìa rừng cười hỏi:

- Trong mấy chục khúc cây đưa về Sài Gòn làm củi, có phân nửa có súng, đố các anh súng nằm ở khúc cây nào?

Đã biết khúc cây nào có súng cũng phải xẻ dọc cây, khoét thành bộng mới để được, nhưng chúng tôi mày mò mãi mà không sao tìm ra lằn ngụy trang dọc theo khúc gỗ. Chưa ai kịp phát biểu, thì các anh kéo chúng tôi vào nhà, chỉ vào bộ ván ngựa và bộ sa lông nói:

- Đố các anh hai thứ này được đóng để làm gì?

Thấy chúng tôi không đoán được, các anh mới cho hay khẩu cối 60 ly và cây B.40 cùng với đạn đã nằm gọn trong đó.

Tinh thần của người chiến sĩ cách mạng, cộng với hoa tay của người thợ, đã tạo ra những món hàng hóa ngụy trang, đạt đến trình độ tinh vi, mỹ thuật. Những loại hàng hóa này cứ ung dung qua mắt địch, qua các nút kiểm soát có tiếng là "hắc búa" nhất.

Khoảng tháng 12-1965, riêng vũ khí cầm tay ta đã đưa vào và cất giấu an toàn hơn 100 súng các loại, một tấn lựu đạn, hai tấn thuốc nổ v.v...

Song song với công tác vận chuyển[1] là phần chuẩn

---

(1) Xem chú thích ở phần phụ lục cuối sách.

bị kho tàng tại chỗ, gồm một chuỗi các công việc : phải tạo một căn nhà có bình phong hợp pháp (như tiệm may, tiệm giặt ủi, tiệm làm một nghề thủ công nào đó, nhà ở, v.v...). Căn nhà này phải cách mục tiêu định đánh chừng 2000m trở lại (để khi tình huống xấu nhất, như địch công bố giới nghiêm, vẫn vận động tới mục tiêu được). Trong nhà phải có hầm chìm sâu (tối thiểu 3m^2 để cất vũ khí và chứa được từ một đến hai tổ chiến đấu, số còn lại có thể ém ở vách đôi, hay trần nhà. Và luôn luôn sẵn sàng những phương tiện cơ giới (thường là hai đến ba xe vận tải nhẹ) để đủ sức đưa một đội khoảng 12 đến 18 đồng chí từ nơi xuất phát đến mục tiêu chiến đấu. Đồng chí chủ hầm vũ khí sẽ là cán bộ kiêm lái xe đưa anh em vào chiến đấu v.v... Đấy là sự đồng bộ cho công tác về kho tàng và cũng là một trong các khâu mấu chốt để giành thắng lợi.

Khó khăn lớn nhất trong công tác này là tìm cho được người đảm nhận các kho, tức là khâu nhân sự, (khâu này tôi thường trực tiếp làm, đồng chí chính ủy đi sâu vào công tác tư tưởng và bảo vệ). Người được chọn ngoài chất lượng chính trị, lòng trung thành vô hạn với Đảng với cách mạng, chín chắn và đã qua thử thách, phải là người chưa có "tỳ vết" với địch và có điều kiện để tạo bình phong hợp pháp thích hợp.

Hai tiêu chuẩn trên (đã qua thử thách chiến đấu và chưa có tỳ vết với địch) có vẻ trái ngược nhau vì một đồng chí cơ sở được chọn là trung kiên, là đã kinh qua hoạt động lâu ngày. Mà đã hoạt động lâu thường có lần bị địch bắt, như vậy là đã có tỳ vết với địch (địch thường theo dõi anh em ở tù chính trị về, có đồng chí hàng tháng phải đi trình diện... nếu có các mối quan hệ chằng chịt với nhiều anh em hoạt động khác dễ bị lộ hay bị bể dây chuyền)[1]. Riêng từng người, cũng phải kinh qua thời gian, gợi ý, thăm dò thái độ về mức dám hy sinh, rà lại gốc gác mối quan hệ gia đình và xã hội của đồng chí ấy để có phương cách bảo đảm bí mật trong quá trình chuẩn bị, khi tiếp nhận vũ khí và sự tồn tại sau đó.

Mỗi cơ sở này, khi bước vào công việc là bắt đầu ở trong tình huống đặc biệt, phải làm mọi cách để che giấu mình, giữ bí mật cao độ, phải tiết chế mọi việc về quan hệ xã hội, đi lại giao thiệp v.v... Đồng chí ấy và luôn cả gia đình hàng ngày nằm trên kho vũ khí, khi thời cơ đến là tiếp nhận đồng đội bảo đảm an toàn trước khi đơn vị bước vào chiến đấu.

Vì mọi việc đều phải tiến hành trong lòng địch, dưới sự kiểm tra kiểm soát hàng ngày của chúng nên mỗi công việc dù nhỏ cũng phải tiến hành một cách

---

(1) Lúc làm việc với anh Võ Văn Kiệt, anh cũng thường lưu ý vấn đề này.

rất thận trọng và tỉ mỉ: chẳng hạn, chỉ nói riêng về việc đào hầm với yêu cầu chứa được vũ khí và người thì lượng đất cát thải ra rất lớn. Trong thành phố nhà cửa xây cất quy củ, một chút đất vãi ra không khỏi dẫn đến sự để ý nghi ngờ rất nguy hiểm. Vì vậy anh em phải nghiên cứu cách giải quyết số đất này cho chu đáo. Có khi phải cho từng chút vào bịch nilông đem vứt thật xa, mất nhiều công sức và thời gian. Rồi còn vấn đề thông hơi cho căn hầm và nhất là bảo đảm an toàn cho kho vũ khí, để không gây nguy hiểm cho anh em và gia đình, và khi cần sử dụng, vũ khí không bị ẩm ướt hoặc rỉ sét... Tất cả đều là những vấn đề nan giải nhưng anh em đã hoàn thành vượt mức yêu cầu.

Nhiều cơ sở giữ được bí mật đến mức chỉ một đồng chí chủ nhà biết, vợ con tuy sống hàng ngày trên kho vũ khí, nhưng mãi đến lúc khui lên dùng chiến đấu mới hay (lúc xây hầm hay lúc nhận vũ khí thì tìm cách cho vợ con về quê, hay đi một điểm nghỉ mát nào đó). Như trường hợp chị Bùi Thị Lý (thường gọi bà Hai), vợ của một Tỉnh ủy viên Thủ Dầu Một, đã hy sinh trong thời kỳ kháng Pháp. Từ đấy, một mình vừa hoạt động vừa nuôi hai con nhỏ. Khi được tổ chức gợi ý về công tác này, chị vui vẻ nhận lời và hiến số vàng dành dụm được để mua một căn nhà mới phù hợp với địa điểm mà trên yêu cầu. Một mình chị đảm đương tất cả các công việc phức tạp và khó khăn kể trên. Hai tháng sau đó công việc đã hoàn thành, chị gặp tổ chức báo cáo và đề nghị gởi hai con ra tham gia cách mạng, một phần cũng để bảo đảm bí mật cho cơ sở...

Những anh chị em phụ trách hầm vũ khí trong điều kiện riêng của mình đã chiến đấu âm thầm lặng lẽ trong lòng địch. Họ chấp nhận mọi yêu cầu một cách bình thản mặc dù ai cũng biết rằng sẽ phải chịu đựng hoàn cảnh đó lâu dài (thực tế là phải chờ đợi ba năm) và mọi bất trắc có thể xảy đến với mình và gia đình bất cứ lúc nào. Chính họ đã tạo tiền đề quan trọng cho các trận đánh, đặc biệt là cuộc tấn công Tết Mậu Thân.

Đến khoảng tháng 12-1965, ta tranh thủ xây dựng được khoảng mười hầm có vũ khí cất sẵn và hai cơ sở có hầm để sử dụng cho vị trí chỉ huy dự bị. Trước lúc nổ ra chiến dịch Mậu Thân ta có huy động thêm mấy cơ sở:

- Phở Bình ở số 7 Yên Đổ (nay là Lý Chính Thắng) - sở chỉ huy (trước kia dự định bố trí là trung tâm liên lạc của Biệt động).

- Nhà chị Đặng Thị Huệ tức Hai Phê ở 59 Phan Thanh Giản (nay là Điện Biên Phủ), tập kết vũ khí cho mục tiêu đại sứ quán Mỹ.

- Nhà anh Nguyễn Bá Tài, vùng Thị Nghè nơi thiết lập trạm thông tin vô tuyến.

- Chuẩn bị cơ sở, để mở rộng Sở chỉ huy tại đất Thánh Tây (công viên Lê Văn Tám ngày nay) để dự phòng khi các lực lượng của các phân khu đã vào hết thành phố.

Lúc khối lượng hầm hố và vũ khí đã đủ bảo đảm được kế hoạch về cơ bản (các mục tiêu đầu não của ngụy) thì cũng là lúc "chiến tranh đặc biệt" đã chuyển sang "chiến tranh cục bộ", lính Mỹ ùn ùn kéo vào miền Nam, để hỗ trợ cho lính ngụy. Một thử thách mới đến với dân tộc ta.

Cũng do tính chất chiến tranh đã thay đổi nên những chuẩn bị kể trên phải chuyển hướng duy trì bảo vệ giữ gìn để chờ đón thời cơ mới. Đó là vấn đề khá phức tạp đòi hỏi sự kiên định vững vàng của từng cơ sở nhưng đồng thời cũng đòi hỏi chúng tôi phải có kế hoạch tỉ mỉ cho từng người: củng cố bình phong, nghề nghiệp, bình thường hóa cuộc sống và các biện pháp khác để bảo đảm an toàn cao nhất cho từng cơ sở.

"Chiến tranh cục bộ" diễn ra một cách gay gắt ác liệt ở các năm 1966-1967, thì cũng nảy sinh nhiều luồng suy nghĩ khác nhau trong việc sử dụng các cơ sở này. Nhưng cuối cùng đều đi đến thống nhất là giữ vững quyết tâm và kiên trì lòng tin về sự phát triển mới của tình hình.

*

* *

Sau mùa khô 1966-1967, cụ thể là sau chiến dịch Juation City của Mỹ bị thất bại, những diễn biến chiến trường đều có lợi cho ta và đẩy địch vào thế bị động, khó khăn. "*Tình hình ấy cho phép ta có thể chuyển cuộc chiến tranh sang một thời kỳ mới: thời kỳ giành thắng lợi quyết định như Nghị quyết của các Hội nghị lần thứ 2 và 13 của Trung ương...*

Trên cơ sở nhận định tình hình trên, tháng 5-1967, ta đã khẩn trương hoàn chỉnh việc chuẩn bị kế hoạch để thực hiện quyết tâm chiến đấu trên cơ sở đánh lâu dài, nỗ lực vượt bậc để giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn... Bộ Chính trị cũng quyết định lấy đô thị làm trung tâm và thời gian bắt đầu là Tết Mậu Thân 1968... Trên cơ sở đó, đập tan ý chí xâm lược của Mỹ buộc chúng phải chịu thua, chấm dứt mọi hành động chiến tranh ở cả hai miền Nam Bắc. Thực hiện những mục tiêu cơ bản là giành độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập cho miền Nam Việt Nam, tiến tới thống nhất nước nhà... đó là hướng công kích và khởi nghĩa nhằm vào đô thị..." (Trích tập kỷ niệm 20 năm Mậu Thân của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, trang 18-19).

Khoảng tháng 10-1967, Trung ương cục ra nghị quyết xác định miền Đông Nam Bộ và Sài Gòn - Gia Định là trọng điểm, trong đó hướng chủ yếu là Sài Gòn. Sau đó chiến trường được tổ chức lại, hình thành sáu phân khu trên cơ sở năm cánh trước đây. Năm phân khu phía vòng ngoài thuộc phần đất của Sài Gòn - Gia Định và một phần đất của các tỉnh xung quanh để hình thành thế "đuôi dài, mũi nhọn, thọc sâu" từ nông thôn qua vùng ven, vào đô thị. Ở nội thành có phân khu 6, không có đất, chỉ phụ trách các lực lượng quân sự, chính trị trực thuộc thành phố.

Cụ thể năm phân khu:

- Phân khu 1, gồm có một phần huyện Trảng Bàng (Tây Ninh), huyện Dầu Tiếng, Bến Cát (Bình Dương), Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp (Gia Định).

- Phân khu 2 gồm bắc Long An, Bình Tân, quận 6, quận 5, quận 3.

- Phân khu 3, gồm phần đất phía Nam tỉnh Long An (Châu Thành, Cần Đước, Tân Trụ, Cần Giuộc); nửa huyện Bình Chánh phía nam, các quận 2, 4, 7, 8.

- Phân khu 4 gồm huyện Thủ Đức, xã Thạnh Mỹ Tây, quận 9, quận 1.

- Phân khu 5 gồm có huyện Tân Uyên, Lái Thiêu, Dĩ An, Bình Hòa, Phú Nhuận (có lấn sang quận 1, 3).

Riêng Ban cán sự nội thành (còn gọi là Phân khu 6) chỉ đạo các Ban ngành đoàn thể: phụ nữ, công vận, Hoa vận, binh vận, biệt động thành, công an Thành đoàn và học sinh sinh viên cấp thành phố.

Tất cả các phân khu này trực thuộc sự chỉ đạo của khu trọng điểm Sài Gòn - Gia Định, Long An, một phần Bình Dương, Tây Ninh, do đồng chí Nguyễn Văn

Linh làm Bí thư, đồng chí Võ Văn Kiệt làm Phó bí thư. Có hai bộ phận tiền phương chỉ đạo: Tiền phương 1 do đồng chí Trần Văn Trà phụ trách mũi phía Đông, Bắc là lực lượng chủ lực. Tiền phương 2 do đồng chí Võ Văn Kiệt phụ trách các mũi phía Nam, Tây Nam và lực lượng nội thành.

Lúc này, cơ cấu tổ chức lực lượng Biệt động thành phố cũng có thay đổi. Những năm 1966-1967 chiến tranh diễn ra ác liệt, sự chỉ huy của F.100 thường không kịp thời (F.100 phải quản lý trực tiếp 14-15 đầu mối) nên phải sắp xếp lại, cần có cấp trung gian từng khu vực, là cấp cụm, để chỉ đạo kịp thời ứng phó mau lẹ các yêu cầu về tác chiến. Cụ thể hình thành ba cụm:

- Cụm 345: gồm các đội 3,4,5 (cũng có lúc gọi cụm một).
- Cụm 78: gồm các đội 7 và 8 (cũng có lúc gọi cụm hai).
- Cụm 69: gồm các đội 6 và 9 (cũng có lúc gọi cụm ba).
- Đội 90C: đội độc lập.
- Đội 20 + 30: 2 đơn vị bảo đảm.

Về cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần của Đoàn F100 thì chuyển thành cơ quan quân sự Phân khu 6. Cơ quan này không những chỉ huy trực tiếp lực lượng Biệt động cấp thành, mà còn chỉ đạo lực lượng Biệt động của các ban, ngành, đoàn thể: Công, Nông, Thanh, Phụ, Hoa vận, Binh vận của thành phố.

Từ tháng 10-1967, chúng tôi được Khu ủy chuẩn bị về mặt tư tưởng, nắm vững phương hướng và yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị. Những đội chiến đấu được chuẩn bị từ năm 1965, sau khi Mỹ đưa quân ồ ạt vào miền Nam, đã triển khai ở các chiến trường vùng ven để hoạt động và chiến đấu cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ lúc đó, nay lần lượt được triệu tập về để chuẩn bị tư tưởng và tiến hành huấn luyện chiến thuật kỹ thuật theo phương án dự kiến. Song song với việc huấn luyện bộ đội còn phải ráo riết chuẩn bị các mặt khác: xác minh và bổ sung các tài liệu về địch tình và mục tiêu định đánh; xây dựng kế hoạch tác chiến; xác định phương thức thủ đoạn chiến đấu đối với từng mục tiêu, rà lại tình hình kho tàng, chất lượng vũ khí (vì có nơi đã giấu dưới hầm gần hai năm) và cấp tốc chuyển thêm một số vũ khí mà trước kia chưa có như B.40, B.41, điện đài và các phương tiện chỉ huy khác, đồng thời ráo riết tuyển chọn một số cháu nhỏ con em cán bộ trong phân khu, để tổ chức mạng liên lạc trong thành phố lúc chiến đấu.

Khó khăn lúc này là thiếu lực lượng. Qua hai năm chiến đấu trong "chiến tranh cục bộ", một số đơn vị bị tiêu hao chưa kịp bổ sung. Chúng tôi phải động viên thêm cán bộ và chiến sĩ bảo vệ ở cơ quan tăng cường cho các đơn vị chiến đấu.

Lúc này cũng có một số thay đổi về cán bộ chỉ huy của Phân khu 6:

- Đồng chí Hoàng Minh Đạo (thường gọi là Năm Thu, tên thật là Đào Phúc Lộc), thường vụ Khu ủy, Chính ủy của Phân khu được điều qua làm Bí thư Phân khu 5, (Đồng chí đã hy sinh ở Ba Thu tháng 11-1969).
- Đồng chí Trần Hải Phụng, Tư lệnh Phân khu, được điều động vào một công việc khác.
- Đồng chí Nguyễn Ngọc Lộc, phó Chính ủy (thường gọi là Tư Quỳ) được điều động về Phân khu 4. (Đồng chí đã hy sinh trong đợt 1 Mậu Thân tháng 3-1968).[1]

*

* *

Được triệu tập bằng điện của đồng chí Bí thư Tiền phương 2 (Võ Văn Kiệt), ngày 24-1-1968 tôi có mặt ở vùng Mỏ Vẹt Ba Thu (biên giới giữa Việt Nam - Campuchia). Làm việc chung hôm đó, ngoài đồng chí Võ Văn Kiệt còn có đồng chí Võ Văn Thạnh[2] (Ba Thắng) được Quân ủy Miền tăng cường cho Phân khu 6 với nhiệm vụ là Chính ủy. Chúng tôi được phổ biến ý đồ chung và được giao nhiệm vụ như sau:

---

(1) Mùa mưa năm 1998, sau khi tìm được hài cốt, gia đình và tổ chức Thành ủy đã làm lễ cải táng hai đồng chí: Năm Thu và Tư Quỳ tại nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hồ Chí Minh. Đồng chí Năm Thu được Quốc hội và chính phủ CHXHCN Việt Nam truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(2) Đồng chí Võ Văn Thạnh, thiếu tướng, Chính ủy Phân khu 6, sau là Chính ủy Bộ Tư lệnh TP. Hồ Chí Minh, đã mất 1992.

- Sử dụng toàn bộ lực lượng của F.100 và biệt động của các cánh, các ngành đã ém trong thành phố, bất ngờ tiến công đồng loạt một số mục tiêu thuộc các cơ quan đầu não Mỹ ngụy ở Sài Gòn. Các đơn vị Biệt động có nhiệm vụ tập kích từ giờ G, đánh chiếm, khống chế các mục tiêu này và giữ cho được trong một giờ chờ một số tiểu đoàn mũi nhọn và lực lượng thanh niên học sinh, sinh viên đến tiếp ứng để tăng cường sức đề kháng tại chỗ và bảo đảm cho các Tiểu đoàn mũi nhọn của các phân khu bạn đánh chiếm thuận lợi. Các mục tiêu đó là:

1. Dinh Độc Lập.
2. Đài phát thanh.
3. Bộ tổng tham mưu ngụy.
4. Đại sứ quán Mỹ[1] .
5. Sân bay Tân Sơn Nhất (cổng Phi Long).
6. Tổng nha cảnh sát ngụy.
7. Biệt khu thủ đô.
8. Bộ tư lệnh hải quân.
9. Khám Chí Hòa.

Bộ chỉ huy Miền đã phân công và giao nhiệm vụ chiến đấu cho các phân khu. Trong đó nhiệm vụ cuối

---

(1) Trong 9 mục tiêu trên có 8 mục tiêu nằm trong số 25 mục tiêu được giao chuẩn bị từ năm 1965. Riêng mục tiêu Đại sứ quán Mỹ mới được bổ sung thêm ngày 24-1-1968.

cùng là cùng phối hợp với các đơn vị Biệt động đánh chiếm các mục tiêu như sau:

- Phân khu 1: cùng lực lượng Biệt động đánh chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy.

- Phân khu 2: cùng lực lượng Biệt động đánh chiếm Biệt khu thủ đô ngụy, giải phóng nhà lao Chí Hòa. Đồng thời phối hợp với lực lượng hướng Bắc đánh chiếm phía tây và tây nam sân bay Tân Sơn Nhất.

- Phân khu 3: cùng lực lượng Biệt động đánh chiếm Tổng nha cảnh sát và dinh Độc Lập ngụy.

- Phân khu 4: cùng lực lượng Biệt động đánh chiếm Bộ tư lệnh hải quân.

- Phân khu 5: phối hợp cùng lực lượng Biệt động chiếm Đài phát thanh và Sứ quán Mỹ.

Theo chỉ đạo của Tiền phương, có một số mục tiêu ở hướng tây và tây nam thì phối thuộc hẳn các đơn vị Biệt động được giao đảm nhiệm mục tiêu ấy cho các Phân khu bạn để tiện việc điều động và chặt chẽ trong hợp đồng tác chiến. Chẳng hạn: đơn vị đánh Biệt khu thủ đô và khám Chí Hòa giao cho Phân khu 2, đơn vị đánh Tổng nha cảnh sát và dinh Độc Lập ngụy giao cho Phân khu 3. Còn những mục tiêu khác như Sứ quán Mỹ, Đài phát thanh, Bộ tổng tham mưu, Bộ tư lệnh hải quân, v.v... thì Biệt động tiến hành hiệp đồng với Phân khu bạn về thời gian và địa điểm.

Ngoài ra chúng tôi còn thống nhất các quy định khác:

- Khi các đơn vị biệt động đánh chiếm mục tiêu xong thì đốt lửa phía trước để các đơn vị ở ngoài nhận được và vào tiếp ứng.

- Khi lực lượng các Phân khu đã vào hết nội đô, các đồng chí phó chỉ huy các Phân khu sẽ kết hợp lại, hình thành một Bộ chỉ huy quân sự nội thành và tôi sẽ đảm nhận vai trò Tham mưu trưởng (việc này sau đó không xảy ra).

Nghe chỉ thị và bàn bạc đâu đó xong, tôi ở lại một, hai ngày để đi hợp đồng cụ thể với các Phân khu bạn và tiếp thu những chủ trương của cấp ủy về việc kết hợp với phong trào chính trị và các mặt khác.

Qua không khí làm việc, tôi cảm thấy ngày mà dân tộc ta chờ đợi bao năm nay, có lẽ đã sắp đến dù lúc ấy chưa biết cụ thể ngày N và giờ G (Khi chia tay, tôi có hỏi đồng chí Võ Văn Kiệt, đồng chí cũng bảo cần chờ thông báo của Trung ương).

Trên đường về, tuy bị trục trặc do giặc hành quân, nhưng tâm hồn tôi rất thư thái. Khát vọng tha thiết của nhân dân ta nay sắp trở thành hiện thực. Tôi nhớ lời nói của đồng chí Bí thư Tiền phương 2 khi giao nhiệm vụ: “Tụi mình sắp làm công việc đổi đời... phải để cho người dân đô thị trở lại xét giấy bọn công an, cảnh sát...”. Trước mắt, tôi còn cùng đơn vị giải quyết nhiều khó khăn, nhưng tôi thật sự vui sướng khi hình dung đến việc không bao lâu nữa, tận mắt mình được chứng kiến thành phố Sài Gòn được giải phóng, người dân Sài Gòn được thoát khỏi gông cùm, tủi nhục đã đè nặng từ trăm năm nay. Hết Pháp lại đến Mỹ, trong bao nhiêu năm ấy, Sài Gòn chỉ được hưởng 29 ngày độc lập tự do sau Cách mạng tháng Tám.

Nhớ lại những ngày sôi động ấy, lòng tôi càng phấn chấn biết bao. Tôi thành công dân thành phố Sài Gòn từ năm 14 tuổi, trước đó ở tuổi thơ ấu vì nhà nghèo tôi phải vào sống nhờ người chú và được học hành ở thành phố Nha Trang. Sau một biến động trong gia đình của chú tôi, nên tôi phiêu bạt đến Sài Gòn. Học hành dang dở, tôi đã phải trải qua nhiều cảnh gian truân để kiếm sống: giữ nhà, làm bồi, coi vườn, học việc v.v... Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã giải thoát và đào tạo tôi thành người.

Những ngày lặn lội ấy, tôi đã hiểu thế nào là đời sống tủi nhục của thợ thuyền và tầng lớp dân nghèo ở thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Và cũng nhờ đó, tôi đã tích lũy được vốn sống về thành phố, từ các ngõ ngách, các đường hẻm, các khu nhà ổ chuột, các con đường sang trọng, quy luật sinh hoạt của một thành phố, phong cách và lối sống của các thành phần dân cư v.v... Những kiến thức ban đầu này rất quan trọng, nó làm cơ sở để cập nhật hóa thêm những hiểu biết qua từng bước chuyển động của thành phố. Vốn sống này giúp tôi tiến hành các công việc được giao một cách khá thuận lợi.

Trong công việc, tôi thường gặp gỡ từng cơ sở, đó là các bà mẹ, các chị, các anh em công nhân, xích lô, nhà trí thức, thương gia v.v... Tấm gương của họ khiến tôi vô cùng xúc động. Bài học rút ra từ họ mà tôi thấm thía sâu sắc nhất: họ đến với cách mạng với một tâm hồn trong sáng, tự nhiên, không chút đắn đo, tính toán đến lợi ích riêng tư của mình dù là rất nhỏ. Tôi còn nhớ một đồng chí bị giặc bắt giam suốt bảy năm, vừa được thả, chỉ hai ngày sau đã ra tìm cách mạng để xin được tiếp tục công tác. Có cơ sở bị mất liên lạc bốn, năm tháng chạy tìm mãi mới lần được ra đơn vị cũ. Gặp chúng tôi, đồng chí ấy khóc nức nở mừng mừng, tủi tủi đòi phải giao công việc ngay. Mà công việc của cách mạng thì nào có đơn giản, vô cùng gian khổ và nguy hiểm, có khi phải hy sinh cả tính mạng. Vậy mà ai cũng vui vẻ chấp nhận không một chút do dự. Có nữ đồng chí có con mọn, đã quản lý một kho vũ khí suốt hai năm trời như nằm trên đống lửa. Như thế mà mỗi lần lên gặp tổ chức vẫn nài nỉ xin được Đảng giao thêm công tác. Một nữ đồng chí đảm nhận công tác liên lạc công khai từ nội thành ra vùng du kích, từ tám năm nay ngày nào cũng một gánh xôi trên vai, lui tới trong các xóm lao động. Vậy mà chị vừa hoàn thành nhiệm vụ được giao, vừa bảo đảm đời sống:

nuôi được cả mẹ già, con dại và tự túc luôn cả tiền công tác phí. Những con người ấy rất đỗi bình dị mà tâm hồn lại vô cùng trong sáng. Mỗi lần nghĩ đến họ tôi càng thấy quý trọng và cảm phục. Những tình cảm ấy lần lần tích lũy trong tôi ngày càng sâu đậm. Nhiều lúc gặp khó khăn trong công tác, nghị lực giảm sút, hoặc có lúc suy tính cá nhân, sực nhớ lại các đồng chí đang rên xiết trong nhà tù Mỹ ngụy và những cơ sở ở trong lòng địch cận kề bao nỗi hiểm nguy, tôi lại tự thấy hổ thẹn...

Chẳng bao lâu nữa, những bà con, những con người đáng kính này với tất cả lòng căm thù của mình sẽ đứng dậy đạp đổ cái xã hội đầy tội ác của Mỹ ngụy, giành cho mình quyền sống, quyền làm người. Mang theo những cảm xúc mạnh mẽ ấy, tôi tự xác định cho mình là không tiếc bất cứ một cái gì, ngay cả bản thân mình, để đạt cho được quyết tâm của trên.

Đêm 27 tết, chúng tôi về đến một điểm du kích gần bên đường số 1, đêm sau mới nhận được lệnh của trên về ngày N và giờ G. Chúng tôi chỉ còn có bốn ngày để chuẩn bị nên mọi việc thu xếp kế tiếp đều vội vàng cập rập. Bao nhiêu việc lớn nhỏ, xa gần, gút mắc dồn dập tới. Rà lại các nhiệm vụ trên giao cho đơn vị, chúng tôi thấy thiếu một lực lượng đánh vào Sứ quán Mỹ; đội chiến đấu và các bảo đảm điều kiện chiến đấu cho nó (kho tàng, vũ khí, chỗ ém quân...) đều chưa có. Mục tiêu này trước kia không có trong danh sách được giao nên chưa chuẩn bị. Nhưng ngay lập tức mọi việc được bàn bạc và quyết định nhanh chóng.

Nhiệm vụ được quy định cho các đơn vị như sau:

1. Cụm 345: Cụm này có ba đội chiến đấu phụ trách ba mục tiêu: dinh Độc Lập, Đài phát thanh và Bộ tư lệnh hải quân ngụy. Ban chỉ huy cụm có bốn đồng chí: đồng chí Tư Tăng cụm trưởng, đồng chí Thanh chính trị viên, đồng chí Năm Lộc và Bảy Lốp đều là cụm phó. Để phù hợp với tính chất chiến đấu của các mục tiêu, Ban chỉ huy cụm chia nhau trực tiếp phụ trách các đơn vị chiến đấu.

Mục tiêu dinh Độc Lập được giao cho Đội 5 - một đội thuộc loại sừng sỏ nhất của Biệt động (đơn vị được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1967).

- Quân số gồm các đồng chí Ba Thanh đội trưởng, Sáu Rồi chính trị viên, đồng chí Hai Thành và Lê Tấn Quốc (Bảy rau muống) là đội phó. *Chiến đấu viên gồm:* Năm Lùn, Công, Xuân, Hòa, Luận, Hôn, Đực, Cuộc, Châu, Phước, Ngọ, Cương, Chín Nghĩa (nữ giao liên y tá) và phục vụ chiến đấu có đồng chí Năm Lai, chị Bảy rau muống và hai con.

- Cơ sở bảo đảm gồm hai nơi: chỗ tập kết chính là một tòa nhà có lầu ở phố Lê Văn Duyệt (nay là đường Cách Mạng Tháng Tám). Ở đây có một hầm chứa 9 khẩu AK, 50 lựu đạn, 100kg thuốc nổ TNT và các phụ tùng thuốc nổ, hai khẩu K.54. Hầm này trú ẩn được năm người. Phía trên lầu có trang bị để chứa được mười người thoải mái. Ở đây sẵn có một xe vận tải nhẹ và bốn xe gắn máy. Đồng chí Lê Tấn Quốc[1] là người xây dựng cơ sở này từ hai năm nay. Khi đơn vị bước vào chiến đấu, đồng chí được chỉ định làm đội phó, đồng thời trực tiếp lái xe chính đưa đơn vị đến mục tiêu.

Cơ sở thứ hai ở đường Trần Quý Cáp (nay là Võ Văn Tần quận 3) do đồng chí Năm Lai (Trần Văn Lai) thường gọi là Năm Usom - xây dựng và quản lý từ một năm về trước. Ở đây có bốn khẩu B.40, 300kg TNT và có một xe vận tải nhẹ là phương tiện chuyên chở. Một tổ chiến đấu sẽ tập kết tại đây vào đêm trước hôm nổ súng, thiết bị khối nổ sẵn ở xe để nhanh chóng kết hợp thành một đội hình với cơ sở 1, cùng bước vào chiến đấu.

---

(1) Đồng chí Bảy rau muống tên thật là Lê Tấn Quốc, quê ở Rạch Giá tham gia cách mạng trước 1945. Lúc hòa bình lập lại, theo hiệp định Genève hai vợ chồng (vợ cũng là Huyện ủy viên) được Xứ ủy Nam Bộ phân công lên Sài Gòn xây dựng cơ sở. Năm 1963 bị mất liên lạc, nên móc nối làm việc với Ban Quân báo Quân khu Sài Gòn - Gia Định. Hai vợ chồng đã xây dựng và quản lý ba cơ sở dùng trong Tết Mậu Thân: - Một cơ sở đánh dinh Độc Lập. - Một cơ sở dùng cho đơn vị đánh Biệt khu thủ đô ngụy. - Một cơ sở dùng làm chỉ huy sở dự bị, đường Kỳ Đồng quận 3.

Điểm đột phá: góc phía tây dinh Độc Lập, nơi canh gác của lính phòng vệ. Từ cổng này sẽ dùng hỏa lực và khối nổ diệt bọn phòng vệ, nhanh chóng bố trí chống địch phản kích, khống chế các cửa ra vào để chờ lực lượng phía sau đến.

Mục tiêu Đài phát thanh - được giao cho Đội 4 gồm 13 đồng chí: đồng chí Tư Tăng phụ trách chung cụm 345, đồng chí Năm Lộc đội trưởng, đồng chí Thân và Năm Mộc đội phó, đồng chí Ba Tẻo chính trị viên. Chiến đấu viên gồm các đồng chí: Hưng, Tỷ, Hai Còm, Hồng, Chín, Hùng, Hiệp, Thảo (nữ y tá và liên lạc) và chị Út vợ đồng chí Năm Mộc. Cơ sở bảo đảm trú quân và kho vũ khí là một tiệm may quần áo phụ nữ ở đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (tên cũ không thay đổi) cách Đài phát thanh của địch khoảng 100m. Vũ khí trong hầm có 8 khẩu AK, 50 trái lựu đạn, 1 súng colt 12 ly, 50kg TNT và phương tiện là 1 xe vận tải nhẹ đủ chỗ ngồi chín người. Khi chiến đấu anh Năm Mộc[1] được chỉ định là đội phó, đảm nhận luôn nhiệm vụ lái xe đưa đơn vị đến mục tiêu chiến đấu.

---

(1) Đồng chí Năm Mộc là Đảng viên, tên thật là Trần Phú Cương, đã trải qua hai thời kỳ kháng chiến ở thành phố. Những năm trước đây chưa phụ trách kho vũ khí, anh là một chiến đấu viên gan dạ của đơn vị Biệt động. Sau để giữ bí mật cho kho tránh bể bạc, đơn vị chủ trương không cho anh tác chiến nữa và ngụy trang dưới hình thức thợ mộc, chí thú làm ăn.

Mục tiêu Bộ tư lệnh hải quân ngụy do Đội 2 Biệt động phụ trách. Quân số trực tiếp chiến đấu 16 đồng chí, phục vụ chiến đấu 4 đồng chí. Gồm đồng chí Bảy Lốp đội trưởng, đồng chí Quốc chính trị viên, đồng chí Mười Lợi đội phó. Chiến đấu viên gồm có: Liên, Mười, Đổi, Dự, Châu, Tư Cao, Viễn, Mười Rỗ, Năm Quốc, Ngọc, Ba, Năm (nội tuyến tại Hải quân), Hỷ và Quân lái xe, các nữ đồng chí Minh, Tư Nhỏ, Sáu (y tá, giao liên, thông tin phía ngoài). Đồng chí Liễn là phái viên của sở chỉ huy.

Cơ sở bảo đảm trú quân và chứa vũ khí là một căn nhà được ngụy trang là nhà một công chức, tại nhà có may thuê, ở trong khuôn viên chùa Tập Thành - Gia Định do anh chị Mười Lợi xây dựng và quản lý. Trước kia định xây dựng nơi này cho đội dự bị chung và là Sở chỉ huy trước khi nổ súng nên cấu trúc rộng rãi (ngang 1,7m, cao 1,4m, dài 4m) có chỗ nghỉ ngơi và đặt điện đài. Anh chị đã làm ròng rã ban đêm hết ba tháng mới xong (sau Mậu Thân, Công an Tổng nha ngụy lục soát tìm ra, chúng kinh ngạc, không ngờ ta xây dựng cơ sở có quy mô lớn trước con mắt của chúng). Vũ khí trong hầm có 10 khẩu AK, 120kg TNT, 2 khẩu colt 12 ly, 50 lựu đạn. Khi bước vào chiến đấu được bổ sung thêm 2 khẩu B.40. Phương tiện vận chuyển gồm 1 xe vận tải nhẹ, 1 xe du lịch và 5 xe gắn máy.

2. Cụm 69: cụm này có hai đội chiến đấu được giao đặc trách hai mục tiêu: Bộ tổng tham mưu ngụy, và cổng trại Phi Long (cổng chính vào sân bay Tân Sơn Nhất). Nhiệm vụ là chiếm giữ và khống chế hai mục tiêu này, để mở đường cho hai cánh quân của Phân khu 1 và Phân khu 2 đột kích vào hai hướng kể trên.

Ban chỉ huy cụm có bốn đồng chí: đồng chí Ba Phong cụm trưởng, Năm Đức chính trị viên, đồng chí Ba Tâm và Tám Bền cụm phó. Bốn đồng chí này chia nhau trực tiếp phụ trách hai đội chiến đấu.

Mục tiêu cổng trại Phi Long do Đội 6 phụ trách gồm các đồng chí Ba Tâm đội trưởng, Năm Đức chính trị viên. Chiến đấu viên gồm có: Phúc, Cán, Hiệp, Sơn, Thành, Việt, Hùng, Sáu (lái xe), Hai Thắng và Bổ làm nhiệm vụ đưa quân.

Cơ sở bảo đảm ém quân và kho vũ khí là một căn nhà ở vùng Xóm Gà, đường Phan Văn Trị, Gò Vấp do anh Trần Văn Miêng (thường gọi là anh Ba bong bóng) và vợ là Võ Thị Sang xây dựng và quản lý.[1] Vũ khí

---

(1) Anh Ba ở Gò Vấp, thường gọi là anh Ba bong bóng (bình phong bằng nghề bán bong bóng cho trẻ em). Anh chết vì bị bệnh sáu ngày trước khi chiến đấu. Trước khi chết anh dặn chị Hai tiếp tục sự nghiệp của anh. Chị Hai sau khi giao được kho vũ khí và cơ sở cho đơn vị, đã tản về quê.

trong kho có 10 khẩu AK, một colt 12 ly, 50 lựu đạn, 150kg TNT, dự kiến sẽ bổ sung thêm 2 khẩu B.40 khi đội bước vào chiến đấu. Phương tiện vận chuyển có một ô tô vận tải nhẹ, hai xe gắn máy. Điểm đột phá mục tiêu ở hướng tây nam khu vực Bộ tổng tham mưu, phía cổng số 5 trên đường Võ Tánh (nay là đường Phan Đăng Lưu - Phú Nhuận).

Mục tiêu Bộ tổng tham mưu ngụy (khu vực cổng vào sân bay Tân Sơn Nhất) do Đội 9 phụ trách gồm đồng chí Ba Phong cụm trưởng xuống chỉ huy trực tiếp, đồng chí Tám Bền đội phó, chiến đấu viên có: đồng chí Cứ, Đào, Thái, Chín, Châu, Nguyên, Ngọc, ba đồng chí nữ là: Chín Nhung, Mỹ (Oanh).

Cơ sở bảo đảm vũ khí và ém quân gồm hai nơi:

- Kho ở đường Trương Minh Ký (tức Lê Văn Sĩ ngày nay) quận Phú Nhuận, có 8 khẩu AK, 2 súng colt 12 ly, 50 lựu đạn, 150 kg TNT, do vợ chồng chị Phan Thị Thúy xây dựng và quản lý. Sau khi xây dựng, sợ bị lộ nên điều động người chồng ra chiến khu công tác.
- Kho ở đường Nguyễn Huỳnh Đức (nay là đường Huỳnh Văn Bánh) quận Phú Nhuận, mới tiếp nhận 4 khẩu B.40 và một số thuốc nổ để bổ sung cho hai đội chiến đấu của cụm 69.

Phương tiện vận chuyển có 1 xe vận tải nhẹ do anh Năm Mập (tên thật là Lê Văn Nhan) lái và 3 xe gắn máy.

3. Cụm 78: Ban chỉ huy cụm này có đồng chí Tư Bình cụm trưởng và đồng chí Năm Hát chính trị viên. Trước khi bước vào chiến đấu chia thành hai đội độc lập. Hai đồng chí chỉ huy chia nhau mỗi người phụ trách một đội.

Mục tiêu Tổng nha cảnh sát ngụy: do Đội 7 phụ trách gồm 13 đồng chí: đồng chí Tư Bình cụm trưởng và là đội trưởng, đồng chí Ba Đông chính trị viên. Chiến đấu viên gồm đồng chí Năm Nghiệp, Thức, Minh, Tư Lớn, Tư Nhỏ, Bền, Long, Hải, Xuân, Hoàng, Cảnh.

Cơ sở trú ém quân và kho vũ khí là một căn nhà có lầu ở đường Trần Quốc Toản (nay là đường 3 Tháng 2) dưới bình phong là một nơi buôn bán đồ dùng bằng cao su, chất dẻo. Tại đây có chứa 8 khẩu AK, 50 lựu đạn, 50kg TNT, và một xe tải nhẹ, do vợ chồng đồng chí Đỗ Văn Căn xây dựng và quản lý.

Điểm đột phá là cổng chính Tổng nha cảnh sát, rồi phát triển vào trong và chiếm giữ để bảo đảm cho các mũi nhọn Phân khu 3 chiến đấu thuận lợi. Đơn vị này đã phối thuộc cho Phân khu 3, trước khi bước vào chiến đấu.

Mục tiêu Biệt khu thủ đô ngụy do Đội 8 phụ trách gồm 14 đồng chí: đồng chí Năm Hát chính trị viên cụm làm đội trưởng, đồng chí Ba Bá chính trị viên và các đồng chí Ba Long, Điệp, Nhiều, Dũng, Hai xe lửa, Nhị, Thạch, Chinh, Ninh, Hai Hội và hai nữ là: Châu và Tuyết (giao liên, y tá).

Cơ sở ém quân và vũ khí là nhà chị Bảy rau muống (đã giới thiệu trong phần trước) ở vùng Đầm Sen, Phú Thọ Hòa; vũ khí được giấu kín dưới ao, trên phủ đầy rau muống. Đơn vị này sẽ theo đường du kích của Phân khu 2, vào tập kết ở đây, từ đó đột kích vào Biệt khu thủ đô ngụy bằng một xe vận tải nhẹ và hai xe gắn máy. Xe vận tải do đồng chí Ba Bảo lái. Đơn vị này được phối thuộc hẳn cho Phân khu 2 từ vùng căn cứ du kích.

Mục tiêu khám Chí Hòa: do Đội 90C độc lập phụ trách, gồm 13 đồng chí: Út Minh đội trưởng và các đồng chí Hồng, Bính, Trung, Bảy Lùn, Dũng, Nga, Hai, Tư, Tám, Tư Tùng, Tư Công, Ba Khoa. Tham gia chuẩn bị phía ngoài có đồng chí Năm Vu, Chín Thế, Tám ốm.

Cơ sở tập kết vũ khí và xuất phát gồm hai nơi: Ngã tư Bảy Hiền, và chợ Ông Tạ. Vũ khí của đơn vị này có 10 khẩu AK, 2 khẩu B.40, 100 lựu đạn và một số gói bộc phá. Phương tiện vận chuyển là một xe vận tải nhẹ và ba xe gắn máy để tiếp cận mục tiêu và tiến hành đột phá. Đơn vị này cũng được phối thuộc cho Phân khu 2 trước lúc nổ súng.

Mục tiêu tòa đại sứ Mỹ được giao cho Đội 11 độc lập. Đội này mới được tổ chức trước khi bước vào chiến đấu bốn ngày, lực lượng huy động từ các anh em ở cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần. Phụ trách tổ chức chung là đồng chí Ba Đen (Ngô Thành Vân), một cán bộ rất tháo vát và thông thạo chiến trường. Đội trưởng là đồng chí Út Nhỏ, nguyên đội trưởng Đội trinh sát chiến đấu của Quân khu. Các đồng chí khác gồm: Thanh, Chức, Tèo, Chính, Tài, Văn, Đực, Vinh, Châu, Hạng, Sáu (trợ lý bảo vệ), Năm Nhỏ (y tá giao liên) và ông Bảy, cán bộ của đội. Trước khi vào chiến đấu được thêm hai đồng chí vốn là phái viên của chỉ huy sở là đồng chí Bảy Tuyền (tiểu đoàn trưởng) và Tươi (tiểu đoàn phó).

Cơ sở ém trú quân của Đội 11 lúc đầu dự kiến là một nhà có hầm, được ngụy trang bằng tiệm bán đồ sắt và một vài nhà cơ sở cách mạng. Sáng ngày 30 Tết mới chuyển xong xe vũ khí đến nơi tạm tập kết gồm: 12 khẩu AK, ba khẩu B.40, 200kg TNT, hai súng lục và 100 lựu đạn.

Phương tiện di chuyển có một xe vận tải nhẹ và một xe du lịch. Điểm đột phá là cửa hông của tòa Đại sứ (phố Mạc Đĩnh Chi).

Chỉ huy sở theo kế hoạch của lực lượng Biệt động trước giờ nổ súng, sẽ sử dụng một trong hai nơi dự bị là một căn nhà ở đường Hùng Vương (nay là Xô Viết Nghệ Tĩnh) gần chùa Long Vân Tự (Thị Nghè) và một căn khác tại đường Kỳ Đồng quận 3. Hai nơi này đều có hầm bí mật và các điều kiện để chỉ huy. Và lấy một nhà cơ sở là Phở Bình ở số 7 Yên Đổ (nay là đường Lý Chính Thắng) làm trung tâm giao thông liên lạc.

Nếu tình hình phát triển thuận lợi (nghĩa là lực lượng của các phân khu bạn vào hết nội đô) chỉ huy sở sẽ chuyển đến khu vực đất Thánh Tây đường Hiền Vương quận 3 (nay là công viên Lê Văn Tám đường Võ Thị Sáu). Đây là một nghĩa địa nằm giữa Sài Gòn, xung quanh có tường cao bao bọc, với các mồ mả xây bằng xi măng, tạo thành các công sự nổi. Bên cạnh nghĩa địa có một nhà cơ sở với phương tiện có thể tạm sử dụng bước đầu để liên lạc với các nơi, nên có thể bố trí các cơ quan trực thuộc của sở chỉ huy như: tham mưu, chính trị, hậu cần, điện đài, v.v...

Sau khi giao nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch chiến đấu cho chỉ huy từng đơn vị, chúng tôi quy định luôn cả thời gian di chuyển các bộ phận còn nằm ngoài của các đội vào thành phố. Riêng các đồng chí chỉ huy sẽ vào trước, hôm 30 Tết. Trong tâm trạng phấn khích, chúng tôi còn căn dặn nhau nếu ai lỡ bị địch bắt, thì cố gắng giữ bí mật đến ngày mồng 2 Tết, rồi tất cả chia tay để lo phần việc của mình. Lúc đó, tôi dự định sẽ đến với từng đội chiến đấu để xem tình hình chuẩn bị của anh em đến đâu, một phần cũng muốn động viên anh em trước lúc lên đường nhưng công việc quá bận rộn cuốn hết thời gian của tôi. Đến nay, khi ngồi viết lại những dòng này, nhớ lại biết bao khuôn mặt thân yêu đã ngã xuống trong lần đó, lòng tôi vẫn trào dâng một nỗi tiếc nuối, ân hận vì đã không thực hiện được ý định ấy của mình.

Mấy ngày gần Tết, vùng ven căn cứ du kích và dọc các trục lộ lớn gần Sài Gòn địch càn quét liên tục. Đấy là hoạt động của sư đoàn 25 "tia chớp nhiệt đới" của Mỹ, phối hợp với quân ngụy để bảo đảm yên ổn cho chúng trước khi ngưng bắn trong dịp Tết Nguyên Đán. Đây gần như là thông lệ trong chiến tranh lúc đó, cứ hàng năm sắp đến Tết Nguyên Đán, Mặt trận Dân tộc Giải phóng lại tuyên bố ngưng bắn để mọi người được hưởng yên ổn ba ngày Tết. Bọn Mỹ và ngụy tuy bị động, nhưng cũng phải thực hiện theo. Tất nhiên, thời gian ngừng bắn của chúng quy định ít hơn so với ta, và trước lúc ngưng bắn, thế nào bọn chúng cũng hành quân càn quét ra vùng du kích nhằm đẩy ta ra xa, đề phòng và ngăn chặn ta đột nhập vào vùng đô thị, phát động quần chúng, khuếch trương thắng lợi chính trị.

Và sau những cuộc càn ấy đồng bào mới trở về nhà thu xếp mọi việc để vui Tết. Nhưng lần này thì khác, gần hai tháng nay, trong các đoàn thể cách mạng vùng bắc huyện Củ Chi đã được sinh hoạt theo chủ trương mới của Bộ Chính trị Trung ương. Từ đấy, một không khí phấn khởi sôi nổi, lan truyền khắp nơi, lộ rõ trên nét mặt mọi người. Năm ấy Hồ Chủ tịch có bài thơ chúc Tết:

Xuân này hơn hẳn mấy Xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta.

Đồng bào lại càng bàn tán, tin rằng Tết năm nay thế nào cũng có chuyển động lớn để giành thắng lợi. Gần ngày ra trận, một ông lão ở ấp Đồng Lớn (xã Trung Lập Thượng, Củ Chi) đã hiến cho bộ đội đóng gần đó một con bò trong số hai con của mình để anh em làm lương ăn chiến đấu. Ông còn khích lệ: "Còn một con nữa khi nào chúng bay thắng lợi trở về tao làm thịt luôn". Cũng ở đó, một cô gái cởi đôi bông tai của mình, góp vào quỹ Tổng công kích tổng khởi nghĩa và yêu cầu được tham gia bất cứ công việc gì trong cuộc ra quân rầm rộ này.

Đồng bào ở vùng "đất thép thành đồng" vốn đã có truyền thống cách mạng lâu đời. Từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp, đến chống Mỹ, Củ Chi đã trở thành khu căn cứ của Cách mạng. Căn cứ trung tâm này nối liền với các chiến khu Tây Ninh ở phía bắc và Bình Dương ở phía đông tạo thành khu liên hoàn cho các lực lượng kháng chiến của ta đứng chân. Nó tạo thành hành lang an toàn ăn thông đến tận biên giới Campuchia, vùng ba biên giới, đường mòn Hồ Chí Minh và kéo xuống tận phía đồng bằng sông Cửu Long qua Đồng Tháp Mười. Lấy căn cứ làm bàn đạp, càng ngày lực lượng của ta càng tỏa đi các nơi, dần dần khép vòng vây tiếp cận thành phố. Nhiều vùng, các tổ du kích bám trụ chỉ cách Sài Gòn 6-7km. Có nơi như phường Hố Bần quận 8, vùng xung yếu, anh em đã đứng chân luôn trong nội thành để hoạt động. Do đó, sự tồn tại của căn cứ Củ Chi sát nách địch uy hiếp thường xuyên đến sự an toàn của chúng khiến chúng rất hoảng sợ. Vì vậy, từ thời Pháp đến thời Mỹ, giặc tập trung nhắm vào đây để hủy diệt. Đầu năm 1966, chúng mở cuộc càn Crimp, dùng 12.000 quân đánh vào xã Nhuận Đức, Cây Xộp phía Bắc Củ Chi nhưng không làm gì được. Điều đó khiến chúng hết sức tức tối. Vì vậy đầu năm 1967, chúng mở trận càn Cedar Falls (bóc vỏ trái đất) với quy mô lớn chưa từng có và số bom đạn đổ xuống không thể kể xiết để rồi Củ Chi vẫn là căn cứ địa vững chắc sừng sững trước cửa ngõ thành phố. Vì thế kẻ địch phải gọi Củ Chi (cả vùng nam huyện Bến Cát) là vùng "Tam giác sắt" Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Cả nước khen tặng Củ Chi cái tên thương yêu và kính trọng: Củ Chi đất thép thành đồng. Còn người dân Củ Chi, với bản chất giản dị, gọi đất này bằng cái tên rất hiện thực: Củ Chi sắt thép cùng đồng. Ròng rã chiến đấu ác liệt và gay go, đồng bào đã giữ vững từng tấc đất, đánh bại mọi âm mưu thâm độc của Mỹ ngụy hòng xóa bỏ vùng căn cứ kháng chiến. Và giờ này, bước qua các tổn thất, mất mát, hy sinh, đồng bào đang nao nức, chuẩn bị cho cuộc tổng công kích quyết định vận mệnh của đất nước.

Nhưng giữa không khí chuẩn bị sôi nổi và khẩn trương đó, một tin không vui đến với chúng tôi. Sáng nay khi chặn đánh đường rút quân của lính Mỹ, một bộ phận của Đội 8 Biệt động (đơn vị dự định đánh vào sân bay) bị tổn thất mất bốn đồng chí. Chúng tôi vừa lo an táng chu đáo, vừa lo bổ sung quân số cho Đội. Nhưng không hiểu sao những cái chết trước giờ ra trận cứ ám ảnh như dự cảm, khiến lòng tôi dậy lên những nỗi lo lắng mơ hồ...

Sáng sớm mồng một Tết, sau khi điều chỉnh vài trục trặc vừa nảy sinh của đội đánh Bộ tư lệnh hải quân ngụy, chúng tôi lên đường. Đây là đoàn cuối cùng của đơn vị vào thành phố theo kế hoạch. Chúng tôi cũng cải trang, ăn mặc như mọi công chức thành phố đi chơi Tết. Dọc đường từ ngoại ô vào thành phố, ngắm nhìn cảnh đồng bào với quần áo đủ màu sắc đang hối hả, chuẩn bị ăn Tết, vui xuân, cộng với niềm rạo rực xốn xang của một người lính sắp bước vào trận đánh quyết định, tâm hồn tôi đã bình thản lại. Xung quanh tôi, anh em đồng đội cũng đang trên đường đến nơi tập kết đã quy định. Tôi đã nhận ra những nhóm chiến đấu viên lẻ tẻ xuất hiện, quần áo còn nếp gấp, phân tán trong các xe hành khách, xe lam... Ngồi bên trong một xe chất mía, đầy người, có vợ anh Ba Phong, một nữ cán bộ đã kinh qua công tác Biệt động trong hai thời kỳ kháng chiến. Chị có nhiệm vụ hướng dẫn số chiến đấu viên cuối cùng đến chỗ tập kết của đơn vị đánh vào Bộ tổng tham mưu ngụy, do chồng chị phụ trách. Đi một quãng nữa, tôi nhận ra thấp thoáng khuôn mặt quen thuộc của vợ tôi bên cạnh một đứa trẻ đang hồn nhiên cười. Đó là đứa con trai mới 2 tuổi của tôi, giờ này đang cùng mẹ cháu hướng dẫn các chú Biệt động đi đến nơi tập kết của đơn vị đánh vào Bộ tư lệnh hải quân ngụy...[1]

Trên đường vào thành phố, tôi cũng nhìn thấy từng đoàn xe quân sự đầy bụi của Mỹ gầm rú chạy về hướng Tây Ninh. Có lẽ họ lại định càn quét ở đâu chăng? Từ một phương trời xa xôi mang theo bom đạn đến để hòng thôn tính một đất nước, một dân tộc, họ cần gì quan tâm đến ngày Tết cổ truyền của ai? Còn đám ngụy quân rải rác dọc đường đi và ở các trạm kiểm soát vẫn nghênh ngang hống hách. Quen thói dựa dẫm vào quan thầy Mỹ, tên nào cũng có vẻ nhởn

---

(1) Xem chú thích ở phần phụ lục cuối sách.

nhơ, không hề ngờ rằng chỉ vài giờ sau đó, bão táp sẽ trút lên đầu mình.

Loanh quanh ở Phú Nhuận để tìm một cán bộ nhận nhiệm vụ đưa vũ khí và máy thông tin cho Sở chỉ huy, lúc 10 giờ 30 tôi tới tiệm phở Bình (nơi đặt trung tâm liên lạc của lực lượng Biệt động) vì đã hẹn gặp các chỉ huy đơn vị tại đó. Đến lúc này, đột nhiên một số điều bất trắc dồn tới mà gay cấn nhất là công việc có liên quan đến đơn vị đánh vào tòa đại sứ Mỹ. Do kế hoạch chuẩn bị gấp gáp chưa tìm được địa điểm cất dấu phương tiện, vũ khí đưa vào nên các chiến đấu viên phải phân tán trên đường. Loay hoay tìm cách xoay xở, cuối cùng anh em vận động được chị Hai Phê, cán bộ của tổ chức phụ nữ cách mạng thành phố, có chồng tập kết ra Bắc, nhà ở số 59 đường Phan Thanh Giản (nay là Điện Biên Phủ) đảm nhận việc tập kết, bảo quản vũ khí cho đơn vị. Tuy vậy, khó khăn còn lại là chưa tìm ra kho vũ khí trang bị cho Sở chỉ huy.

Trưa hôm ấy, tôi đến Sở chỉ huy dự bị ở Thị Nghè gặp đồng chí Ba Thắng - Chính ủy[1] - trao đổi những việc còn lại và bàn với đồng chí Tư Tăng việc phát lời kêu gọi của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải

---

(1) Đồng chí Ba Thắng từ Mỏ Vẹt Ba Thu, theo đường dây của Ban An ninh Phân khu vào thẳng Thị Nghè.

phóng Miền Nam Việt Nam khi đã chiếm được đài phát thanh của ngụy (đã có văn bản trên gởi sẵn). Sau đó hướng dẫn địa chỉ để nhận tiếp 400kg TNT, và 3 khẩu B.40 tăng cường thêm cho đơn vị đánh vào Bộ tư lệnh hải quân và đơn vị đánh dinh Độc Lập.

Ngoài đường, đài phát thanh của ngụy oang oang. Đêm trước bị đánh ở Khu 5 và Huế (do thay đổi lịch nên ngoài ấy đánh trước một ngày) nên ở Nam Bộ địch ra lệnh thu hồi việc ngưng bắn kể từ 12 giờ trưa ngày mồng một Tết.

Chúng tôi lắng nghe mãi, xem địch có giới nghiêm ở Sài Gòn không? Vì chúng tôi lo rằng nếu đánh hơi được, địch ra lệnh thiết quân luật ở thành phố thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch tập kích bất ngờ của quân ta vào các mục tiêu (vì giới nghiêm thì đội hình xe chiến đấu không di chuyển được đến mục tiêu). Thời gian nặng nề trôi qua, sau khi nghe bản tin lúc 18 giờ thấy địch không đả động tới việc này, chúng tôi mới yên tâm.

Rời khỏi khu vực chùa Long Vân Tự, Thị Nghè, đồng chí Chính ủy và tôi đến chỗ hẹn ở trung tâm liên lạc cũng là Sở chỉ huy dự bị của Biệt động tại nhà số 7 Yên Đổ. Ở đây, có mặt gần như đầy đủ các cơ quan trực thuộc của Phân khu và các đồng chí chỉ huy các đơn vị tác chiến. Chúng tôi được dành toàn bộ lầu ba để bàn bạc. Nhìn ở ngoài vào, dễ lầm tưởng chúng tôi là một đại gia đình đang họp mặt để chúc Tết nhau trong không khí nhộn nhịp, đủ các loại tuổi tác và trang phục, từ các đồng chí lớn tuổi quần áo âu phục chỉnh tề như đi dự lễ, đến các em nhỏ quần áo còn thơm mùi vải mới, và còn dính cát bụi của Củ Chi “đất thép thành đồng”.

Chúng tôi bắt tay vào công việc. Chính ủy Ba Thắng với vẻ trang nghiêm, phổ biến mệnh lệnh chiến đấu của Trung ương Cục và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, anh nói say sưa về nhiệm vụ và động viên các đơn vị trước giờ xung trận. Tôi thì rà lại lần cuối cùng, sự chuẩn bị của các đội chiến đấu.

Giờ này đơn vị của đồng chí Ba Đen phụ trách đánh vào sứ quán Mỹ đã thu xếp tạm ổn. Đó là sự nỗ lực vượt bậc khiến tôi bất ngờ và cảm động. Có lẽ nhận ra sự lo lắng băn khoăn của tôi trong những giây phút vừa qua, đồng chí Út Nhỏ, đội trưởng, ôm tôi và bảo: “Anh yên tâm, tôi và anh Ba Đen sẽ lo được cả, chúng tôi hứa với anh là sẽ đánh đến người cuối cùng...” Công tác với nhau lâu, tôi hiểu được giá trị lời phát biểu của đồng chí ấy. Đúng vậy! Sau đó đơn vị này đã hoàn thành nhiệm vụ vô cùng xuất sắc, đã đánh đến người cuối cùng và viên đạn cuối cùng.

Các đơn vị tác chiến đã sẵn sàng, chỉ còn chúng tôi và Sở chỉ huy vẫn chưa có chỗ để trụ chân chính thức.

Đến giờ này vẫn chưa liên lạc được với đồng chí giữ kho súng. Chúng tôi tạm đặt hai giả định: nếu liên lạc được với lực lượng bảo vệ, có phương tiện thông tin liên lạc và kho súng thì sẽ triển khai Sở chỉ huy chính thức ở đất Thánh Tây (nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi nay là công viên Lê Văn Tám) trước 12 giờ như kế hoạch. Nếu không, thì dùng địa điểm ở Kỳ Đồng, qua trung tâm 7 Yên Đổ để duy trì sự liên lạc và chỉ đạo các nơi.

0 giờ 30 chúng tôi rời khỏi số 7 Yên Đổ đến Phú Nhuận để kiểm tra đôn đốc lần cuối về việc chuẩn bị Sở chỉ huy chính. Đường phố đã ngớt người, xa xa có tiếng pháo nổ, thì giờ quá eo hẹp, chỉ còn hơn 1 giờ nữa là nổ súng. Lúc ấy đồng chí Ba Phong, người chỉ huy chung của đơn vị đánh vào Bộ tổng tham mưu ngụy lại tìm đến báo một khó khăn mới: một trong ba kho vũ khí của cụm anh đã bị mối ăn bứt báng, rỉ sét không dùng được, do bị cất giữ lâu ngày và bảo quản không kỹ. Không còn cách gì hơn, sau vài phút đắn đo, chúng tôi đồng ý với đồng chí Ba Phong là giảm bớt mục tiêu cổng trại Phi Long (sân bay Tân Sơn Nhất) tập trung lực lượng và vũ khí ở hai kho còn lại vào mục tiêu Bộ tổng tham mưu ngụy. Chúng tôi nhắc lại chủ trương của Đảng ủy cấp trên: “Lúc thời cơ đến thì còn bao nhiêu người và bao nhiêu súng cũng đánh”. Như vậy, một tiếng cuối cùng trước giờ nổ súng, mọi việc hầu như đã triển khai đúng kế hoạch. Bây giờ chúng tôi

chỉ còn chờ giờ khai hỏa. Thời gian trôi qua dường như chậm hơn bình thường, chúng tôi ai nấy đều hồi hộp chờ đợi giây phút lịch sử đang tới gần.

Giờ nổ súng thống nhất là 2 giờ sáng[1] ngày mồng hai Tết (31-1-1968). Nhưng 2 giờ kém 13 phút, đơn vị đánh dinh Độc Lập đã nổ súng, kế tiếp vài phút là các nơi: Tòa đại sứ Mỹ, Đài phát thanh, Bộ tư lệnh hải quân, Bộ tổng tham mưu. Các mục tiêu này đại bộ phận ở quận 1, giữa trung tâm Sài Gòn. Vì vậy, từ Sở chỉ huy, chúng tôi nghe rất rõ những tiếng nổ giòn giã đều khắp. Đài phát thanh Sài Gòn đã im tiếng... chỉ còn nghe tiếng o... o... trong máy, sự hợp đồng về giờ giấc tấn công vào các mục tiêu đầu não Mỹ ngụy giữa trung tâm Sài Gòn đã diễn ra thật đẹp, chỉ xê xích nhau mỗi nơi vài phút. Anh Ba Thắng, tôi và một nữ giao liên cũng lập tức xuống đường đi đến các địa điểm để nắm tình hình.

Trên một số đường chính, địch hoảng hốt ngăn chặn, có nơi chúng đã chiếm lĩnh các tầng cao ở ngã tư đường, dùng tiểu liên bắn vào người đi lại. Những tên lính Mỹ chạy loạn xạ, gọi nhau inh ỏi, chúng lủi vào các gốc cây, thủ súng thở phì phì và hốt hoảng ngó về phía trước. Trên đường, từng đoạn có xác lính ngụy nằm cong queo, xe máy văng ra xa.

---

(1) Theo giờ Hà Nội, tức là 3 giờ sáng giờ Sài Gòn.

Chúng tôi đang len lỏi tìm đường đi đến khu vực dinh Độc Lập và sứ quán Mỹ nhưng bị bọn lính chặn lại phải quay về Sở chỉ huy tạm. Một lúc sau, các liên lạc viên về báo cáo tình hình, chúng tôi mới biết rõ tất cả các đơn vị đã nổ súng theo đúng kế hoạch. Diễn biến ác liệt nhất là mục tiêu Bộ tư lệnh hải quân và dinh Độc Lập ngụy. Tại Tòa đại sứ Mỹ, các chiến sĩ dùng khối nổ đánh thủng tường rào phía trước, lọt vào trong khuôn viên triển khai để chiếm lĩnh mục tiêu.

Trời sáng dần, đồng bào có lẽ đã thức dậy hết sau những loạt nổ vang dội. Một số nhà mở hé cửa, vài tốp tụm năm tụm ba bàn tán. Lúc đó, chúng tôi đi để tiếp cận các mục tiêu chiến đấu. Một ông lái xe tắc xi thò đầu ra ngoài hỏi:

- Ê, hình như đảo chánh phải không?

Bên lề đường, một ông trạc 50 tuổi với cặp mắt đăm chiêu trả lời:

- Kỳ lắm, đảo chánh kỳ trước đâu phải vầy, chắc có chuyện gì đây!

Tôi và anh Ba Thắng nhìn nhau. Chúng tôi chỉ muốn nói thật to:

- Bà con ơi! Giờ phút lịch sử của dân tộc đã đến rồi. Thành phố mình sắp được giải phóng rồi. Bà con ơi!

Một xe cảnh sát từ từ lướt tới. Trên xe tốp lính ngồi đấu lưng với nhau chĩa nòng súng ra ngoài, nét mặt ngơ ngác hốt hoảng. Một tên ngó lăm lăm vào chúng tôi. Tôi nhắc anh Ba Thắng đi cách xa nhau một chút vì anh em sắm cho chúng tôi các đồ mặc giống hệt nhau: giày đen mũi nhọn, sơ mi trắng dài tay, quần đen... trông chúng tôi như đang mặc đồng phục diễu hành trên phố, rất dễ làm địch nghi ngờ.

Việc số cảnh sát xuất hiện trên đường làm tôi băn khoăn. Vì như vậy có thể đội Biệt động phụ trách đánh vào Tổng nha có gặp trở ngại. Nếu cơ quan đầu sỏ bị tấn công, chắc chắn đám lính này không thể đi nghênh ngang như thế được. Đơn vị đánh mục tiêu này đã phối thuộc cho Phân khu 3 ngay từ đầu. Còn các đội đánh vào mục tiêu Biệt khu thủ đô, vào khám Chí Hòa để giải thoát cho anh chị em tù chính trị đã phối thuộc cho Phân khu 2 cũng chưa có tin tức gì cả! (Dù đã phối thuộc cho Phân khu bạn, chúng tôi vẫn đặt liên lạc với nhau).

Trở về lại sở chỉ huy tạm, chúng tôi nóng lòng chờ đợi tin tức của các đơn vị tiếp ứng. Theo kế hoạch hiệp đồng, các lực lượng này phải có mặt sau khi các nhóm Biệt động nổ súng được một tiếng để cùng triển khai chiến đấu. Vì các nhóm Biệt động không đủ quân số và vũ khí bám trụ lâu nên các lực lượng tiếp ứng là tối cần thiết. Vậy mà gần đứng trưa, chúng tôi vẫn chưa được tin gì về các lực lượng này. Không hiểu sao mọi tin tức liên lạc cứ bặt tăm. Dù cố giữ bình tĩnh, chúng tôi vẫn không nén được nỗi lo lắng bồn chồn. Thỉnh thoảng, anh Ba đảo mắt nhìn tôi với vẻ lo ngại. Tôi hiểu được ngay ý nghĩa sâu xa của cái nhìn ấy...

Mãi xế chiều, chúng tôi được tin một lực lượng của Phân khu 2, đã đánh chiếm khu vực đường Sư Vạn Hạnh gần chùa Ấn Quang. Phía đông bắc, tiểu đoàn mũi nhọn của Phân khu 5 cũng đang đánh nhau quyết liệt với địch ở ngã tư Hàng Xanh - Thị Nghè. Và tiếng súng nổ dồn dập kịch liệt ở khu vực phía tây sân bay Tân Sơn Nhất cũng giúp chúng tôi biết rằng, chiến sự đang diễn biến ác liệt ở đấy. Như vậy các cánh quân này còn cách xa các mục tiêu mà đơn vị Biệt động đang chiến đấu,chưa thể có sự phối hợp hỗ trợ như đã dự tính. Tình thế này hoàn toàn bất ngờ làm chúng tôi sốt ruột, lo lắng. Bởi tình huống xảy ra như vậy, sẽ rất khó khăn cho các đội Biệt động. Buổi trưa, đài phát thanh Sài Gòn bắt đầu hoạt động lại, chỉ cần như vậy là chúng tôi hiểu đơn vị đánh đài phát thanh chưa khống chế được địch. Và còn các nơi khác nữa? Tình thế gay go này buộc chúng tôi nhanh chóng bàn bạc và quyết định ngay: Anh Ba sẽ đi về hướng cánh quân Phân khu 4 đang chiến đấu ở xa lộ để dùng điện đài báo về trên, yêu cầu tăng viện gấp. Còn tôi đi về hướng Phân khu 2 gặp các anh để bàn việc dành lực lượng hỗ trợ ngay cho các đội Biệt động.

Quyết định như vậy rồi, anh Ba và tôi chia tay nhau. Anh Ba cầm tay tôi, dặn dò tôi phải thật cẩn thận. Tự nhiên, tôi bỗng thấy lo cho anh. Tôi đề nghị anh ở lại để mình tôi tìm cách liên lạc với các nơi. Nhưng anh vẫn cương quyết đi. Nhìn anh bước ra khỏi nhà, dáng cao cao khuất dần sau bức tường, lòng tôi chợt dâng đầy một cảm giác trống trải.

Một lát sau, tôi đến Sở chỉ huy ở số 7 Yên Đổ, nhận được thư của đồng chí Võ Văn Kiệt. Trong thư nhắc nhở là phải phát triển ngay lực lượng trong số sinh viên học sinh được tăng cường và trang bị vũ khí cho họ để họ tham gia chiến đấu giữ cho được trận địa và báo cáo diễn biến về Sở chỉ huy Tiền phương. Các đồng chí trực Sở chỉ huy cho biết các đường dây đều đứt, tình hình anh em ở các mục tiêu chưa biết ra sao. Cái gì đang đến với các đồng chí ấy sau hơn nửa ngày chiến đấu? Như vậy là những điều chúng tôi lo lắng đã trở thành sự thực. Không biết anh Ba đã nắm được tình hình này chưa. Tình thế đang ngày càng bất lợi cho các đơn vị Biệt động vậy mà đường dây liên lạc với các mục tiêu chiến đấu đều đứt. Không biết anh em ai còn ai mất. Sau hơn nửa ngày chiến đấu liệu có còn cầm cự được không? Giờ này, tôi không có cách nào trợ lực, cứu giúp được anh chị em, không có chút lực lượng dự bị nào trong tay. Tim tôi nhói đau, ruột nóng như lửa đốt, tôi quyết định cứ liều vượt qua sự ngăn trở của địch để đến một nhóm chiến đấu xem sao. Nén xúc động, tôi dặn đồng chí phụ trách phân tán ngay số người còn lại ở Sở chỉ huy vì có vẻ đã bị "hôi ổ" rồi, không nên chần chờ nguy hiểm, và tìm mọi cách liên lạc với anh chị em các đơn vị.

Len lỏi mãi tôi mới đến được khu vực chùa Ấn Quang. Tiếng súng nổ vẫn chứng tỏ hai bên còn đang bắn nhau. Trên các đường phố, dấu vết của trận đụng độ đêm qua vẫn còn ngổn ngang. Đi quanh một vòng, tôi biết lực lượng của ta ở đây chắc còn ít, vì khu vực chiếm lĩnh hẹp, trong khi xung quanh địch đang tổ chức chống trả. Tôi tìm cách len lỏi vào trong, lợi dụng chiếc xe Jeep của một sĩ quan ngụy đang quay đầu, tôi vội chạy qua bên kia đường. Lập tức một loạt đạn bắn cản phía trước chặn không cho tôi tiến tới nữa. Tôi tìm mọi cách đều không thể vào được. Chần chờ một lúc, thấy quanh quẩn ở lại đây không có lợi. Tốt nhất là đi tìm lực lượng đến tiếp ứng để phá vòng vây cứu anh em. Nghĩ vậy, nên tôi tranh thủ đi về hướng quận 6 Cầu Tre, mà tôi biết chắc rằng lúc này có lực lượng của Phân khu 2 ở đấy.

Quanh quẩn các ngả đường, vượt qua những chỗ địch ngăn chặn, khoảng chiều tối hôm đó, tôi đến được địa phận phường Phú Định, Rạch Cát. Xa xa thấp thoáng một lá cờ của Mặt trận bay trên đỉnh cột đèn đầu cầu Cây Gõ. Nhắm hướng này đi tới, đến đêm thì tôi được các đồng chí trinh sát đưa về Sở chỉ huy quân sự của Tiền phương 2.

Tôi được gặp lại anh Trần Hải Phụng, người thủ trưởng trực tiếp. Anh đang bàn kế hoạch với các tiểu đoàn trưởng, tiến quân qua hướng quận 6. Nghe tôi trình bày lại các diễn biến chiến đấu trong ngày, tình hình khó khăn của các đơn vị và ý kiến của đồng chí Chính ủy; anh bảo tôi sáng hôm sau đến gặp đồng chí Bí thư Tiền phương 2. Từ đó đến sáng, tôi trằn trọc suy nghĩ miên man. Giờ này trong tôi không còn suy nghĩ gì khác hơn là sinh mạng của các đồng chí trong lửa đạn ở nội đô... Với quân số hạn chế và vũ khí ít ỏi như thế thì liệu chống cự được bao lâu nữa? Rồi tất cả sẽ ra sao? Những gương mặt thân yêu của anh chị em cứ hiển hiện trước mắt tôi khiến lòng tôi quặn thắt, day dứt và xót xa. Nước mắt tôi cứ tự nhiên chảy ra, không kìm lại được.

Bước qua cây cầu lót bằng thân cau đến một gian nhà lá nhỏ ở phường Bến Đá quận 8, tôi gặp được đồng chí Bí thư và phó Bí thư Tiền phương 2. Tôi báo cáo ngay tất cả tình hình và tha thiết xin quân hỗ trợ. Giữa lúc chúng tôi đang làm việc, tiếng súng chợt nổ dữ dội ở hướng quận 6. Từng chặp tiếng nổ của tiểu liên, xen kẽ là tiếng nổ của lựu đạn, thủ pháo và tiếng trực thăng quần đảo, ồn ào, nhiều lúc phải dừng câu chuyện. Tôi hiểu, các tiểu đoàn hôm qua tôi gặp đã thực hiện lệnh tiến quân. Mỗi đơn vị đều có nhiệm vụ của mình. Có lẽ, tình hình chiến trường chuyển biến quá mau lẹ, khiến những kế hoạch hiệp đồng trước đây không thực hiện được? Và các đồng chí lãnh đạo còn lo lắng hơn tôi, cứ nhìn vẻ hốc hác vì thiếu ngủ của các đồng chí cũng đủ biết. Nhưng tôi không kìm nổi lòng mình,[1] chỉ một mực yêu cầu việc cho quân tăng viện.

Hiểu được tâm tư của tôi đối với các anh em, thoáng vẻ buồn, đồng chí Trần Bạch Đằng, phó Bí thư Tiền phương chậm rãi nói: "Đảng bộ ta tự hào vì có những đảng viên, những đơn vị Biệt động anh dũng vô song, hy sinh cao độ cho sự nghiệp của Đảng, làm rạng rỡ cho phong trào cách mạng Sài Gòn - Gia Định. Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định sẽ ghi vào lịch sử thành tích hiển hách các đảng viên của mình..."

Trầm ngâm một lúc, nhìn vào tôi, đồng chí nói tiếp: "Riêng đồng chí, cấp ủy thông cảm nỗi băn khoăn của đồng chí, nhìn thấy ở đây mối tình đồng chí đồng đội, mà bao năm chắt chiu xây dựng gắn bó bên nhau... Cấp ủy chia sẻ nỗi băn khoăn này và xác định tinh thần trách nhiệm của mình với các đơn vị Biệt động"...

Đồng chí Võ Văn Kiệt còn nói cho tôi biết tình

---

(1) Sau này mỗi lần họp truyền thống, lúc nói lại chuyện này, anh Trần Bạch Đằng kể lại lúc ấy tôi đã khóc trong lúc báo cáo tình hình.

hình chung, những khó khăn thuận lợi của cục diện và nói tỉ mỉ đến phương hướng tới, những vấn đề nóng hổi của phong trào, của cuộc chiến đấu, của sự tiến quân. Cuối cùng anh giao nhiệm vụ và chỉ thị cần cấp tốc biệt động hóa các đơn vị ở hướng Tây Nam để đi hẳn vào trung tâm Sài Gòn - Chợ Lớn...

Một ngày sau đó, lực lượng ta đã chiếm một phần quận 6. Công việc chuẩn bị cho tiểu đoàn bộ binh biệt động hóa được tiến hành trong các thời gian tạm dừng quân... từ việc chuẩn bị tư tưởng, điều chỉnh lại biên chế trang bị, thống nhất phương thức và thủ đoạn chiến đấu ở nội đô. Sở chỉ huy của cấp ủy Tiền phương và Bộ chỉ huy quân sự có mặt cùng một lúc với các lực lượng từ hướng phường Bình Tiên quận 6. Chúng tôi ráo riết chuẩn bị cho Tiểu đoàn 2, dự định sẽ vận động bằng cơ giới tập kích vào Tổng nha cảnh sát ngụy. Trong tình thế hiện nay nếu đánh thẳng vào đây sẽ khiến địch núng thế không tiếp ứng được cho các nơi, như vậy đỡ được phần nào cho những anh em đang chiến đấu. Hơn nữa đòn đánh này còn có tác dụng trực tiếp to lớn tới phong trào cách mạng ở đô thị.

Việc chuẩn bị của chúng tôi đang khẩn trương tiến hành, nhất là việc chuẩn bị phương tiện đột kích (cánh Hoa vận giúp huy động mấy xe đò tại chỗ) thì địch bắt đầu phản kích bằng bộ binh và cơ giới, làm đảo lộn kế hoạch về huy động phương tiện. Tuy vậy, chúng vẫn chưa xoay chuyển được tình thế đang khốn đốn... Thời cơ vẫn đang nóng bỏng, quyết tâm của cấp ủy là không cần chờ có xe mà tìm cách tiến quân băng qua chợ Thiếc, quận 5, sau đó nhanh chóng vận động vào trung tâm thành phố để liên lạc với tiểu đoàn 6 Phân khu 2. Ngoài ra, các lực lượng khác của Phân khu 2 cũng đang được tăng cường để đánh một số hướng mới nữa.

Những ngày này, vừa lo nhiệm vụ mới, chúng tôi vừa tìm mọi cách liên lạc với các điểm chiến đấu của các đội Biệt động trong thành phố. Dần dần chúng tôi cũng nắm được tình hình diễn biến của một vài nơi. Về Sở chỉ huy ở số 7 Yên Đổ, lúc tôi đi đã có dấu hiệu "hôi ổ", các đồng chí đã thông báo thay đổi địa điểm. Anh em cũng đã tản đi gần hết, chỉ còn hai cán bộ chính trị, một cán bộ quân báo nấn ná ở lại và một số chị em giao liên vừa về tới thì bị địch ập đến lục soát vây bắt. Đêm sau chúng đưa anh Mười Tâm[1] và ông Bảy ra bắn vì cho đây là hai cán bộ chỉ huy của cánh quân tây bắc Sài Gòn. Về các đơn vị chiến đấu,

---

(1) Mùa mưa năm 1998, hai gia đình và tổ chức cách mạng đã đưa hài cốt của đồng chí Mười Tâm và đồng chí Bảy về cải táng tại nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hồ Chí Minh.

những nơi mà chúng tôi nắm được như dinh Độc Lập, tòa đại sứ Mỹ, Bộ tư lệnh hải quân... hầu như anh em không còn ai. Đa số đã hy sinh, số ít còn lại thì bị bắt. Mãi đến năm 1974, một số đồng chí được địch trao trả mới bổ sung tình tiết của cuộc chiến đấu như sau:

Trận đánh Đài phát thanh Sài Gòn:

Đội hình chiến đấu gồm 12 đồng chí tiến quân bằng hai hướng:[1]

Mũi 1: Gồm 7 đồng chí, trên một xe ô tô vận tải nhẹ do đồng chí Năm Lộc chỉ huy, đi theo đường Nguyễn Bỉnh Khiêm rẽ qua Tự Đức và Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu) đến mục tiêu. Nhiệm vụ xung phong vào hướng cửa chính, chiếm lĩnh khu vực phát sóng.

Mũi 2: Có 3 đồng chí vận động bộ (cách mục tiêu khoảng 100m) do đồng chí Đặng Xuân Tẻo phụ trách, từ nhà 65 Nguyễn Bỉnh Khiêm tiến về hướng Đài chiếm lĩnh ngã ba Nguyễn Bỉnh Khiêm - Phan Đình Phùng, nổ súng vào lô cốt trại an ninh quân đội ngụy, kiềm chế cho bộ phận ở hướng 1, đánh chiếm mục tiêu.

---

(1) Những ghi chép về các trận đánh một cách cụ thể đều dựa vào chuyện kể của các đồng chí, các tập thể đã tham gia từng trận. Ngoài ra có tham khảo tài liệu của cơ quan quân sự thành phố Hồ Chí Minh và các tài liệu của địch nói về Mậu Thân.

Mũi 1 đến cửa chính lúc 1 giờ 59 phút đã nổ súng diệt bọn lính gác cổng. Sau đó nhanh chóng dùng thủ pháo đánh bung cửa chính, mở đường xung phong vào trong. Khi ta nổ súng, địch ở tầng một đã bắn chi viện cho tốp lính gác cổng nên lúc vừa bước xuống xe, đồng chí Trần Phú Cương trúng đạn, bị thương nặng không thể tiếp tục chiến đấu. Lúc này đội hình chiến đấu xung phong vào đài còn có 6 đồng chí, vừa đánh vừa phát triển vào trong. Trung đội lính bảo vệ đài lớp chết tại chỗ, một số lớn chạy bung ra phía sau về hướng bót an ninh của quân đội ngụy. Qua 5 phút chiến đấu, Đội 4 chiếm được tầng 1 và làm chủ khu vực đài, củng cố vị trí và thu một số súng đạn để sẵn sàng đánh địch phản kích.

Cũng trong thời gian đó, tổ kiềm chế của đồng chí Tẻo đã dựa vào địa hình bên đường, đánh lui nhiều đợt phản kích của quân đội ngụy từ hướng trại an ninh khiến địch không tiến được qua ngã ba để chi viện cho số ở trong đài.

Khoảng 4 giờ ngày 31-1, từ hướng Đa Kao, một đoàn thiết giáp vượt qua khu vực đài, bắn phá dữ dội khống chế các trục đường, hình thành một vòng vây trước cửa đài. Tổ kiềm chế phía ngoài đánh trả quyết liệt bằng cả lựu đạn, thủ pháo. Lúc này đồng chí Hiệp trong tổ kiềm chế đã hy sinh. Gần sáng một máy bay trực thăng của địch quần đảo liên tục, vừa kêu gọi quân ta đầu hàng, vừa bắn rốc két và ném lựu đạn xuống trận địa.

Trời sáng rõ, vòng vây của giặc xiết chặt. Lực lượng địch ở hướng bót an ninh, có sự chi viện của thiết giáp nên đã phát triển đội hình đến trước cửa chính của đài và án ngữ dày đặc trên trục đường Nguyễn Bỉnh Khiêm và Phan Đình Phùng. Địch tăng cường thêm hai chiếc trực thăng vẫn quần đảo, gọi đầu hàng và ném lựu đạn, bắn rốc két v.v... Toàn khu vực khói lửa cuồn cuộn. Lúc này tổ yểm trợ phía ngoài hy sinh thêm đồng chí Hai Còm, chỉ còn lại một mình đồng chí Ba Tẻo. Anh lách theo các bức tường, rút về nhà 65 Nguyễn Bỉnh Khiêm. Địch phát hiện, bắn theo dữ dội.

Bên trong đài, tình hình khó khăn hơn, ta hy sinh thêm hai đồng chí Hùng và Tỷ, bốn đồng chí còn lại đều bị thương. Địch đã xông vào được phía bên trong cửa chính, và hai bên đã quan sát được từng động tác chiến đấu của nhau. Địch đã dùng hỏa lực pháo của xe tăng bắn vào đội hình của ta. Khi không còn đạn và lựu đạn chiến đấu, các chiến sĩ[1]

---

(1) + Hy sinh sau cùng là: Năm Lộc đội trưởng, Bảy Thân đội phó, Hồng và Chín... Các đồng chí này đều rất trẻ. Đồng chí Thân, Hồng và Chín, đều là học sinh khoảng 16, 17 tuổi, quê ở xã An Nhơn Tây, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi. Mẹ của đồng chí Bảy Thân nay còn sống, đã qua tuổi 90. Hàng năm

dùng khối nổ 20kg đã chuẩn bị sẵn để quyết tử và hủy luôn đài phát thanh của ngụy. Lúc bấy giờ là 6 giờ sáng, giờ Sài Gòn ngày 31-1-1968, đúng mồng hai Tết![2]

đến ngày mồng 2 Tết Nguyên đán mẹ vẫn sửa soạn mâm cơm để nhớ đến con.

Đồng chí Năm Lộc (Nguyễn Gia Lộc) năm ấy khoảng ngoài 30 tuổi. Anh tham gia phong trào học sinh Trần Văn Ơn trong thời kỳ chống Pháp, lúc 12 tuổi bỏ học ra bưng biền kháng chiến ở vùng khu 8. Năm 1954 đi tập kết, lúc trở về Nam, được bố trí về đơn vị Biệt động với tư cách là một sĩ quan pháo binh mặt đất. Anh đã nhiều lần ra vào thành phố để đo đạc, xác định phần tử bắn cho các lần ta đánh bằng pháo cối vào các lễ duyệt binh và các căn cứ của địch. Sau Hòa bình 1975, chúng tôi có dịp đến thăm gia đình anh ở vùng Tân Định. Người em gái kế, có kể cho chúng tôi nghe một chuyện cảm động về anh:

... Một năm trước năm 1968, sắp tới ngày giỗ của mẹ, như tập quán hàng năm, em gái anh đến sửa sang mồ mả, thì thấy một nén nhang và một bó hoa tươi ở mộ. Cô rất ngạc nhiên vì lâu nay, cô là người duy nhất săn sóc mộ mẹ. Lúc bấy giờ ông cụ còn sống nhưng đã quá già, trong gia đình có một anh trai làm trung tá cho ngụy cũng ít về nhà. Do vậy, bó hoa và nén nhang chỉ có thể là của Năm Lộc. Trong điều kiện hoạt động bí mật anh vẫn nhớ ngày giỗ mẹ và tìm cách về thăm mẹ.

+ Đơn vị tấn công Đài phát thanh ngụy được tặng thưởng huân chương quân công hạng 2 và sau đó đồng chí Trần Phú Cương (Năm Mộc) được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(2) Nhà báo Mỹ Don Oberdoifer nhận xét trong tập sách “Tết” viết về Mậu Thân có đoạn ”... có lẽ trận tấn công được tổ chức tốt nhất ở vùng trung tâm thành phố là trận đánh Đài phát thanh, một cơ sở hết sức quan trọng trong bất cứ cuộc đảo chính hay nổi dậy nào...”.

Ba ngày sau, đồng chí Tư Tăng và đồng chí Ba Tẻo được chị Trần Thị Út (vợ đồng chí Trần Phú Cương) lợi dụng lúc địch sơ hở đưa ra khỏi khu vực phong tỏa trở về vùng căn cứ.

Trận đánh vào tòa đại sứ Mỹ[1]

Đội hình chiến đấu gồm 15 đồng chí của Đội 11 do Ba Đen phụ trách chung và Út Nhỏ, đội trưởng trinh sát bộ binh làm đội trưởng.

Lúc 1 giờ 45 phút sáng, toàn đội[2] ngồi trên 2 xe du lịch từ phía đường Mạc Đĩnh Chi, quẹo qua đường Thống Nhất (nay là đường Lê Duẩn) đến trước tòa đại sứ Mỹ. Theo đúng kế hoạch tác chiến, hai đồng chí Văn và Chính cầm tiểu liên phóng xuống xe lia vào cổng, diệt và kiềm chế số lính Mỹ đứng gác. Hai đồng chí Tèo và Đực xách bộc phá vào đánh sập một mảng tường bao bên tháp canh đường Mạc Đĩnh Chi. Theo đó toàn đội lọt vào bên trong sân chia làm 4 mũi: mũi 1 đánh và chiếm giữ cổng trước, mũi 2 chiếm cổng hông đường Mạc Đĩnh Chi, mũi 3 đánh vào dãy

---

(1) Nhà báo Don Oberdoifer trong tập sách “Tết” đã có nhận xét “Cuộc chiến sứ quán Mỹ kéo dài 6 giờ rưỡi của Việt cộng đối với nhiều người trong số họ xem ra là sự thất bại đau đầu nhất mà Mỹ đã gặp ở Việt Nam...”

(2) Đội 11, qua trận đánh Tòa đại sứ Mỹ, được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhì (xem thêm phần phụ lục cuối sách)

nhà công nhân viên; mũi 4 là mũi chính gồm đồng chí Ba Đen và đồng chí Út Nhỏ chỉ huy số còn lại đánh thẳng vào khu nhà chính của tòa đại sứ. Anh em chiếm tầng trệt một cách dễ dàng, bắt được một số tù binh Mỹ. Đồng chí Út Nhỏ cùng hai đồng chí án ngữ cổng dưới và giữ tù binh. Đồng chí Ba Đen và mấy đồng chí khác tiếp tục đánh lên. Trong 5 phút đầu ta đã chiếm được lầu trên, thu một số súng đạn và bắt được một số tù binh.

Lúc bấy giờ tiểu đoàn quân cảnh Mỹ kéo đến tiếp viện bung đội hình ra, vây quanh đại sứ quán, dùng hỏa lực bắn thẳng vào các rào sắt quanh nhà. Xen lẫn là các phóng viên đội mũ sắt cầm máy ảnh, máy quay phim chạy lăng xăng qua lại. Các đồng chí ở mũi một, hai, ba đã có hy sinh và bị thương, phải chống đỡ cả phía trước mặt và phía sau của tòa đại sứ. Tiếng trực thăng đáp ầm ầm trên nóc, đổ quân xuống tiếp viện và bốc nhân viên trong sứ quán đi. Anh em đã bắn chiếc trực thăng đầu nên sau đó địch phải đổ quân vào lúc mờ sáng. Anh em bắn tỉa từng loạt ngắn, dè xẻn, tiết kiệm đạn để duy trì trận đánh càng lâu càng tốt. Tình thế lúc bấy giờ là địch đã bao vây bốn phía, dưới đánh lên, trên đánh xuống, phía trước và sau thì dùng hỏa lực bắn vào. Sau đó, mũi phụ trách phía cổng đường Mạc Đĩnh Chi và khu nhà nhân viên tiếng súng chỉ còn thưa thớt rồi im hẳn.

Một số tù binh từ dưới chạy lên lầu, Ba Đen lùa tất cả vào một phòng, khóa lại.

Lính Mỹ từ phía trên lầu nhào xuống, Ba Đen lia một loạt AK, tốp đi đầu ngã gục, tất cả tháo lui. Lúc này trời đã sáng rõ, anh nhìn đồng hồ, đã hơn 7 giờ sáng. Đó là giờ theo hiệp đồng chiến đấu, đại quân ta đã phải có mặt. Lát sau, các anh bị lính Mỹ dùng hơi ngạt xịt xuống nên ai nấy đều sặc sụa, khó thở, nước mắt nước mũi chảy ràn rụa. Lúc này đồng chí Vinh và Mạng ở tổ Ba Đen đã hy sinh. Ba Đen nửa mê nửa tỉnh lần mò từng bậc cầu thang xuống tầng trệt. Nơi đây chỉ còn đồng chí Út Nhỏ, đồng chí Đực, một chiến sĩ trẻ đã hy sinh nằm bên cạnh. Đồng chí Út Nhỏ dùng khẩu AK bắn từng phát mỗi khi lính Mỹ xuất hiện. Cả Ba Đen và Út Nhỏ đều bị thương và kiệt sức, cố gắng tổ chức điểm phòng ngự cuối cùng. Ba Đen dùng súng ngắn bắn vào đám trên lầu tiến xuống, còn Út Nhỏ dùng tiểu liên kiềm chế bọn ngoài sân.

Từ trên lầu, địch quăng xuống từng chùm lựu đạn. Ngay từ loạt đầu, Út Nhỏ bị thương nặng và sau đó hi sinh. Còn Ba Đen nhờ có thùng cát phòng lửa ở chân cầu thang che chắn, nên chỉ bị mấy mảnh nhỏ. Anh tìm được một gói bộc phá và có ý định sẽ đổi mạng với giặc. Thấy không còn tiếng bắn trả, mấy tên lính Mỹ lò dò xuống chân cầu thang, đám ở ngoài sân cũng chạy vào. Với sức mạnh cuối cùng, anh vụt dậy

Các liệt sĩ của trận đánh vào Bộ tư lệnh hải quân ngụy 1968

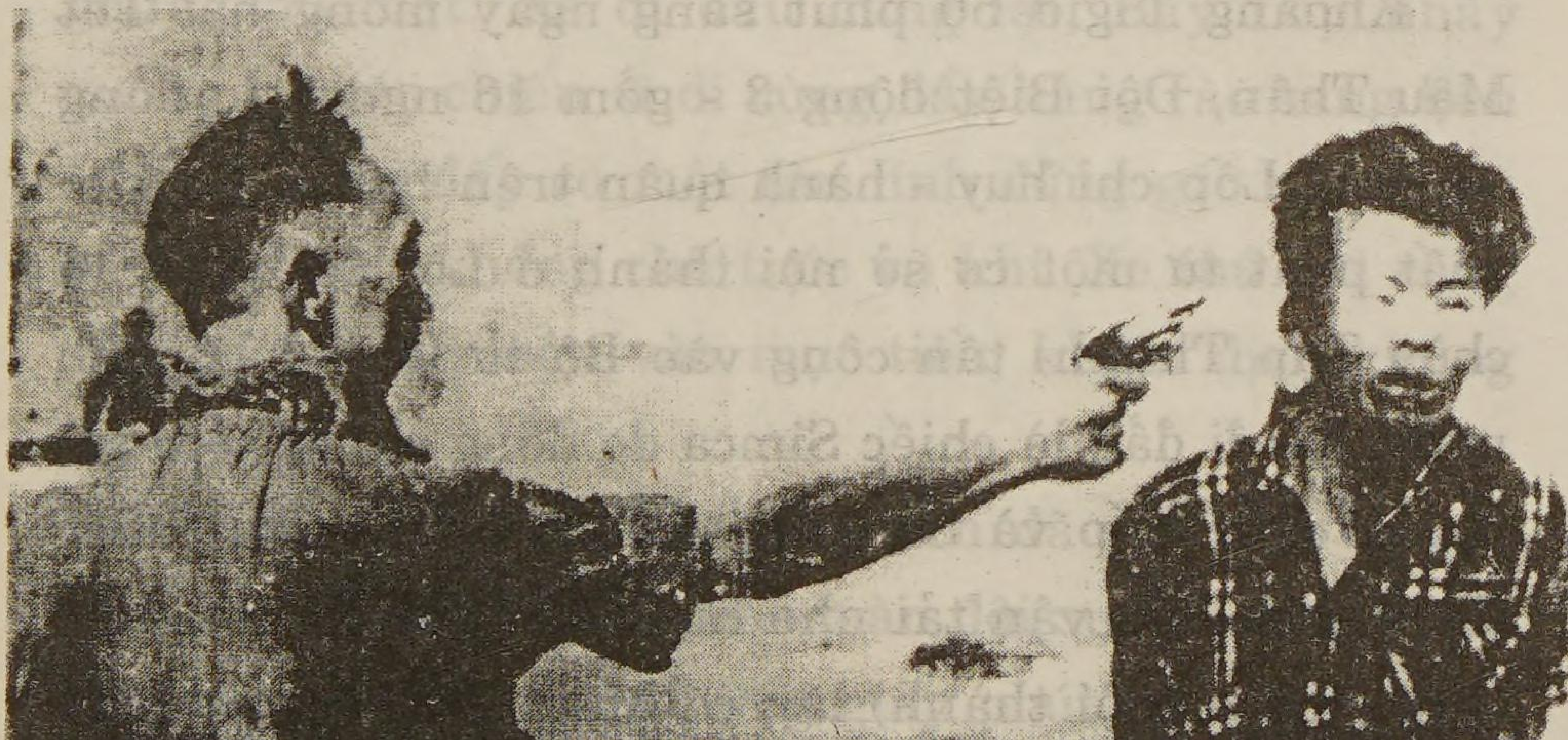

Nguyễn Ngọc Loan bắn đội trưởng Bảy Lốp trong trận Mậu Thân 1968. Hành động đó đã bị dư luận tiến bộ thế giới lúc ấy lên án.

giựt nụ xòe, một ánh chớp lóe lên. Nhưng Ba Đen không chết, chỉ bị ngất đi vì sức ép và bị địch bắt. Sau 10 ngày điều trị anh bị địch đem đi thẩm vấn liên tục từ Nha cảnh sát đô thành đến Trung tâm Việt - Mỹ rồi đến Tổng nha cảnh sát, An ninh quân đội ở bên cầu Thị Nghè, Trung ương tình báo số 3 Bạch Đằng... Đến tháng 7 năm 1969, chúng đưa anh vào trại giam Biên Hòa sau đó đày ra đảo Phú Quốc. Anh được trao trả năm 1974.

Trận đánh vào Bộ tư lệnh hải quân ngụy[1]

Khoảng 1 giờ 50 phút sáng ngày mồng hai Tết Mậu Thân, Đội Biệt động 3 - gồm 16 người do đồng chí Bảy Lốp chỉ huy - hành quân trên hai chiếc ô tô xuất phát từ một cơ sở nội thành ở Lò Heo cũ (gần chùa Tập Thành) tấn công vào Bộ tư lệnh hải quân ngụy. Xe đi đầu là chiếc Simca do đồng chí Hỷ (cơ sở) lái, có Bảy Lốp và ba đồng chí khác đi cùng. Chiếc thứ hai là loại vận tải nhẹ hiệu Peugeot do đồng chí Quân (cở sở nội thành) lái, có Mười Lợi (đội phó) và Hai Quốc (chính trị viên) cùng 7 chiến sĩ còn lại. Vũ khí trang bị gồm: 10 khẩu tiểu liên AK, 120kg thuốc

---

(1) Ghi theo lời kể của đồng chí Mười Lợi và Năm Râu, những người đã tham gia trận đánh.

nổ TNT và hơn 50 quả lựu đạn. Một điều đáng tiếc là đến giờ phút chót, Đội 3 không nhận được 2 khẩu B.40 bổ sung vì điểm hiệp đồng giao nhận vũ khí không rõ ràng... Chính vì sự thiếu sót này mà khi bước vào chiến đấu, đơn vị không có hỏa lực để đối phó với tàu chiến địch đang đậu ở bến cảng.

Đội hình hành quân theo đường Hai Bà Trưng, quẹo qua vòng xoay tượng Đức Thánh Trần tiếp cận mục tiêu. Đang trong giờ giới nghiêm nên trục chính đường dẫn vào mục tiêu bị chắn ngang bởi một hàng rào cự mã, Bộ tư lệnh hải quân ngụy cách rào chắn chừng 50 mét. Xe đi đầu dừng lại, Bảy Lốp nhảy xuống hô các chiến sĩ đi cùng đẩy hàng rào sang bên - bấy giờ tại đấy có một tên lính đứng gác nhưng đã bị Bảy Lốp[1] khống chế tước vũ khí. Xe thứ hai cũng vừa ào tới lao luôn vào mục tiêu, khiến địch không kịp đối phó.

Khối thuốc nổ 20kg đầu tiên đã phá sập lô cốt tiền tiêu làm hiệu lệnh cho toàn đội xung phong đánh chiếm mục tiêu. Sau những giây phút bàng hoàng vì bị tấn công bất ngờ, bọn địch trong căn cứ liều chết chống trả quyết liệt. Người bị thương đầu tiên là đội phó Mười Lợi[1]. Tuy vậy, không hề nao núng, các chiến sĩ Biệt động dùng thủ pháo và lựu đạn tấn công vào tòa nhà, tiếng nổ rền vang làm rung chuyển cả khu vực bến cảng. Trong lúc bọn địch trên bờ đang luống cuống thì bọn lính thủy dưới tàu chiến đang đậu sát bờ (không bị lực lượng ta kiềm chế) nổ súng chi viện. Hỏa lực trên tàu của chúng rất mạnh gồm: tiểu pháo 20 ly, trọng liên 12,7 ly và phóng lựu M.79.

---

[1] Đồng chí Bảy Lốp, tên thật là Trần Văn Lém, quê ở huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy lâm vào thế bất lợi - bên trong địch bắn ra, dưới sông địch bắn lên dữ dội - các chiến sĩ ta vẫn chiến đấu ngoan cường dũng cảm. "Thà hy sinh quyết không chịu đầu hàng giặc", lời thề trước giờ xuất kích còn in sâu trong lòng mọi người. Cuộc chiến không cân sức diễn ra đến 6 giờ sáng thì toàn đội Biệt động hy sinh gần hết. Bảy Lốp - người chỉ huy trận đánh - mang thương tích đầy mình đã bị địch bắt và chính Nguyễn Ngọc Loan[2] (bấy giờ là chuẩn tướng giám đốc cảnh sát quốc gia ngụy) đã dùng súng ngắn bắn chết

---

(1) Đồng chí Mười Lợi, tên thật là Trần Văn Lợi. Trong kháng chiến chống Pháp tên thường dùng là Tô Minh Liên, Hội trưởng Hội ủng hộ Vệ quốc đoàn chi đội 6 miền Đông Nam Bộ. Anh là người có sáng kiến xây dựng các hầm hố ẩn náu bí mật rất sớm ở Sài Gòn, ngay từ thời kỳ chống Pháp.

(2) Lúc đó dư luận báo chí thế giới đều lên án hành vi man rợ của chế độ Mỹ ngụy qua hành động của Nguyễn Ngọc Loan.

anh tại chỗ (một phóng viên nước ngoài đã chụp được ảnh này[1] và đăng trên báo Saigon News làm xôn xao dư luận tiến bộ thế giới lúc ấy). Hai đồng chí thoát được bơi sang bên kia sông Sài Gòn.

Anh hùng thay! Các chiến sĩ Biệt động Đội 3 đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, thà hy sinh chớ không chịu đầu hàng quân giặc.

Trận đánh vào Bộ tổng tham mưu ngụy

Đơn vị này thuộc Cụm 69. Trong kế hoạch chiến đấu thì Cụm này phụ trách hai mục tiêu: Bộ tổng tham mưu ngụy, và cổng Phi Long (Khu vực cổng vào sân bay Tân Sơn Nhất). Cụm này được giao sử dụng ba kho vũ khí, một trong ba kho này, do cất giữ lâu ngày, bảo quản không kỹ nên toàn bộ bị rỉ sét không dùng được. Vì vậy sau giảm bớt mục tiêu cổng Phi Long, tập trung vũ khí và lực lượng là 25 đồng chí, vào mục tiêu Bộ tổng tham mưu ngụy.

Chỉ huy trưởng là đồng chí Ba Phong, đồng chí

---

(1) Người bị bắn trong ảnh (T. 189) được các đồng chí chỉ huy Biệt động Sài Gòn Gia Định và Phòng Khoa học lịch sử thuộc Bộ Tư lệnh thành phố cho là đồng chí Bảy Lốp. Nhưng lúc biên soạn tập sách này, đồng chí Năm Bắc nguyên là bí thư quận 10 nói đó là đồng chí Lê Công Nè (Bảy Nè), một cán bộ phát động quần chúng nổi dậy tại khu vực Ngã Ba Vườn Lài. Vậy ai biết rõ chi tiết xin bổ sung cho tác giả.

Năm Đức chính trị viên, đồng chí Tám Bền và Ba Tâm đều là phó, mỗi người phụ trách chỉ huy trực tiếp một cánh.

Sau khi nhận thêm được 6 khẩu B.40, cánh của đồng chí Tám Bền đang đi từ đường Thiệu Trị (Phú Nhuận), đến ngã tư Trương Quốc Dung thì chiếc xe jeep bị nổ lốp. Các chiến sĩ biệt động lao bộ về phía trước, tổ đi đầu đụng cao ốc Mỹ, đồng chí Tám Cứ nện cho một quả B.40, lô cốt địch xây bằng bao cát đổ ụp xuống. Cánh của đồng chí Ba Tâm đã đến đây trước bằng một xe vận tải nhẹ, hai cánh cùng phối hợp tấn công vào cổng số 5. Bị tấn công bất ngờ tên lính gác vứt súng bỏ chạy trước công viên Chiến Thắng ngày nay, bên trong địch xông ra ứng chiến, súng nổ loạn xạ, lửa bắt đầu cháy từ dãy nhà lợp tôn. Hai bên chiến đấu giành nhau tại cổng số 5 rất ác liệt.

Phía sau hai xe GMC chở đầy lính Mỹ lao tới. Chiếc đi đầu bị bắn, chiếc thứ hai chạy trờ tới cũng lãnh thêm một phát đạn B.40, lửa trùm kín cả xe.

Ta và địch giằng co, như vậy từ 2 giờ đến sáng rõ, xác địch chết nằm ngổn ngang, bên ta đã hai đồng chí hy sinh, năm đồng chí bị thương.

Địch tăng cường lực lượng từ phía trong ra phản kích, đơn vị bị đánh bật ra ngoài, bám vào cư xá sĩ quan phía trước cổng Bộ tổng tham mưu chống cự. Từng tổ bám sát nhau mà chiến đấu, có lúc Ban chỉ

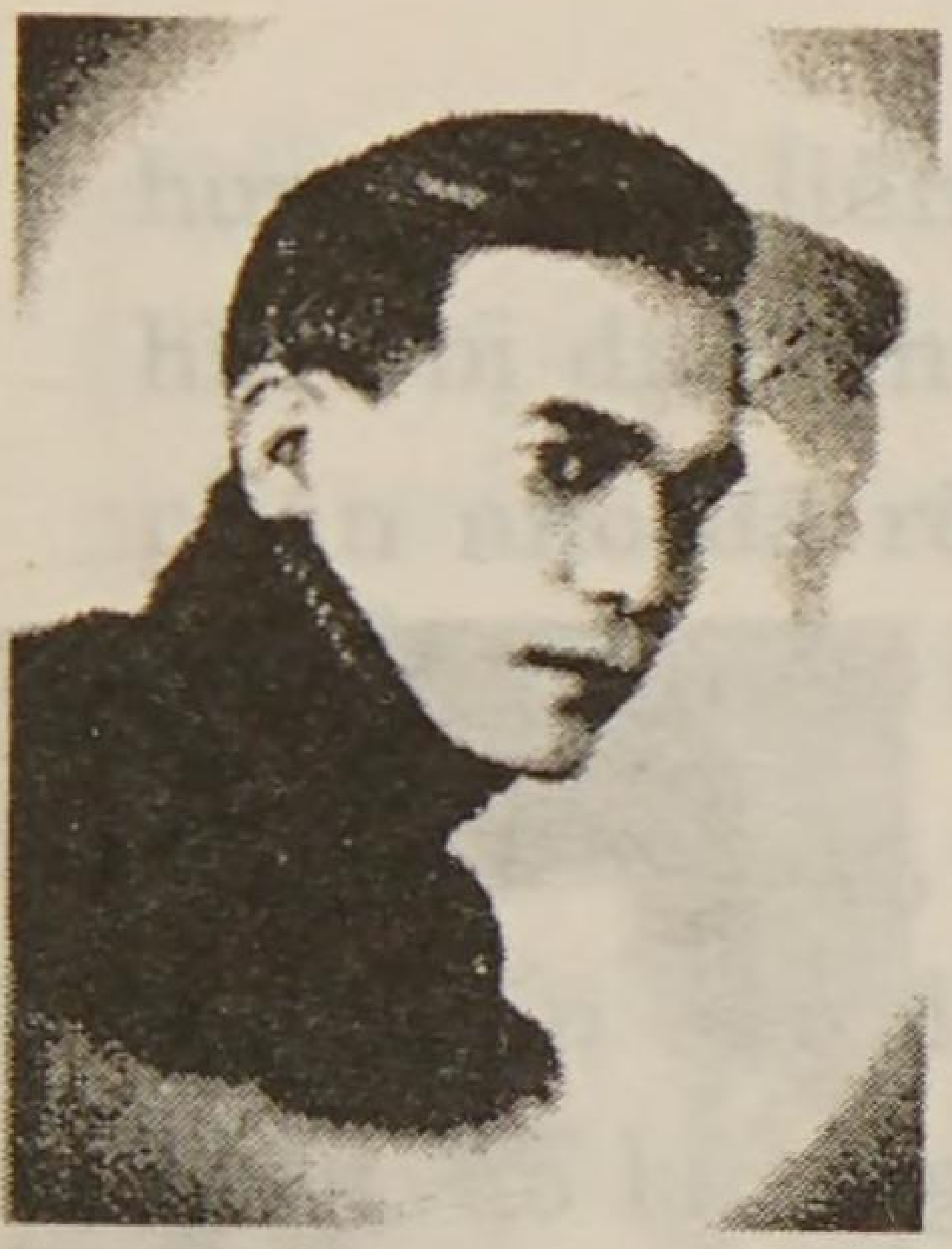

Liệt sĩ
Nguyễn Gia Lộc

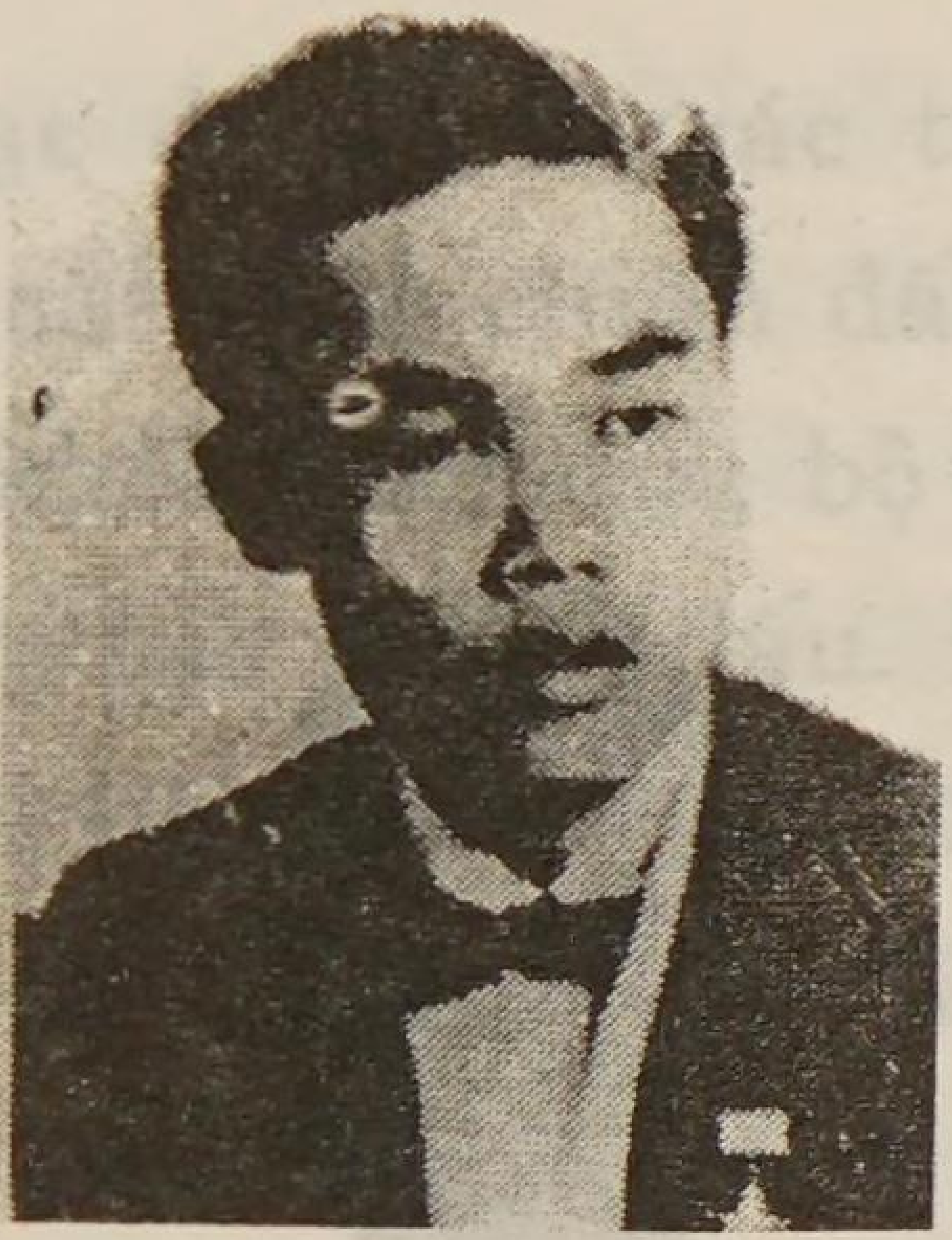

Anh hùng liệt sĩ
Trần Phú Cương

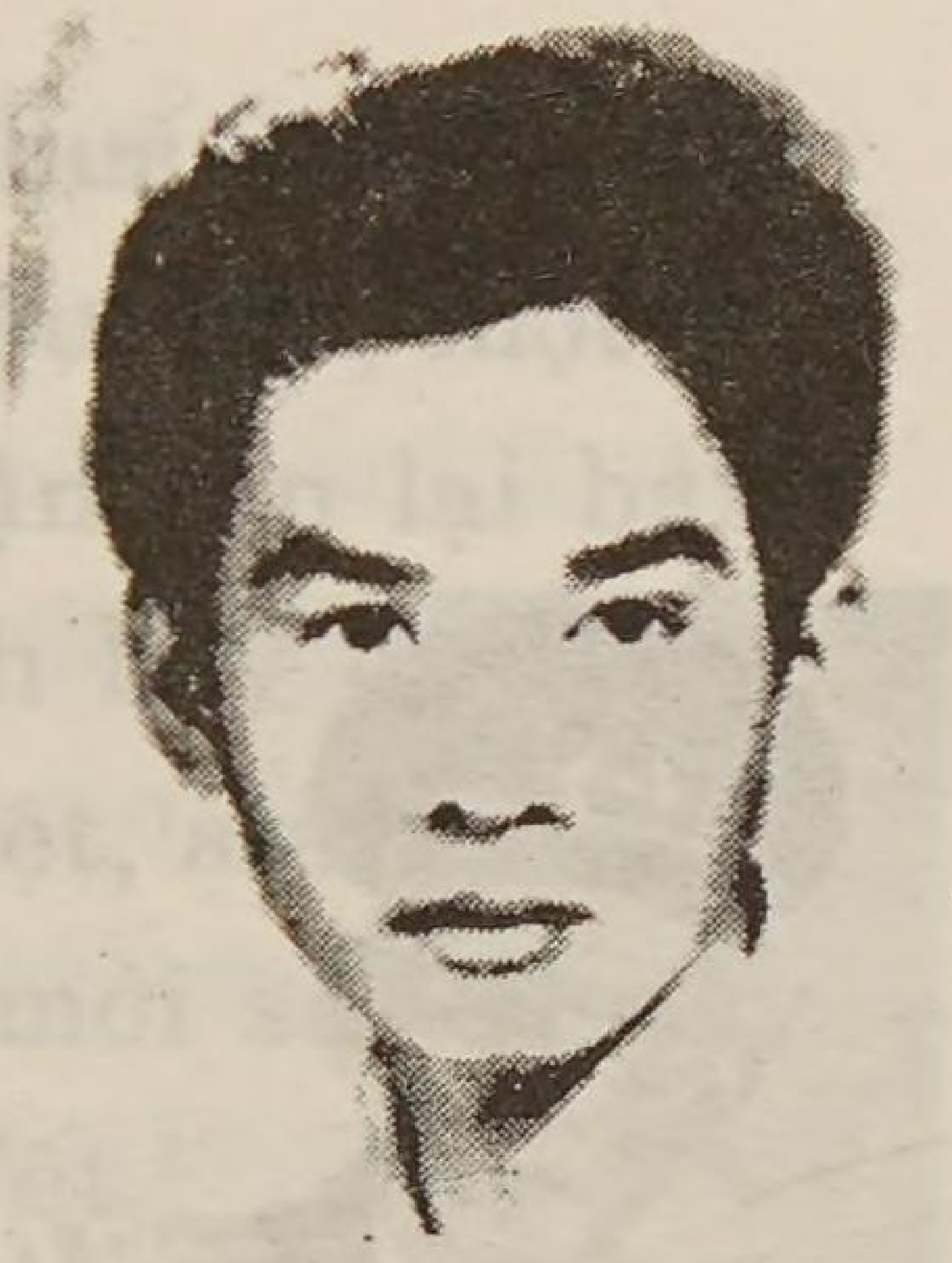

Liệt sĩ
Nguyễn Văn Thân

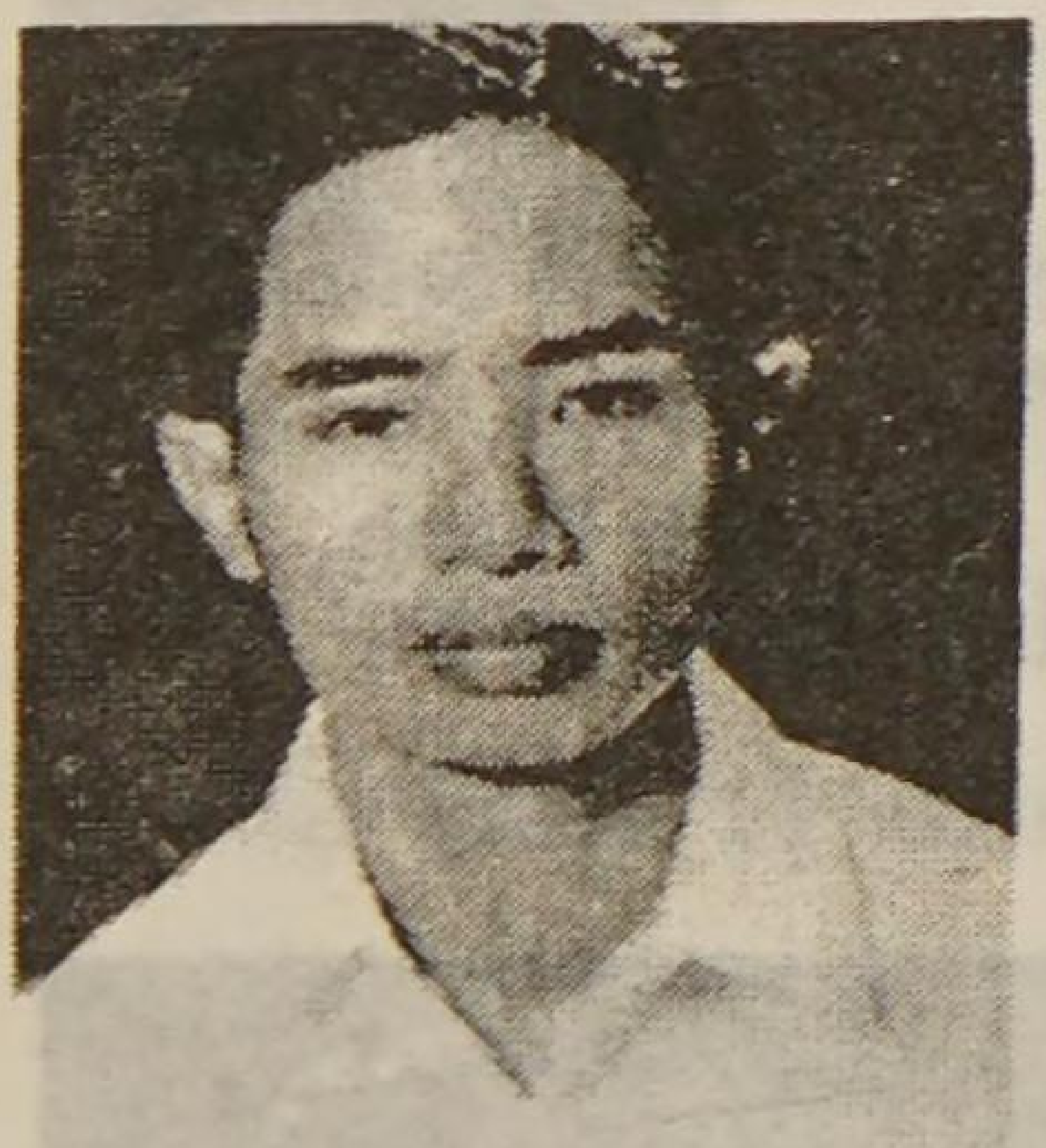

Thiếu tá
Ngô Thành Vân

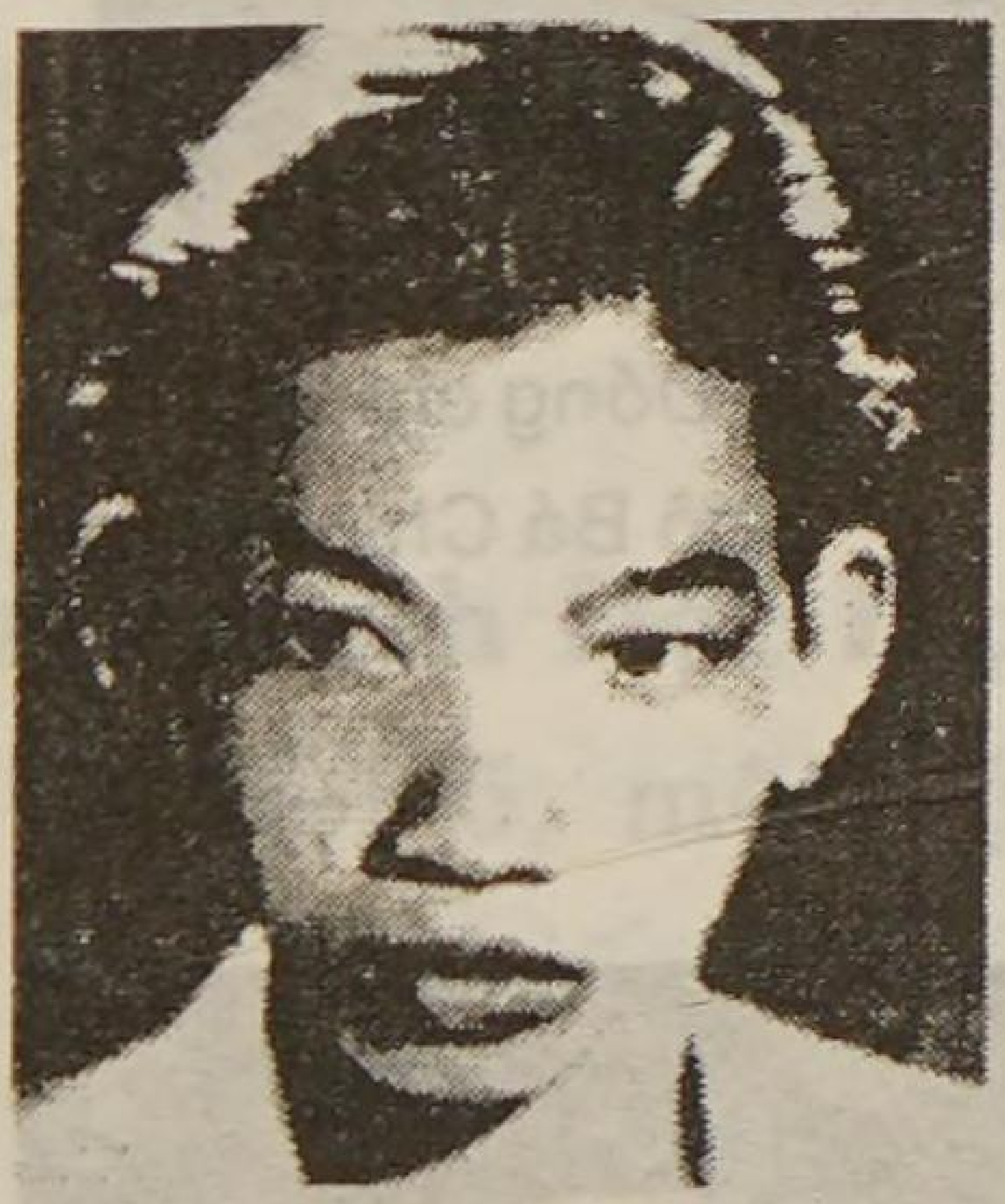

Liệt sĩ
Trần Thế Ninh

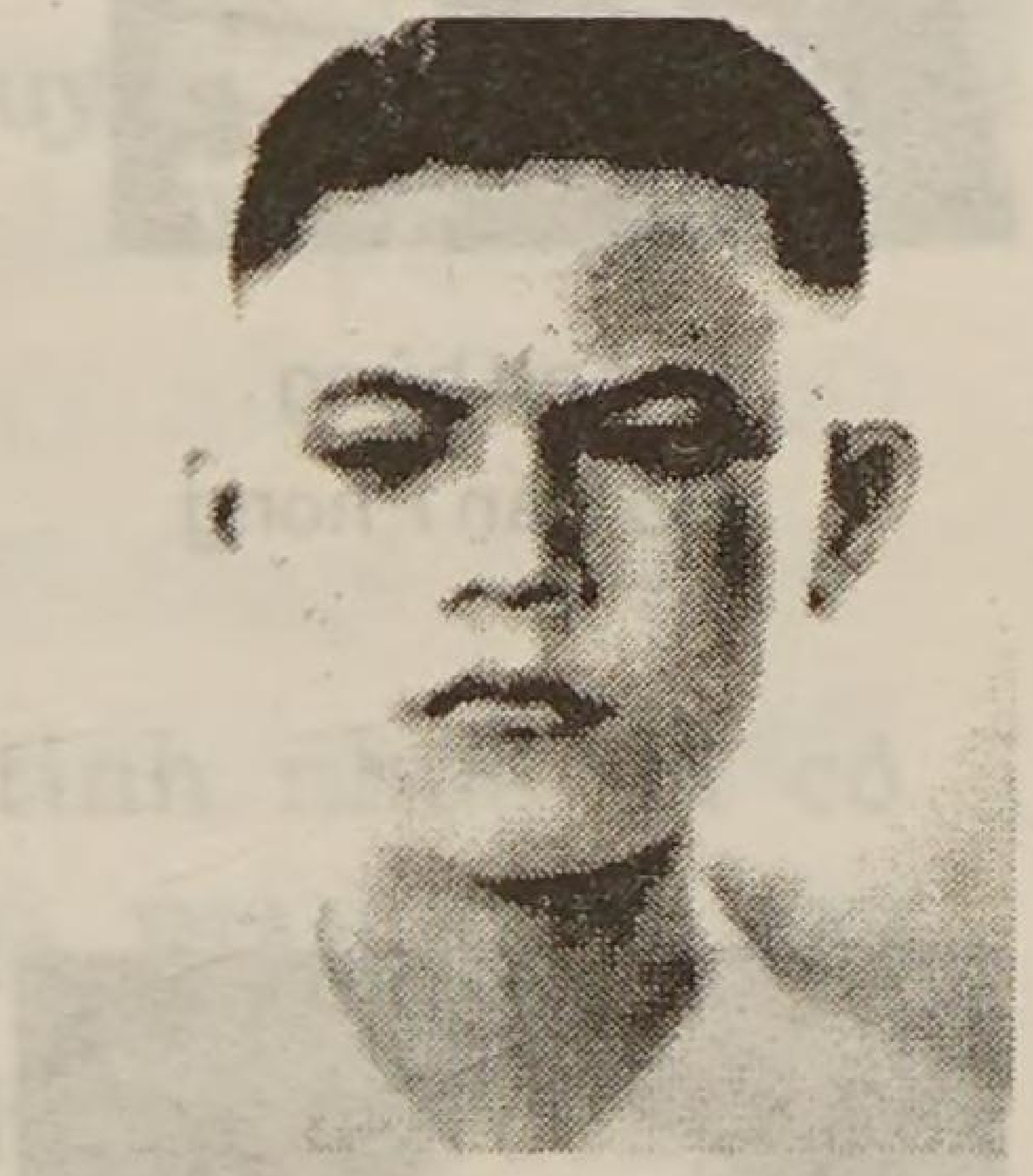

Liệt sĩ
Cao Hoài Vinh

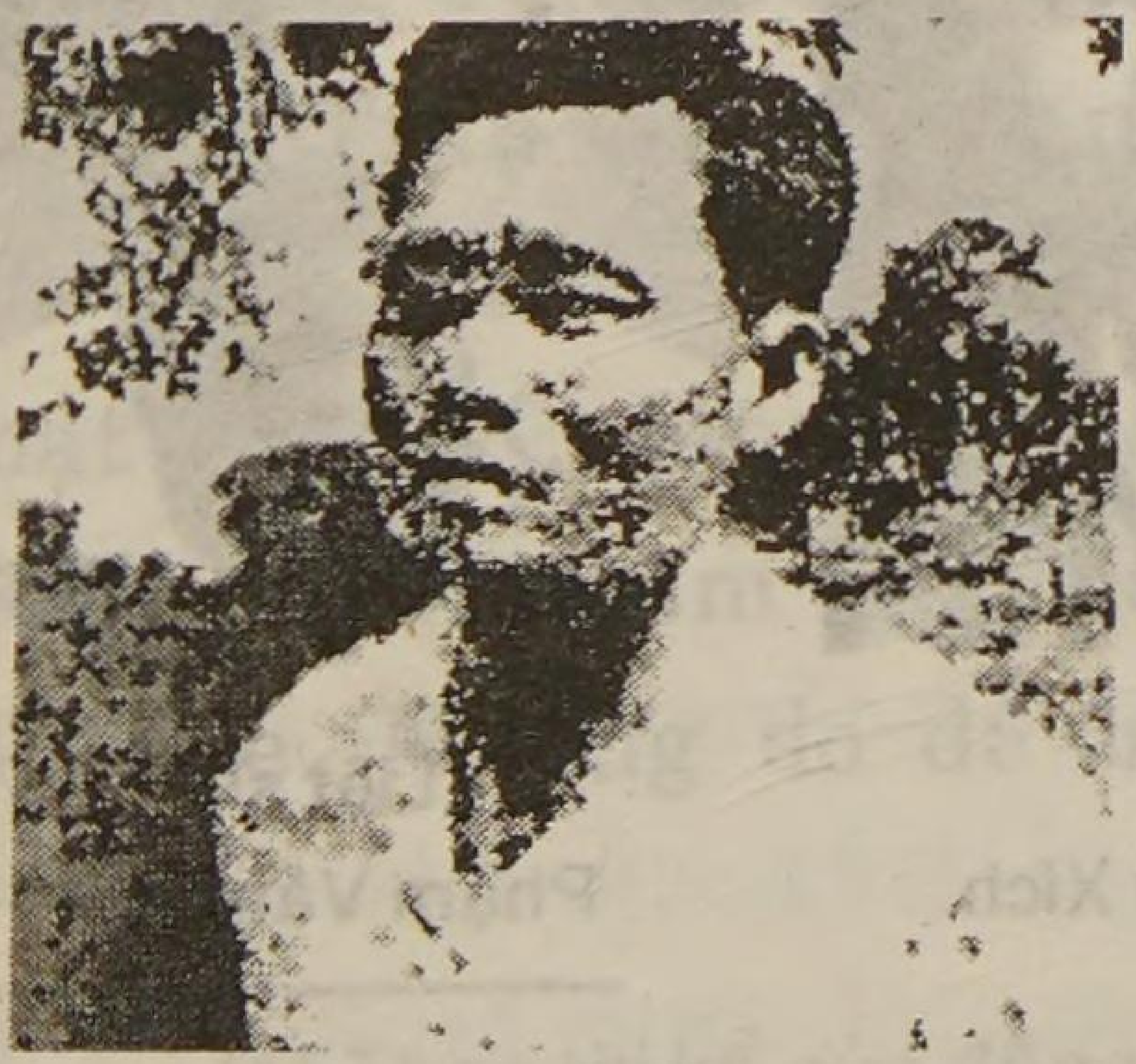

Liệt sĩ Trần Văn Lém
(Bảy Lốp)

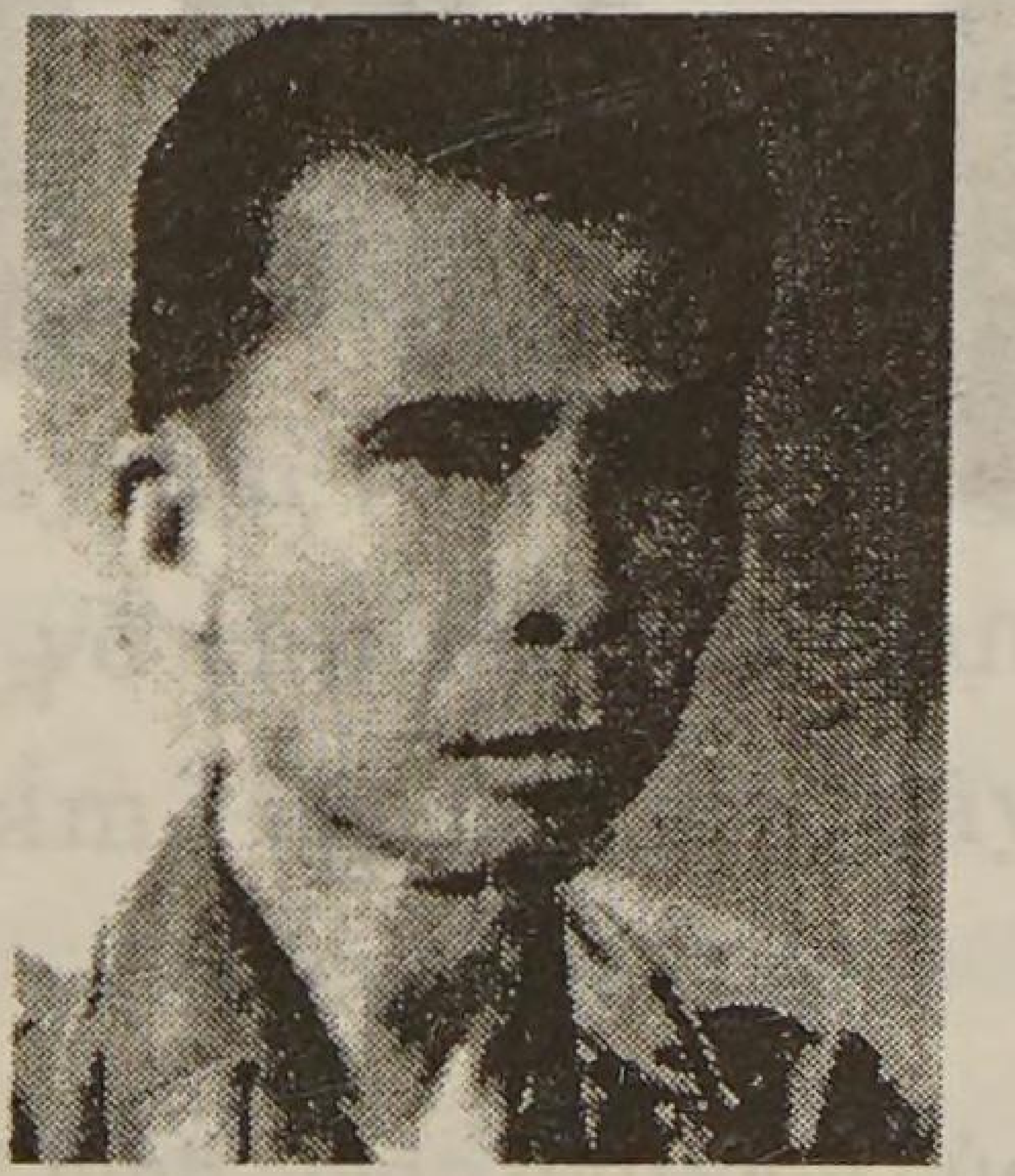

Đồng chí
Trần Văn Lợi

Anh hùng
Đỗ Tấn Phong

Đồng chí
Ngô Bá Chính

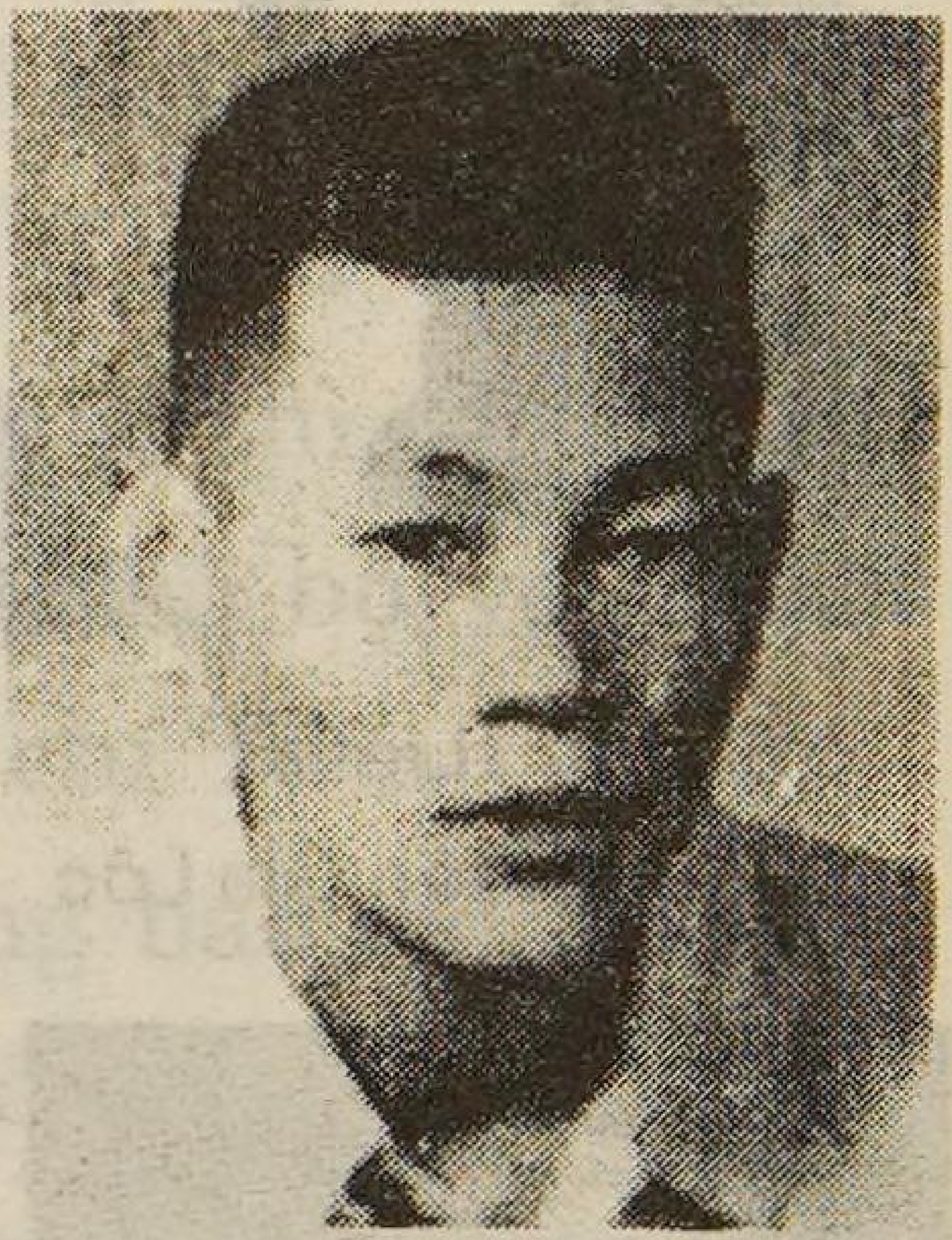

Liệt sĩ
Tô Hoài Thanh

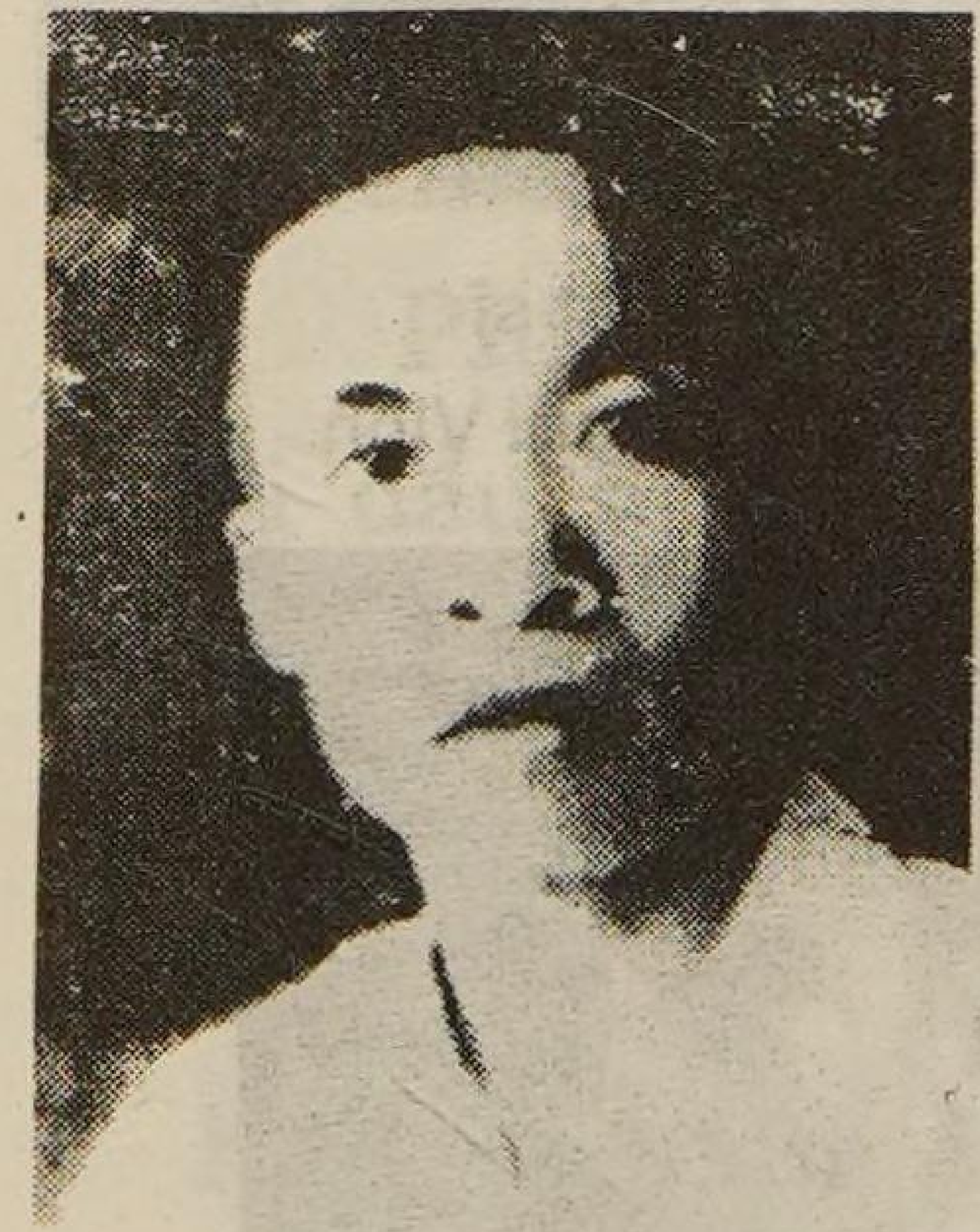

Anh hùng liệt sĩ
Lê Tấn Quốc

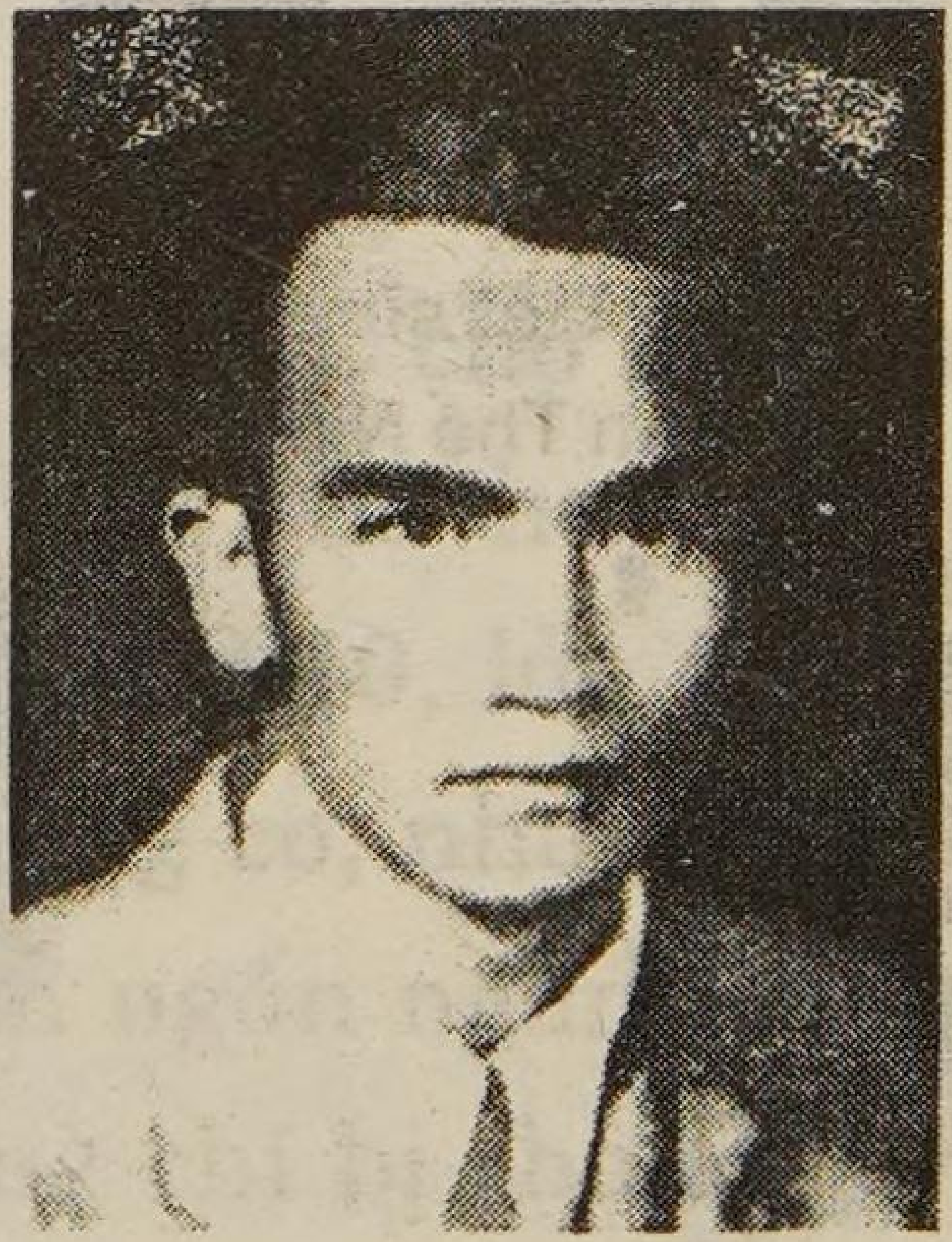

Liệt sĩ
Nguyễn Huy Xích

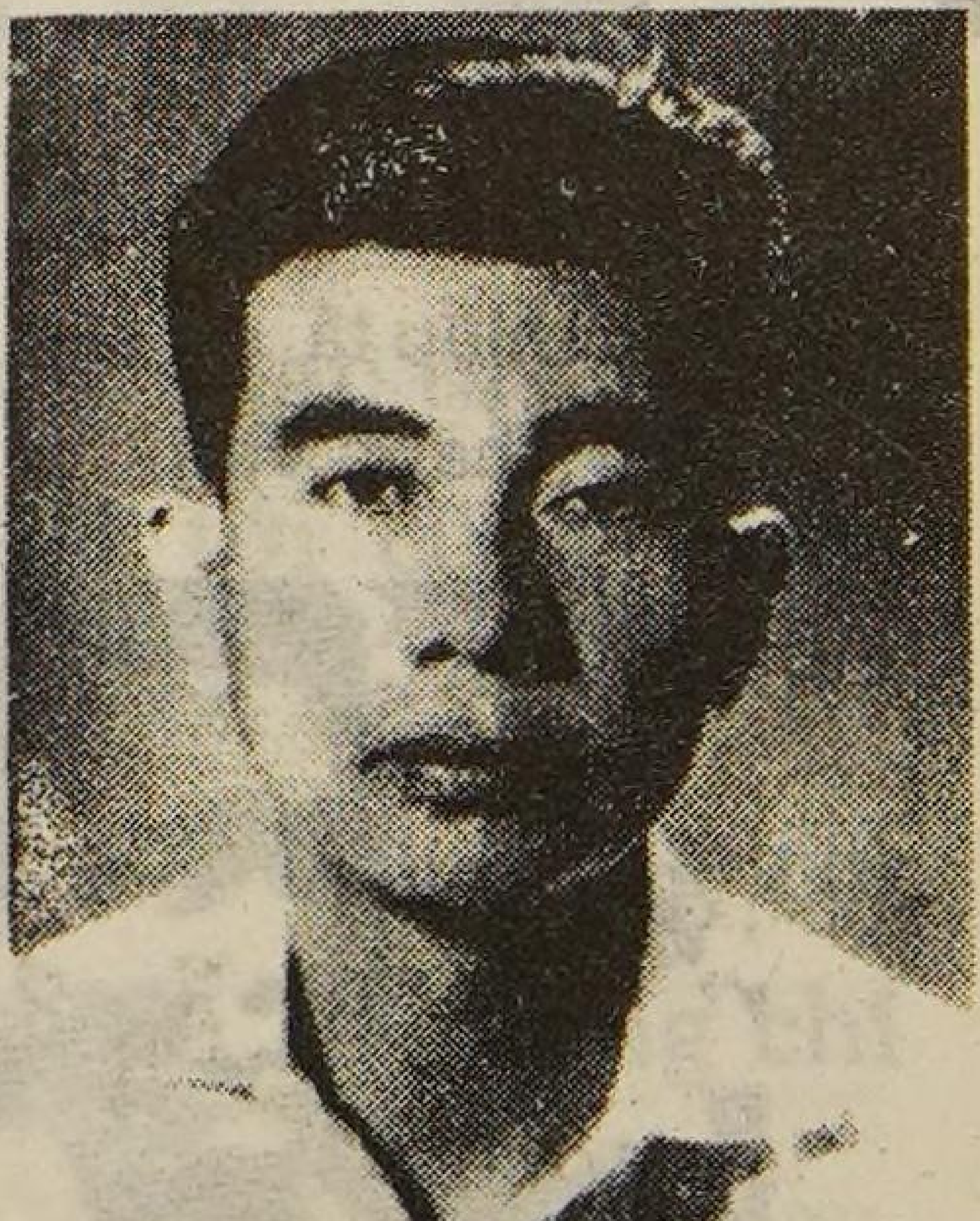

Liệt sĩ
Phạm Văn Bảy

huy không liên lạc được với các tổ khuất trong đội hình bị địch chia cắt. Sức chiến đấu yếu dần, một bộ phận nhỏ đã rời khỏi trận địa, bộ phận còn lại bám các nhà trống tiếp tục chiến đấu. Địch huy động lực lượng lùng sục, hai bên cận chiến ác liệt, anh em còn lại chiến đấu đến viên đạn cuối cùng mới sa vào tay giặc vào lúc 9 giờ sáng ngày mồng 3 Tết.[1]

Đơn vị được tặng thưởng Huân chương quân công hạng 2. Đồng chí Đỗ Tấn Phong (Ba Phong) và đồng chí Phạm Thị Mỹ (tức Oanh) được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Trận đánh vào dinh Độc lập

Đơn vị đánh là Đội 5, một đội tinh nhuệ và có nhiều thành tích trong chiến đấu của Biệt động Sài Gòn - Gia Định. Đội gồm 15 đồng chí, đội trưởng là đồng chí Tô Hoài Thanh (Ba Thanh).

Đúng 1 giờ 30 phút, toàn đội xuất phát từ nhà số 287/70 Trần Quý Cáp (nay là Võ Văn Tần), đến 1 giờ 45 phút thì tới cổng ở đường Nguyễn Du. Bằng một loạt đạn AK, đồng chí Công hạ ngay hai tên gác cổng, đồng chí Hòa ôm khối bộc phá lao vô cặp rào cửa giựt nụ xòe. Nhưng do để lâu dưới hầm, kíp nổ và dây

---

(1) Theo lời kể của đồng chí Ngô Bá Chính chiến đấu viên của trận đánh.

cháy chậm bị ẩm nên bộc phá không nổ. Lúc này địch đã phát hiện và tập trung hỏa lực chống trả ác liệt. Ngay tại đây, đồng chí Tô Hoài Thanh và đồng chí Xuân đã hy sinh, nữ giao liên Võ Thị Nghĩa bị thương nặng và đồng chí Hòa cũng bị thương.

Anh em lập tức thực hiện phương án hai, phá cổng nhỏ xông vào trong, chiếm được hai tầng trệt của hai dãy nhà lữ đoàn phòng vệ. Ta và địch giằng co tầng lầu một và đến 5 giờ sáng lực lượng phòng vệ của địch không còn chống cự được nhưng anh em hy sinh thêm bốn đồng chí: Mai Văn Năm, (Năm Lùn), Nguyễn Văn Cuộc, Nguyễn Văn Công, Nguyễn Văn Châu.

Đến 5 giờ 30 phút, tiểu đoàn dù của ngụy ở Tao Đàn đã leo rào vào được dinh Độc Lập và bắt đầu phản kích lại. Anh em phải mở đường máu thoát ra phía đường Thủ Khoa Huân - Nguyễn Du và sử dụng cao ốc đang xây dở ở đây để chiến đấu. Lúc này đơn vị chỉ còn 8 người trong đó một người bị thương nặng và vũ khí chỉ còn một khẩu B.40, một quả lựu đạn và hai khẩu AK có hai băng đạn. Địch bao vây khu cao ốc, chiếm lĩnh phần trên và phần dưới, ta chốt giữ ở lầu 3. Hai bên giằng co nhau đến 6 giờ chiều, lại thêm đồng chí Lê Tấn Quốc hy sinh. Khoảng 7 giờ, anh em quyết định rút quân, nhưng cả trên và dưới đều bị địch trấn giữ nên phải vừa cõng thương binh vừa di chuyển từ nóc nhà này sang nóc nhà khác. Lúc 3 giờ sáng ngày mồng 3 Tết, tất cả đã đến được góc đường Gia Long (nay là Lý Tự Trọng) và ém trên tầng 5 của một tòa nhà cao ốc. Anh em đều mệt lả vì đói và khát, số thì bị thương, vũ khí không còn... tất cả bảy người đều bị sa vào tay giặc...

Như vậy chỉ có năm đội chiến đấu thực hiện được theo kế hoạch, còn các mục tiêu: Biệt khu thủ đô, Tổng nha cảnh sát thì do hiệp đồng với phân khu bạn về thời gian và địa điểm không khớp nên kế hoạch chiến đấu không thực hiện được. Riêng đơn vị đánh vào khám Chí Hòa để giải thoát tù nhân do đã bị lộ trên đường đến mục tiêu nên phải rút.

Năm đội biệt động với tổng số 88 đồng chí trực tiếp cầm súng đã đơn độc chiến đấu trong lòng địch. Với số lượng ít ỏi, vũ khí bộ binh nhẹ, phải đánh trả máy bay, thiết giáp và chống chọi với một số quân địch nhiều gấp mấy chục lần. Vậy mà anh em vẫn ngoan cường bám trụ, đánh đến viên đạn cuối cùng và người cuối cùng. 88 chiến sĩ ra đi, hầu hết hy sinh và sa vào tay giặc, những tin tức đau lòng ấy làm tất cả chúng tôi đều xót xa.

*

* *

Mấy ngày sau, ta đã chiếm được một khu vực ở phía Nam thành phố (thuộc quận 6). Sở chỉ huy Tiền phương 2 đóng ở phường Bình Tiên. Một bộ phận

Tiểu đoàn của Phân khu 2 được chuyển về làm đội dự bị cho hướng này cùng với một số bộ phận vũ trang lẻ tẻ của các cánh đô thị.

Người dân ở khu vực mới giải phóng hết sức phấn khởi, nhiều đồng bào nô nức tham gia suốt ngày đêm công việc của cách mạng. Những tên ác ôn phản cách mạng, công an cảnh sát tại chỗ chạy sạch. Từng tốp trai gái tòng quân, tham gia mọi công tác và chiến đấu. Công việc đầu tiên của chính quyền cách mạng là tịch thu lúa gạo của các hãng, kho gạo chia cho đồng bào nghèo, vận động tinh thần cách mạng trong các giới nhân dân tại chỗ v.v... Gần Sở chỉ huy có mấy cây cao bóng mát, các má lập một khu vực nhà bếp, nấu cơm cho anh em chiến sĩ. Với những chảo lớn, các mẹ nấu tối ngày, lớp đưa cho các con bộ đội bố trí phía ngoài, lớp cho các con ăn tại chỗ. Từng tốp trai gái mới nhập ngũ, mang băng đỏ ở tay, đến liên tục, và các má cũng nấu liên tục để phục vụ...

Một thời gian sau, ngụy tập hợp được một số lực lượng tổ chức phản kích bằng cả pháo binh và không quân vào khu vực mới giải phóng này. Chiến trận xảy ra dữ dội cả ngày lẫn đêm. Địch bung ra liền bị đánh bật, bỏ chạy, ngày sau lại trở lại. Còn ta vẫn cố gắng giữ vững trận địa, từng đoàn cán bộ chiến sĩ của các cơ quan thành phố phía sau kéo vào.

Những đoàn cán bộ và lực lượng vũ trang của các ban ngành Dân - Chính - Đảng tập họp lại có lúc đến hàng trăm đồng chí từ Tân Kiên, Bình Chánh đi xuyên qua quận 6 - Chợ Thiếc vào lúc chập choạng tối. Có những người ngày thường vốn không phải là "nhà binh", đến giờ này khoác súng đạn với trang phục gọn gàng chẳng khác người lính thực thụ. Đó là các vị lãnh đạo ở các khối dân vận (Ban trí vận, Công vận, Phụ vận) khối văn phòng Thành ủy, Ban an ninh, Ban kinh tài... Trong dòng người di chuyển sôi động đó, tôi nhận ra gương mặt thân quen của các đồng chí Ba Đạt, Sáu Hậu, Tám Nam. Các đồng chí đang góp sức vào trận đánh. Trên hướng Tây Nam của thành phố, quả thật chưa bao giờ tôi được chứng kiến khí thế của quân dân ta biểu lộ cao như lúc này. Ai ai cũng muốn xông ra trận, ai cũng muốn tự mình làm được một việc gì để góp sức lật đổ Mỹ ngụy. Tất cả đều hăm hở hành quân. Từ Củ Chi đến vùng ven, những em trai, gái tự đi theo đứng vào hàng ngũ, xin giữ súng, canh gác, tiếp tế, tải thương... làm tất cả mọi công việc một cách tự nhiên như đã quá quen thuộc. Vào đến thành phố sau này có các nữ biệt động người Hoa, do các anh phụ trách Hoa vận phái qua[1] (các cô thường

---

(1) Các đồng chí lãnh đạo Hoa vận là đồng chí Nghị Đoàn, bí danh là Sáu Lâm; đồng chí Ba Toàn, bí danh là Ba Mập và đồng chí Hà Tăng. Hai đồng chí trên đều là Khu ủy viên Thành phố lúc bấy giờ. Đồng chí Hà Tăng sau này là đại biểu Quốc hội, Thành ủy viên, phó Ban dân vận của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh.

mặc áo màu hồng nên anh em gọi đùa là nữ hồng y). Bất kể ngày đêm, bom đạn, các cô sẵn sàng dẫn dắt các tốp bộ binh luồn lách qua các khu nhà, ngõ hẻm ngoằn ngoèo ở khu vực quận 6 và quận 11.

Các đồng chí thuộc Phân khu 6 ở hậu cứ, được lệnh giữ "đầu cầu", nhưng cũng tự tổ chức lấy đội hình, bố trí chỉ huy, kết vào một hướng chiến đấu, vì không thể cưỡng lại trước một không khí chung sôi động từ ngày đầu tết Mậu Thân.

Các tiểu đoàn lọt hẳn vào trong thì gần như liên tục chiến đấu và di chuyển. Thường các đơn vị ở cấp tiểu đoàn hành quân đến rìa thành phố lúc tảng sáng, nếu bị địch phát hiện sẽ có nhiều loạt pháo cầu vồng "chào đón", sau loạt pháo là đến trực thăng kêu gọi đầu hàng, sau kêu gọi đầu hàng là các trực thăng chiến đấu dùng hỏa tiễn bắn vào đội hình của ta. Sau cùng, để chuẩn bị cho xe bọc thép xung phong, là màn ném bom của các máy bay phản lực. Kết thúc là một bầy xe bọc thép men theo các đường có sẵn, vừa đi vừa xả súng bắn. Khi bị quân ta đánh trả, một số tên chết, một vài xe bọc thép bị B.40 bắn cháy... địch thấy vào không được liền lùi ra phía sau, chấn chỉnh đội hình để xung phong tiếp. Trong lúc này, máy bay các loại và pháo binh lại tiếp tục làm các việc tuần tự như ban sáng, sau này có lúc địch dùng cả hơi ngạt.

Một ngày, thường quân ngụy xung phong từ hai đến ba lần, cứ lặp đi lặp lại các kiểu bắn phá như lần đầu. Lần cuối cùng trong ngày khoảng 4 giờ chiều, địch lùi lại vào trong xa hơn, cách chỗ hai bên gặp nhau khoảng 4-500m, và đóng quân qua đêm, bố trí canh phòng cẩn mật. Mật độ pháo cối khoảng này có lúc im ắng. Bộ đội ta, lúc này náo nhiệt hẳn lên: kiểm tra lại chiến trường, chuyển thương binh, tử sĩ, chuẩn bị bữa cơm tối và tiếp tục kế hoạch tiến quân sâu hơn vào Sài Gòn. Mọi việc đều làm hối hả. Tuy vậy, anh em vẫn không quên giúp dân dọn dẹp nhà cửa vừa bị bắn phá và chia sẻ những mất mát đau khổ của bà con. Mọi công việc này thường đến một, hai giờ sáng hôm sau mới xong, và cũng từ giờ đó đội hình bắt đầu chuyển động - vừa đi vừa bám đường - đến khoảng 4 giờ sáng, mới đến vùng chiếm lĩnh mới (thường khoảng vài trăm thước đến một ngàn mét). Đến nơi phải lập tức chuẩn bị trận địa đào công sự, thiết lập hầm chỉ huy... là trời sáng hẳn. Và lúc đó lại bắt đầu phải đối phó với những trận bắn phá có bài bản của địch. Nghĩa là đối với bộ đội ta, không khi nào được nghỉ, đánh liên hồi kỳ trận. Trong nhiều tài liệu xuất bản sau đó, địch nghiên cứu về Mậu Thân và rất ngạc nhiên vì sức dẻo dai vô song của Việt cộng. Sau này ở đợt 2 Mậu Thân, tiểu đoàn 6 Bình Tân đã rút kinh nghiệm, anh em chiếm các nhà cao điểm, thay nhau chiến đấu, có đồng chí đánh, có đồng chí tắm, ngủ, hay nấu cơm v.v... đỡ căng thẳng hơn trước.

Càng về sau, diễn biến chiến đấu càng thêm ác liệt. Một buổi sáng ngày mồng 10 Tết, Bộ chỉ huy quân sự Tiền phương 2 đang họp, sau khi đã triển khai lực lượng trên các hướng, thì bị địch dùng các tốp máy bay cánh quạt Skyraider lao thẳng, bỏ bom ngay Sở chỉ huy thiết lập trong một vùng có lò gạch. Một loạt bom nổ gần, lò gạch tung bụi mù mịt, chúng tôi tìm đường lách ra ngoài phân tán. Tôi và một đồng chí vượt qua con lạch nhỏ đến một nhà tranh giữa đồng trong đó có một hầm đắp nổi, sơ sài. Một đồng chí khác sau đó cũng chạy qua chỗ chúng tôi thì địch phát hiện được, bắn một loạt đạn khiến đồng chí này phải chạy ngược trở lại. Nhưng địch đã phát hiện ra mục tiêu là căn nhà lá. Và tiếp sau đó, một cuộc săn đuổi, một bên là máy bay trinh sát U9 và một tốp Skyraider, một bên là hai người chúng tôi. Đầm già rà sát nóc nhà chỉ điểm, sau đó, các loạt bom rơi thẳng vào nhà và xung quanh. Chúng tôi vượt chỗ này chạy đến nơi khác, nương theo các bờ bụi, đầm già săn theo, bom nhỏ tiếp tục nổ v.v... Cuộc săn đuổi này kéo dài khoảng 20 phút. Cuối cùng, hình như mất dấu nên chúng mới buông mồi.

Qua cơn điên loạn thả bom của địch, chúng tôi trở lại chỗ cũ. Tôi lặng người trước cảnh tan hoang, chết chóc của đồng bào. Có hình ảnh rất thương tâm: một phụ nữ và đứa con nhỏ trúng miểng bom chết, trong lúc em đang ngậm vú mẹ.

Chúng tôi sục sạo tìm kiếm từng người và thu xếp đưa thương binh, tử sĩ về phía sau.

Ngày sau đó, Bộ chỉ huy Tiền phương 2 dời Sở chỉ huy về ấp 2 xã An Lạc (ngày 11 âm lịch tức 9-2-1968). Ấp 2 là một dải đất hẹp nằm bên bờ sông An Lạc, chiều dài ấp khoảng 1000m rộng khoảng 400m, nhà dân lưa thưa, nhiều vườn dừa xum xuê nằm giữa các mương rạch. Ấp tuy gần quốc lộ 4, nhưng lại chia cắt với lộ, vì sông An Lạc chạy dọc theo ấp.

Địch phát hiện được cơ quan chỉ huy của ta gom lại đây, nên từ sáng chúng đã dùng một bộ phận hành quân thăm dò vào ấp, liền đụng độ với đơn vị vũ trang của Ban kinh tài thành ủy. Sau đây là trích đoạn nhật ký chiến đấu của đơn vị này:[1]

"... Ban chỉ huy đội vũ trang gồm 30 tay súng, đồng chí Ba Di làm đội trưởng và 2 đội phó là đồng chí Bảy Vân và Ba Đạt. Đơn vị được lệnh tăng cường cho Tiểu đoàn 6 Phân khu 2 để tiến công vào trung tâm thành phố. Khi hành quân từ phía sau đến khu vực Bộ chỉ huy thì trời sáng phải tạm dừng lại... và triển khai ngay đánh bọn địch thăm dò. Từ các loạt

---

(1) Ghi chép của đồng chí Nguyễn Hậu.

AK bất ngờ phủ đầu của đơn vị, bọn địch bỏ chạy. Qua bước thăm dò, chúng tổ chức lực lượng tấn công: bước đầu bằng pháo dọn đường và một đại đội có trực thăng vũ trang yểm trợ đánh thẳng vào ấp. Chúng chiếm một mả cao ngay đầu ấp đặt đại liên yểm trợ cho bộ binh xông vào. Một tổ B.40 của ta luồn sát bờ mương, ít phút sau một vầng lửa bùng lên, khẩu đại liên của địch câm lặng, quân ngụy bị bất ngờ trước uy lực của B.40 (thời kỳ đó địch mới gặp B.40 ở thành phố), nên nhốn nháo bỏ chạy. Anh em xông lên rượt bắt tù binh, lúc đó là 11 giờ.

Biết địch cay cú, sẽ đánh tiếp chắc là lớn hơn, chúng tôi gấp rút hợp đồng với các đơn vị bạn đóng kế cận, chia nhau khu vực phòng ngự, gấp rút đào công sự, lúc này một số đã thương vong.

Khoảng 1 giờ chiều, thì cuộc tấn công thứ 2 của địch bắt đầu, với lực lượng 2 tiểu đoàn Biệt động quân có tên là "trâu điên" và "cọp rằn" và hơn 10 xe M.113. Sau hơn nửa giờ dùng pháo dọn đường, từ ngoài đồng xe M.113 chia làm hai mũi gầm rú xông vào, bọn ngụy nấp sau xe rải đạn vào trận địa ta. Đã có kinh nghiệm diệt thiết giáp, anh em chờ chúng tiến lại gần, bình tĩnh nhả đạn, hai chiếc đầu trúng đạn B.40 nằm bất động, các xe sau hốt hoảng chạy ra xa, từ đó bọn chúng không dám xông vào nữa.

"Con đầm già" quần đảo liên tục, có lẽ chúng phát hiện cả khu vực đóng quân, phòng ngự của ta gom lại diện tích nhỏ (chưa đầy nửa cây số vuông) nên chúng quyết định đánh một màn hủy diệt bằng pháo binh. Sau đó qua các hướng bắn của pháo địch, chúng tôi đoán được các cụm pháo từ các căn cứ như: mũi tàu Phú Lâm, chi khu Bến Lực và cụm pháo của Tân Tây Lan[1] bao gồm nhiều loại: 155 ly, 105 ly.

Đòn pháo binh này đúng là ác liệt. Trước kia lúc ở Củ Chi, chúng tôi cũng đã nhiều lần gặp pháo địch bắn tập trung - nhất là "dàn nhạc Tây Tây Lan" trong các lần chúng càn vào khu giải phóng như trận Crimp và Cedar Fall mà đồng bào ở Củ Chi thường gọi là "nổ như cơm sôi" - nhiều khẩu pháo bắn một lúc đạn nổ liên hồi không phân biệt được tiếng pháo rít, đạn bay, chỉ nghe tiếng nổ liên tục như nồi cơm đang sôi. Nhưng lúc đó chúng tôi có công sự đào sẵn khá chắc chắn; nay thì dựa vào công sự sơ sài, đào dở dang, có đồng chí còn ngồi trên mặt đất (chưa đào kịp). Khoảng 7-8 anh em vội quá phải chui vào một bộ ván ngựa dày chưa được 5 phân, lơi khơi trên mặt đất bùn. Lúc này, âm thanh không còn là cơm sôi nữa, vì có lẽ chúng bắn nhiều khẩu vào một lúc nên nó gom lại thành một loạt âm thanh rền như sấm vang liên tục

---

(1) Lực lượng pháo binh của Tân Tây Lan, giúp Mỹ xâm lược Việt Nam.

không dứt, mặt đất rung chuyển như động đất, tro bụi, bùn đất, gạch ngói, tiếng cây đổ với mùi thuốc pháo khét lẹt... trời đất như tối sầm lại. Chúng tôi nhìn thấy nhau chỉ lờ mờ, tuy đã ngồi sát vào nhau, có đồng chí cố gắng dùng tay moi đất sâu xuống làm chỗ ẩn...

Cuộc dập pháo của chúng kéo dài cả tiếng đồng hồ. Thần kinh mỗi chúng tôi căng thẳng qua từng giây từng phút chịu đựng này.

Đến khi pháo ngưng dập, khói bụi dần tan, trước mắt chúng tôi là một cảnh tan hoang, khốc liệt. Vạt vườn và dừa nước phía trước khoảng 1 hécta bị dọn sạch như sân bóng đá, gốc và ngọn dừa đều bay mất, nhìn nhau mỗi chúng tôi như là mỗi cột bùn chỉ còn hai con mắt. Có lẽ chúng chỉ tập trung đạn pháo hủy diệt trên 2 ha rậm rạp này, nên phần lớn Bộ chỉ huy ở bên kia rạch đều yên ổn. Sự thiệt hại của các đơn vị bạn không nhiều như chúng tôi dự đoán, có lẽ do pháo nổ ở vùng đất bùn, hạn chế văng miểng. Đơn vị chúng tôi ròng rã chiến đấu trong ngày đã mất 1/4 quân số, trong đó có các đồng chí Ê, và đội phó Ba Đạt..."

Giữa lúc cuộc chiến đấu ở đợt 1 Mậu Thân đang diễn ra ác liệt, thì tôi được điện của đồng chí Sáu Nam (sau này là Chủ tịch nước Lê Đức Anh) triệu tập lên Ba Thu (đất thánh của ta ở địa phận Campuchia) để họp bàn về chủ trương đợt 2 Mậu Thân. Sau khi làm việc xong với các Tư lệnh Sư 9, Sư 5, đồng chí Sáu Nam quay lại hỏi tôi: "... Liệu kỳ này Biệt động tham gia mức độ nào” - vì anh đã biết tình hình thiệt hại của nó. Tôi trả lời: Mảng Biệt động các quận, các đoàn thể, các ban ngành của thành phố có thể hoạt động thường xuyên, đánh nhỏ lẻ, phá hoại v.v... Còn mảng Biệt động thành phố cần có thời gian củng cố có thể đánh vét một trận (do còn một kho vũ khí, trước kia định dùng cho Sở chỉ huy nhưng đình lại). Sau đó đồng chí Sáu Nam chỉ định đánh vào Đài truyền hình của ngụy, tiếng nổ này sẽ góp sức phát lệnh cho đợt 2 Mậu Thân.

*

* *

Vào đợt 2, yếu tố bất ngờ về chiến lược không còn nhưng ta vẫn tiếp tục “đưa chiến tranh vào thủ đô địch”. Trong cao điểm này, đã nổi rõ thành tích thọc sâu diệt địch của lực lượng chủ lực, của bộ đội tập trung các Phân khu và lực lượng Biệt động các đoàn thể, các ngành và các quận nội đô. Đợt 2, lực lượng tập trung của ta vào thành phố đông hơn và sâu hơn, diệt được nhiều sinh lực địch hơn đợt 1. Tuy nhiên, lực lượng ta tổn thất cũng nặng hơn, trong lúc tổn thất của đợt 1 chưa bù đắp kịp.

Tất cả các trận đánh giữa ta và địch trên các hướng vào nội đô đều diễn biến rất ác liệt.[1] Đôi bên giành giật với nhau từng khu phố, từng cửa sổ trên lầu cao. Có những nơi bộ đội đã đục tường liên tục thông với nhau, phân tán lực lượng và hỏa lực đánh phản kích ở từng khu phố. Có nơi ta phát triển sâu vào trong (Phân khu 2 tấn công từ khu vực Cầu Tre, vào trường đua Phú Thọ, chợ Thiếc, làm chủ khu vực Minh Phụng, đến đường Nguyễn Trãi v.v...). Địch có điều kiện "hàn" phía sau, ta phải phân tán ra từng bộ phận đánh vào sau lưng địch để mở đường thông ra phía sau. (Tiểu đoàn 6 và tiểu đoàn 303 của Phân khu 2). Các trận ác chiến diễn ra ở vùng Lò Vôi, đường Tập Thành, ngã 6 Bình Hòa, ngã ba Cây Thị, đường Ngô Tùng Châu (nay là Nguyễn Văn Đậu), giữa Trung đoàn Đồng Nai phối hợp với Trung đoàn Quyết Thắng đánh với các tiểu đoàn 1 và 6 Thủy quân lục chiến và liên đoàn 81 biệt kích của ngụy. Ở vùng chùa Tường Quang (An Phú Đông) ta đã đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn thủy quân lục chiến ngụy. Có nơi địch phải bắn hàng ngàn trái pháo, dùng hơi độc để đánh lại ta, nhiều nơi chúng không tiến vào trận địa ta được.

Hai tiểu đoàn của Phân khu 5 đã tấn công ở khu vực Bình Triệu, tiến vào Bình Hòa, Bà Chiểu. Đặc biệt

---

(1) Theo tài liệu tổng hợp lịch sử kháng chiến thành phố Hồ Chí Minh.

là Phân khu 5 đã dùng xe vận tải từ 3 giờ sáng ngày đầu nổ súng, đưa lực lượng thọc nhanh từ đường 13 đến cầu Phan Thanh Giản (nay là cầu Điện Biên Phủ), chiếm các nhà cao tầng ở cuối đường Tự Đức, đánh với một tiểu đoàn thủy quân lục chiến ngụy. Chuẩn tướng Nguyễn Ngọc Loan, chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa này, sau đó bị ta bắn gãy chân, mất luôn chức giám đốc Tổng nha cảnh sát ngụy.

Ở hướng Nam, Phân khu 3 tiến công vào quận 8 và một phần quận 4. Tiến đến khu vực cầu Chữ Y, cầu Nhị Thiên Đường, đường Phạm Thế Hiển thì lực lượng ta đụng đầu trực tiếp với lữ đoàn 3 sư đoàn 9 quân Mỹ.

Ở hai Phân khu 1 và 4, địch ngăn chặn từ vòng ngoài, vì vậy phải chiến đấu ngay từ vùng ngoại vi. Phân khu 1 chiến đấu ở vùng Xóm Mới, An Nhơn, loại khỏi vòng chiến đấu 200 lính dù ngụy và tập kích hai cụm xe cơ giới của địch. Phân khu 4, tiến hành tấn công cầu xa lộ và Rạch Chiếc, nhưng cầu chỉ hư hại. Quân ta nhanh chóng chiếm lĩnh trận địa, đánh sập cầu Sụp, cầu Trao Trảo, bao vây bức hàng các bót như Xóm Mới, Lò Lu, Truông Tre... làm chủ lâu ngày trên khu vực dọc theo đường 33 Thủ Đức.

Nếu như đợt 1, các đội Biệt động cấp thành phố đã hoàn thành nhiệm vụ, đánh trực tiếp các cơ quan đầu não của địch, thì bước vào đợt 2, đội Biệt động thành lại được cấp trên giao nhiệm vụ đánh khối nổ mở màn vào Đài truyền hình ngụy. Trận này có hai đồng chí tham gia (Nguyễn Nhật Hiểu và nữ đồng chí Nga).

Lực lượng Biệt động của các ngành, đoàn thể và các quận đã mở ra một diện tấn công rộng rãi và mạnh mẽ, đánh nhỏ đánh lẻ và phá hoại ở các khu phố quan trọng khắp nội thành. Những trận đánh như vậy kéo dài hết đợt 2 và sau Mậu Thân (đến năm 1969 vẫn duy trì được hàng tháng hơn 150 vụ). Nhiều nơi đã làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy, diệt bọn cảnh sát mật vụ, giải tán các tổ chức kềm kẹp tại chỗ.

Một đơn vị của Thành đoàn do đồng chí Bảy Thép phụ trách, đã tấn công một xe cảnh sát ngụy trên đường Bàn Cờ, Vườn Chuối. Sau đó làm nòng cốt cho đồng bào nổi dậy làm chủ ở khu vực này nhiều ngày. Các đội viên của đơn vị lấy tên Tiểu đoàn Lê Thị Riêng đã chiếm lĩnh các khu vực Cầu Ông Lãnh, Bùi Viện, Đề Thám, Cô Bắc, Cô Giang gom nhiều cảnh sát và nhân viên ngụy quyền trong khu vực, tuyên truyền và vận động nhân dân làm chướng ngại vật, công sự chiến đấu. Anh chị em đã dũng cảm đánh trả lại nhiều đợt tấn công bao vây của địch, nhiều đồng chí đã hy sinh. Lực lượng vũ trang của các quận 7, 8 trụ đánh địch vùng cầu Sập, Hố Bần đường Âu Dương Lân. Lực lượng vũ trang quận 10 cùng Biệt động cánh Hoa vận đã đánh chiếm tòa hành chánh quận 5, cắm cờ và đánh địch giải tỏa; sau đó đánh ty cảnh sát quận 5, bót Bà Hòa và cùng nhân dân làm chủ các khu vực Lò Gốm, Lò Siêu, cầu Cây Gõ v.v...

*
* *

Sau đợt 2, Bộ chỉ huy Miền có triệu tập hội nghị để sơ kết rút kinh nghiệm trong hai đợt hoạt động quân sự Mậu Thân của khu trọng điểm Sài Gòn - Gia Định. Thành phần tham dự hội nghị phần đông là các đồng chí chỉ huy các chiến trường, chỉ huy các binh đoàn chủ lực và các đơn vị, các cánh quân của từng khu vực. Sau một trận chiến đấu ác liệt, được gặp lại những người bạn cũ, chúng tôi ai cũng mừng vô hạn, (qua một đợt chiến đấu ác liệt, dai dẳng, nay gặp được nhau mới xác định được ai còn ai mất...). Ánh mắt mọi người nhìn nhau như thắm thiết hơn, đậm đà, gắn bó với nhau hơn... Những ngày đó đôi lúc một cảm giác bất chợt đến với tôi: hội nghị này chúng tôi chia tay nhau rồi không biết còn có dịp gặp lại nhau nữa không?

Tình hình diễn biến chiến trường và toàn cục được phản ảnh đầy đủ ở hội nghị. Đây là một bức tranh toàn diện rõ nét về những diễn biến chiến đấu của từng đơn vị đi sâu vào thành phố. Sự tiến quân và xuất hiện các lực lượng giải phóng bằng xương bằng thịt trên một diện rộng khắp thành phố với mũ tai bèo, với khẩu AK, với đôi dép râu và phong cách chiến đấu kiên cường, đã hiện ra trước mắt đồng bào khắp thành phố mà hàng chục năm nay họ chỉ được nghe, thấy một chiều qua sự bôi nhọ trên các phương tiện truyền thông đại chúng của Mỹ, ngụy. Đối với Sài Gòn - Gia Định - sau cách mạng tháng 8-1945 - lần này là một cuộc phát động khí thế cách mạng trong quần chúng quy mô lớn nhất, bao trùm nhất, và trực tiếp nhất với nhân dân thành phố. Dư âm và hiệu quả của sự phát động cách mạng này, ngày càng ngấm sâu trong suy nghĩ, tình cảm và đời sống chiến đấu của quân dân đô thị và dọn đường cho những thắng lợi kế tiếp sau đó.

Quá trình hội nghị, mọi người đều đánh giá đầy đủ sự thắng lợi, nhưng cũng thấy được các tổn thất của ta mà nặng nề nhất là sự tổn thất về sinh lực. Trong tâm tư của vài đồng chí, đã xuất hiện trạng thái ngán ngại, có đồng chí nói rõ: "Ngồi họp ở đây, coi địch mỏng như lá lúa, về đến chiến trường thì thấy nó dày như da trâu". Suy nghĩ của từng người trong thời gian này, là tìm ra một phương cách gì phù hợp để về tiếp tục giữ được phong trào phát huy được sức chiến đấu của đơn vị và địa phương mình.

Đồng chí Mười Khang (Đại tướng Hoàng Văn Thái) lúc bấy giờ là Tư lệnh Bộ chỉ huy quân sự Miền Nam chủ trì hội nghị. Trong thời gian hội nghị, đồng chí thường hỏi thăm về tình hình quần chúng ở đô thị và địa hình địa vật của thành phố lúc ấy. Cơ quan Tham mưu tác chiến của Miền thường trao đổi về hướng sử dụng các lực lượng tập trung của trên (các sư đoàn, trung đoàn độc lập) nói chung trong hướng tiếp tục đánh vào thành phố đợt ba.

Sau đó một thời gian, nghe tin Miền có thiết lập một Sở chỉ huy dự bị cho đợt 3 Mậu Thân. Đồng chí Sáu Nam triệu tập anh Ba Thắng và tôi đến báo cáo tình hình, chủ yếu xác định khả năng hoạt động của lực lượng Biệt động ở thành phố. Với thái độ cởi mở, đồng chí Sáu Nam ngồi nghe chăm chú các ý kiến chúng tôi trình bày, trong đó chúng tôi nói một cách kỹ lưỡng những khó khăn mà lực lượng vũ trang thành phố chưa khắc phục được. Những phút giây im lặng đi qua, sau đó đồng chí Sáu Nam chậm rãi nói (đại ý): “Như thế này thì khó rồi, để tôi điện về báo cáo với Trung ương Cục và Quân ủy”.

Khoảng một tuần lễ sau, được tin Sở chỉ huy dự bị của R đã rời khỏi khu vực Tiền phương 2, chuyển về trên. Sau đó nghe tin, đợt 3 Mậu Thân đã chuyển lên hướng Tây Ninh.

Đi đến một quyết định như trên, chắc là phải khó khăn lắm. Trong thâm tâm tôi từ đó về sau này tôi thầm kính phục tinh thần trách nhiệm và sự quyết đoán của cấp trên, đã thấy được những khúc mắc của tình thế chiến trường lúc đó.

Những ngày gần đây (lúc ghi chép tập bút ký này) một ông bạn có cho tôi mượn tập: "Tổng kết cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, thắng lợi và bài học" của Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh, trực thuộc Bộ Chính trị (lưu hành nội bộ), đoạn về Mậu Thân (trang 110) có nói:

"Sau thắng lợi có tầm chiến lược quyết định cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ta đã *phạm sai lầm lớn về chỉ đạo chiến lược* và tiếp theo đó là không kịp thời chuyển hướng tiến công vẫn tiếp tục đẩy cuộc chiến tranh cách mạng vào đô thị. Về điều này, Hội nghị Trung ương lần thứ 21 đã kiểm điểm và ra nghị quyết ghi nhận như sau: *"Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt Xuân Mậu Thân (1968) đánh vào cơ quan đầu não của địch ở Sài Gòn và các thành thị, vây hãm địch nhiều ngày ở Khe Sanh, đồng thời đánh địch khắp các vùng nông thôn tạm bị chiếm đã giáng một đòn bất ngờ rất lớn, làm cho quân Mỹ ngụy hoang mang dao động mạnh. Cuộc Tổng tấn công chiến lược ấy đã giành được thắng lợi rất to lớn buộc đế quốc Mỹ phải thay đổi chiến lược quân sự..." ..."Tuy nhiên chúng ta cũng đã mắc một số khuyết điểm chủ quan trong việc đánh giá tình hình... nhất là sau cuộc tiến công Tết Mậu Thân ta đã không kịp thời kiểm điểm, rút kinh nghiệm ngay và đánh giá lại tình hình để có chủ trương chuyển hướng kịp thời, ta chậm thấy những cố gắng mới của địch, những khó khăn lúc đó của ta..."*

Tập tổng kết viết tiếp: (trang 111-112) *"Ở đây cần giới hạn sự sai lầm chính của ta là ở chủ trương tiếp tục lao vào tiến công trên hướng các thành thị trong lúc yếu tố bất ngờ không còn nữa, sức ta đã đuối, trong lúc đó địch đã thay đổi biện pháp chiến lược từ "tìm diệt và bình định" sang "quét giữ"... địch đẩy mạnh chương trình bình định nông thôn để giành dân và phá căn cứ đứng chân của ta ở các vùng nông thôn lúc này đang bị ta bỏ lỏng... Các cơ sở chính của ta hầu hết đã bộc lộ trong cuộc tiến công và nổi dậy, nên bị địch đàn áp và khủng bố. Lực lượng Cách mạng vì thế mà bị thiệt hại lớn. Sau đợt Tết, sức ta đã xuống, chưa kịp thời xốc lại lực lượng và củng cố bổ sung, ta lại ráng sức mở các cuộc tấn công tiếp theo vào những mục tiêu quân địch đã có đề phòng chặt chẽ nên hiệu quả tiến công thấp, mức tổn thất của quần chúng và lực lượng vũ trang càng thêm nặng... Cách mạng mất dân, mất đất trước những cuộc phản công điên cuồng của địch... tình hình khó khăn này kéo dài cho đến đầu năm 1970 mới từng bước phục hồi và ổn định.*

Đó là nguyên nhân trực tiếp và hậu quả của sai lầm về chỉ đạo chiến lược của ta... thế và lực Cách mạng yếu đi *chủ yếu không phải do quân địch mạnh mà do sai lầm và sơ hở của ta..."*

Bản tổng kết về cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 của Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh của Bộ Chính trị, mang tính thuyết phục, giải đáp nhiều vấn đề của các cuộc tranh cãi kéo dài trong các năm qua, chủ yếu xoay quanh việc đánh giá về Mậu Thân: đúng hay sai, thắng hay thua, tổn thất và hiệu quả v.v... Đó cũng là điều mà lúc sinh thời các anh Võ Văn Thạnh (Ba Thắng) và Trần Hải Phụng - hai trong số các đồng chí chỉ huy quân sự ở thành phố thời kỳ Mậu Thân thường quan tâm.

*

* *

Sau Mậu Thân, khoảng tháng 8-1968, đến tháng 1-1972 là thời kỳ khó khăn gian khổ nhất. Địch thừa thế phản kích, và tiến hành bình định cấp tốc. Lúc bấy giờ ta mất thế du kích chiến tranh ở các vùng ven đô thị, và đến cả các vùng trung tuyến. Pháo địch liên tục bắn phá bừa bãi khắp nơi, máy bay ném bom tọa độ, bom bi hàng đêm và dùng xe tăng ủi nhà cửa vườn tược, tiếp tục gom dân vào các ấp chiến lược. Chiến trường bị chia cắt, mọi hoạt động của lực lượng vũ trang, của cơ quan chỉ đạo gặp vô vàn khó khăn gian khổ. Địch còn mở các đợt chiến tranh tâm lý chiêu hồi bằng mọi phương tiện. Nhiều đơn vị và bộ phận vũ trang bị tổn thất vì bom đạn giặc, nhiều nơi bị đói nghiêm trọng (có đơn vị hai năm mất nửa quân số, vì phải tải gạo từ ấp chiến lược về căn cứ). Có lúc cơ quan chỉ đạo của các Phân khu bạn như: Phân khu

1, 2, 3 phải dạt lên đất Campuchia. Riêng cơ quan quân sự Phân khu 6 phải di chuyển dần từng bước từ Sài Gòn ra Bình Chánh, Tân Tạo, đến Cai Lậy, Trà Vinh, Bến Tre và có nhiều thời gian đã nương náu ở vùng biên giới Campuchia, nơi đặt hậu cứ.

Trong nội thành, tình hình kềm kẹp của địch càng xiết chặt hơn. Mỗi quận được tổ chức thành một đặc khu, bố trí đầy đủ quân số đưa sĩ quan cấp tá về làm đặc khu trưởng, tăng thêm mỗi quận một đại đội công an đặc biệt, 2 đại đội cảnh sát dã chiến v.v... tổ chức nhân dân tự vệ, ngũ gia liên bảo để kiểm soát từng xóm phố.

Tổn thất của Biệt động trong đợt 1 Mậu Thân chủ yếu là mất gần hết lực lượng "gạo cội", vốn là các cán bộ rất am hiểu chiến trường và có bản lĩnh chiến đấu. Đó là loại cán bộ "làm bàn". Tổn thất quan trọng thứ hai là các cơ sở trung kiên nằm tại chỗ, mà nhiều năm trước ta đã chắt chiu xây dựng, đã dồn cho Mậu Thân với tinh thần "lên ngựa" để giành thắng lợi quyết định, sau đó đã bị bể bạc hàng loạt, nhiều anh chị em bị tù đày. Một vài người bị bắt, địch khuất phục được đã đứng ra nhìn mặt chỉ điểm trên các trục đường ta thường đi lại hoạt động.

Trong thời gian sau đợt 2 Mậu Thân, Thành ủy tăng cường cho quân sự một số lực lượng vũ trang của

Thành đoàn (gồm thanh niên, sinh viên học sinh). Số anh chị em này cũng cần có thời gian hội nhập vào các phương thức hoạt động của Biệt động. Bộ chỉ huy Miền có bổ sung cho Phân khu 6 một tiểu đoàn bộ binh và hai đại đội đặc công bộ, hướng là chuyển các lực lượng này đứng chân ở ven đô để tìm cách len vào nội đô. Nhưng nội đô và ven đô đã đổi khác, các đơn vị này lại phải quay về hậu cứ.

Cái gay go nhất địch gây cho chúng tôi là việc tiến hành đổi giấy căn cước - lúc bấy giờ gọi là giấy Rồng Xanh - có hình con rồng màu xanh ở giữa. Con rồng này, nhìn mắt thường thì màu xanh, nhưng khi có một cường độ ánh sáng cao hơn nào đó, thì nó chuyển sang màu khác, ta rất khó làm giả (lúc bấy giờ ta có đi nhờ các nước bạn có kỹ thuật và trình độ hóa học cao, nhưng cũng không làm ngay được). Với sự thay đổi giấy căn cước mới này, một phần lớn anh em Biệt động, nhất là số thanh niên lâu nay dùng giấy tờ giả do ta làm khó bề hoạt động.

Do đó, trong thời gian này, vai trò của các nữ biệt động được huy động và phát huy cao, vì địch ít chú ý hơn nam thanh niên, và thường là chị em có giấy tờ hợp pháp. Từ đó, nhiều đơn vị Biệt động nữ ra đời, và đã tiến hành hoạt động chiến đấu sôi nổi, lập nhiều thành tích, nhiều trận đánh đã đạt chất lượng cao: như đánh vào hội trường Diên Hồng, trụ sở Hạ nghị viện của ngụy, tòa hành chánh quận 3, trung tâm quốc gia báo chí, khách sạn của Mỹ, trụ sở ngụy quyền phường Cô Bắc, tòa hành chánh Gia Định, v.v..

Có những trận táo bạo như tấn công vào nhà hàng Mỹ Phụng nơi ăn chơi của bọn sĩ quan ngụy, đánh vào một xe Mỹ, diệt tại chỗ năm tên.[1]

Trong khoảng thời gian này có hai trận tiêu biểu. Một trận ta đưa súng cối vào trường tiểu học Bàn Cờ định pháo kích sang Biệt khu thủ đô của ngụy và một trận tấn công vào bọn Đại Hàn ở đường Nguyễn Văn Thoại. Đây là hai trận mà các đồng chí tham chiến đã hy sinh cao độ, và anh dũng vô song.

Về trận địa súng cối ở trường tiểu học Bàn Cờ:

Ngày 11-5-1969, ta chủ trương bắn súng cối 60 ly vào Biệt khu thủ đô. Hai tổ Biệt động được phân công vào nhiệm vụ này. Trước đó, anh em đã điều nghiên kỹ và thấy rằng, tốt nhất là đưa súng vào trường tiểu học Bàn Cờ ở gần đó để bắn sang. Anh em chọn đánh vào buổi tối vì lúc đó học sinh không học và sau khi đánh xong rút lui cũng dễ. Từ chập tối ngày 11-5-1969

---

(1) Trong đội ngũ nữ Biệt động thời gian này, có ba đồng chí tháng 11-1978 được phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân: Đoàn Thị Ánh Tuyết, Trần Thị Mai, Nguyễn Thị Thu Trang.

ta đã đưa được khẩu cối, đạn và vũ khí kèm theo vào trường để đặt trận địa ở tầng lầu của trường này. Đồng chí Thanh lên trước chuẩn bị các phần từ bắn. Bộ phận ở ngoài chưa vào kịp thì bị lộ, bọn cảnh sát tới ngăn lại, hai bên bắn nhau tại đây. Một mình đồng chí Thanh đã chiến đấu với đông đảo quân địch suốt 8 giờ liền cho đến lúc anh dũng hy sinh. Sự kiện này cũng được báo Tia Sáng ra ngày 13-5-1969 của Sài Gòn lúc đó tường thuật một cách chi tiết:

... "Lúc 8 giờ tối ngày 11-5 có hai thiếu nữ và ba đàn ông khiêng hai chiếc rương lớn vào Trường tiểu học Bàn Cờ, người gác gian chặn hỏi thì một trong *năm tên cho biết xin vào tạm cư. Người gác gian không cho, liền báo cho ông ủy viên an ninh hay. Sau đó ông ủy viên an ninh Khai (là một nhân viên cảnh sát) đến can thiệp. Qua một hồi cãi vã cả hai bên đều rút súng ngắn ra bắn. Ủy viên an ninh liền báo động về Đặc khu III, trung tá đặc khu trưởng Nguyễn Văn Phú cấp thời phái một toán cảnh sát đến và bắt ngay được hai thiếu nữ này, mỗi người mặc hai quần và hai áo khác màu trong người. Liền sau đó lúc 9 giờ, trung tá cho điều động một đại đội cảnh sát dã chiến đến bao vây cùng một toán cảnh sát sắc phục và cảnh sát chìm đến cô lập vùng này. Cuộc chạm súng đã diễn ra. Cộng quân dùng súng nhỏ, lựu đạn, chất nổ và súng cối từ lầu tấn công vào toán cảnh sát dã chiến. Lập tức Đặc* *khu III cho toán tâm lý chiến dùng loa phóng thanh yêu cầu đồng bào tạm thời cấp tốc lánh cư đi nơi khác, dân chúng ùn ùn đổ xô kéo chạy. Tiếng loa thét vang giữa đêm trường kêu gọi dân chúng và kêu gọi cộng quân hãy ra đầu hàng. Quân ta tiến vào sân trường, cộng quân từ trên lầu ném lựu đạn và chất nổ xuống, đồng thời cộng quân dùng súng cối 60 ly bắn xuống. Lực lượng an ninh vừa khéo vừa tiến lên tấn công nện không ai bị thương. Đến 12 giờ thì đợt đầu của ta đã tiến vào được tầng lầu dưới, cộng quân vẫn tiếp tục dùng cối 60 ly bắn xuống. Đại tá Đỗ Kiến Nhiễu đô trưởng Sài Gòn, thẩm phán Trang Sỹ Tấn, trung tá Nguyễn Văn Phú đặc khu trưởng, thiếu tá Nguyễn Văn Giỏi trưởng ty cảnh sát quận 3, cùng một vài sĩ quan cấp tá, cấp úy khác lập Bộ chỉ huy mặt trận cấp thời bên cạnh trường Bàn Cờ. Bộ chỉ huy cho điều động thật gấp các chiến sĩ rằn ri của cảnh sát để thanh toán gấp mục tiêu. Cùng lúc ấy cộng quân pháo kích hai quả đạn súng cối 60 ly vào Bộ chỉ huy đang đứng điều động và theo dõi. Hai quả đạn rớt trước sau không quá 5 phút, chỉ trong đường tơ kẽ tóc đại tá Đỗ Kiến Nhiễu cùng bộ chỉ huy đã thoát nạn. Cả hai quả đạn mọt-chê rớt ngay nơi đại tá Nhiễu đều tịt ngòi. Vì thấy cộng quân dùng súng cối nên ta chưa nắm vững được lực lượng cộng quân là bao nhiêu, vả lại ông gác gian cho biết các lớp học ở tầng lầu đều khóa cửa cẩn thận, thế* *mà bây giờ các lớp học đều mở tung cửa. Biệt khu thủ đô liền cho tăng viện một đại đội Biệt động quân đến lúc đó là một giờ sáng, loa phóng thanh vẫn kêu gọi cộng quân sớm ra đầu hàng và tiếp theo là tiến chiếm tầng lầu 2, lực lượng an ninh dùng lựu đạn ném vào các lớp học mà trong đó có tiếng súng của cộng quân bắn ra. Đến 3 giờ sáng thì ta đã thanh toán xong mục tiêu sau khi lục soát, kết quả ta hạ được một tên tại chỗ, bắt hai tên (hai thiếu nữ nói trên). Tịch thu một khẩu súng 60 ly và một số đạn..."*

Như vậy là chỉ có một chiến sĩ, đồng chí Nguyễn Hoài Thanh, đã đánh trả lại một Bộ chỉ huy đô thành Sài Gòn, 2 đại đội cảnh sát dã chiến, rằn ri và các loại cảnh sát chìm, cảnh sát sắc phục, ròng rã suốt 8 giờ liền trong tình huống chiến đấu rất đơn độc. Một mình anh chấp tất cả và đánh tất cả, không hề nao núng, không buông súng đầu hàng, chấp nhận sự hy sinh chắc chắn sẽ đến với mình, và đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Buổi sáng hôm ấy chúng đã kéo lê xác anh trên đường phố.

Anh tên Nguyễn Phổ (tự là Nguyễn Hoài Thanh) sinh năm 1948, quê quán ở Duy Xuyên, Quảng Nam. Gia đình anh rời quê vào Sài Gòn sinh sống từ 1954, cha làm nghề thầu khoán xây cất nhà. Thanh là học sinh đã tốt nghiệp Tú tài 2. Sau Tết Mậu Thân, Thanh thoát ly gia đình, vào lực lượng Biệt động thành phố.

Đây cũng là trận đánh đầu tiên của Thanh trong thành phố.

Điều đáng tiếc là mãi đến bây giờ, không ai còn nhắc đến tên anh,[1] tên của anh không có trong danh sách những chiến sĩ anh hùng được tuyên dương.

Về trận tấn công vào bọn Đại Hàn : Trận đánh này xảy ra ở đường Nguyễn Văn Thoại (nay là đường Lý Thường Kiệt) do hai nữ biệt động là đồng chí Tám A cùng đồng chí Ngoan thực hiện và đã hy sinh rất anh dũng. Về hai liệt sĩ này có thể tham khảo thêm truyện: *Chuyện một người mẹ cầm súng* do đồng chí Ngô Bá Chính viết về liệt sĩ Nguyễn Thị Rí (tự Tám A) đăng trên báo Phụ nữ, nhân kỷ niệm 48 năm ngày Nam Bộ kháng chiến (23-9-1945 - 23-9-1993). Chuyện kể này đã ghi trung thực các sự kiện, tình tiết, và trường hợp hy sinh của liệt sĩ Tám A và liệt sĩ Ngoan. Tám A cùng chồng ở xã Hạnh Thông quận Gò Vấp lúc bấy giờ là vùng tạm chiếm. Muốn tham gia cách mạng tại chỗ nhưng sợ gia đình bị liên lụy nên hai vợ chồng đưa nhau lên xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi. Chồng chị vào du kích thoát ly xã, chị ở đoàn thể Phụ nữ, sản xuất nuôi chồng và con. Đứa

---

(1) Sau giải phóng Sài Gòn, gia đình của anh được động viên đi vùng kinh tế mới, đến nay không biết đã trôi dạt đi phương nào?

con đầu của chị mất vì suy dinh dưỡng, chị đang mang thai đứa thứ hai thì chồng chị hy sinh trong một lần chiến đấu ác liệt.

Nợ nước, thù chồng, sanh con xong, chị đem con về Gò Vấp gởi cho mẹ già nuôi, còn mình xin gia nhập vào đơn vị Biệt động có phiên hiệu là Cụm 1. Dần dần chị trở thành cán bộ, phụ trách một tổ Biệt động nữ, đánh nhiều trận thắng lợi.

Trận cuối cùng chị và chị Ngoan dự định đánh vào chỗ tập trung lính Mỹ chờ đi xe buýt. Hai chị đi một chiếc Honda, khối nổ được để trong một giỏ cam do chị Ngoan ngồi phía sau ôm. Từ chỗ xuất phát, căn cứ vào cự ly, các chị đã bấm giờ cho phương tiện gây nổ chậm. Nhưng vì kẹt xe nên đến nơi thì mục tiêu ấy không còn, phải sục tìm đến mục tiêu khác gần đó là nơi bọn Đại Hàn tập trung. Lúc này kíp nổ đã đến giờ hẹn, không thể đánh bằng cách thông thường được nữa. Sau khi giục chị Ngoan nhảy xuống không được, không chần chừ, Tám A lao thẳng xe vào mục tiêu và cả hai đồng chí đã hy sinh anh dũng cùng nhiều tên địch bị giết.

Chuyện về các chiến sĩ Biệt động: đồng chí Thanh, nữ đồng chí Tám A, đồng chí Ngoan, là chuyện tột đỉnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Một sự việc sôi nổi, cũng diễn ra khoảng thời gian này, là việc lấy chiếc máy bay trực thăng của quân đội ngụy đưa ra vùng giải phóng. Việc này do một đoàn viên thanh niên, cơ sở của Thành đoàn tên là Hồ Duy Hùng[1] (thường gọi là Chính) làm. Trước đây đồng chí bị quân ngụy động viên đi quân dịch và được chúng gởi ra nước ngoài đào tạo thành phi công trực thăng chiến đấu. Thời gian sau chúng phát hiện đồng chí có cha và người anh tập kết ra miền Bắc, nên tìm cách thải hồi. Đồng chí Hùng ra chiến khu, ở bộ phận Quân báo của Quân khu Sài Gòn - Gia Định. Sau một thời gian nghiên cứu kỹ về các sơ hở ở khu vực để trực thăng của ngụy bên hồ Xuân Hương (Đà Lạt), đồng chí Hùng và đồng chí Năm Hà phụ trách quân báo đề xuất ý kiến lấy trộm một chiếc trực thăng của địch đưa về khu giải phóng. Được cơ quan chỉ huy chấp thuận, các đồng chí đã thực hiện thành công kế hoạch và hạ cánh an toàn ở vùng Thanh An, Bến Súc (Bình Dương). Ta dự định dùng trực thăng đánh du kích bồi một cú bom vào dinh Tổng thống ngụy (cải tiến lại đầu nổ bom thả lép của Mỹ) với phương án khả thi, nhưng Bộ Tư lệnh Miền đã cấp tốc điều về trên và chuyển máy bay cùng người lái ra

---

(1) Đồng chí Hồ Duy Hùng, hiện nay là Phó giám đốc Công ty du lịch Phú Thọ quận 11 thành phố Hồ Chí Minh.

miền Bắc, để làm cơ sở đào tạo đội ngũ lái trực thăng của Mỹ ngụy sau này. Đồng chí Hùng và đội ngũ này đã trực tiếp tham gia vào sự nghiệp giải phóng thành phố năm 1975 và tiếp quản trực thăng chiến lợi phẩm, bảo vệ bầu trời của đất nước.

*

* *

Từ năm 1973 trở về sau,[1] lực lượng Biệt động lần lần được hồi phục, các cơ sở ở nội thành lần lần được xây dựng lại các mặt: cất giấu vũ khí, trinh sát theo dõi địch, tăng cường lực lượng chiến đấu tại chỗ v.v... Trong các đơn vị Biệt động lúc đó, đã có 60 tổ Biệt động từ cơ sở, 301 quần chúng vũ trang. Đoàn Biệt động 195 được khôi phục lại, có 11 đội chiến đấu như trước đó. Các Ban quân sự các quận nội thành cũng được củng cố. Tháng 8-1974, thành lập Ban chỉ huy Thành đội Sài Gòn, thay thế cho Bộ Tư lệnh Quân khu Sài Gòn - Gia Định cũ để tăng cường lực lượng đánh sâu vào hậu phương địch. Bộ chỉ huy Miền đã triển khai bố trí một số lực lượng đặc công để phối hợp chiến đấu với Biệt động: gồm 7 trung đoàn, 4 tiểu đoàn đặc công, bố trí vòng tròn xung quanh thành

---

(1) Theo tài liệu tổng hợp lịch sử kháng chiến thành phố Hồ Chí Minh của Phòng chính trị Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh.

phố và một lữ đoàn Biệt động đặc công từ ngoại ô để đi sâu vào thành phố.

Đến khoảng tháng 8, tháng 9 năm 1974, các lực lượng vũ trang đô thị đánh được 55 trận, diệt hàng trăm tên địch, nhắm vào bọn ác ôn ở cơ sở, các lực lượng đàn áp quần chúng, nới rộng các lõm chính trị và du kích cho vững chắc, tạo điều kiện cho vũ trang bên ngoài áp sát, tiếp cận đô thị.

Các chiến trường ven đô đều phát triển lực lượng và chủ động tiến công địch, lấn chiếm vùng da beo.[1] Ở các huyện Củ Chi, Thủ Đức, Bình Chánh, Nhà Bè... các lực lượng địa phương đã đánh địch đều khắp khôi phục lại và phát triển thế chiến đấu như trước Hiệp định Paris.

Với tình hình đó, từ ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông qua quyết tâm và kế hoạch giải phóng Sài Gòn Gia Định - lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh. Các quân đoàn chủ lực ta, tập trung tiêu diệt các sư đoàn chủ lực của quân đội ngụy, giữ địch ở lại vòng ngoài, không cho co cụm về thành phố, đồng thời nhanh chóng hình thành các binh đoàn mạnh, cơ động thọc sâu, đánh chiếm nhanh các mục tiêu quan trọng nhất của địch, như: dinh Tổng thống,

---

(1) Vùng xen kẽ giữa ta và địch.

Bộ Tổng tham mưu, Biệt khu thủ đô, Tổng nha cảnh sát và sân bay Tân Sơn Nhất v.v...

Nhiệm vụ của các đơn vị đặc công, biệt động và lực lượng vũ trang tại chỗ được xác định là:

- Đánh chiếm và giữ các đầu cầu trên các trục đường vào thành phố, góp phần khống chế các sân bay, trận địa pháo của địch.

- Làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu đã được phân công. Phối hợp với các binh đoàn chủ lực đánh chiếm và giữ các mục tiêu của địch về quân sự, chính trị, kinh tế trong thành phố.

Từ ngày 26-4 chiến dịch Hồ Chí Minh đã vào giai đoạn cao điểm. 24 giờ ngày 28-4-1975 các quân đoàn đã tấn công ở hướng Đông và Tây Nam Sài Gòn, cắt đường số 4 và 15, chặn đường thủy trên sông Lòng Tàu, khống chế các sân bay, chiếm khu rút lui của địch ra biển... thực hiện việc bao vây cô lập Sài Gòn.

Một số đơn vị Biệt động và lực lượng tại chỗ của Sài Gòn - Gia Định đã vào được nội đô trước ngày 26-4. Tiếp đó là sự hoạt động ăn khớp nhịp nhàng giữa các mũi tiến quân của các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng làm chủ các khu vực từ ngoại ô vào nội thành. Có những nơi chủ lực ta chưa tới, quần chúng và lực lượng tại chỗ đã nổi dậy làm chủ toàn bộ như khu vực Bình Hòa, Thạnh Mỹ Tây v.v...

Cán bộ, chiến sĩ Biệt động đã tìm mọi cách, tham gia mọi hình thức để nhanh chóng phát triển vào trung tâm của địch: đồng chí Tống Viết Dương[1] chỉ huy trưởng cánh đông Đặc công Biệt động, lên xe tăng cùng chỉ huy lữ đoàn 203 theo xa lộ tiến vào Sài Gòn; nữ chiến sĩ biệt động Nguyễn Trung Kiên hướng dẫn trung đoàn 24 đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất; đồng chí Nguyễn Thị Điểm lãnh đạo quần chúng bao vây cướp trụ sở quận 9; đồng chí Thượng Sỹ Minh (Ba Minh) cơ sở từ lâu của Đội 5 Biệt động, làm việc ở văn phòng Bộ tổng tham mưu ngụy từ trước, đã ra đón quân ta, bàn giao chìa khóa các phòng thuộc Bộ tổng tham mưu ngụy.

Ngày 30-4-1975 vào lúc 11 giờ 30 phút đã kết thúc cuộc đụng đầu lịch sử ròng rã 30 năm bằng đại thắng của dân tộc ta. Sài Gòn cùng với các tỉnh Nam Bộ đã làm tròn nhiệm vụ lịch sử đi trước về sau.

---

(1) Đồng chí Tống Viết Dương được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân 6-11-1978.

Chương IV

BA MƯƠI NĂM ĐÔI ĐIỀU SUY NGẪM

Từ khi đất nước được hoàn toàn giải phóng đến nay, không ít sách báo và cả phim ảnh đã nói đến Biệt động Sài Gòn, đã ca ngợi chiến công tuyệt vời của họ. Nhưng điều đáng tiếc là trong biên chế hiện nay của lực lượng vũ trang thành phố Hồ Chí Minh, không còn phiên hiệu truyền thống của các đơn vị Biệt động anh hùng ngày trước. Đồng chí Nguyễn Văn Linh nguyên Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, người đã nhiều năm lãnh đạo phong trào cách mạng ở thành phố trong hai thời kỳ kháng chiến; trong bài phát biểu của mình ở hội thảo khoa học về Mậu Thân năm 1998 cho rằng: "... Đây (lực lượng Biệt động) là một sáng tạo về mặt hình thức tổ chức lực lượng vũ trang của Đảng... Trong Tết Mậu Thân đã mở đầu xuất sắc cuộc tiến công... có thể nói đã lập công đầu..."

Thành phố đã tạo dựng ra lực lượng của mình, ròng rã 30 năm chắt chiu xây dựng ở một chiến trường ngay sau lưng địch đầy thăng trầm, trắc trở. Nay tuy nhiệm vụ lịch sử của nó đã kết thúc nhưng tôi nghĩ rằng phương án tác chiến phòng thủ của các địa phương trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, chắc không loại trừ khả năng với một tình hình nào đó, một số thành phố nào đó có thể bị quân thù tạm chiếm. Nếu như vậy, tất nhiên ta quyết không cho địch ăn ngon ngủ yên mà phải đánh cả trước mặt và sau lưng chúng. Muốn vậy thì không thể không có sự chuẩn bị từ thời bình cho hoạt động của lực lượng biệt động nội thành trong thời chiến, trong đó việc chuẩn bị cán bộ là đặc biệt quan trọng. Trong việc chuẩn bị cán bộ, việc bồi dưỡng kinh nghiệm và lý luận về lực lượng Biệt động là hết sức cần thiết, phải được coi là nội dung giảng dạy trong các trường quân sự, nhất là các trường quân sự địa phương.

Chúng ta đã coi trọng tổng kết kinh nghiệm và biên soạn lịch sử của bộ đội đặc công, đặc biệt là từ khi binh chủng đặc công được chính thức thành lập ngày 19-3-1967.

Cuốn Lịch sử đặc công Quân đội nhân dân Việt Nam do Bộ Tư lệnh Binh chủng Đặc công xuất bản năm 1982, đã nhắc đến chiến công của Biệt động Sài Gòn; coi biệt động là "đặc công đô thị". Chưa biết cách gọi này đã thích hợp hay chưa, điều cần nói là cho đến nay, vẫn chưa có tài liệu nào đi sâu phân tích chỗ giống nhau và khác nhau trong xây dựng và chiến đấu của hai lực lượng này. Tôi nghĩ rằng sự phân tích ấy là cần thiết để trên cơ sở đó mà có chỉ đạo xây dựng và sử dụng từng lực lượng một cách phù hợp.

Một số năm, trong chiến tranh chống xâm lược Pháp - Mỹ, tôi có dịp cùng tham gia quản lý, xây dựng và chỉ đạo hai lực lượng này. Theo tôi, Đặc công và Biệt động cơ bản giống nhau trên những điểm chính như sau:

1. Đều là lực lượng vũ trang cách mạng đặc biệt tinh nhuệ cả về phẩm chất chính trị và bản lĩnh quân sự - do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu.

2. Đều được xây dựng và chiến đấu trên nền tảng của chiến tranh nhân dân phát triển đến trình độ ngày càng cao, dựa vào sự đùm bọc, che chở và giúp đỡ của nhân dân mà chiến đấu và chiến thắng.

3. Đều quán triệt tư tưởng quân sự truyền thống của dân tộc, tích cực tấn công, lấy ít đánh nhiều, mưu trí sáng tạo, bí mật bất ngờ, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, lấy nhỏ thắng lớn.

4. Đều là lực lượng có sở trường tiến công và phải được chuyên trách để tiến công, nhằm thực hiện những trận đánh "như sấm ran chớp giật", "trúc chẻ tro bay" như cách đây hơn 500 năm Nguyễn Trãi từng nói trong "Bình ngô đại cáo".

Chỗ khác nhau giữa hai lực lượng này là:

1. Về xuất xứ:

- Lực lượng Biệt động hình thành từ cơ sở chính trị và cao trào đấu tranh chính trị của toàn dân trong thời kỳ tiền khởi nghĩa và thời kỳ đầu kháng chiến Nam Bộ. Tiền thân của nó là các đội danh dự trừ gian của Mặt trận Việt Minh ở Hà Nội trước tháng 8-1945, các tổ chức tự vệ, quyết tử và Biệt động ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định hoạt động từ cuối năm 1945 đầu 1946.

- Bộ đội Đặc công ra đời trễ hơn, khoảng năm 1948 - nhằm đáp ứng yêu cầu tác chiến của lực lượng vũ trang lúc bấy giờ là phải đánh bại chiến thuật tháp canh - đồn bót của quân đội Pháp trong điều kiện vũ khí của ta còn thô sơ, trang bị còn kém kẻ địch.

2. Về tính chất:

- Đặc công là lực lượng vũ trang hoàn toàn thoát ly sản xuất, cơ động tác chiến trên mọi chiến trường, ở mặt trận chính diện cũng như sau lưng địch.

- Biệt động là lực lượng vũ trang tại chỗ ở các thành thị bị địch tạm chiếm, hình thành và phát triển trên cơ sở phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân. Nó bao gồm cả những thành viên không thoát ly sản xuất tự nguyện tham gia đấu tranh vũ trang chống địch.

3. Về thành phần:

- Đặc công bao gồm những thanh niên tham gia quân đội theo chế độ tình nguyện hay chế độ nghĩa vụ quân sự. Trong thời kỳ chống Mỹ "theo quyết định của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh binh chủng Đặc công được ưu tiên tuyển chọn những cán bộ chiến sĩ ưu tú về mọi mặt ở các đơn vị bộ binh và ở các địa phương để xây dựng bộ đội Đặc công"[1]. Ở các đơn vị chiến đấu của Đặc công chỉ có thanh niên, không có phụ nữ, thiếu niên hay người cao tuổi.

- Trong lúc đó do tính chất của mình, lực lượng Biệt động thu hút rộng rãi cả trai lẫn gái, cả thiếu niên, những người cao tuổi trong các thành phần xã hội ở đô thị và vùng ven, không chỉ trong các đơn vị bảo đảm mà cả trong đơn vị chiến đấu. Tham gia lực lượng Biệt động có công nhân, nông dân, thợ thủ công, dân nghèo thành thị, học sinh, trí thức, tiểu

---

(1) Lược sử Đặc công quân đội nhân dân Việt Nam - Bộ tư lệnh Đặc công xuất bản 1982 - trang 132.

thương, tiểu chủ v.v... Nhiều nhà tu hành và tư sản yêu nước từng là cơ sở của Biệt động.

Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ vừa qua, nếu bộ đội Đặc công phần đông được tuyển chọn từ thanh niên các đơn vị, các địa phương ở miền Bắc, trải qua huấn luyện rồi bổ sung cho các chiến trường, thì lực lượng Biệt động như ở Sài Gòn - Gia Định phải tự xây dựng lấy cơ sở để tồn tại trong lòng địch, tham gia các phong trào đấu tranh chính trị để tuyển chọn và mở rộng đội ngũ chiến đấu của mình, không thể dựa vào ai khác được. Muốn tồn tại, bám lấy chiến trường thì phải "ba hóa" (công khai hóa - có giấy tờ hợp pháp, nghề nghiệp bình phong hóa, địa phương hóa v.v...). Muốn phát triển lực lượng và qua được mắt địch thì phải ba cùng: ăn, ở và cùng quần chúng đấu tranh, qua gần gũi, nhất là qua đấu tranh với địch mà phát hiện người tích cực dũng cảm để kết nạp vào đội ngũ chiến đấu.

Một đơn vị mạnh hay yếu, khả năng tác chiến nhiều hay ít, một đồng chí Biệt động có tồn tại và hoạt động có hiệu quả hay không thì chính là chỗ này: có cơ sở chân rết ở nội thành nhiều hay ít. Càng nhiều cơ sở, biết huy động đúng cách thì đánh được nhiều, đánh được to, diệt nhiều sinh lực địch, hiệu quả chiến đấu nhiều khi vượt ra ngoài biên giới Việt Nam.

4. Về phương pháp hoạt động và cách đánh địch:

Thực hiện việc lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, Biệt động và Đặc công đều phải tìm cách tiếp cận và đánh địch một cách bất ngờ nhất, nhanh chóng nhất. Nhưng phương pháp và cách đánh của hai lực lượng này không giống nhau:

- Đặc công thường phải hành động ban đêm, lợi dụng bóng tối và địa hình địa vật để tiếp cận địch. Trừ trường hợp có bộ binh tiếp ứng để cùng làm chủ chiến trường, Đặc công cũng phải đánh nhanh rút nhanh, nhưng không đòi hỏi phải chớp nhoáng và khẩn trương như Biệt động.

- Biệt động có thể hoạt động giữa ban ngày, ngụy trang khéo léo để trà trộn trong dân hoặc lọt vào hàng ngũ địch, tiếp cận mục tiêu mà đối phương không ngờ được. Sau đó là hành động cực nhanh, dứt khoát, quyết liệt để đạt cho được mục đích rồi nhanh chóng rút khỏi khu vực chiến đấu, rời khỏi chiến trường. Có thể hình dung hành động chiến đấu của Biệt động giống như động tác của con chim cắt, từ trên cao sà xuống chụp gà con rồi vụt bay lên (các trận tập kích lớn nhỏ của Biệt động thường xảy ra trong một phút. Riêng trận đánh Tổng nha công an cảnh sát ngụy do hai bên chọi súng với nhau nên đã kéo dài trên hai phút).

Sự khác nhau về phương pháp hoạt động và cách đánh đặt ra những yêu cầu khác nhau trong xây dựng và huấn luyện. Nếu nội dung huấn luyện kỹ thuật chủ yếu cho Đặc công là: ngụy trang đi trong đêm, chống đèn pha pháo sáng, chống chó béc giê, thu mình khi bị đèn rọi, khi qua chướng ngại vật v.v... thì bài học đầu tiên của Biệt động là công tác vận động quần chúng, thực hiện năm bước công tác cách mạng rồi mới tới các kỹ thuật khác như trinh sát, tình báo, bộ binh (bắn súng, ném lựu đạn), công binh (sử dụng chất nổ, kỹ thuật phá hoại), đặc công (đi đêm, võ thuật) v.v...

Do phương pháp hoạt động và cách đánh khác nhau dẫn đến việc tổ chức đội hình chiến đấu cũng không giống nhau. Trên đà trưởng thành và lớn mạnh của mình, Đặc công có thể dùng đội hình một hay nhiều đại đội, thậm chí cả tiểu đoàn trong một trận, không dừng lại mức tổ, đội như lúc đầu. Biệt động thì không thể như vậy. Do phải chiến đấu trong hệ thống bố phòng dày đặc và cẩn mật của địch, đội hình chiến đấu của Biệt động phải tính toán cụ thể đến từng người. Đánh ở nội đô mà dùng lực lượng đến quy mô tiểu đội là công tác chuẩn bị và công tác bảo đảm đã vô cùng phức tạp. Trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân - đỉnh cao chiến đấu của Biệt động Sài Gòn - Gia Định - ta đã tổ chức từng đội, mỗi đội quân số cao nhất là 17-18 người.

Có nắm được đặc điểm của từng lực lượng, biết được sở trường sở đoản của nó, mới có cách sử dụng một cách thích hợp, đúng nơi, đúng lúc. Như vậy mới phát huy hết hiệu lực chiến đấu của một trong những lực lượng tinh nhuệ của lực lượng vũ trang nhân dân ta, tránh được tổn thất không đáng có. Ví dụ như trong cuộc tấn công đợt 1 Tết Mậu Thân, nhiệm vụ giao cho Biệt động là đánh chiếm mục tiêu rồi phải giữ đến khi lực lượng thanh niên tiếp ứng và bộ binh phía sau tiến vào. Nhưng thời gian giữ đã kéo dài quá mức dự kiến. Sở trường của Biệt động là đánh nhanh rút nhanh. Nay phải giữ mục tiêu quá lâu, buộc phải chiến đấu phòng ngự là đi vào sở đoản của nó. Mỗi đội của ta có 10 đến 17 đồng chí lọt vào giữa hang ổ của địch, với vũ khí bộ binh thì không thể nào chịu xiết sự bao vây phản kích của chúng với quân số gấp mấy chục lần, lại có sự phối hợp giữa bộ binh, không quân và thiết giáp.

Cuối cùng do không có sự tiếp ứng lực lượng bộ binh của các phân khu, không có “binh biến” và “nổi dậy” của đông đảo thanh niên, sinh viên như kế hoạch ban đầu, nên các đơn vị Biệt động phải chiến đấu đơn độc, với những tổn thất đau lòng, đáng tiếc!

Tôi nói hơi dài dòng về đặc điểm của Biệt động và dẫn chứng một vài sự việc qua hoạt động thực tiễn ở chiến trường để trong tương lai nếu ta còn có ý định xây dựng loại quân này, thì đề nghị các cơ quan khoa học quân sự của Bộ Quốc phòng và binh chủng Đặc công nên có công trình nghiên cứu sâu hơn, tiến tới xây dựng được lý luận và xây dựng giáo trình huấn luyện v.v... Bởi vì đây là những việc vô cùng cần thiết.

*

* *

... Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tôi được điều động đến nhận công tác ở các sư đoàn làm kinh tế của Quân khu 7. Ba năm sau đó được điều về làm Tư lệnh Đoàn 778 (anh Ba Cung[1] làm Chính ủy). Đây là đơn vị làm nhiệm vụ chiến đấu, thường hành quân tác chiến liên tục, tôi dần dần xa thành phố. Lâu lâu mỗi lần về hội họp ở Sài Gòn mới có dịp gặp lại các anh chị em cũ, tôi được biết tin: các lực lượng quân sự ở thành phố Hồ Chí Minh được thu xếp lại cho phù hợp với phương hướng mới về xây dựng quân đội trong thời bình. Các đơn vị Biệt động cũ được giải thể, số đông cán bộ cơ sở và chiến sĩ Biệt động được ra quân một cách khẩn trương. Việc tiến hành ra quân lúc đó rất ồ ạt, mọi người đều được tổ chức thông báo thu xếp ra ngay. Số cán bộ Biệt động này, phần đông lớn tuổi, phần bệnh hoạn, thương binh yếu sức, phụ nữ giao liên, thường văn hóa thấp mà cấp hàm cao lắm là thượng sĩ, thiếu úy v.v... Vì

---

(1) Tức Thiếu tướng Phùng Đình Ấm nay đã nghỉ hưu.

vậy, việc anh chị em phải rời quân ngũ với khoản phụ cấp một lần ít ỏi, chưa có chuẩn bị gì trước khi về với đời thường, nên hầu hết đều rất lúng túng, nhiều người không có việc làm, thậm chí không nhà cửa, đời sống bấp bênh. Có gia đình đã đi đến các vùng kinh tế mới, sau đó phải quay về. Vì là người chỉ huy trực tiếp cũ, họ tìm đến tâm sự, tham khảo ý kiến nơi tôi. Tôi thì bất lực, không thể xoay sở giúp anh chị em được, nếu có thì cũng chẳng được là bao.

Lúc bấy giờ tôi có bàn với đồng chí Võ Văn Thạnh và đồng chí Trần Hải Phụng (lúc anh Phụng chưa đi công tác ở Cuba) tìm cách tập hợp anh chị em Biệt động lại trên cơ sở từng đơn vị trước đây. Mục đích trước hết là để giúp đỡ nhau trong đời sống vật chất và tinh thần, đồng thời để nắm được tình hình đồng chí, đồng đội và đồng bào cơ sở, thông qua tổ chức mà phản ảnh lên trên giải quyết những tồn đọng về chính sách đối với những người còn sống và những người đã khuất. Đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc ấy là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy rất ủng hộ sáng kiến này.[1]

Để có danh nghĩa tập hợp, chúng tôi đã đề nghị

---

(1) Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã viết: "Tôi rất đồng ý cho thành lập càng sớm càng tốt "Hội truyền thống kháng chiến" TP. Hồ Chí Minh. Đề nghị Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết sớm".

và Mặt trận Tổ quốc thành phố đã ra quyết định thành lập Câu lạc bộ truyền thống Biệt động Sài Gòn thông qua nội quy và điều lệ. Sau đó theo gợi ý của đồng chí Trần Văn Trà, tổ chức này mở rộng thành Câu lạc bộ truyền thống lực lượng vũ trang thành phố.[1] Thành viên của nó không chỉ gồm cán bộ và chiến sĩ của các đơn vị Biệt động mà của tất cả các đơn vị vũ trang thuộc Quân khu Sài Gòn - Gia Định trước đây. Tổ chức này cũng là cơ sở để vận động thành lập Câu lạc bộ Cựu kháng chiến cấp thành phố, thành viên của Mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ Chí Minh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố lúc bấy giờ (nay là Thủ tướng Phan Văn Khải) đã ra quyết định xác định về mặt tổ chức và nội dung hoạt động của tổ chức này là: để tập hợp đoàn kết tất cả những người kháng chiến trong hai thời kỳ ở thành phố, nhằm động viên nhau giữ vững và phát huy truyền thống, giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ và làm công tác ái hữu v.v... Trong cuộc sống thực tế - từ lúc có tổ chức đến nay - các thành viên đã giúp đỡ nhau trong đời sống tinh thần và vật chất, thăm nhau lúc có khó khăn đau yếu, tiễn đưa nhau khi có đồng chí qua đời v.v...

---

(1) Lúc này Hội cựu chiến binh chưa thành lập.

Những hoạt động thiết thực này đã đi vào lòng người, là niềm an ủi lẫn nhau, khơi dậy thường xuyên tình nghĩa thủy chung trọn vẹn của những người đã chiến đấu chung trên một chiến trường Sài Gòn - Gia Định.

Y tế phát hiện bệnh ung thư của tôi vào mùa mưa năm 1995. Đó là loại ung thư vòm hầu đã di căn xuống cổ. Trong một số ngày đầu trị bệnh, lúc nguy kịch nhất (khoảng 3 tháng) trạng thái bệnh và thể lực của tôi như sờ đến cái chết. Những ngày ấy, nằm nhiều giờ để truyền nước biển, tôi suy nghĩ miên man đến cuộc đời của mình, về những kỷ niệm, những bạn bè chiến đấu năm xưa trong những năm tháng chiến tranh tàn khốc. Nhiều đồng chí đã ra đi quá sớm, không được hưởng một ngày hòa bình trong độc lập, tự do. Tôi thấy mình đã may mắn nhiều so với họ và cảm thấy không có gì ân hận, bởi tôi đã được sống những ngày sôi động thật đáng quý. Duy có một điều làm tôi trăn trở day dứt, nếu mình phải ra đi vào lúc này - như tâm sự tôi vẫn bày tỏ với đồng chí, bạn bè - là lúc về thế giới bên kia, gặp lại anh chị em cũ đã hy sinh, tôi sẽ nói gì về trách nhiêm của những người còn sống đối với sự mất mát khôn lường của đồng đội, mà lúc ngã xuống họ không hề có một lời trối trăng. Đây là điều thực sự đã dày vò tôi, đôi khi ám ảnh như một mặc cảm của người có lỗi. Đó là vấn đề thực hiện chính sách đối với một số đồng chí và cơ sở Biệt động. Nhất là đội ngũ các anh chị em cùng tôi đi vào cuộc chiến đấu mùa xuân năm Mậu Thân 1968, gồm 5 đơn vị Biệt động trực tiếp chiến đấu ở các mục tiêu: Dinh Độc lập, Đài phát thanh, Bộ tổng tham mưu, Bộ tư lệnh hải quân ngụy và sứ quán Mỹ. Đặc biệt về trường hợp một tập thể 4 đồng chí sau cùng đã hy sinh ở Đài phát thanh ngụy[1] bằng cách dùng khối nổ 20kg hủy diệt đài và luôn cả mình; cả một tập thể đông đảo các đồng chí đánh ở sứ quán Mỹ đợt 1 Mậu Thân. Và sự hy sinh của các đồng chí: Nguyễn Hoài Thanh ở trường tiểu học Bàn Cờ, Nguyễn Thị Rí (Tám A) và Ngoan trong trận diệt bọn Nam Triều Tiên ở đường Nguyễn Văn Thoại, cần phải có chính sách thật thỏa đáng. Bởi vì họ thật sự là những anh hùng, xứng đáng được xây dựng đài kỷ niệm trên mảnh đất mà họ đã hy sinh. Tất cả những cán bộ chiến sĩ đó, tuổi đời còn trẻ, có tên họ, có cấp bậc và đơn vị công tác, không lẽ qua một cuộc chiến đấu, tên tuổi và sự hy sinh của họ bị chìm trong quên lãng?

Theo tôi, đây là một mảng chính sách lớn của thành phố vì họ là những con người với tấm gương hy sinh đạt đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng

---

(1) Nay trong khuôn viên của Đài phát thanh thành phố, đã xây tượng đài bằng đồng về đơn vị chiến đấu này.

Liệt sĩ
Nguyễn Thị Rí

Anh hùng
Nguyễn Thị Thanh Tùng

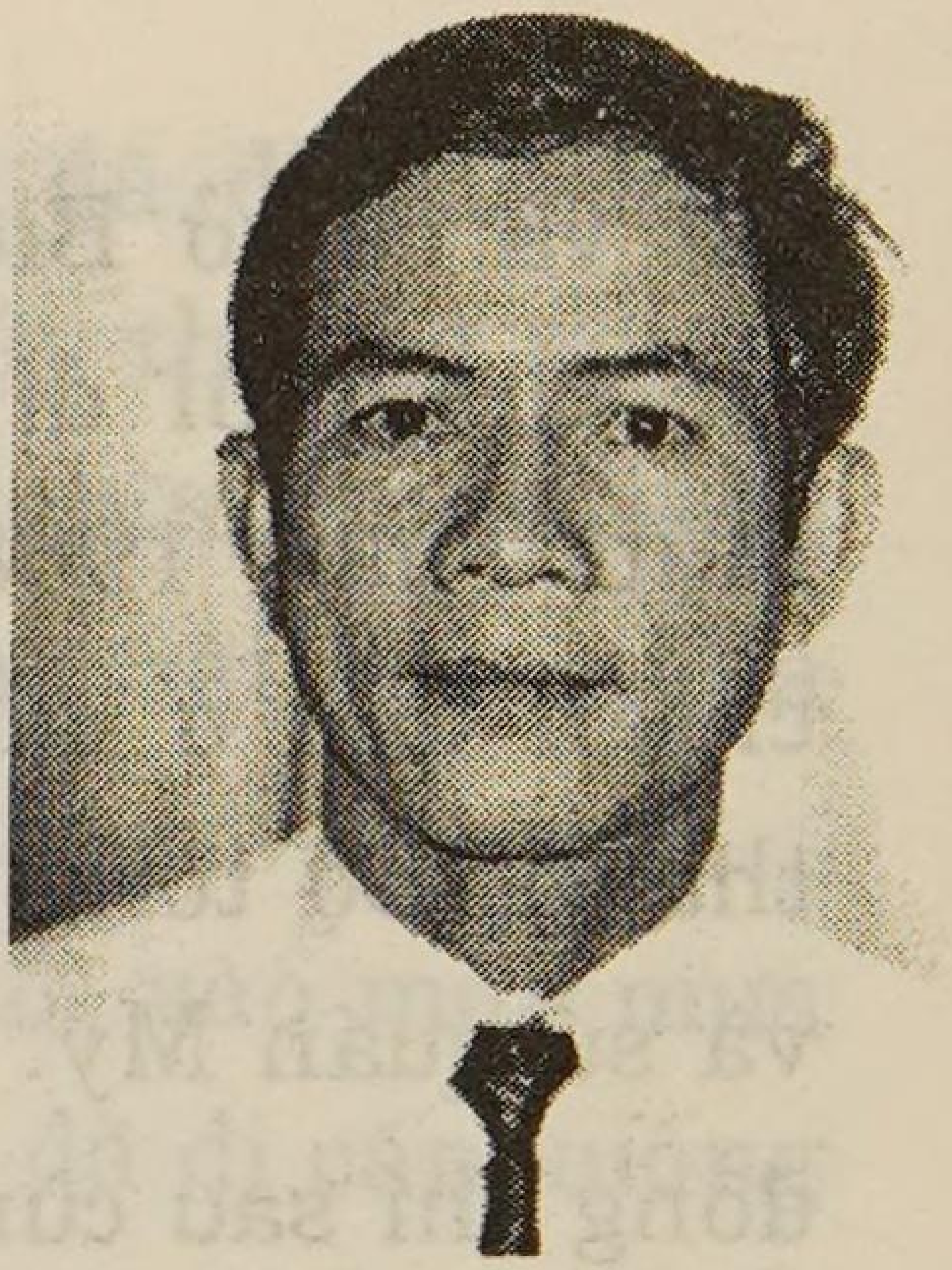

Đồng chí
Hồ Duy Hùng

Bốn nữ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân
Từ trái qua phải: Nguyễn Thị Thu Trang, Đoàn Thị Ánh Tuyết,
Phạm Thị Mỹ (tức Oanh) và Trần Thị Mai

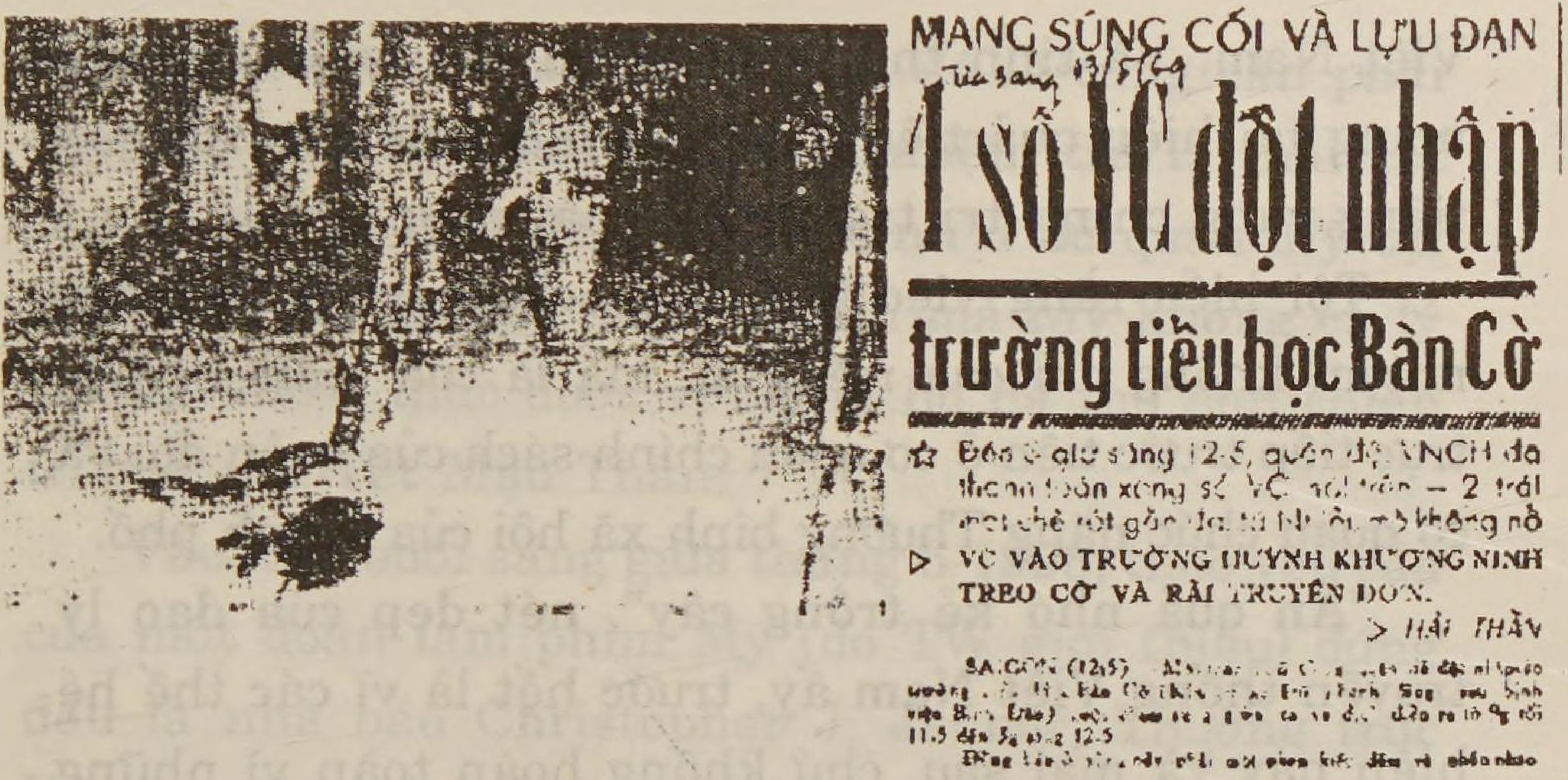

Tia sáng 13/5/69

MANG SÚNG CỐI VÀ LỰU ĐẠN

1 số VC đột nhập

trường tiểu học Bàn Cờ

▷ VC VÀO TRƯỜNG HUỲNH KHƯƠNG NINH TREO CỜ VÀ RẢI TRUYỀN ĐƠN.

> HẢI THẦN

Báo chí Sài Gòn đăng tin về trận đánh ở trường Tiểu học Bàn Cờ 13-5-1969. Xác chiến sĩ Biệt động bị kéo lê trên đường phố

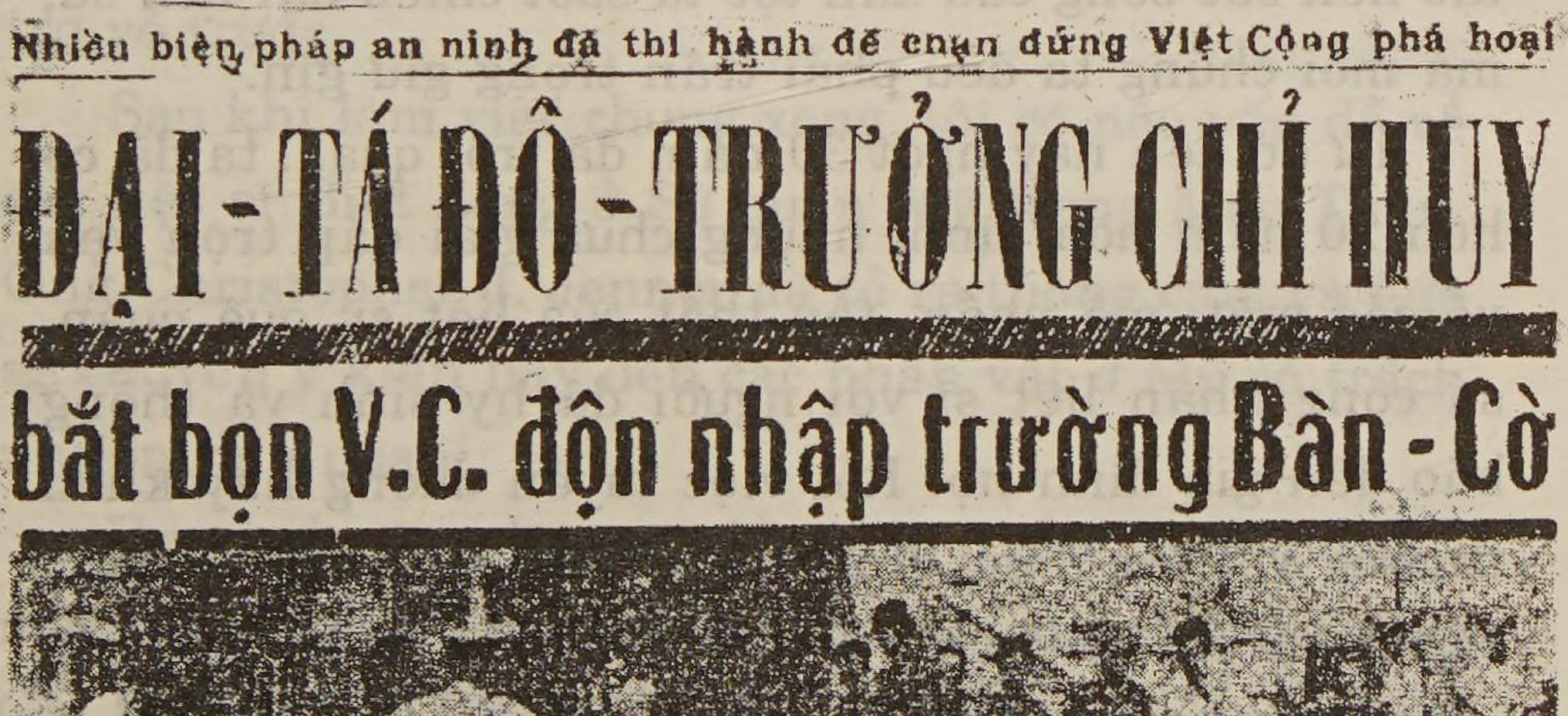

Nhiều biện pháp an ninh đã thi hành để chận đứng Việt Cộng phá hoại

ĐẠI-TÁ ĐÔ-TRƯỞNG CHỈ HUY

bắt bọn V.C. độn nhập trường Bàn-Cờ

Việt Nam. Và tinh thần chiến đấu của họ không chỉ mang lại hiệu quả tiêu hao sinh lực địch mà còn gây tiếng vang chính trị trong và ngoài nước.

Tôi hiểu rằng việc thực hiện chính sách là trách nhiệm không chỉ của riêng ai, mà là của toàn xã hội; trực tiếp trước tiên ở cơ quan chính sách của quân đội và cơ quan chức năng Thương binh xã hội của thành phố.

"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", nét đẹp của đạo lý truyền thống Việt Nam ấy, trước hết là vì các thế hệ hiện nay và mai sau, chứ không hoàn toàn vì những "kẻ trồng cây" đã đi vào cõi vĩnh hằng, không một lời đòi hỏi. Cái đạo lý "nhớ nguồn" ấy chính là lẽ sống tạo nên sức sống của dân tộc ta suốt chiều dài lịch sử, mà mỗi chúng ta đều phải trân trọng giữ gìn.

Từ đó đến nay ngót 30 năm đã trôi qua... ta đã có hơn 20 năm hòa bình, nhưng chưa giải đáp trọn vẹn về các mặt: mộ phần, tên thật của liệt sĩ, quê quán, sự công nhận liệt sĩ với người đã hy sinh và thông báo đến gia đình họ. Rồi việc tuyên dương hay khen thưởng với các đồng chí hy sinh, với các đơn vị tham chiến và chính sách với các đồng chí hiện nay còn sống v.v...

Tôi thấy lâu nay, phía Mỹ đã liên tục cử các đoàn này đoàn nọ sang Việt Nam trong chương trình PAO-MIR, yêu cầu ta bằng mọi cách giúp họ tìm cho được từng khúc xương lính Mỹ. Vì lòng nhân đạo, Chính phủ ta đã chỉ thị cho các địa phương và đơn vị có liên quan tích cực tổ chức tìm kiếm. Có lẽ cũng cần phải đặt vấn đề: Mỹ phải có trách nhiệm trả lại hài cốt của 15 liệt sĩ Biệt động đã hy sinh ở Sứ quán Mỹ tại Sài Gòn. Đó là một trách nhiệm mà Mỹ không có lý do nào thoái thác được vì chính họ đã thu dọn chiến trường sau Tết Mậu Thân.

Vào một buổi sáng giữa tháng 6-1998, theo yêu cầu của một đoàn làm phim Mỹ (do TW giới thiệu) đứng đầu là nhà báo Christopher J. Jenner, Thường trực Hội cựu chiến binh thành phố có chỉ đạo tôi gặp họ. Mục đích của Đoàn làm phim là tìm hiểu một số trận đánh của Biệt động Sài Gòn diễn ra các năm từ 1965 trở về trước.

Sau khi làm việc chung xong, tôi có nêu vấn đề về các liệt sĩ Biệt động ở Sứ quán Mỹ trong Mậu Thân. Ông Christopher J. Jenner đã tỏ ra thông cảm và hứa sẽ chuyển ý kiến này đến các nhân vật ở Mỹ có trách nhiệm liên quan[1].

Hơn hai năm đã qua, đồng chí Trần Bạch Đằng - một trong các đồng chí lãnh đạo nội thành Sài Gòn - Gia Định trong Tết Mậu Thân, đã hỗ trợ tích cực công cuộc vận động thực hiện chính sách cho anh chị em Biệt động: từ Bộ chỉ huy quân sự thành phố, đến Thành ủy, đến cả đồng chí Võ Văn Kiệt - người lãnh

---

(1) Xem chú thích ở phần phụ lục cuối sách.

đạo cao nhất thành phố Sài Gòn - Gia Định năm xưa.

Năm 1998, Thành phố kỷ niệm 30 năm Mậu Thân, mong rằng những yêu cầu chính đáng về chính sách đối với các đồng chí Biệt động tham gia Mậu Thân sẽ được quan tâm và giải quyết tình nghĩa hơn.

*

* *

Cuối cuộc đời, khi nghỉ hưu, tôi lại trở về với dòng sông Sài Gòn, con sông đã dẫn dắt tôi đi suốt cuộc đời cách mạng của mình. Qua bao biến thiên của lịch sử, con sông như là nhân chứng của một quá khứ đau thương và oanh liệt của thành phố thân yêu. Có lẽ, lúc hết phần tuổi trời cho, tôi cũng từ bờ sông này đi đến cõi vĩnh hằng.

Nhà tôi ở hiện nay trong một xóm nhỏ có đông đồng đội nghỉ hưu ở bờ trái dòng sông, gần tiếp giáp với sông Đồng Nai. Nơi này, cách đây 50 năm, tôi đã từng đóng quân để tiến vào nội thành đánh địch. Đất này thuộc một xã có tên là An Phú (nghĩa là bình yên và giàu có), đến đoạn này mặt sông rộng ra, khí hậu trong lành. Có lẽ vì vậy, nó đã hấp dẫn các nhà kinh doanh đầu tư xây dựng các dinh thự sang trọng cho người nước ngoài thuê. Họ ở xung quanh tôi, chúng tôi trở thành người láng giềng của họ. Được biết trong số này có khá nhiều người Mỹ, có người sẽ là cán bộ nhân viên của tòa lãnh sự Mỹ sắp mở ở Sài Gòn.

Trước kia trong chiến tranh, phần lớn người Mỹ đến Việt Nam trong bộ quân phục dữ dằn, súng lăm lăm cầm tay, luôn sẵn sàng nhả đạn. Nay cũng là người Mỹ, nhưng mặc thường phục, áo cổ cứng, thắt cà vạt nhiều màu, ngồi trên các xe du lịch bóng lộn. Họ cho rằng trước kia tiêu tốn gần nghìn tỉ[1] đô la ở Việt Nam mà thất bại, nay với kịch bản mới với chi phí ít hơn, họ có đủ luận cứ khoa học để thành công, trong một cuộc chiến tranh không cần súng, nhằm xóa bỏ thành quả cách mạng của nhân dân ta.

Lịch sử đã sang trang. Nhưng cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống nghèo nàn lạc hậu, chống âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch chắc sẽ không kém phần quyết liệt.

Mong sao, máu đào của các anh hùng liệt sĩ sẽ muôn đời thấm đượm mảnh đất quê hương, và dòng sông Sài Gòn hiền hòa vẫn mãi mãi thuộc về ta, không để kẻ thù làm vẩn đục.

Dòng sông trước mắt tôi với các dề lục bình xanh ngắt, bồng bềnh trôi theo triều xuống và sẽ ra biển cả mênh mông.

Tháng 8-1997

---

(1) Theo tính toán của giáo sư Mỹ Steven thì tổng chi phí của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam lên tới 900 tỉ.

con sông như là nhân [illegible]
[illegible] Có lẽ, lúc hết
[illegible] sống này đi đến cõi
Vĩnh hằng.

Nhà tôi ở [illegible] xây dựng một xóm nhỏ có đông [illegible] sông, gần tiếp giáp với sông Đồng Nai. Nơi này, cách đây 50 năm, tôi đã [illegible] quen [illegible] vào nơi thanh danh dịch. [illegible] này thuộc một xã có tên là An Phú (nghĩa là bình yên và giàu có) [illegible] ngày một sông rộng ra, khí hậu trong lành. Có lẽ vì vậy, nó đã hấp dẫn các nhà kinh doanh đầu tư xây dựng các dinh thự sang trọng cho người nước ngoài thuê. Họ ở xung quanh tôi, chúng tôi trở thành người láng giềng của họ. Được biết trong số [illegible]

PHỤ LỤC

I - Danh sách các chiến sĩ Biệt động tham gia Mậu Thân.

II - Chú thích (Gồm những chú thích quá dài ở các trang đưa xuống đây).

III - Âm vang những trận đánh của Biệt động Sài Gòn.

I. DANH SÁCH CÁC CHIẾN SĨ BIỆT ĐỘNG THAM GIA MẬU THÂN

1. Mục tiêu dinh Độc lập do Đội 5 Biệt động đảm nhận gồm :

TT	Họ tên	Chức vụ	Hiện trạng	Ghi chú
1	Tô Hoài Thanh (tên giả)	Chỉ huy trưởng	hy sinh tại trận	
2	Trương Văn Rồi (tên thật)	Chính trị viên đội	bị bắt và trao trả 1973 hiện còn sống	
3	Nguyễn Văn Vân (bí danh Hải Thanh)	Chỉ huy phó	bị bắt và trao trả 1973	Đã chết bệnh
4	Lê Tấn Quốc (bí danh Bảy rau muống)	nt	hy sinh tại trận	Đã được tuyên dương Anh hùng
5	Mai Văn Năm (bí danh Năm Lùn)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
6	Nguyễn Phú Xuân (tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
7	Nguyễn Văn Công (tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
8	Nguyễn Văn Cuộc (tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
9	Châu (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
10	Phước (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
11	Ngọ (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	

12	Cường (tên thật) không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
13	Nguyễn Đức Hòa (tên thật)	chiến đấu viên	bị bắt và trao trả 1973	
14	Nguyễn Văn Hôn (tên thật)	chiến đấu viên	bị bắt và trao trả 1973	
15	Nguyễn Văn Đực (tên thật)	chiến đấu viên	bị bắt và trao trả 1973	
16	Nguyễn Văn Luyện (tên thật)	chiến đấu viên	bị bắt và trao trả 1973	
17	Vũ Minh Nghĩa (tên thật)	chiến đấu viên	bị bắt và trao trả 1973	
18	Trần Văn Lai (tên thật)	phục vụ chiến đấu (giữ kho súng)	hiện còn sống	
19	Chị Nguyễn Thị Hảo (tên thật, vợ anh Bảy rau muống)	phục vụ chiến đấu (giữ kho súng)	hiện còn sống	

2. Mục tiêu Đài phát thanh ngụy do Đội 4 Biệt động đảm nhận, gồm:

TT	Họ tên	Chức vụ	Hiện trạng	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tăng (tên thật)	phụ trách chung	còn sống trở về	chết sau giải phóng
2	Nguyễn Gia Lộc (tên thật)	Chỉ huy trưởng	hy sinh tại trận	
3	Đặng Văn Tẻo (tên thật)	chính trị viên	còn sống trở về	
4	Nguyễn Văn Thân (tên thật, bí danh Bảy Rổ)	chỉ huy phó	hy sinh tại trận	

5	Trần Phú Cương (bí danh Năm Mộc)	nt	hy sinh tại trận	Đã được tuyên dương anh hùng
6	Hưng (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
7	Hồng (tên thật không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
8	Hiệp (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
9	Tỷ (tên giả, người Hoa)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
10	Hai Còm (tên giả)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
11	Chín (tên giả)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
12	Hùng (tên giả)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
13	Thảo (nữ, tên giả)	chiến đấu viên	còn sống	
14	Trần Thị Út (tên thật,vợ anh Năm Mộc)	phục vụ chiến đấu, giữ kho súng	còn sống	

3. Mục tiêu Bộ tư lệnh hải quân ngụy do Đội 3 Biệt động đảm nhận, gồm:

TT	Họ tên	Chức vụ	Hiện trạng	Ghi chú
1	Trần Văn Lém (bí danh Bảy Lốp)	Chỉ huy trưởng	bị bắt và bị bắn chết	
2	Quốc (tên thật, không rõ họ)	chính trị viên	hy sinh tại trận	
3	Trần Văn Lợi (Tô Minh Lêm)	chỉ huy phó	còn sống trở về	

4	Liễn (tên thật, không rõ họ)	phái viên sở chỉ huy	còn sống trở về	
5	Đổi (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
6	Liên (tên thật, đặc công nước từ Bắc vào)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
7	Mười (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
8	Ba (tên thật) không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
9	Quốc (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
10	Dự (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
11	Châu (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
12	Cao (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
13	Viễn (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
14	Ngọc (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên (nội tuyến)	hy sinh tại trận	
15	Năm (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
16	Mười Rổ (không rõ tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
17	Đặng Thị Hai (vợ anh Trần Văn Lợi)	phục vụ chiến đấu, giữ kho súng	còn sống	
18	Hỷ (tên thật, không rõ họ)	phục vụ chiến đấu, đưa quân	còn sống	
19	Chị Hai Minh (tên giả)	phục vụ chiến đấu, liên lạc, y tá	còn sống	
20	Đoàn Thị Nhỏ (tên thật)	phục vụ chiến đấu, đưa quân	còn sống	

4. Mục tiêu Sứ quán Mỹ do Đội 11 (đội độc lập) Biệt động đảm nhận, gồm:

TT	Họ tên	Chức vụ	Hiện trạng	Ghi chú
1	Ngô Thành Vân (bí danh Ba Đen)	phụ trách chung	bị bắt và trao trả 1973	Chết vì tai nạn giao thông 1978
2	Út Nhỏ (không rõ tên thật)	Chỉ huy trưởng	hy sinh tại trận	
3	Văn (không rõ họ, bí danh Bảy Tuyển)	Phái viên Sở chỉ huy	hy sinh tại trận	
4	Tươi (tên thật, không rõ họ)	Phái viên Sở chỉ huy	hy sinh tại trận	
5	Thanh (hình như tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
6	Chức (hình như tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
7	Trần Thế Ninh	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
8	Nguyễn Văn Chín (tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
9	Nguyễn Văn Tài (tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
10	Văn (hình như tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
11	Đực (hình như tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
12	Cao Hoài Vinh	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
13	Châu (hình như tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
14	Hạng (hình như tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
15	Sáu (hình như tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	

16	Năm Nhỏ (tên thật)	Y tá, giao liên	Còn sống	
17	Ông Bảy (tên giả)	Cán bộ của Đội	hy sinh tại trận	
18	Chị Đặng Thị Huệ (Hai Phê)	phục vụ chiến đấu, giữ kho súng	Còn sống	
19	Ba Bảo (tên thật không rõ họ)	Lái xe đưa anh em đến mục tiêu	Còn sống	
20	Bảy Thuận (tên thật, không rõ họ)	Lái xe đưa anh em đến mục tiêu		Chết sau này
21	Nguyễn Sĩ Hùng	lái xe		

5. Mục tiêu Bộ tổng tham mưu ngụy do Đội 6 và 9 Biệt động đảm nhận, gồm:

TT	Họ tên	Chức vụ	Hiện trạng	Ghi chú
1	Đỗ Tấn Phong	Chỉ huy trưởng	còn sống trở về	Đã được tuyên dương anh hùng (chết bệnh sau giải phóng
2	Trần Minh Tâm (tên thật)	chỉ huy phó	còn sống trở về	
3	Nguyễn văn Lịnh (Tám Bền)	nt	bị bắt và trao trả 1973	
4	Năm Đức (tên giả)	Chính trị viên	hy sinh tại trận	
5	Phúc (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	

6	Cán (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
7	Thành (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
8	Việt (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
9	Thắng (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
10	Bở (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
11	Thắng (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
12	Đào (tên giả)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
13	Phạm Tỏa (tên thật)	chiến đấu viên	hy sinh tại trận	
14	Sáu (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	còn sống trở về	
15	Ngô Bá Chính (tên thật)	chiến đấu viên	còn sống trở về	
16	Trương văn Lượng (tên thật)	chiến đấu viên	còn sống trở về	
17	Sơn (tèn thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	còn sống trở về	
18	Nhung (tên thật, không rõ họ)	y tá, giao liên	còn sống trở về	
19	Nguyễn Thị Mỹ (tên thật)	giao liên	còn sống trở về	
20	Phạm Thị Mỹ (tự Oanh, tên thật)	y tá, giao liên	còn sống trở về	Đã được tuyên dương anh hùng
21	Nguyện (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	bị bắt không được trao trả coi như mất tích	

22	Ngọc (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	bị bắt không được trao trả coi như mất tích	
23	Châu (tên thật, không rõ họ)	chiến đấu viên	bị bắt không được trao trả coi như mất tích	
24	Hùng			Không rõ
25	Trần Văn Chính (tự Hiệp)			Không rõ
26	Năm Mập (tên thật là Nhan)	phục vụ chiến đấu, lái xe		mới chết sau giải phóng
27	Trần Thị Bi (vợ anh Ba Phong)	đưa quân	còn sống	
28	Bùi Thị Lý (tên thật)	giữ kho súng		chết sau giải phóng
29	Trần Văn Miêng (tên thật)	giữ kho súng		chết trước giải phóng
30	Phan Thị Thúy (tên thật)	giữ kho súng	còn sống	

6. Mục tiêu Đài truyền hình (đợt 2 Mậu Thân)

TT	Họ tên	Chức vụ	Hiện trạng	Ghi chú
1	Nguyễn Nhật Hiểu	tổ trưởng	còn sống trở về	
2	Cô Nga (không rõ họ)	chiến đấu viên	còn sống trở về	
3	Anh Tám Của (tên bí danh)	giữ kho vũ khí		không rõ

7. Chỉ huy sở

TT	Họ tên	Nhiệm vụ	Hiện trạng	Ghi chú
1	Ngô Toại (tên thật)	giữ cơ sở (chủ hiệu phở Bình)	còn sống trở về	
2	Nguyễn Văn Trí (bí danh)	thường trực	nt	
3	Tám Khát (bí danh)	nt	nt	
4	Duy Trinh (tên thật, không rõ họ)	nt	nt	
5	Nguyễn Huy Xích (tên thật)	Phái viên chỉ huy sở	địch bắn chết tại trận	
6	Phan Văn Bảy (tên thật)	nt	địch bắn chết tại trận	
7	Nguyễn Bá Tài (tên thật)	cơ sở điện đài	không rõ	
8	Đỗ Văn Căn (tên thật)	giữ kho súng chưa sử dụng	còn sống trở về	
9	Lê Thị Sang (tên thật)	trực liên lạc ở sở chỉ huy	nt-	

8. Chỉ huy sở dự bị

A/ Kỳ Đồng

TT	Họ tên	Nhiệm vụ	Hiện trạng	Ghi chú
1	Hồ Thị Ba (tên thật)	giữ cơ sở		đã chết sau Mậu Thân
2	Nguyễn Thị Chi (tên thật)	nt	còn sống trở về	

B/ Long Vân Tự

TT	Họ tên	Nhiệm vụ	Hiện trạng	Ghi chú
1	Nguyễn Nông	giữ cơ sở	còn sống trở về	
2	Nguyễn Thị Bảng	nt	nt	
3	Nguyễn Thị Tý	nt	nt	

9. Ban quân báo

TT	Họ tên	Nhiệm vụ	Hiện trạng	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thường	Trưởng ban	bị bắt và trao trả 1973	
2	Nguyễn Văn Tường (tên thật)	nt	chết sau hòa bình	
3	Lê Nam Hà (tên thật)	Phó ban	còn sống trở về	
4	Nguyễn Thị Thu An (tên thật)	cán bộ	nt	

Chú ý :

1. Cột có chữ ghi chú là để ghi những trường hợp được khen thưởng. Nếu để trống là chưa có chế độ gì.

2. Những tin tức cần bổ sung về các chiến sĩ Biệt động trong đợt 1 Mậu Thân xin gửi cho đồng chí Lê Nam Hà hiện là Chủ nhiệm Câu lạc bộ truyền thống Biệt động Sài Gòn - Gia Định ở 707 đường Hà Nội, phường Thảo Điền quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

II. CHÚ THÍCH

1. Trang 35:

Ông lái xe (tên Tư Tiền) lúc bấy giờ với chúng tôi là một khách quý, tôi nhường hẳn chòi cá nhân để ông dùng. Sáng hôm sau chúng tôi ra thăm, một mùi hôi thối từ phân người, trây trét khắp nơi từ tường nhà đến bàn ghế, cốc chén. Còn ông Tư nhắm nghiền mắt lại như người sắp chết. Chúng tôi hốt hoảng lạy gọi sơ cứu cho ông tỉnh lại mới biết ông vừa qua một đêm thiếu thuốc phiện, nên cơn nghiện đã hành hạ ông đến mức kịch liệt. Lúc đó ông nằm rã rượi, thân hình như tê liệt, chỉ một mực yêu cầu cho ông được hút thuốc và cứu sống v.v... Buổi chiều hôm đó, thuốc từ thành phố đã ra tới nơi (thời kỳ ấy thuốc vào hộp bán công khai ở thành phố). Ông Tư lại tươi tỉnh lại, nói chuyện huyên thuyên. Ông vốn là người vui tính, lúc làm lái xe được đồng nào hút hết đồng ấy, không phụ được gì cho vợ con cả. Ban chỉ huy đại đội của chúng tôi bấy giờ chia nhau mỗi đồng chí dành một thời gian hàng ngày để động viên ông cai nghiện. Chúng tôi dùng một ngân khoản trong số "tài sản" ít ỏi của đơn vị cho việc này, để có một chế độ bồi dưỡng thường xuyên cho ông. Hai tháng sau đó, ông dứt được các cữ nghiện, người đỏ đắn lại và đã tham gia được công tác ở văn phòng. Khoảng 6 tháng sau, địch lấn chiếm vùng ta đóng cơ quan nên đơn vị đã gởi ông về chiến khu Đ, công tác ở bộ phận hậu cần của đặc khu Sài Gòn Chợ Lớn. Trước khi tập kết ra Bắc, tôi gặp ông tại bàu Cá Trê (chiến khu Đ), thấy ông mập mạp, trắng trẻo, tôi rất mừng; ông cũng cảm ơn cách mạng và cảm ơn đơn vị cũ đã giúp ông thoát nghiện. Giữa năm 1961, trở lại miền Nam chiến đấu, tôi gặp lại các đồng chí bạn bè và cơ sở cũ ở thành phố. Hỏi thăm về ông Tư, thì được tin ông không đi tập kết mà về lại thành phố. Lúc đầu ông giữ được không hút, đến lúc làm ăn khá giả, bạn bè rủ rê lại tiếp tục nghiện ngập. Ông đã qua đời trong đói nghèo và đơn chiếc!

2. Trang 68:

Trong những nhà tư sản dân tộc, có những người giàu lòng yêu nước như trường hợp ông Bùi Duy Cận - người sáng lập và là chủ nhân của hãng sơn Bạch Tuyết (trong phim Biệt động Sài Gòn lấy tên trại ra là hãng sơn Đông Á). Ông Cận sinh năm 1906, quê ở miền Bắc, tham gia cách mạng ở Hải Phòng từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Sau khi bị bắt một thời gian, đến năm 1952 vào Sài Gòn và bắt đầu xây dựng nên cơ ngơi thành một hãng sơn nổi tiếng về chất lượng ở thị trường trong và ngoài nước. Từ năm

1961-1962, đồng chí Ngọc Lộc công tác ở Bộ Tư lệnh Quân khu Sài Gòn - Gia Định qua đồng chí Nguyễn Lập Hòa (Ba Dung), chỉ huy Đội biệt động 67 đã liên lạc với ông để vận động nuôi quân. Từ đó, hàng tháng ông ủng hộ 150.000 đồng tiền ngụy (lúc bấy giờ sinh hoạt phí hàng ngày của một chiến sĩ Giải phóng là hai đồng rưỡi (bạc ngụy lúc đó). Sau đợt 1 Mậu Thân, quân khu Sài Gòn - Gia Định có khó khăn về tài chính, qua đồng chí Nguyễn Văn Trí (Hai Trí) ông lại giúp thêm 8 triệu đồng (lúc bấy giờ vàng là 7.000 đồng một lượng). Đến năm 1972, bị bể bạc, ông phải lo lót cho ngụy khá tốn kém mới giữ được an toàn. Sau ngày miền Nam giải phóng, ông Cận đã ủy nhiệm cho người cháu tên là Phô thay mặt mình đứng ra hiến toàn bộ tài sản cơ ngơi hãng sơn này và hướng dẫn việc sản xuất cho cách mạng. Sở Công nghiệp thành phố đã tiếp quản và phát triển đến ngày nay. Ông Cận đã xuất cảnh sang Pháp chữa bệnh và từ trần ở bên ấy.

3. Trang 108 :

Mẹ tên là Vũ Thị Lượng, quê ở vùng đồng bằng Bắc bộ. Mẹ theo chồng lưu lạc vào Nam các năm trước cách mạng tháng 8.1945. Hai ông bà đều tham gia cách mạng từ thời chống Pháp. Ông chết trước năm 1960, để lại một bầy con với một túp nhà lá lụp xụp trong ngõ hẻm bên dòng một con kinh quanh năm nước đen ngòm, cạnh chùa Vĩnh Nghiêm. Từ đấy, trên một chiếc xe ba gác, mẹ đẩy sau và đứa con trai tật nguyền đằng trước, đi khắp đường phố Sài Gòn, chở thuê đẩy mướn các rác rưởi, xà bần của các nhà xây dựng thải ra, kiếm tiền đùm bọc nuôi nhau. Với phương tiện làm ăn này mẹ có một bình phong thuận lợi để chuyển vũ khí và thuốc nổ giao tận tay cho các chiến sĩ cách mạng đánh Mỹ trong thành phố. Mẹ, ba con của mẹ (hai trai, một gái) và một dâu một rể đều là cán bộ chiến đấu của Biệt động Sài Gòn. Chỉ trừ đứa áp út là tật nguyền và út là tuổi còn nhỏ, nên chưa đứng vào đội ngũ chiến đấu. Đây mới đích thực là gia đình Biệt động mà báo chí đã có lúc nói tới. Lúc mẹ mất (khoảng năm 1980) cuộc sống gia đình rất bần hàn trong một thành phố mà mẹ và các con của mẹ đã cống hiến cho sự nghiệp giải phóng suốt hai thời kỳ cách mạng.

Có một câu chuyện về mẹ mà tôi nhớ mãi. Sau những năm Mậu Thân, các con và rể của mẹ bị địch bắt ở tù, chỉ còn một mình mẹ làm kiếm tiền thăm nuôi con. Nhiều lần mẹ tới đòi công tác, nhưng lúc bấy giờ chủ trương điều lắng để mẹ ổn định, tránh địch theo dõi. Thấy mẹ cứ nói riết, chúng tôi giao nhiệm vụ: mẹ tổ chức nuôi heo cho cách mạng; cũng không đưa tiền bạc gì làm vốn cả. Khoảng sáu tháng sau đó (1970) mẹ theo liên lạc từ thành phố lên đất

Campuchia (đường đi rất nguy hiểm. Lúc bấy giờ cơ quan của phân khu tá túc ở đấy). Mục đích của mẹ: lên xin ý kiến của tổ chức là sáu con heo mẹ nuôi đã được một tạ một con, nay bán hay để lại. Nếu bán xong thì nộp tiền cho ai? Tình cảm, tấm lòng của mẹ, sự gắn bó của mẹ với cách mạng rộng lớn và sâu nặng quá. Chúng tôi xúc động đến ngỡ ngàng trước những ý nghĩ mộc mạc, chân thành của mẹ.

4. Trang 116:

Trong hồi ký của đồng chí Huỳnh Văn Tâm (nguyên đại diện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại nước ngoài) có đoạn viết: "... Vào khoảng cuối tháng 11/1966, tổng thống Bel Bella của nước Cộng hòa Algérie có mời tôi lên dinh tổng thống bàn về việc trao đổi tù binh giữa Mỹ và Việt Cộng. Đến nơi tôi bất ngờ vì có mặt ông già vợ của em cố tổng thống Kennedy (do tổng thống Bel Bella giới thiệu). Ông ta khẩn thiết đề nghị trao đổi chiến sĩ Biệt động, người đánh sập sứ quán Mỹ ở Sài Gòn bị bắt lưu đày ở Côn Đảo với con trai của ông ta là trung tá Gustav Herzt bị lực lượng Biệt động ta bắt ở ven đô. Trung ương Cục đặt điều kiện: 1 đổi 3, ngoài anh Nguyễn Văn Hai (Tư Việt) còn 2 cán bộ cao cấp khác do ta chọn. Phía Mỹ chấp thuận và chịu tổn phí cho ta 1 triệu đôla. Được tin này Hồng thập tự quốc tế xin đứng làm trung gian:

Thái tử Norodom Sihanouk đề nghị lấy Phnom Pênh, Pháp đề nghị lấy Paris làm nơi trao đổi tù binh giữa hai bên. Nhưng cuộc trao đổi tù binh này không thành vì trên đường áp giải Gustav Herzt về căn cứ Trung ương Cục anh ta bị sốt rét ác tính chết...".

5. Trang 117:

Các trận đánh theo yêu cầu của trên:

* Mở một đợt đánh vào hệ thống đồn bót của Công an, cảnh sát ngụy. Ngày 16.8.1965, đánh vào cơ quan đầu sỏ là Tổng nha cảnh sát với lượng nổ là 150kg thuốc nổ TNT, lúc chúng đang tập trung chào cờ. Sau đó đánh một loạt vào các bót cảnh sát trên từng khu vực ở vùng Tân Định, Bà Chiểu v.v... đợt này Đội 5 biệt động đã diệt gần 100 tên và được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhất. Kế tiếp là các lần đánh của lực lượng Biệt động các cánh, các đoàn thể cách mạng... nhằm tiêu diệt bọn đầu sỏ ác ôn, nơi trực tiếp phá hoại các phong trào cách mạng của thành phố, giết hại và tù đày hàng vạn người yêu nước. Đánh cho chúng chùn bước, kềm chế sự độc ác của chúng.

* Với yêu cầu của "Miền Bắc gọi miền Nam đáp lời":

- Ngày 30.3.1965 đánh sứ quán Mỹ lần 1 (đã có thuật ở trên).

- Ngày 4.12.1965 đánh vào bọn giặc lái và nhân viên không quân Mỹ ở cư xá Metropol với khối lượng 450kg chất nổ C4, sập bốn tầng lầu, địch chết và bị thương 137 tên. Ta không thiệt hại về người. Trận này đơn vị được tặng thưởng huân chương quân công hạng 2.

- Ngày 1.4.1966 đánh vào nơi ở của bọn sĩ quan hỗn hợp Mỹ, tại cư xá Victoria với khối nổ 500kg C4. Theo tin địch: chất nổ đã gây sập đổ tan tành 20 căn phòng, từ lầu 1 lên lầu 5 (nhà 10 tầng), địch chết và bị thương 90 tên trong đó có 60 là Mỹ. Ta không thiệt hại gì. Trận này đơn vị được tặng thưởng huân chương quân công hạng 2. Đồng chí Nguyễn Văn Tăng người chỉ huy trận đánh, sau đó được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Ngày 4.12.1966 tập kích vào sân bay Tân Sơn Nhất, bằng lực lượng biệt động, có bộ binh hỗ trợ phía sau nhằm phá nhiều máy bay chiến đấu và diệt bọn giặc lái đã gây nợ máu với đồng bào miền Bắc. Ta đã phá hủy và làm hư 90 máy bay các loại và diệt 110 tên Mỹ ngụy. Đây cũng là trận có ý nghĩa thực tập đội hình và chiến thuật tập kích vào căn cứ không quân lớn của Mỹ ngụy (rút kinh nghiệm cho Mậu Thân), ta thiệt hại 1 trung đội chiến đấu.

Trận này đơn vị được tặng thưởng huân chương quân công hạng nhất. Đó là loại huân chương cao nhất mà quân đội giành cho những chiến công đặc biệt xuất sắc. Hai đồng chí chỉ huy đơn vị là: Bành Văn Trân là chính trị viên và Nguyễn Văn Kịp là chỉ huy trưởng, cả hai đều được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân 6-11-1978.

- Trong các mục tiêu ta nhắm đánh trước Tết Mậu Thân, có nơi chưa đánh được, đó là khách sạn Rex BoQ (Bachelor officier quater) nay cũng gọi là Rex hay Bến Thành. Ta định cho nổ 1000kg thuốc loại cực mạnh C4 vào số "cá bự" cư ngụ tại đây gồm tá và tướng Mỹ độc thân. Điểm đột phá định vào tầng dưới khách sạn góc Nguyễn Huệ - Lê Lợi nơi Mỹ đặt phòng thông tin. Chưa đánh được do đồng chí chuẩn bị chính bị bắt đi quân dịch ngụy, sau đó đến Mậu Thân nên đình lại.
- Đánh các mục tiêu vào dịp tết Mậu Thân 1968.

6. Trang 118:

(1) Các năm từ 1964 đến 1968 là các năm được mùa của Biệt động. Bổ đồng từ 3 đến 5 tháng một lần có một trận đánh lớn, thối động (thường là sử dụng hàng 100kg thuốc nổ trở lên, hay sử dụng đội hình hàng tiểu đội). Có đội như Đội 5 biệt động (năm 1967 được tuyên dương đơn vị anh hùng) về hiệu suất và hiệu quả chiến đấu đạt cao: Chỉ trong 14 tháng, từ xuất phát đánh trận đầu đến tháng 12/1965 đã đánh

được năm trận, ba trận được thưởng Huân chương quân công hạng hai; hai trận được thưởng Huân chương chiến công hạng nhất. Lực lượng tham gia thì ít nhưng hiệu quả cao: trận Brink có hai đồng chí trực tiếp chiến đấu, địch công nhận chết và bị thương 100; hay trận sứ quán Mỹ ta tham chiến ba đồng chí, báo địch thú nhận chết và bị thương 190. Như vậy mỗi lần xuất quân trong số các trận này, một chiến đấu viên của ta đã gây thiệt hại từ 20 đến 30 sinh lực quý của Mỹ (đạt tỷ lệ 1/20 và 1/30).

(2) Đội hình chiến đấu của các trận sau thường xếp hai xe gắn máy đi đầu làm trinh sát, có hai súng lục, một xe du lịch đi tiếp theo có trang bị 4AK báng xếp và lựu đạn, nhiệm vụ xe này là tiêu diệt và chế áp bọn địch canh gác, nơi ta định đặt mìn. Theo sau xe này là một xe vận tải nhẹ, trang bị một AK, một súng lục và khối nổ từ 150kg trở lên (tùy theo trận). Nhiệm vụ là tiếp tục chế áp địch và lao xe thuốc nổ vào điểm đặt, giật nụ xòe gây nổ (trước đó đã gài các ngòi nổ định giờ khác). Cuối cùng hai xe gắn máy trang bị hai súng lục, bảo vệ đuôi đội hình diệt các tên ngóc đầu dậy, và đón hai đồng chí ở xe thuốc nổ. Đội hình chiến đấu này khá mạnh, bảo đảm an toàn cho anh em. Trong các năm này không bao giờ địch gây cho ta tổn thất tại trận (chỉ trừ trường hợp Tư Việt). Anh chị em bị tổn thất là thường bị bể bạc sau đó do đi lại không

đúng quy định, hoặc cơ sở bị theo dõi, ta không nắm được nên lọt vào ổ phục kích của chúng.

7. Trang 136:

Khi diễn ra sự kiện Tết Mậu Thân (1968) thì được cấp tốc bổ sung thêm các loại súng chống tăng B40, B41. Các đơn vị vũ trang của ban ngành đoàn thể cũng đưa vào trước các loại vũ khí cầm tay, thuốc nổ v.v... Trong đội ngũ những người làm công tác vận chuyển này ở đơn vị vũ trang Thành đoàn có vai trò của chị Sáu Hòa. Anh em biệt động ở đơn vị này thường gọi chị là “má Sáu đặc ruột”, do sở trường của chị là ngụy trang thuốc nổ (chất dẻo C4) vào đặc ruột các trái dừa khô, từ miền tây ung dung đưa vào các bến đậu Sài Gòn, và từ đó chị phân phối cho các nơi đánh giặc.

8. Trang 167:

Ngày 24-1-1971 (hai năm sau sự kiện tết Mậu Thân 1968), hai đứa con trai của tôi (cháu đầu là Nguyễn Văn Quý, tên thật là Nguyễn Lê Minh, 5 tuổi và cháu thứ hai là Nguyễn Văn Huy - đứa cùng mẹ dẫn đường cho các chú biệt động vào điểm tập kết đánh vào Bộ Tư lệnh hải quân ngụy, tên thật là Nguyễn An Tây, 4 tuổi) đang ở nhà cơ sở tại 107/22 Trần Quốc Toản, Sài Gòn thì bị quân ngụy ập vào bắt đi. Chúng giam giữ các cháu từ 1971 đến 1974 và ra điều kiện nếu tôi ra hàng thì sẽ thả các cháu, bằng không sẽ thủ tiêu. Không đạt được mục đích, đầu năm 1975 chúng định đưa các con tôi sang Mỹ theo diện con mồ côi. Nhưng rất may chúng chưa kịp thực hiện thì ta đã giải phóng Sài Gòn.

9. Trang 185:

(3) Do mục tiêu sứ quán Mỹ mới đề ra nên Đội 11 này chỉ thành lập trước bốn ngày. Đội được giao cho đồng chí Ba Đen, một người đã trải qua nhiều trận đánh, có nhiều kinh nghiệm. Ngay trước trận đánh, các anh còn phải lo móc nối để vận chuyển vũ khí vào thành phố vì mục tiêu này hoàn toàn chưa có vũ khí dự trữ. Các anh đã bỏ súng, đạn vào các cần xé đựng rau giao cho hai cơ sở là ông Năm Đây và Chín Ten chuyển vào ấp chiến lược rồi từ đó cho lên xe hàng chở vào thành phố gửi ở nhà chị Nguyễn Thị Phê (tức Huệ) có chồng tập kết ra Bắc, bản thân chị cũng tham gia hoạt động ở cánh Phụ nữ thành phố. Sau Mậu Thân, cơ sở này bị lộ, địch bắt cả nhà chị đày ra Côn Đảo. Có một chuyện cười ra nước mắt là khi các anh vào thành phố (chiều 30 Tết) tới nhà cơ sở là anh Ba Sắt ở đường Nguyễn Đình Chiểu định ém quân nhưng không may anh Ba đi vắng. Chị vợ anh Ba chưa được chồng nói trước nên khi thấy một toán kéo vào nhà, chị chạy ra đường la lớn: “Bớ người ta ăn cướp”.

Vì vậy, anh em phải tản mát ngoài đường cho khỏi lộ. Sau mới được giao liên đón về gửi nhà các cơ sở khác.

10. Trang 248:

Ngày 18.2.2000, tại nhà riêng của tôi bên bờ sông Sài Gòn, ông Manfred, ở đài truyền hình Cộng hòa liên bang Đức đã phỏng vấn tôi với tư cách là người chỉ huy lực lượng Biệt động Sài Gòn - Gia Định thời kỳ chống Mỹ về cuộc chiến tranh đã qua, về những trận đánh của Biệt động Sài Gòn v.v... Dưới đây là ghi chép của Tiến sĩ Nguyễn Đức Ân về cuộc phỏng vấn ấy:

Cuộc gặp mặt tháng Tư

Tư Chu: Chào ông, qua giới thiệu của Bộ văn hóa Việt Nam, sự hướng dẫn của Hội Cựu chiến binh TPHCM, tôi biết đoàn làm phim của truyền hình Đức đã đến Việt Nam, vậy ông có thể cho biết công việc của buổi gặp gỡ hôm nay.

Manfred: *Vào thời điểm 25 năm ngày kết thúc cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Đài truyền hình Cộng hòa liên bang Đức có ý định tìm hiểu thêm cuộc chiến tranh từ cả hai phía.*

Tư Chu: Tôi sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của ông nhưng xin nhớ cho chỉ với tư cách riêng - một cựu quân nhân đã nghỉ hưu.

Manfred: *25 năm, thời gian đủ dài, xin ông cho biết những suy nghĩ của mình về cuộc chiến tranh khốc liệt vừa qua.*

Tư Chu: Theo tôi, cuộc chiến tranh ở Việt Nam vừa qua xét về bản chất đó là vấn đề chính trị: sự đối đầu giữa chính nghĩa và phi nghĩa. Nó thể hiện bằng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và cuộc kháng chiến chống xâm lược, giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Đó là sự đối đầu giữa vật chất và ý chí (giữa khối lượng vật chất, tiềm lực quân sự khổng lồ của Mỹ với sự thông minh và ý chí quyết thắng của người Việt Nam). Tôi nghĩ đây cũng chính là sự đối đầu giữa hai nền văn hóa: văn hóa găngxtơ của Nhà trắng Mỹ và truyền thống văn hóa Việt Nam.

Đối với chúng tôi, nhân tố chính trị này giữ vai trò quan trọng, quyết định. Vì có chính trị chính nghĩa nên đã huy động cả dân tộc, tất cả mọi tầng lớp xã hội từ Bắc tới Nam, ngay cả trong vùng địch tạm chiếm đóng, kiểm soát, kể cả những người nằm trong hàng ngũ địch. Tất cả đều chung ý chí nguyện vọng vì độc lập dân tộc, sẵn sàng chịu đựng gian khổ hy sinh. Và nếu không có chính nghĩa đó, chắc chắn rằng chúng tôi không thể giành được sự đồng tình ủng hộ của nhân loại trên thế giới, ngay ở Mỹ từng nổi lên phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam mà tiêu biểu là hành động tự thiêu của Morison.

Để che đậy bộ mặt xâm lược và tay sai bản xứ, trong cuộc chiến tranh vừa qua, Mỹ và chính quyền Sài Gòn nói bừa rằng đây là một cuộc nội chiến: miền Bắc xâm lược miền Nam, phía cộng sản thôn tính phía quốc gia. Vì thế mà nước Mỹ phải ra tay hào hiệp cứu giúp đồng minh ở Nam Việt Nam. Đây là luận điệu xằng bậy, dối trá. Tôi vốn là người quê ở miền Bắc, từ nhỏ đã vào sinh sống tại Sài Gòn. Năm 17 tuổi, tôi đã trở thành chiến sĩ biệt động của thành phố Sài Gòn, năm 20 tuổi thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Như vậy, trước tiên chủ nghĩa yêu nước thức tỉnh tôi, sau đó vào chiến đấu, tôi nhận thức rõ rằng cần phải có tổ chức lãnh đạo, có đường lối cách mạng sáng suốt, kiên quyết mới bảo đảm đánh thắng bọn thực dân xâm lược được. Đương nhiên tôi đi theo chủ nghĩa cộng sản. Vậy ông thấy đấy, là người Việt Nam, không lẽ tôi lại đi xâm lược dân tộc mình, chính chủ nghĩa đế quốc thúc đẩy tôi trở thành chiến sĩ cộng sản. Tôi nhớ, khi chiến tranh vừa kết thúc, Sài Gòn đang thời kỳ quân quản, vị chỉ huy của chúng tôi lúc đó, Thượng tướng Trần Văn Trà có nói rằng: trong cuộc chiến tranh này, người thua là đế quốc Mỹ còn người chiến thắng là cả dân tộc Việt Nam. Tôi thấm thía điều này: tất cả mọi người Việt Nam.

Manfred: *Thưa ông, là người chỉ huy quân biệt* *động Sài Gòn, có phải ông chỉ tập trung nhắm đánh vào người Mỹ?*

Tư Chu: Tôi ở đơn vị biệt động của thành phố Sài Gòn, nhận nhiệm vụ chiến đấu vũ trang, nhằm đánh hai đối tượng: đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai. Chiến trường của chúng tôi lấy thành phố và vùng phụ cận làm địa bàn hoạt động, nơi đây là đầu não của quân xâm lược và chính quyền tay sai vì thế, có nhiều mục tiêu trọng yếu. Nhiệm vụ chiến đấu của chúng tôi là làm sao tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, lựa chọn trận đánh sao cho đạt hiệu quả cao nhất về chính trị, quân sự. Như vậy, các mục tiêu kể trên đương nhiên được xếp hàng đầu, bất kể là Mỹ hay ngụy. Riêng tôi và các đồng đội, vẫn thích đánh Mỹ hơn, vì đây vừa là nhiệm vụ cũng vừa là mong muốn vì lẽ đơn giản đây là nơi xuất phát mọi mưu đồ, hành động gây tội ác của kẻ xâm lược.

Manfred: *Đề nghị ông đánh giá về Tết Mậu Thân - 1968 mà các ông gọi là cuộc tổng tấn công - tổng khởi nghĩa và sự thiệt hại nặng nề của các ông. Riêng ông, ông có thấy sợ không? Nếu sau đó cần làm lại như cuộc tiến công này, ông có dám làm không?*

Tư Chu: Chúng tôi đều đánh giá: tiến hành tấn công ở Tết Mậu Thân là cần thiết và đã giành được thắng lợi, tuy phải tốn nhiều xương máu. Như ông biết, chiến trận Mậu Thân nổ ra làm sửng sốt cả thế giới, nước Mỹ bàng hoàng, quân Mỹ dao động (theo tin nước ngoài) và một loạt vấn đề diễn biến sau đó là Mỹ phải thay đổi chiến lược, xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán tại Paris, khiến phía Mỹ một số người lãnh đạo chiến tranh phải ra đi, đó là bộ trưởng quốc phòng Mac Namara, tướng Wesmoreland và cả tổng thống Johnson nữa.

Diễn tiến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam có thể hình dung đã diễn ra ba cột mốc lịch sử quan trọng: đầu tiên là đồng khởi cách mạng, thứ hai là cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, thứ ba là chiến dịch Hồ Chí Minh với đại thắng mùa xuân 1975 kết thúc chiến tranh. Trận Mậu Thân chính là đánh vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm Mỹ nhận rõ không thể thắng trong cuộc chiến tranh này, dẫn tới việc Mỹ rút quân sau đó là ngụy sụp đổ, thực hiện lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói trước đó: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Như vậy Mậu Thân là một bước đường tất yếu dẫn tới thắng lợi mùa xuân 1975.

Trong cuộc chiến đấu này, hai bên đều bị tổn thất nặng. Riêng đơn vị do tôi chỉ huy khi tiến công vào 5 mục tiêu đầu não của Mỹ-ngụy ở Sài Gòn đã thiệt hại đến 80% sinh lực, tôi rất đau lòng và khắc sâu căm thù. Và chúng tôi đã gặp những khó khăn khi Mỹ-ngụy phản kích sau Mậu Thân.

Sự tổn thất của một đơn vị trong một trận đánh ở một thời điểm nào đó là chuyện có thể xảy ra. Không thể lấy đó mà đánh giá cả một cuộc chiến tranh được.

***Manfred:** Ông so sánh thế nào về Mỹ và Nga (Liên Xô cũ)?*

Tư Chu: Với tôi, không thể có sự so sánh ngang nhau giữa hai nước này. Mỹ đã đi xâm lược gây chết chóc, đau thương cho dân tộc tôi, lúc đó Mỹ là kẻ thù. Còn Liên Xô trước đây là bạn, là ân nhân của chúng tôi. Liên Xô đã cùng Trung Quốc và hệ thống xã hội chủ nghĩa giúp chúng tôi đánh Mỹ, trong đó có nước Cộng hòa dân chủ Đức và nước Đức sinh ra Karl Marx, một bộ óc siêu việt của nhân loại tiến bộ. Có Cách mạng tháng Mười mới dẫn dắt đến Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam. Tôi tin rằng nước Nga cách mạng vẫn trường tồn.

***Manfred:** Xin hỏi câu cuối cùng, ở Mỹ tôi đã gặp nhiều người cho rằng Mỹ đã sai lầm trong cuộc chiến tranh với Việt Nam, mong rằng các thế hệ sau này của hai dân tộc sẽ sống hòa bình và cùng nhau phát triển. Riêng ông, ông nghĩ thế nào?*

Tư Chu: Ông nhìn đấy, xung quanh nhà ở của tôi là các dinh thự sang trọng trong đó có những người Mỹ và người nước ngoài ở. Chúng tôi thành láng giềng và chung sống hòa bình với nhau, thực hiện chủ trương của Nhà nước chúng tôi hiện nay là: "Khép lại quá khứ, nhìn về tương lai". Tôi nghĩ rằng khép lại quá khứ là điều cần thiết để xây dựng lại đất nước, nâng cao đời sống của nhân dân sau 30 năm chiến tranh. Nhưng khép lại không có nghĩa là triệt tiêu hay chôn vùi quá khứ. Vì hiện nay còn những biểu hiện liên quan đến vấn đề này: tỷ như lời tuyên bố của tổng thống Clinton về việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, ông ấy cho rằng (đại ý) bình thường trong bang giao để chuyển biến Việt Nam như các nước Đông Âu; hay như gần đây ngoại trưởng Mỹ M. Albright đã hỏi trực tiếp người lãnh đạo của chúng tôi rằng (đại ý) hiện nay trên thế giới còn 4 nước cộng sản, đến lúc nào thì 4 nước này sụp đổ? Tôi nghĩ rằng đây là thái độ ngoại giao sặc mùi găngxtơ.

Một khi, sự giàu có về vật chất của một nước, với một tiềm lực chiến tranh đồ sộ hiện đại, nếu nền văn hóa được nuôi dưỡng bằng một thế lực găngxtơ thì chắc chắn sẽ dẫn dắt đến các sự kiện như Kosovo, Tchecnia... và sau đó sẽ đến lượt ai? Phải chăng đó sẽ là xứ Basque ở Tây Ban Nha hay là đảo Corse của Pháp?

Sau cùng, để lưu kỷ niệm về cuộc gặp gỡ này, phần tôi xin tặng ông tập ghi chép về lực lượng Biệt động Sài Gòn trong Tết Mậu Thân và mời ông xem đoạn phim của một nhà báo Mỹ ghi lại hành động dã man của tên tướng ngụy Nguyễn Ngọc Loan đã bắn vào một đồng đội của chúng tôi ngay trên đường phố mà trong cuộc trò chuyện hôm nay ông rất quan tâm. Xin lưu ý ông, trong tập ghi chép này, tôi có nói về một đơn vị biệt động đánh vào tòa đại sứ Mỹ và 15 người đã hy sinh tại đó. Điều cần nhắc nhở là sau đó, chính người Mỹ đã thu dọn chiến trường, vậy xác của các chiến sĩ hy sinh giờ đang nằm ở đâu? Tôi mong rằng với ảnh hưởng của Đài truyền hình Đức, các ông tạo sự chú ý trong dư luận để phía Mỹ có trách nhiệm với vấn đề nhân đạo này, cũng như Chính phủ Việt Nam đã có trách nhiệm đầy đủ trong chương trình PAO-MIA với phía Mỹ.

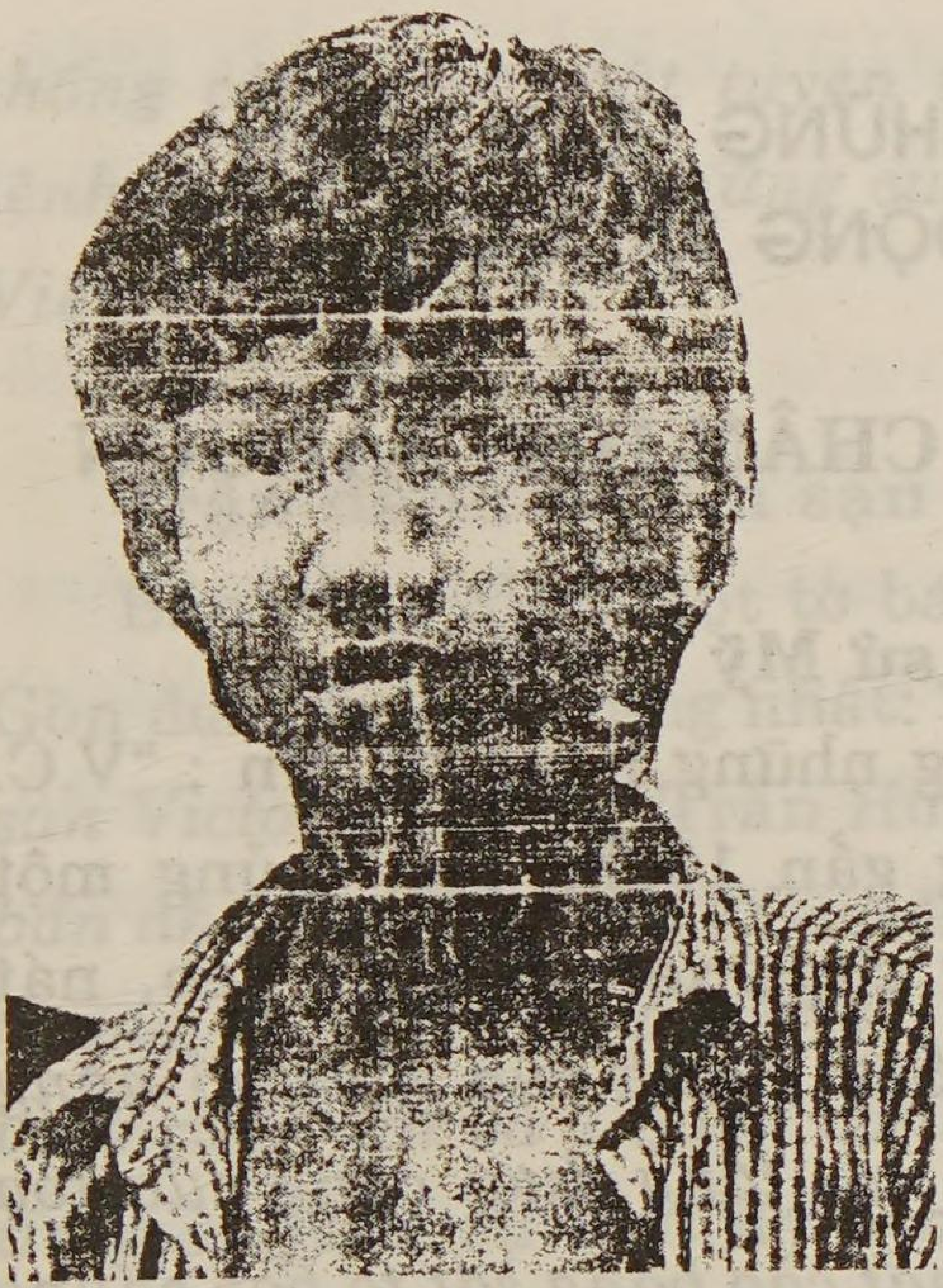

Hai cháu Nguyễn Lê Minh (Quý) và Nguyễn An Tây (Huy)
thời kỳ bị Mỹ ngụy bắt giữ

III. ÂM VANG NHỮNG TRẬN ĐÁNH CỦA BIỆT ĐỘNG SÀI GÒN

* NGƯỜI MỸ ĐẶT CHÂN ĐẾN SÀI GÒN

Trận đánh tòa đại sứ Mỹ (1965)

Báo chí Sài Gòn đăng những hàng tít lớn : "V.C. "chơi" Mỹ: chất nổ nặng gần 100kg phá thủng một hông tòa Đại sứ... Hàng chục xe hơi cháy đen, nát ngướu". Bài báo mô tả: *"Sức mạnh của chất nổ nặng chừng 100kg đã làm tan nát tầng dưới cùng của tòa nhà xây kiên cố. Những mắt cáo bằng sắt to bọc chung quanh tòa nhà đã bị sức ép làm cho quăn queo và bay tứ tung... Văn phòng của Phó Đại sứ Alexis Johnson ở tầng lầu 5 nên tương đối ít bị hư hại. Ông Phó Đại sứ bị thương nhẹ ở trán vì mảnh kính. Vừa khi dứt tiếng nổ, ông đã liên lạc ngay bằng điện thoại với Tổng trưởng ngoại giao Hoa Kỳ Dean Rusk và báo cáo những thiệt hại đầu tiên..."*.

Hãng tin Pháp AFP đưa tin: *"Tại Washington sáng 30-3-1965, tổng thống Johnson đã thảo luận với Bộ trưởng ngoại giao Dean Rusk và Bộ trưởng quốc phòng Mc Namara về vụ nổ phá hoại tại tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn... Phát ngôn viên tòa Bạch Ốc tuyên bố là ông không thể tuyên bố gì ngay bây giờ về việc Tổng* *thống có thể có một tuyên ngôn, hoặc có ý định ra lệnh cho thực hiện những cuộc trả đũa gì đối với Bắc Việt...".*

Trận đánh khách sạn Victoria (1-4-1966)

Báo Sống Mới, một tờ báo thân chính phủ tại Sài Gòn đưa gần kín trang nhất: "*Plastic nổ dữ dội ở khách sạn Victoria* (đường Trần Hưng Đạo Sài Gòn) *sau cuộc bắn nhau ác liệt giữa VC và QC Mỹ, 90 người bị thương (trong đó có 60 người Mỹ)".* Theo bài báo, *"có 1 nhân viên cảnh sát và 1 quân cảnh Mỹ bị thiệt mạng. Theo tin giới quân sự Hoa Kỳ cho hay, thì vụ nổ đã làm 6 người thiệt mạng và 67 người bị thương, có cả người Việt Nam và Hoa Kỳ... Khách sạn Victoria cao 10 tầng, ngang rộng 12 căn. Chất nổ đã phá từ trái sang mặt, từ căn số 1 đến căn số 9 và từ tầng dưới đất lên tới lầu 5. Có lối 20 căn phòng bị đổ sập tan tành...".*

Đặc phái viên của Việt tấn xã Sài Gòn ghi nhận: *"Vụ nổ gây chấn động khắp vùng Chợ Quán, Trần Hưng Đạo, xảy ra vào hồi 5 giờ 15 sáng 1-4-1966... Các ngõ đường dọc đại lộ Trần Hưng Đạo đều bị ngăn chặn, bắt đầu từ bệnh viện Hoa Kỳ, nằm trước khách sạn Metropol... Chúng tôi tới khách sạn Victoria lúc 7 giờ 45. Tại đây đã có ngót chục ký giả Mỹ và phóng viên quân đội Đại Hàn đang thu hình quay phim... có thể nói rằng: đây là vụ phá hoại táo bạo và lớn nhất từ trước tới nay".*

* VỀ CUỘC TIẾN CÔNG TẾT MẬU THÂN 1968

Trong nước :

* Thông tấn xã Việt Nam tại Hà Nội ngày 3.2.1968 đưa tin:

"Ngày 2.2 Ủy ban khởi nghĩa Sài Gòn đã ra thông báo, biểu dương những thắng lợi to lớn đã giành được và quyết định thúc đẩy cuộc vũ trang khởi nghĩa mạnh hơn nữa... Các lực lượng cách mạng đã đánh chiếm các khu vực thuộc các vùng Ngã tư xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa (Hàng Xanh) Phú Nhuận, Bình Hòa, Bến Đá, Cây Sung, Bình Đông, Phú Định, Khánh Hội. Một đơn vị khác chiếm đóng nhanh chóng đài phát thanh và phá hủy đài này. Các đơn vị khác đánh vào Tổng tham mưu... Bộ tư lịnh hải quân, dinh Tổng thống ngụy và... tấn công vào sứ quán Mỹ..."

* Báo Nhân dân cơ quan Đảng Lao động Việt Nam ngày 4.2.68 chạy tít lớn kín trang nhất "*Tiến công mạnh chưa từng có. Thắng lợi lớn chưa từng thấy...*". Ngoài ra, báo còn đăng toàn văn thông cáo đặc biệt của Bộ chỉ huy Quân giải phóng. Và đăng bài bình luận "*Một bản anh hùng ca hùng tráng đang rộn rã bùng lên ca ngợi cuộc chiến đấu thần kỳ của Sài Gòn, thành phố anh hùng của tổ quốc ta... Mỗi trận đánh trong dịp Tết Mậu Thân ở Sài Gòn - Gia Định đầu năm 1968 là thiên sử treo gương cho đời sau. Nhân*

dân sẽ nhắc mãi tiểu đội anh hùng đã đánh chiếm Sứ quán Mỹ, đội dũng sĩ đánh Đài phát thanh Sài Gòn...".

Ngoài nước:

* Tờ tin hàng ngày Washington số ra chiều 31.8.68 viết : "*Các cuộc tiến công ồ ạt, táo bạo của cộng sản ngày 31.1.68 vào Sài Gòn, 8 tỉnh lỵ và 30 thị trấn nhỏ hơn là một điều đáng kinh ngạc. Cảnh sát quân sự Mỹ đã phải đổ bộ bằng máy bay lên thẳng xuống nóc nhà sứ quán Mỹ ở Sài Gòn trong khói đạn để giành lại ngôi nhà được coi là "chống du kích" nhưng lại bị cộng sản chiếm trong 6 giờ liền. Chỉ riêng cảnh tượng đó cũng đủ để buộc chính phủ Giônxơn dẹp đi những nhận định lạc quan của mình, coi là không có giá trị "..." Dân chúng Mỹ choáng váng, không khí Washington ảm đạm. Tổng thống vừa đau tim, vừa đau đầu, sự sửng sốt ngày đầu chuyển sang rã rời, tuyệt vọng...*".

* Tờ Thời báo New York ra ngày 1-2-1968 nhận xét: "*Cuộc tiến công của đối phương đột nhập cả vào Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn cho thấy thêm những bằng chứng đau xót về sức mạnh có hạn của Mỹ ở châu Á. Bằng những cuộc tiến công táo bạo vào các thành phố chính ở miền Nam Việt Nam và sự tập trung quân ở Khe Sanh, cộng sản đã làm tiêu tan niềm lạc quan bao trùm lên Washington và Sài Gòn trong mấy tháng qua. Rõ ràng đây không phải là hành động của một*

đối thủ đang yếu dần như các nhà quân sự Mỹ khẳng định hồi tháng 11 năm 1967"...

* Robert Sheller, tác giả một cuốn sách về chiến tranh Việt Nam, kể lại: "*Một cảm giác thất vọng và âu sầu bao trùm Hoa Thịnh Đốn. Chính phủ bị xúc động... Ngay cả ông Rusk (Bộ trưởng ngoại giao Mỹ) thường không nao núng, cũng tỏ ra bị sức ép đè nén đến căng thẳng... Trong tuyệt vọng, Wesmoreland đề xuất khả năng dùng vũ khí hạt nhân chiến thuật...*"

* Mi-sen Mac-lina tác giả cuốn sách : Việt Nam - cuộc chiến tranh mười ngàn ngày, viết : "*Chiến tranh Việt Nam có nhiều bất ngờ, nhưng không có bất ngờ nào làm cho người ta phải sửng sốt nhiều như trận tấn công Tết, đặc biệt là nó diễn ra ngay trong sứ quán Mỹ ở Sài Gòn. Nó đã khiến một số người phải ra đi. Đó là bộ trưởng Mác Na-ma-ra, tướng Oét-mô-len và chính tổng thống Giôn-xơn nữa*".

* Báo Pháp "Thế giới" ngày 1.2.68: "*Người Mỹ đã từng khẳng định dân chúng Nam Việt Nam cam chịu hơn là ủng hộ Mặt trận dân tộc giải phóng. Giờ đây liệu họ còn có thể nêu lên những lý do kiểu ấy nữa không, sau khi đã xảy ra một cuộc biểu dương đáng khâm phục về sức mạnh và lòng dũng cảm của Việt cộng như vậy?*".

* Báo "Chiến đấu" (Pháp) ngày 1.2.68: "*Điều hiển nhiên là người Mỹ đã thua đứt về mặt chính trị trong*

cuộc chiến tranh này rồi. Những gì xẩy ra ở Sài Gòn đủ cho thấy Mặt trận dân tộc giải phóng đã nắm được các tầng lớp dân chúng ở Nam Việt Nam trong mức độ lớn biết dường nào!".

* Báo Pháp Le nouvel Observateur ngày 8/2/68: Cuộc tiến công của quân giải phóng đã chỉ cho chế độ tay sai Nam Việt Nam thấy rằng "*quân Mỹ không con thể bảo vệ họ được nữa*". Cuộc tiến công này còn là "*một thách thức đối với một đế quốc mạnh nhất ngay trong tận sào huyệt mạnh tiêu biểu nhất của nó*".

* Báo Bưu điện Hoa Nam tại Hồng Kông ngày 2.2.68 "*Tấn bi kịch đối với Mỹ và Nam Việt Nam không phải là sự phô bày suy yếu của họ ở những vùng có vẻ họ như mạnh nhất. Có lẽ viễn ảnh đáng chán nhất là thêm nhiều người Mỹ trong giới cao cấp sẽ ngày càng đi đến kết luận là không những Mỹ không thể thắng được trong cuộc chiến tranh này mà Mỹ cũng không thu được gì, nhiều hơn trong việc tiếp tục chiến tranh*".

* Báo Pháp Humanité đăng xã luận ngày 9.2.68 "*Trái với những dối trá của bộ máy tuyên truyền Mỹ, chính là nhân dân các thành thị và nông thôn miền Nam Việt Nam đã nổi dậy. Không ai có thể phủ nhận sự bất lực của chính quyền Sài Gòn, và sự đổ vỡ của bộ máy hành chính của họ. Sự tan rã của quân đội với việc nhiều đơn vị nguyên vẹn đã chạy sang hàng*

ngũ các lực lượng nhân dân ở Huế, ở Sóc Trăng cũng như nhiều nơi khác".

* Hãng tin Mỹ UPI ngày 2-2-68: "*Thượng nghị sĩ Stephen Young nói: Chính phủ Sài Gòn đã hoàn toàn mất tín nhiệm với nhân dân. Quân đội Nam Việt Nam đã không còn đánh chác gì được nữa*".

* Hãng Reuter ngày 2-2-68: "*Cuộc chiến tranh không thể thắng của Mỹ, nay đã bị xem là cuộc chiến tranh có thể thua...*"

* Hãng USIS ngày 1-3-68: "*Thêm quân, thêm hỏa lực, tăng đánh đấm cũng không giành được gì hết. Đối với người tham chiến (Mỹ, ngụy và chư hầu), chỉ có thêm những cái để thua*".

* Báo Washington Post 10-2-68: "*Chúng ta (Mỹ) đã bị một nước chỉ bé bằng bang Washington kìm chân. Trên thực tế, điều đó có nghĩa là thất bại...*".

* Don Oberdepher trong tập ký tựa đề "TẾT" nói về trận đánh sứ quán Mỹ: "*Một trận đánh nhỏ về số người tham gia nhưng náo động cả nước Mỹ, tác động vào niềm tin, suy nghĩ của hàng triệu người Mỹ và tương lai của giới lãnh đạo nước Mỹ...*".

* Tài liệu huấn luyện của Học viện lục quân Mỹ: "*Điều cần biết đầu tiên về cuộc tiến công Tết Mậu Thân của Tướng Giáp là Tình báo Đồng Minh đã bị bất ngờ không khác gì trong trận Trân Châu Cảng năm 1941 hoặc trận tấn công Ardennes năm 1944. Bắc*

Việt Nam đã tạo được bất ngờ hoàn toàn". Nhóm nghiên cứu giúp Ủy ban tư vấn Tình báo nước ngoài đến Sài Gòn điều tra từ 16 đến 23-3-68 theo chỉ thị của Tổng thống Mỹ Johnson, báo cáo: "*Mục đích thứ hai của cuộc tấn công Tết có thể nhằm vào tâm lý, làm cho Hoa Kỳ nản chí, làm dân chúng Nam Việt Nam mất lòng tin vào sự bảo vệ của chính phủ Hoa Kỳ*". Westmoreland báo cáo: "*Cuộc tấn công đã làm tăng thêm lo ngại và sự kính nể với các khả năng của cộng sản, làm người Mỹ càng thêm chán ngán chiến tranh... Phải nhìn nhận là địch đã giáng cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa một đòn choáng váng*".

* Và đây là ý kiến của Maxwell P. Taylor "chiến lược gia số 1" của Mỹ, người đã từng sang miền Nam Việt Nam trực tiếp điều khiển cuộc chiến tranh xâm lược: "*Chúng ta phải thừa nhận rằng đối phương đã có một cuộc biểu dương sức mạnh đẹp mắt. Trong nhiều năm, tôi vẫn thường phân vân không hiểu sao cả Việt Cộng và Bắc Việt Nam đều không bao giờ tiến công chúng tôi, đồng thời ở nhiều nơi, đặc biệt trong những năm đầu, khi chúng tôi còn ít lực lượng dự bị cơ động*"... "*Do tính bất ngờ và quy mô rộng lớn của cuộc tiến công, lại được những phương tiện thông tin liên lạc hiện đại lan truyền, cuộc tổng tiến công Tết đã trở thành một sự việc quan trọng nhất, lớn nhất ở nước Mỹ và ở khắp thế giới, để lại một dấu ấn sâu sắc và*

làm người ta bất ngờ, kinh ngạc, thật sự choáng váng hơn bất kỳ việc gì người ta nghĩ, trước tài năng, quyết tâm và sức mạnh của Cộng sản, trong chốc lát đã làm rung chuyển và đảo lộn Miền Nam Việt Nam".

Mục lục

Ý kiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp 7
Lời giới thiệu 11
Vài lời tâm sự 15

Chương I: Những bước khởi đầu 17
Chương II: Ba cách đánh tiêu biểu 77
Chương III: Mậu Thân 1968 131
Chương IV: Ba mươi năm đôi điều suy ngẫm 232

PHỤ LỤC

I. Danh sách các chiến sĩ biệt động tham gia Mậu Thân 253
II. Chú thích 263
III. Âm vang những trận đánh của biệt động Sài Gòn 274

BIỆT ĐỘNG SÀI GÒN

NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
LÊ HOÀNG
Biên tập
CÚC HƯƠNG
Bìa & trình bày
TRÍ ĐỨC
Sửa bản in
PHƯƠNG CHI

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161B, Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. HCM

In 1000 cuốn, khổ 14 x 20 cm. Tại Xí nghiệp In Gia Định, số 9D Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh - ĐT: 8412644. Số đăng ký KHXB 1133/218. Do Cục Xuất bản cấp ngày 27.9.2000 và giấy trích ngang KHXB số 344/2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2001.

...Lịch sử đất nước và thành phố mãi mãi ghi công các chiến sĩ Biệt động, với súng AK, B.40 và bộc phá đã đánh vào sứ quán Mỹ, dinh Độc Lập, Bộ Tổng tham mưu và hàng chục vị trí then chốt khác của Mỹ ngụy.

Võ Trần Chí
Nguyên ủy viên Bộ Chính trị
Trung ương Đảng, nguyên Bí thư
Thành ủy thành phố.

Bài ca Biệt động Thành

Nhạc và lời : Lưu Cầu

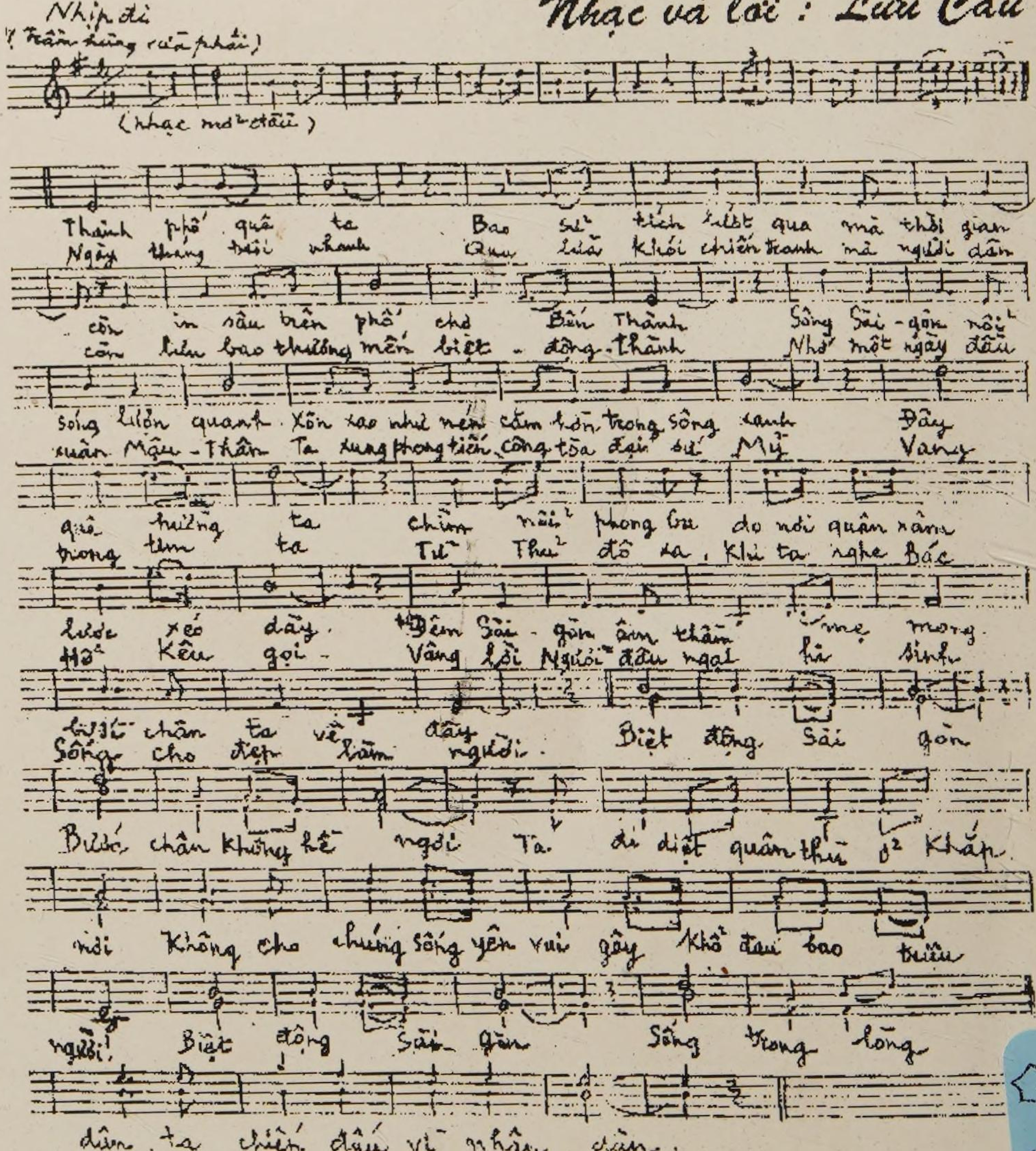
Nhịp đi
(Trầm hùng vừa phải)
(nhạc mở đầu)
Thành phố quê ta Bao sử tích ghi qua mà thời gian
Ngày tháng trôi nhanh Qua lửa khói chiến tranh mà người dân
còn in sâu trên phố chợ Bến Thành Sông Sài-gòn nối
còn hiểu bao thương mến biệt-động-thành Nhớ một ngày đầu
sóng luồn quanh Xôn xao như nén căm hờn trong sông xanh Đây
xuân Mậu-Thân Ta xung phong tiến công tòa đại sứ Mỹ Vang
quê hương ta chìm nổi phong ba do nơi quân xâm
trong tim ta Từ Thủ đô xa, Khi ta nghe Bác
lược xéo dày. Đêm Sài-gòn âm thầm mẹ mong
Hồ Kêu gọi - Vâng lời Người đâu ngại hi sinh
bước chân ta về đây
Sống cho đẹp làm người. Biệt động Sài gòn
Bước chân không hề ngơi Ta đi diệt quân thù ở khắp
nơi Không cho chúng sống yên vui gây khổ đau bao triệu
người! Biệt động Sài gòn Sống trong lòng
dân ta chiến đấu vì nhân dân.

Giá: 24.000đ

S0-DDQ-932